

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**



**Việt Nam: Dự án Hiện đại hoá ngành Lâm nghiệp và Tăng cường tính chống chịu vùng ven biển**

**KHUNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI**

*(Dự thảo)*

**Tháng 1/2017**

## CÁC TỪ VIẾT TẮT

CPC	Ủy ban Nhân dân xã
CSC	Tư vấn giám sát công trình
CFB	Ban Lâm nghiệp xã
CFM	Quản lý rừng cộng đồng
CSO	Tổ chức Xã hội Dân sự
DARD	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
DONRE	Phòng Tài nguyên Môi trường huyện
DPC	Ủy ban Nhân dân huyện
EA	Đánh giá Môi trường
ECOP	Thực hành Mã Môi trường
EHS	Hướng dẫn An toàn, Sức khỏe và Môi trường
EIA	Đánh giá tác động môi trường
EM	Dân tộc thiểu số
EMC	Tư vấn Giám sát môi trường
EMDP	Kế hoạch Phát triển dân tộc thiểu số
EMPF	Khung Chính sách Dân tộc thiểu số
EPP	Kế hoạch Bảo vệ Môi trường
ESIA	Đánh giá tác động Môi trường và Xã hội
ESMP	Kế hoạch Quản lý Môi trường và Xã hội
ESMF	Khung Quản lý Môi trường và Xã hội
ESO	Cán bộ chính sách An toàn Môi trường và Xã hội
FCPF	Quỹ Đối tác Các bon Rừng
FMCR	Dự án Hiện đại hoá ngành Lâm nghiệp và Tăng cường tính chống chịu vùng ven biển
FPIC	Tham vấn tự do, tham vấn trước và tham vấn có thông tin
FSC	Hội đồng Quản lý rừng
GOV	Chính phủ Việt Nam
GRM	Cơ chế giải quyết khiếu nại
GRS	Các dịch vụ giải quyết khiếu nại
HH	Hộ gia đình
IEMC	Tư vấn Giám sát Môi trường độc lập
IMC	Tư vấn Giám sát độc lập
IPM	Quản lý sinh vật gây hại tích hợp
ISP	Quy hoạch không gian tổng hợp
MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
MBFP	Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp
MONRE	Bộ Tài nguyên và Môi trường
OP/BP	Chính sách hoạt động /Thủ tục kinh doanh (của Ngân hàng thế giới)
PAP/PAH	Người bị ảnh hưởng/Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án
PBFP	Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp tỉnh
PCR	Tài nguyên văn hoá vật thể
PF	Khung quy trình
PFES	Thanh toán dịch vụ hệ sinh thái rừng
PFMB	Ban quản lý rừng phòng hộ
PMU	Ban Quản lý dự án
PMF	Khung Quản lý sinh vật gây hại
PIM	Sổ tay thực hiện dự án

PMP	Kế hoạch Quản lý sinh vật gây hại
PPMU	Ban Quản lý dự án tỉnh
PPD	Chi cục Kiểm lâm
PPPD	Chi cục kiểm lâm tỉnh
PPC	Ủy ban Nhân dân tỉnh
PSC	Ban Điều hành dự án
PPSC	Ban Điều hành dự án tỉnh
RAP	Kế hoạch hành động Tái định cư
RPF	Khung Chính sách Tái định cư
SA	Đánh giá Xã hội
SESA	Đánh giá chiến lược môi trường và xã hội
SFM	Quản lý rừng bền vững
SEO	Cán bộ Chính sách an toàn và Môi trường
SMEs	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
SPO	Chủ tiêu dự án
SUF	Rừng đặc dụng
SUFMB	Ban quản lý rừng đặc dụng
UXO	Vật chưa nổ
VDIC	Trung tâm Công bố thông tin Việt Nam
WB/IDA	Ngân hàng thế giới

## Mục lục

<b>1. GIỚI THIỆU.....</b>	<b>5</b>
1.1 TỔNG QUAN VỀ DỰ ÁN .....	5
1.2 MỤC ĐÍCH CỦA ESMF .....	5
1.3 PHẠM VI CỦA ESMF.....	6
<b>2. MÔ TẢ DỰ ÁN.....</b>	<b>7</b>
2.1 MỤC TIÊU DỰ ÁN VÀ CÁC CHỈ SỐ KẾT QUẢ.....	7
2.2 KHU VỰC MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN VÀ MÔ TẢ .....	7
2.3 CÁC HỢP PHẦN DỰ ÁN .....	9
2.4 CÁC HOẠT ĐỘNG DỰ KIẾN CỦA DỰ ÁN .....	14
2.5 CÁC SẮP XẾP THỰC HIỆN DỰ ÁN .....	14
<b>3. KHUNG CHÍNH SÁCH, PHÁP LÝ VÀ QUẢN TRỊ.....</b>	<b>17</b>
3.1 CÁC LUẬT, CHÍNH SÁCH VÀ QUY ĐỊNH ĐƯỢC ÁP DỤNG .....	17
3.2 CÁC CHÍNH SÁCH ĐẢM BẢO AN TOÀN CỦA NHTG ĐƯỢC NHTG ÁP DỤNG .....	20
3.3 CÁC BIỆN PHÁP PHÂN TÍCH VÀ LẤP ĐẦY KHOẢNG TRỐNG.....	25
<b>4. TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI TIỀM NĂNG CỦA DỰ ÁN .....</b>	<b>33</b>
<b>5. GIẢI PHÁP QUẢN LÝ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>40</b>
<b>6. THỦ TỤC RÀ SOÁT, PHÊ DUYỆT, VÀ THỰC HIỆN CÁC CÔNG CỤ AN TOÀN CỦA TIỂU DỰ ÁN .....</b>	<b>49</b>
6.1 MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN .....	49
6.2 BƯỚC 1: SÀNG LỌC AN TOÀN VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG .....	51
6.3 BƯỚC 2: PHÁT TRIỂN CÁC TÀI LIỆU AN TOÀN.....	51
6.4 BƯỚC 3: RÀ SOÁT, PHÊ DUYỆT VÀ CÔNG BỐ CÁC TÀI LIỆU AN TOÀN .....	51
6.5 BƯỚC 4: THỰC HIỆN, GIÁM SÁT, THEO DÕI VÀ BÁO CÁO .....	52
<b>7. SỰ SẮP XẾP THỰC HIỆN .....</b>	<b>52</b>
7.1 TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN ESMF .....	52
7.2 BÁO CÁO SẮP XẾP .....	53
7.3 LỒNG GHÉP KHUNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI VÀO TRONG SỔ TAY THỰC HIỆN DỰ ÁN .....	53
<b>8. NÂNG CAO NĂNG LỰC, ĐÀO TẠO, VÀ HỖ TRỢ KỸ THUẬT .....</b>	<b>54</b>
8.1 ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CỦA TỔ CHỨC.....	54
8.2 ĐÀO TẠO VÀ HỖ TRỢ KỸ THUẬT .....	55
<b>9. NGÂN SÁCH THỰC HIỆN KHUNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI.....</b>	<b>56</b>
<b>10. CƠ CHẾ KHIẾU NẠI VÀ BỒI THƯỜNG .....</b>	<b>57</b>
10.1 CƠ CHẾ KHIẾU NẠI VÀ BỒI THƯỜNG CHO TIỂU DỰ ÁN (GRM) .....	57
10.2 DỊCH VỤ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI CỦA WB (GRS) .....	58
<b>11. THAM VẤN VÀ CÔNG BỐ KHUNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI .....</b>	<b>58</b>
11.1 THAM VẤN CỘNG ĐỒNG.....	58
11.2 CÔNG BỐ CÔNG KHAI.....	59

## 1. GIỚI THIỆU

### 1.1 Tổng quan về dự án

1. Tính dễ bị tổn thương của Việt Nam đối với biến đổi khí hậu từ nước biển dâng và các cơn bão nhấn mạnh tầm quan trọng quốc gia ưu tiên các biện pháp để điều chỉnh/tăng cường tính chống chịu để ứng phó với biến đổi khí hậu. Ở Việt Nam, rừng là một phương tiện để cung cấp các giải pháp thích ứng 'đa năng' và rừng ven biển được coi là hệ sinh thái có thể cung cấp cả lợi ích thích ứng và kinh tế khi chúng được lập kế hoạch bảo vệ tốt. Đối với các hộ gia đình nghèo ở một số xã ven biển dễ bị tổn thương, rừng ven biển trưởng thành có thể làm giảm tiếp xúc với các rủi ro khí hậu và giảm tổn thương của họ bằng cách cung cấp cho họ một phương tiện tạo ra thu nhập. Đồng thời, rừng ven biển có thể là một phần của các biện pháp chi phí thấp để giúp ứng phó với biến đổi khí hậu - như đập tràn khẩn cấp, trồng và phục hồi rừng ở các lưu vực sông và dọc theo bờ biển. Chúng cung cấp một biện pháp cơ sở hạ tầng phi vật chất mà có thể được sử dụng cho mục đích phòng ngừa.

2. Chính phủ Việt Nam thông qua Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN & PTNT) đã và đang chuẩn bị một dự án đầu tư, có tên là Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và Tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCRP), với mục tiêu cải thiện quản lý rừng ven biển trong các tỉnh được lựa chọn. Dự án sẽ được thực hiện tại các xã trong tám tỉnh - Quảng Trị, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Quảng Ninh và Hải Phòng. Hai tỉnh cuối là ở đồng bằng sông Hồng (ĐBSH); sáu tỉnh đầu tiên là các tỉnh ven biển trong khu vực Bắc Trung Bộ. Các tỉnh này có khoảng 400km bờ biển (12% tổng chiều dài bờ biển của Việt Nam).

3. Dự án khắc phục ba yếu tố trung tâm để khôi phục thành công rừng ven biển cả trong và sau thời gian thực hiện dự án: (i) tạo điều kiện để duy trì các yếu tố đầu vào cần thiết và tài chính để phục hồi rừng ven biển có thể giúp giảm sự tiếp xúc với sóng do bão và nước biển dâng, (ii) các thực hành và công trình lâm sinh cần mở rộng và quản lý rừng ven biển và làm tăng tỷ lệ sống của rừng, và (iii) cải thiện các cơ sở kinh tế để bảo vệ và duy trì rừng ven biển.

4. Dự án được đề xuất tài trợ từ Ngân hàng Thế giới (WB) trong khoảng thời gian 6 năm (2018-2024) với tổng vốn đầu tư là 180 triệu USD (trong đó có 150 triệu USD vốn IDA và 30.000.000 USD vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam). MARD và Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Dự án. Bộ NN & PTNT sẽ giao cho Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp (MBFP) là chủ sở hữu dự án ở cấp trung ương và có trách nhiệm trong việc cung cấp hỗ trợ và quản lý tổng thể việc thực hiện dự án. UBND các tỉnh sẽ giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ sở hữu các tiểu dự án và chịu trách nhiệm thực hiện các tiểu dự án và/hoặc các hoạt động ở cấp tỉnh. Các hợp phần và mô tả dự án được trình bày trong Phần 2.

### 1.2 Mục đích của ESMF

5. Dự án đề xuất áp dụng cách tiếp cận theo chương trình bao gồm các tiểu dự án và các hoạt động đầu tư khác sẽ được xây dựng trong quá trình triển khai, và vị trí các tiểu dự án cụ thể không thể được xác định trong quá trình thẩm định. Để tuân thủ Chính sách hoạt động về đánh giá môi trường của Ngân hàng Thế giới (OP/BP 4.01), việc chuẩn bị và công bố một Khung quản lý xã hội và Môi trường (ESMF) là bắt buộc trước khi WB thẩm định dự án. Điều này là để đảm bảo rằng dự án được đề xuất có một kế hoạch và quá trình rõ ràng để tránh, tối thiểu, và/hoặc giảm thiểu tác

động xấu đến môi trường và xã hội từ các khoản đầu tư và can thiệp của dự án khi chúng được xác định, lên kế hoạch và thực hiện.

6. FMCRP được phân loại theo OP/BP 4.01 là Hạng mục đánh giá môi trường loại B và phải tuân thủ bảy trong mười chính sách an toàn của WB (xem Mục 3). Tất cả các tiểu dự án và/hoặc các hoạt động sẽ được yêu cầu sàng lọc cho đủ điều kiện tài chính và các tác động tiêu cực tiềm năng và một Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (ESMP) sẽ được chuẩn bị để giảm thiểu chúng bao gồm cả ứng dụng của Thực hành mã môi trường (ECOP) trong tất cả các hợp đồng (xem Phần III). Các ESMF mô tả các chính sách, thủ tục và quy trình để được xem xét và tuân thủ trong quá trình thực hiện dự án.

7. Các mục tiêu cụ thể của ESMF này là:

- Đánh giá các tác động môi trường và xã hội của dự án, (cả tích cực hay tiêu cực) và đề xuất các biện pháp giảm nhẹ để giải quyết hiệu quả những tác động tiêu cực;
- Thiết lập quy trình rõ ràng cho việc lập kế hoạch môi trường và xã hội, xem xét, phê duyệt và triển khai thực hiện các tiểu dự án được tài trợ theo dự án;
- Xác định vai trò và trách nhiệm thích hợp, và phác thảo các thủ tục báo cáo cần thiết, để quản lý và giám sát các vấn đề môi trường và xã hội liên quan đến các tiểu dự án;
- Xác định đào tạo, xây dựng năng lực và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết để thực hiện thành công các quy định của ESMF;
- Giải quyết cơ chế tham vấn cộng đồng và công khai các tài liệu dự án cũng như giải quyết những khiếu nại (nếu có); và
- Thiết lập nguồn tài chính dự án cần thiết cho việc thực hiện ESMF.

### 1.3 Phạm vi của ESMF

8. Theo *Chú ý Hướng dẫn kỹ thuật trong nước của Việt Nam: bộ công cụ quản lý môi trường và xã hội cho các dự án do WB tài trợ tại Việt Nam (tháng 2 năm 2015)*, ESMF sẽ trình bày mô tả dự án (Phần 2); các chính sách, luật pháp, và khuôn khổ hành chính (Phần 3); các tác động môi trường và xã hội tiềm năng của dự án (Phần 4); các biện pháp để quản lý các tác động môi trường và xã hội này (Phần 5); các thủ tục để xem xét, giải phóng mặt bằng, và thực hiện (Phần 6); tổ chức thực hiện ESMF (Phần 7); xây dựng năng lực, đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật (Phần 8); ngân sách thực hiện ESMF (Phần 9); khiếu nại và cơ chế giải quyết (Phần 10); và tham vấn và công bố thông tin ESMF (Phần 11). Có 7 phụ lục cung cấp thông tin tóm tắt về địa điểm dự án và các điều kiện môi trường và xã hội của khu vực dự án (Phụ lục 1); Sàng lọc an toàn, đánh giá và hướng dẫn chuẩn bị ESMP và ECOP (Phụ lục 2, 3, và 4); giám sát ESMP và đăng ký khiếu nại (Phụ lục 5), chịu trách nhiệm tổ chức (Phụ lục 6); và tóm tắt tham vấn được tiến hành trong quá trình chuẩn bị ESMF (Phụ lục 7).

9. ESMF được xây dựng dựa trên các ý kiến sẵn có của pháp luật có liên quan của Chính phủ và các quy định, báo cáo và tài liệu liên quan đến điều kiện môi trường và xã hội tại các tỉnh đề xuất, và các chuyến thực địa đến một số vị trí các tiểu dự án đề xuất, bao gồm các cuộc họp với chính quyền địa phương và cộng đồng.

10. Ngoài các ESMF, có hai công cụ bảo vệ khác có liên quan sẽ được áp dụng trong quá trình thực hiện dự án được đề xuất. *Đầu tiên* là khung chính sách tái định cư (RPF) sẽ cung cấp hướng dẫn chuẩn bị và thực hiện một kế hoạch hành động tái định cư (RAP) phù hợp với các chính sách của Ngân hàng về tái định cư không tự nguyện (OP/BP 4.12) và sẽ được áp dụng khi tiểu dự án và/hoặc các hoạt động liên quan đến thu hồi đất, tái định cư, và/hoặc tiếp cận giới hạn đến tài

nguyên thiên nhiên. Công cụ thứ hai là *Khung chính sách dân tộc thiểu số (EMPF)* sẽ cung cấp hướng dẫn cho việc thực hiện *tham vấn tự do, tham vấn trước và tham vấn có thông tin* với người dân tộc thiểu số trong khu vực dự án và chuẩn bị các Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP) phù hợp với chính sách của Ngân hàng về các dân tộc thiểu số (OP/BP 4.10). EMPF sẽ được áp dụng khi các tiểu dự án và/hoặc các hoạt động và/hoặc tiểu dự án được thực hiện trong khu vực sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số mà đáp ứng các định nghĩa của OP/BP 4.10. Việc kiểm tra an toàn và chuẩn bị ESMPs, RAP và EMDP cho các tiểu dự án sẽ được tiến hành trong quá trình thực hiện. Các công cụ này phải được trình bày riêng.

## 2. MÔ TẢ DỰ ÁN

### 2.1 Mục tiêu dự án và các chỉ số kết quả

11. Mục tiêu phát triển của dự án (PDO) là *cải thiện quản lý rừng ven biển ở các tỉnh được lựa chọn*. Kết quả này sẽ được đo lường từ 3 chỉ số kết quả sau đây:

- Diện tích rừng ven biển được trồng mới/bổ sung và quản lý theo tiêu chuẩn đã thống nhất;
- Diện tích được quản lý theo các thỏa thuận/hợp đồng ký kết với các nhóm cộng đồng địa phương để quản lý rừng ven biển; và
- Đánh giá của đối tượng hưởng lợi mục tiêu với mức "đạt yêu cầu" hoặc cao hơn cho các hoạt động dự án, phân chia theo giới tính.

### 2.2 Khu vực mục tiêu của dự án và Mô tả

12. Dự án sẽ được thực hiện trong ba khu vực, bao gồm hai tỉnh ở đồng bằng sông Hồng (Quảng Ninh và Hải Phòng), ba tỉnh vùng Bắc Duyên Hải (Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh), và ba tỉnh khu vực duyên hải miền Trung (Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế). Các tỉnh này có khoảng 400 km đường bờ biển (chiếm 12 % tổng chiều dài bờ biển của Việt Nam) và rất quan trọng cho sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam, là quê hương của một số dân nghèo, và được coi là dễ bị tổn thương nhất đối với các sự kiện khí hậu. Do đó việc xây dựng các hệ thống sinh thái tự nhiên và xây dựng năng lực của cộng đồng địa phương được coi là cần thiết để giảm sự tiếp xúc của các cộng đồng ven biển với lũ lụt và các thảm họa thiên nhiên khác. Các khu vực dự án được tóm tắt ngắn gọn dưới đây. Mô tả và đặc điểm chính của từng tỉnh được cung cấp ngắn gọn trong [Phụ lục 1](#).

- *Khu vực 1 (KV1): Bao gồm tỉnh Quảng Ninh và Thành phố Hải Phòng.* Khu vực này rừng phòng hộ ven biển chủ yếu là rừng ngập mặn. Địa hình đồi núi và đảo đóng vai trò chủ đạo và vì thế RNM phát triển trên nền đất đá ít được cung cấp chất dinh dưỡng từ hệ thống sông ngòi nội lục. Chế độ khí hậu nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh, sự hạ thấp của nhiệt độ trong mùa đông đóng vai trò quan trọng trong vấn đề hạn chế sự sinh trưởng và mức độ phong phú của loài cây ngập mặn. Quần xã cây ngập mặn có sinh khối thường có diện phân bố nhỏ, hẹp, không liên tục ở dọc ven bờ từ Móng Cái đến Tiên Yên (Quảng Ninh), Thủy Nguyên (Hải Phòng) và trên một số các đảo như Cát Bà, Quan Lạn.. Cây ngập mặn ở đây chủ yếu là *mắm trắng, sú, đâng, vẹt dù, tra, giá, vạng,...*
- *Khu vực 2 (KV2): Phía Bắc của Bắc Trung bộ, bao gồm các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.* Địa hình bờ biển gồm các cung lõm bồi tụ ngắn xen kẽ với các mũi nhỏ hoặc các đoạn bờ đá dốc chịu xâm thực, xói mòn do tác động của sóng. Mạng lưới sông suối khá dày (1 km/km<sup>2</sup>),

các sông ngắn và dốc. Lưu lượng dòng chảy mùa mưa gấp 3-4 lần mùa khô. Nhân tố khí hậu, thủy văn tác động đến rừng ven biển là gió và sóng. Thảm thực vật nước lợ phân bố ở phía trong cách cửa sông 100 - 300 m. Cây ngập mặn ở đây chủ yếu là đưng, vẹt dù, mắm, trang, sú, giá, tra, dừa dại, vạng hôi,... phân bố ở sát bờ biển có các cồn cát phi lao.

- *Khu vực 3 (KV3): Bao gồm các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế*, là một dải đất hẹp địa hình phức tạp, có chỗ núi ăn ra sát biển, có chỗ tác động của biển khá nổi bật, tạo nên các cồn cát di động cao rộng hoặc các vụng, phá. Hệ thống sông ngòi ngắn và dốc, lượng phù sa ít. Lượng mưa khá lớn (> 2.500 mm/năm), chịu tác động mạnh của gió và bão. Thảm thực vật rừng ven biển chủ yếu là *rừng phi lao*, keo trên các cồn cát và cây ngập mặn ở các bãi triều cửa sông. Rừng ngập mặn cửa sông chủ yếu là *đưng, vẹt dù, vẹt khang, dưới tán có trang, sú, ô rô*. Ở vùng đất ngập triều cao có *giá, tra, tra lâm vồ, mớp sát, vạng hôi*. Ở các đầm phá thảm thực vật ngập mặn có thành phần loài khá phong phú: *bần chua, sú, đưng, vẹt dù, trang, ô rô*, ngoài ra còn có một số loài chịu mặn cao hơn như *đưng, mắm trắng, bần ổi*.

16. *Các vị trí tiểu dự án tiềm năng*: Trong quá trình nghiên cứu tiền khả thi, việc thu thập và khảo sát dữ liệu đã được tiến hành và các vị trí tiểu dự án tiềm năng đã được xác định<sup>1</sup> và các xã/huyện dự án mục tiêu được thể hiện trong [Bảng 1.1](#) dưới đây.

---

<sup>1</sup> Các tiêu chí lựa chọn được sử dụng là quyền sở hữu rừng, mức độ tiếp giáp về địa lý, địa điểm của khu vực dự án, diện tích lâm nghiệp mục tiêu ở các xã khó khăn, những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi thiên tai, tầm quan trọng của rừng phòng hộ, và tiếp cận vào khu vực tiểu dự án



Bảng 1.1. Kết quả đánh giá của các vùng mục tiêu

Vùng	TT	Tỉnh/thành phố	Kết quả đánh giá
KV1	1	Quảng Ninh	<b>Có 45 xã vùng dự án với diện tích là 24.434 ha, trong đó:</b> - Diện tích vùng dự án do UBND xã quản lý là 51,1% - Diện tích do Ban quản lý RPH quản lý là 38,0% - Các hộ gia đình và tổ chức khác quản lý là 10,9%
KV1	2	Hải Phòng	<b>Có 13 xã vùng dự án với diện tích là 5.325 ha, trong đó:</b> - Diện tích vùng dự án do UBND xã quản lý là 93,0% - Diện tích do Ban quản lý RĐD quản lý là 6,0% - Các hộ gia đình quản lý là 1,1%
KV2	3	Thanh Hóa	<b>Có 27 xã vùng dự án với diện tích là 3.272 ha, trong đó:</b> - Diện tích vùng dự án do UBND xã quản lý là 45,7% - Diện tích do Ban quản lý RPH quản lý là 36,5% - Các hộ gia đình, cộng đồng và tổ chức khác quản lý là 17,8%
KV2	4	Nghệ An	<b>Có 38 xã vùng dự án với diện tích là 6.991 ha, trong đó:</b> - Diện tích vùng dự án do UBND xã quản lý là 17,4% - Diện tích do Ban quản lý RPH quản lý là 69,7% - Các hộ gia đình, cộng đồng và tổ chức khác quản lý là 12,8%
KV2	5	Hà Tĩnh	<b>Có 46 xã vùng dự án với diện tích là 8.861 ha, trong đó:</b> - Diện tích vùng dự án do UBND xã quản lý là 16,3% - Diện tích do Ban quản lý RPH quản lý là 68,9% - Các hộ gia đình, cộng đồng quản lý là 14,8%
KV3	6	Quảng Bình	Có 32 xã vùng dự án với diện tích là 4.236 ha, do UBND xã quản lý 100%.
KV3	7	Quảng Trị	<b>Có 25 xã vùng dự án với diện tích là 7.917 ha, trong đó:</b> - Diện tích vùng dự án do UBND xã quản lý là 97,9% - Các hộ gia đình, cộng đồng và tổ chức khác quản lý là 2,1%
KV3	8	Thừa Thiên Huế	<b>Có 32 xã vùng dự án với diện tích là 11.376 ha, trong đó:</b> - Diện tích vùng dự án do UBND xã quản lý là 23,0% - Diện tích do Ban quản lý RPH quản lý là 64,4% - Các hộ gia đình, cộng đồng và tổ chức khác quản lý là 12,6%
<i>Nguồn: Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của dự án FMCR, Phân viện Điều tra quy hoạch rừng-FIPI, 2016</i>			

### 2.3 Các hợp phần dự án

13. Các hoạt động dự án sẽ được thực hiện thông qua 4 hợp phần sau đây (3 hợp phần kỹ thuật và một hợp phần quản lý dự án). Tóm tắt các hợp phần được trình bày trong các đoạn dưới đây.

#### **Hợp phần 1: Quản lý hiệu quả rừng ven biển (vốn vay IDA: 3 triệu USD, vốn đối ứng: 2 triệu USD)**

14. Hợp phần này sẽ hỗ trợ việc xây dựng và thực hiện thí điểm các thủ tục và công cụ cần thiết để tác động đến việc quản lý rừng ven biển tốt hơn. Một đánh giá nhanh các điều kiện để phục hồi rừng ven biển đang xảy ra đã xác định tầm quan trọng của việc tiếp cận cây giống, cải tiến trong quy hoạch tổng hợp và cơ chế giao rừng, và vận hành chi trả dịch vụ môi trường rừng từ nuôi trồng thủy sản và hấp thụ carbon có ba khó khăn chính. Hợp phần này sẽ hỗ trợ: (i) kiểm tra các hướng dẫn và các ứng dụng của các công cụ để cải thiện quy hoạch tổng hợp không gian tài nguyên ven biển và việc thực thi nó; (ii) mở rộng của hệ thống cung cấp cây giống chất lượng cao thông qua các đơn vị trong khu vực, các vườn ươm hiện đại và đào tạo tiếp cận cộng đồng; và (iii)

một hệ thống tài chính dài hạn có thể được thử nghiệm và nhân rộng ra đến mức có thể. Ba tiểu hợp phần của hợp phần này được mô tả dưới đây

15. *Tiểu hợp phần 1.1. Nâng cao hiệu quả quy hoạch không gian vùng ven biển (0,73 triệu USD):* Tiểu hợp phần này sẽ kiểm tra việc chuẩn bị quy hoạch tổng hợp không gian (ISP) ở 2-3 địa điểm dự án. Nó sẽ hỗ trợ việc xem xét các cách tiếp cận hiện tại và cung cấp các khuyến nghị để tăng cường quá trình lập kế hoạch. Nó cũng sẽ xem xét những kinh nghiệm và thực tiễn tốt tại Việt Nam và các vùng khác trong khu vực. Các hoạt động sẽ bao gồm lập bản đồ và phân tích các dữ liệu/thông tin hiện có cho mục đích lập kế hoạch, phương pháp lập kế hoạch và phương pháp tiếp cận, và đưa vào thành một bộ hướng dẫn tổng thể cho các khu vực ven biển. Nó sẽ thúc đẩy việc sử dụng các năng lực và giải pháp công nghệ hiện có và sản xuất 'các hình ảnh trực quan để cho phép một đánh giá quan trọng của tình hình hiện nay và đề xuất các kiến nghị' và tiến hành tham vấn cộng đồng cần thiết. Mục đích là để tạo ra các kịch bản khác nhau để quy hoạch không gian tốt hơn và quản lý các nguồn lực cho tương lai. Những nỗ lực này cuối cùng sẽ dẫn đến đầu vào cho *Hướng dẫn và Thủ tục Quy hoạch tổng hợp không gian vùng ven biển*, để sử dụng và tham khảo, trong dài hạn. Tiểu hợp phần này sẽ tài trợ cho các khoản chi phí liên quan đến ISP tại các địa điểm được chọn, nâng cao nhận thức cộng đồng và sự tham gia của cộng đồng, và các hoạt động phổ biến tiếp theo bao gồm in ấn, đi lại và hội thảo.

16. *Tiểu hợp phần 1.2. Hỗ trợ cải thiện sản xuất giống thông qua các đơn vị trong vùng (2,1 triệu USD):* Tiểu hợp phần này sẽ tập trung đẩy mạnh sản xuất cây giống chất lượng cần thiết để phục hồi rừng ven biển. Các hoạt động sẽ giải quyết các yếu tố cần thiết để nâng cao chất lượng cây giống và hiệu quả vườn ươm và thành lập các đơn vị trình diễn có thể cung cấp cây giống chất lượng và dịch vụ nâng cao năng lực phục vụ chủ yếu cho các loài bản địa và tăng trưởng nhanh rất thích hợp để trồng rừng phòng hộ ven biển. Các hộ gia đình trong các nhóm cộng đồng được lựa chọn để nhận hỗ trợ thông qua hợp phần 3 và lựa chọn để đầu tư vào vườn ươm quy mô nhỏ sẽ được hưởng một số hỗ trợ nêu trên. Dựa trên phương pháp tiếp cận hiện đang được triển khai tại Nam Định và Thái Bình, các hộ gia đình trong hợp phần 3 mà lựa chọn đầu tư vào vườn ươm quy mô nhỏ và có thể được đào tạo về kỹ thuật ươm giống, với điều kiện hỗ trợ cung cấp cây giống cho các nỗ lực phục hồi rừng ven biển. Tiểu hợp phần này sẽ hỗ trợ một loạt các hoạt động, bao gồm: cải thiện sự hiểu biết của các ngành công nghiệp vườn ươm ở Việt Nam, phát triển các hướng dẫn thực hành tốt nhất về chất lượng cây giống và nâng cao hiệu quả vườn ươm, nâng cao nhận thức, đầu tư vào các hoạt động trình diễn và thành lập các trung tâm vườn ươm vùng, phát triển chương trình cây đầu dòng, đào tạo và công nhận, và hỗ trợ cho các vườn ươm quy mô nhỏ tiếp cận các thông tin mới và tiếp cận công nghệ tế bào gen (germplasm).

17. *Tiểu hợp phần 1.3: Valuing and Expanding Payments for Forest Ecosystem Services for Coastal Forests (US\$2.17M):* Định giá và mở rộng chi trả dịch vụ hệ sinh thái rừng cho rừng ven biển (2,17 triệu USD). Tiểu hợp phần này sẽ hỗ trợ mở rộng khả năng định giá ở mức độ trung và vào việc cung cấp và quản lý dịch vụ từ rừng ven biển. Nó sẽ bao gồm hỗ trợ xây dựng năng lực về: (i) áp dụng các phương pháp ước lượng vai trò và giá trị của môi trường sống tự nhiên trong bảo vệ bờ biển; (ii) giảm khoảng trống dữ liệu; (iii) chuẩn bị các tài khoản hệ sinh thái và rừng cho phù hợp. Tiểu hợp phần này cũng sẽ tập trung vào việc vận hành các yếu tố của chương trình PFES mà có thể cung cấp hỗ trợ tài chính cho các khu rừng ven biển từ hấp thụ carbon và nuôi trồng thủy sản. Cụ thể hơn tiểu hợp phần này sẽ hỗ trợ tất cả các tỉnh mục tiêu tiếp cận những kinh nghiệm có liên quan hiện có tới PFES ở các vùng khác của Việt Nam và tiến hành một đánh giá kỹ thuật của các mô hình thí điểm hiện có để xác định cách sắp xếp các thử nghiệm cách tiếp cận và làm giảm

chi phí và thời gian liên quan trong việc thực hiện các mô hình thí điểm. Sau đó nó sẽ xác định và thử nghiệm những cách để thực thi các đề án PFES có liên quan trong khu vực dự án và xây dựng một lộ trình cho việc nhân rộng những nỗ lực này. Việc mở rộng quy mô của hai phương pháp tiếp cận sẽ được thực hiện với sự phối hợp thực hiện hợp phần 3.1. Hợp phần 3.1, mô tả chi tiết dưới đây, sẽ bổ sung cho các hoạt động trong hợp phần này bằng cách cung cấp các gói đầu tư cho các nhóm cộng đồng, một số trong đó có thể bao gồm hỗ trợ thiết lập một mô hình đủ điều kiện để chi trả DVMTR.

**Hợp phần 2: Phát triển và khôi phục rừng ven biển (Vốn vay IDA: 112,56 triệu USD; vốn đối ứng: 9,17 triệu USD).**

18. Hợp phần này sẽ tài trợ cho tất cả các hoạt động liên quan đến phục hồi rừng ven biển, bao gồm các hoạt động lập kế hoạch, thiết kế kỹ thuật cho hoạt động trồng rừng, thực hiện bảo vệ, trồng làm giàu và bảo vệ rừng, hàng hoá, nguyên liệu đầu vào, và các công trình nhỏ sẽ làm tăng thêm hiệu quả của các khu rừng ven biển bảo vệ bờ biển và tăng tỷ lệ sống của rừng ven biển. Mục tiêu của hợp phần này là để tăng diện tích rừng ven biển ở các tỉnh dự án trong những khu vực, nơi các khu rừng này có thể hữu ích cho việc bảo vệ bờ biển. Các chỉ tiêu của Bộ NN & PTNT cho hợp phần này bao gồm: 50.000 ha rừng ven biển được bảo vệ; 10.000 ha rừng ven biển phục hồi; 5.000 ha rừng ngập mặn được trồng mới; 4.000 ha rừng trồng trên đất cát. Các vị trí cụ thể cho trồng và bảo vệ rừng ven biển ở mỗi tỉnh được lựa chọn dựa trên các tiêu chí sau: được xác định trong quy hoạch tổng ngành và quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh do Sở NN & PTNT cung cấp, và điều tra rừng; sở hữu/sử dụng đất đai và tính dễ bị tổn thương đối với thời tiết; tiếp giáp các khu rừng ven biển. Trong thiết kế dự án được đề xuất, các khoản đầu tư sẽ được thực hiện trên khắp 257 xã ở 47 huyện. Việc thực hiện tiểu hợp phần này sẽ ưu tiên bảo vệ các lâm phần rừng ven biển hiện có, tiếp theo là tiến hành làm giàu rừng. Những hoạt động ưu tiên sẽ được thực hiện khi tiến hành đánh giá lập địa cho các diện tích trồng mới. Việc thực hiện các hoạt động trồng mới và làm giàu rừng cũng sẽ được tiến hành dựa trên ưu tiên khu vực. Ưu tiên được xác định bằng cách sử dụng thông tin trên ba yếu tố: khoảng cách dọc và ngang từ bờ biển; Mức độ khó khăn để trồng (đây là những điều kiện lập địa); Tính sẵn có của cây giống và đất phù hợp (đất thích hợp được áp dụng cho trồng rừng ngập mặn). Các hoạt động trồng rừng sẽ diễn ra ở các diện tích đất có bằng chứng rằng đã tồn tại rừng ven biển trước đó (tức là, rừng ngập mặn và rừng trên đất cát).

19. *Tiểu hợp phần 2.1 Trồng và Bảo vệ rừng ngập mặn mục tiêu (93,46 triệu USD).* Tiểu hợp phần này sẽ tài trợ cho tất cả các bước cần thiết để thực hiện hai hoạt động: (i) bảo vệ các lâm phần rừng ven biển hiện có, và (ii) trồng và chăm sóc các lâm phần rừng ven biển hiện có. Như đã nói ở trên, diện tích trồng rừng (cả làm giàu và trồng mới) cũng đã được xác định trong các khu vực hành chính của 257 xã ở 47 huyện. Các hoạt động trồng rừng sẽ được thực hiện từng giai đoạn và ưu tiên sẽ được trao cho các vị trí đã nêu trong Bảng 1.1. Các hoạt động hỗ trợ của tiểu hợp phần này sẽ bao gồm:

- a. Đánh giá lập địa chi tiết để xác định sự phù hợp của các khu vực dự kiến cho trồng rừng ven biển.
- b. Thiết kế trồng rừng và phục hồi/làm giàu rừng, dựa trên cơ sở pháp lý cho việc thiết kế trồng và phục hồi rừng chức năng mà các hoạt động trong hợp phần sẽ phải tuân thủ. Việc thiết kế trồng rừng sẽ áp dụng một số tiến bộ khoa học mới được biết là đã tạo ra kết quả tốt trong các tình huống tương tự như trong khu vực dự án.

- c. Tổ chức lao động, vật tư, công trình để thực hiện việc thiết kế trồng rừng.
- d. Kiểm tra chặt chẽ chất lượng cây giống được mua sắm.
- e. Các hoạt động bảo vệ sẽ tương tự như những hoạt động được liệt kê ở trên, và các hoạt động bổ sung để đưa ra một hợp đồng dài hạn với các cộng đồng địa phương tham gia trong việc bảo vệ rừng (ví dụ, tổ chức hộ gia đình, nâng cao nhận thức vv)

**20.** *Tiểu hợp phần 2.2: Gia tăng tỷ lệ sống của rừng ven biển (28,28 triệu USD).* Tiểu hợp phần này sẽ hỗ trợ các biện pháp công trình bổ sung thường được yêu cầu để tăng tỷ lệ sống của cây trồng. Các loại công trình có thể cần thiết trong vùng dự án được xác định bằng cách phân tầng khu vực theo điều kiện biên giới thủy văn và sau đó sử dụng thông số chủ chốt khác (được xây dựng tại Phụ lục 1 của PAD). Do đó, tiểu hợp phần này sẽ hỗ trợ đầu tư các công trình làm giảm sự tiếp xúc và dễ bị tổn thương của các khu rừng này với các tác động từ biển (sóng và dòng thủy triều). Các khoản đầu tư cũng có thể thực hiện cho các công trình sẽ hỗ trợ cải thiện chăm sóc rừng trồng mới, làm giảm khả năng xuống cấp do côn trùng và động vật. Những công trình này cũng sẽ giảm xác suất của các hoạt động bất hợp pháp do nó cho phép các bên liên quan ở địa phương giám sát hiệu quả rừng.

**21.** Tiểu hợp phần này sẽ tài trợ cho tất cả các hoạt động để xây dựng các công trình cần thiết. Điều này sẽ bao gồm tất cả các đánh giá lập địa và xây dựng vượt quá những gì được thực hiện trong tiểu hợp phần 2.1, thiết kế, vật liệu, thiết bị, lao động & các công việc cho các công trình. Một phân bổ chỉ định đối ngân sách tỉnh được lưu ý bên dưới và phân bổ chính xác hơn sẽ được xác định sau khi đánh giá lập địa.

**Hợp phần 3: Tạo các lợi ích bền vững từ rừng ven biển (vốn vay IDA: 30 triệu USD; vốn đối ứng: 5 triệu USD)**

**22.** Việc khuyến khích địa phương hỗ trợ bảo vệ rừng ven biển ngoài thời gian thực hiện dự án sẽ yêu cầu các can thiệp thúc đẩy các lợi ích kinh tế từ rừng ven biển với một loạt các bên liên quan - cộng đồng, hộ gia đình, doanh nghiệp nhỏ, các xã và huyện. Tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long, các hộ gia đình và doanh nghiệp nhỏ đã tạo ra doanh thu từ rừng ven biển thông qua thực hành nuôi trồng thủy sản kết hợp. Những nỗ lực để khôi phục rừng ven biển ở đồng bằng sông Cửu Long cũng đã tạo ra công ăn việc làm và thúc đẩy các nguồn thu của chính quyền địa phương giúp biện minh cho các khoản đầu tư với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Cũng có những dự án thí điểm chi trả dịch vụ hệ sinh thái rừng (PFES) từ ngành nuôi trồng thủy sản và du lịch (hai lĩnh vực có thể đóng góp cho các quỹ PFES). Cách tiếp cận của các tỉnh mục tiêu nhằm thúc đẩy cạnh tranh và xem xét những thay đổi động lực của ngành và nhân khẩu học trong khu vực. Đến mức có thể, nó sẽ thúc đẩy thông qua hợp tác và liên kết dọc, cơ hội theo định hướng thị trường để kiếm được thu nhập đó thể so sánh với các ngành nghề tạo thu nhập khác. Các biện pháp can thiệp sẽ cung cấp hỗ trợ ở ba cấp độ - (i) các cơ hội sinh kế cho cộng đồng địa phương như các nhà sản xuất/thu mua hoặc lao động, (ii) hợp tác sản xuất giữa các cộng đồng địa phương và các tổ chức tư nhân sẽ tập trung vào giá trị gia tăng, và (iii) cơ sở hạ tầng sản xuất (cơ sở hạ tầng nhỏ) sẽ cho phép các địa phương (xã) để hỗ trợ tạo doanh thu từ các khoản đầu tư

**23.** *Tiểu hợp phần 3.1: Các gói đầu tư để tạo lợi ích từ rừng ven biển (21 triệu USD).* Các gói đầu tư cho các nhóm cộng đồng nhằm hỗ trợ họ phát triển quan hệ đối tác hiệu quả với các doanh nghiệp tư nhân đó là một mối quan hệ thương mại lâu dài và tự nguyện sẽ hỗ trợ việc thực hiện các quan hệ đối tác kinh doanh và kế hoạch đầu tư chi tiết và giúp các đối tác tham gia nâng

cao khả năng cạnh tranh của họ trong chuỗi giá trị (tức là, giá tốt hơn, chi phí thấp hơn, cải thiện năng suất và chất lượng và tăng khối lượng bán hàng). Hỗ trợ của dự án sẽ được cung cấp cho khoảng 225 gói đầu tư thông qua một khoản tài trợ cạnh tranh. Khoản tài trợ có thể được sử dụng cho các chi tiêu hợp lệ như dịch vụ tư vấn và đào tạo hỗ trợ của các thành viên tổ chức cộng đồng địa phương và các đối tác kinh doanh. Khoản tài trợ cũng có thể được sử dụng cho hàng hóa, nguyên vật liệu và hoạt động để nâng cao sản xuất và năng suất và bất kỳ chế biến sau thu hoạch thực hiện trong quan hệ đối tác tham gia một hiệp hội các hộ sản xuất nhỏ nông nghiệp (hoặc các cộng đồng ven biển) hoặc tổ chức cộng đồng cho các hoạt động nuôi trồng thủy sản tích hợp, lâm sản ngoài gỗ, hoặc các hoạt động khác tạo ra hàng hóa và dịch vụ từ rừng ven biển.

24. Khoản tài trợ cạnh tranh sẽ được phân bổ trên cơ sở của một quá trình lựa chọn cạnh tranh sử dụng các thủ tục thẩm định minh bạch được thiết kế và thành lập một cách cụ thể để lựa chọn các mối quan hệ đối tác sản xuất thương mại hóa khả thi và kế hoạch kinh doanh. Các khoản tài trợ cạnh tranh sẽ là đầu tư một lần, không hoàn lại, và không lãi suất. Khoản tài trợ có thể được sử dụng để trang trải một phần chi phí đầu tư kết hợp với kế hoạch kinh doanh hợp tác sản xuất đã được phê duyệt (điều này được giải thích chi tiết hơn trong Phụ lục 1 của PAD). Tất cả tài trợ còn lại cho các khoản đầu tư dự kiến phải được huy động bằng quan hệ đối tác, hoặc từ nguồn lực riêng của họ hoặc bằng cách huy động nguồn lực bổ sung từ các nguồn tín dụng thương mại. Các khoản tài trợ phù hợp không phải là một chuyển giao tiền mặt cho một quan hệ đối tác và sẽ chỉ được giải ngân trên cơ sở chi phí hợp lệ và được chấp thuận.

25. Trong các huyện mục tiêu, các gói đầu tư sẽ có sẵn để cải thiện lợi nhuận của nuôi trồng thủy sản quảng canh, nuôi trồng thủy sản thâm canh thích ứng một cách thông minh với khí hậu, và chăn nuôi gia súc. Các loại hỗ trợ cụ thể có thể được cung cấp thông qua mỗi gói đầu tư này được xây dựng tại Phụ lục 1 của PAD.

26. *Tiểu hợp phần 3.2: Hỗ trợ Cơ sở hạ tầng sản xuất (14 triệu USD).*

Tiểu hợp phần này sẽ giải quyết một số vướng mắc cơ sở hạ tầng quan trọng phổ biến trong sản xuất, chế biến và tiếp thị hàng hóa và dịch vụ từ rừng ven biển. Điều này có thể bao gồm nâng cấp nhỏ đường nông thôn hoặc cơ sở hạ tầng sản xuất công cộng khác mà có thể làm tăng năng suất và hiệu quả thị trường – các trung tâm đào tạo, bến tàu, biển báo... Kinh phí cho cơ sở hạ tầng sản xuất sẽ được quản lý thông qua một chương trình tài trợ cạnh tranh. Tương tự như các khoản tài trợ cho tiểu hợp phần 3.1, sẽ cung cấp hỗ trợ thực hiện nhiều bước trong việc chuẩn bị và thực hiện các đề xuất cho cơ sở hạ tầng sản xuất. Tất cả các tiểu dự án sẽ xem xét sử dụng các tiêu chí thỏa thuận trước để đánh giá sự phù hợp của các đề xuất đầu tư (việc này sẽ được xây dựng trong sổ tay dự án). Người xin cấp tài trợ sẽ là huyện. Các huyện sẽ cần phải áp dụng phối hợp với các xã và hiển thị một liên kết rõ ràng trong đề xuất của mình cho các hoạt động tạo thu nhập của các nhóm địa phương đang thực hiện bảo vệ rừng ven biển.

27. Mục tiêu của nguồn vốn sẵn có cho cơ sở hạ tầng sản xuất là để hỗ trợ các cơ hội đầu tư. Các khoản đầu tư cần tăng cường các lợi ích kinh tế của việc bảo vệ rừng ven biển xã. Việc đầu tư phải góp phần cải thiện doanh thu, tạo điều kiện chuyển giao công nghệ và tiếp cận các hỗ trợ kỹ thuật. Nó cũng có thể giúp hỗ trợ quản lý các tác động môi trường tiềm năng và đảm bảo việc bảo vệ rừng ven biển. Tài trợ nâng cấp cơ sở hạ tầng sẽ bổ sung cho các khoản đầu tư được thực hiện trong các hợp phần khác bằng cách cải thiện điều kiện cơ sở hạ tầng và dịch vụ công cộng quan trọng.

28. Các khoản tài trợ cạnh tranh sẽ bao gồm tất cả các chi phí liên quan với các hoạt động nâng cấp. Tiểu hợp phần này sẽ được quản lý ở cấp tỉnh. Trong năm đầu tiên của chương trình sẽ không có các khoản đầu tư, và sẽ tập trung vào việc thiết lập và điều hành quá trình yêu cầu bày tỏ quan tâm.

**Hợp phần 4: Quản lý dự án và Giám sát đánh giá (Vốn vay WB: 4,44 triệu USD; vốn đối ứng: 13,83 triệu USD)**

29. Hợp phần này sẽ bao gồm việc thành lập cơ cấu tổ chức thực hiện dự án; chuẩn bị các trang thiết bị, phương tiện và hỗ trợ kỹ thuật. Các hoạt động sẽ bao gồm nâng cấp văn phòng, xe cộ, và một hệ thống giám sát và đánh giá đầy đủ được tài trợ để theo dõi tiến độ và tác động của dự án, và cung cấp thông tin phản hồi để cải thiện dự án trong suốt thời gian thực hiện. Hợp phần sẽ tài trợ đào tạo chuyên ngành cho cán bộ Bộ NN & PTNT, tỉnh, huyện, xã về các chủ đề như đồng quản lý, quy hoạch không gian tổng hợp, giám sát và đánh giá và chính sách bảo vệ an toàn. Hợp phần này cũng sẽ tài trợ chi phí thường xuyên như các nhân viên chính phủ và chi phí vận hành

**2.4 Các hoạt động dự kiến của dự án**

30. Hợp phần 1 tập trung vào (i) kiểm tra các hướng dẫn và các ứng dụng của các công cụ để cải thiện quy hoạch tổng hợp không gian tài nguyên ven biển và thực thi nó; (ii) mở rộng hệ thống để cung cấp cây giống chất lượng cao thông qua các đơn vị trong khu vực, các vườn ươm hiện đại và cải thiện đào tạo; và (iii) một hệ thống tài chính dài hạn có thể được thử nghiệm và nhân rộng ra đến mức có thể. Các công trình dân dụng nhỏ trong việc xây dựng các trung tâm khu vực (với các công trình xây dựng, cơ sở vật chất, nhà kính) và chuẩn bị khu vực trồng rừng.

31. Hợp phần 2 sẽ hỗ trợ đầu tư liên quan đến việc khôi phục rừng ven biển, bao gồm các hoạt động lập kế hoạch, thiết kế kỹ thuật trồng rừng, thực hiện bảo vệ, trồng làm giàu và bảo vệ rừng, hàng hoá, nguyên liệu đầu vào, và các hạng mục cho các công trình nhỏ mà sẽ làm tăng thêm hiệu quả của rừng ven biển trong bảo vệ bờ biển và tăng tỷ lệ sống của rừng ven biển. Các hoạt động sẽ bao gồm chủ yếu là trồng rừng (bao gồm chuẩn bị lập địa trong rừng ngập mặn và các khu vực đất cát sử dụng cấu trúc mềm mại, tre ...); khôi phục và nâng cấp đê biển (không xây mới, đê nhỏ và cục bộ); làm hàng rào (bụi cây, rào tre), đê chắn sóng (khoanh vùng cục bộ, tại các điểm nóng); cơ sở hạ tầng nhỏ (như bảng quy định bảo vệ rừng, trạm bảo vệ rừng, tháp canh cháy rừng); Xây dựng đường lâm sinh; Nạo vét kênh mương, lạch (quy mô nhỏ, cục bộ); Sửa chữa cống dưới đê; các điểm tiếp nước chữa cháy.

32. Hợp phần 3 của dự án sẽ hỗ trợ tạo ra doanh thu từ rừng ven biển thông qua thực hành nuôi trồng thủy sản kết hợp. Các biện pháp can thiệp sẽ cung cấp hỗ trợ ở hai cấp - (i) quan hệ đối tác hiệu quả giữa các cộng đồng địa phương và các tổ chức tư nhân mà sẽ tập trung vào giá trị gia tăng, và (ii) nâng cấp cơ sở hạ tầng sản xuất (cơ sở hạ tầng nhỏ) sẽ cho phép các địa phương (xã) hỗ trợ tạo nguồn thu từ các khoản đầu tư. Tiểu hợp phần 3.1 cung cấp tài trợ cho các mua sắm thiết bị trong khi tiểu hợp phần 3.2 bao gồm xây dựng đường (lâm sinh) nông thôn, các trung tâm đào tạo, bến tàu; bảng chỉ dẫn; và cải thiện hệ thống thủy lợi (đối với nuôi trồng thủy sản).

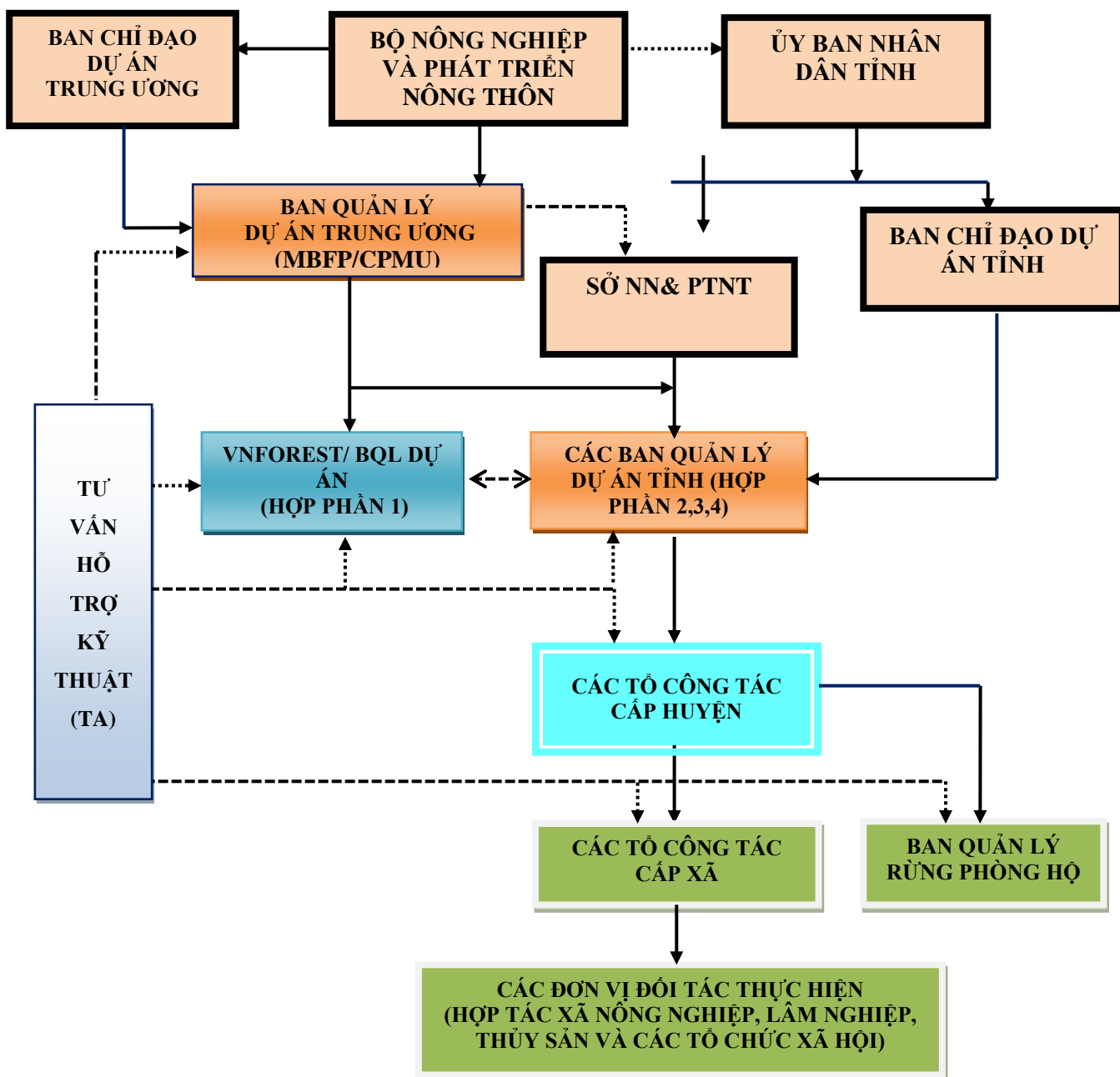
**2.5 Các sắp xếp thực hiện dự án**

33. Bộ NN & PTNT sẽ là cơ quan điều hành chính của dự án. Bộ NN & PTNT có nhiều kinh nghiệm trong việc thực hiện các dự án do IDA tài trợ từ năm 1995. Bộ NN & PTNT sẽ phối hợp chặt chẽ với các Bộ và cơ quan có liên quan để thực hiện dự án. Việc thực hiện dự án sẽ được hướng dẫn bởi một Ban điều hành dự án (PSC), bao gồm, ở cấp trung ương là đại diện các Bộ chủ chốt

như Bộ KH & ĐT, Bộ Tài chính, Bộ TN & MT, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh và những người liên quan khác, người sẽ chịu trách nhiệm tạo điều kiện sự phối hợp giữa các bên liên quan, cung cấp hướng dẫn, và đảm bảo sự liên kết với các khung chính sách quốc gia.

34. Bộ NN & PTNT được Chính phủ giao là chủ sở hữu của dự án và sẽ chịu trách nhiệm thực hiện, quản lý và điều phối tổng thể dự án. Bộ NN & PTNT đã giao cho Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp (MBFP) tại Hà Nội chịu trách nhiệm thực hiện và quản lý tổng thể dự án, và sẽ là chủ dự án của các hoạt động được thực hiện ở cấp trung ương, bao gồm hỗ trợ kỹ thuật cho toàn bộ dự án; xây dựng năng lực, mua sắm hàng hóa và trang thiết bị cho các tỉnh; thực hiện các hoạt động liên quan đến nhiều tỉnh và yêu cầu chuyên môn phức tạp. MBFP có trách nhiệm phối hợp với các bên liên quan bao gồm cả các nhà tài trợ, các Bộ, Ngành Trung ương và các tỉnh trong quá trình thực hiện dự án, giám sát và theo dõi các hoạt động đầu tư tại các tỉnh theo các quy định về đầu tư công. Đối với các hoạt động này, Bộ NN & PTNT sẽ sử dụng các nguồn lực hiện có để thiết lập một CPMU thuộc MBFP và tạo ra một nhóm cố vấn bao gồm các chuyên gia về nông nghiệp, nước, lâm nghiệp, và nuôi trồng thủy sản từ các phòng ban kỹ thuật, và các viện nghiên cứu có liên quan. Trách nhiệm thực hiện Hợp phần 1 là của Tổng cục Lâm nghiệp (VNForest).

35. CPMU, với sự hỗ trợ của nhóm tư vấn, có trách nhiệm làm việc và giúp đỡ các tỉnh dự án để thực hiện các dự án phù hợp với thiết kế dự án. CPMU có trách nhiệm xem xét sơ bộ và kiểm tra chất lượng hoạt động mua sắm và kế hoạch công việc của tỉnh trước khi trình cho Ngân hàng. Ngoài ra, CPMU sẽ chịu trách nhiệm quản lý hành chính tổng thể dự án, bao gồm giám sát việc mua sắm, quản lý tài chính, Giám sát và đánh giá, tuân thủ chính sách an toàn và truyền thông. (Xem chi tiết tổ chức thực hiện ở hình dưới).



QUAN HỆ CHỈ ĐẠO →  
 QUAN HỆ PHỐI HỢP: ..... → ←-->

36. *Cấp tỉnh.* Các tiểu dự án thuộc Hợp phần 2 và 3 sẽ do PPMU thực hiện trong địa bàn tỉnh tương ứng, dưới sự hướng dẫn của một Ban Điều hành cấp tỉnh được thành lập bao gồm đại diện của các Sở (như Sở KH & ĐT, Sở Tài chính, Sở TN & MT và UBND huyện). Tại mỗi tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh (PPC) sẽ chỉ định một Ban QLDA tỉnh hiện có thuộc Sở NN & PTNT chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện các hoạt động của tiểu dự án bao gồm cả mua sắm, quản lý tài chính, biện pháp bảo vệ, phối hợp và báo cáo.



**37.** Ở cấp huyện và cấp xã, Ủy ban nhân dân huyện (DPC), Ủy ban nhân dân xã (CPC), Ban quản lý rừng phòng hộ (PFMB), Ban Quản lý rừng công đồng (CFMB), cộng đồng địa phương, và doanh nghiệp tư nhân sẽ đóng vai trò chủ chốt trong việc thực hiện các tiểu dự án. Một CFMB sẽ được thành lập tại mỗi xã dự án và sẽ được giao nhiệm vụ ký kết hợp đồng trồng và bảo vệ rừng với các nhóm hộ gia đình/cộng đồng và hỗ trợ việc lập kế hoạch và thực hiện tại xã. Thành viên CFMB bao gồm cán bộ được chọn của các xã và làm việc trên cơ sở bán thời gian.

38. Tổng cục lâm nghiệp thuộc Bộ NN và PTNT là cơ quan thực hiện Hợp phần 1 của dự án. Với vai trò quản lý nhà nước tham mưu cho chính phủ và Bộ NN và PTNT về các vấn đề chính sách trong ngành lâm nghiệp, Tổng cục lâm nghiệp có vai trò tốt nhất trong việc thực hiện các chính sách liên quan đến rừng ven biển và các chính sách liên quan đến tái cơ cấu ngành. Tổng cục lâm nghiệp đã phân công cán bộ làm thành viên nhóm chuẩn bị dự án và sẽ duy trì nguồn nhân lực phù hợp để thực hiện dự án. Tổng cục lâm nghiệp sẽ phối hợp với BQL dự án trung ương và các phòng ban chuyên môn, các viện nghiên cứu của Bộ NN và PTNT theo các quy định của Bộ để thực hiện các nhiệm vụ đã được lập kế hoạch trong Hợp phần 1.

### **3. KHUNG CHÍNH SÁCH, PHÁP LÝ VÀ QUẢN TRỊ**

#### **3.1 Các luật, chính sách và quy định được áp dụng**

39. Tại Việt Nam, có các bộ luật, quy định và chính sách quốc gia liên quan đến thực hiện các hướng dẫn đảm bảo an toàn về môi trường và xã hội, cũng như những hướng dẫn về quản lý rừng và rừng ngập mặn liên hệ trực tiếp đến dự án này. Những nội dung dưới đây đưa ra một số bộ luật, chính sách và quy định quan trọng:

- Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 của Quốc hội Việt Nam ngày 23/6/2014. Luật ban hành các chính sách và quy định về các biện pháp bảo vệ môi trường, quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, hộ gia đình và các cá nhân liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường.
- Luật đất đai số 45/2013/QH13 của Quốc hội Việt Nam ngày 29/11/2013 quy định về chế độ sở hữu đất đai, quyền hạn và trách nhiệm của Nhà nước đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai và thống nhất quản lý về đất đai, chế độ quản lý và sử dụng đất, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất đối với đất đai thuộc lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nghị định số 43/2014/ND-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/ND-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về đền bù, hỗ trợ và tái định cư sau khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 75/2012/ND-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều trong Luật khiếu nại; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về đền bù, hỗ trợ và tái định cư sau khi Nhà nước thu hồi đất;
- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 của Quốc hội Việt Nam ngày 19/6/2013 quy định về các hoạt động phòng, chống thiên tai; quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân tham gia các hoạt động phòng, chống thiên tai, quản lý nhà nước và nguồn lực bảo đảm việc thực hiện phòng, chống thiên tai.
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 của Quốc hội Việt Nam ngày 21/6/2012 về quản lý, bảo vệ, và khai thác các tài nguyên nước cũng như phòng, chống và khắc phục các tác động bất lợi do nước gây ra trong lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và luật sửa đổi, bổ sung (số

32/2009/QH12 ngày 18/6/2009) của Quốc hội quy định về các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; xác định quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân đối với di sản văn hóa tại Việt Nam;

- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 của Quốc hội Việt Nam ngày 13/11/2008 quy định về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học; quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, hộ gia đình và các cá nhân trong bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học.
- Luật Bảo vệ và Phát triển rừng số 29/2004/QH11 của Quốc hội Việt Nam ngày 03/12/2004 quy định về việc quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng; và quyền và nghĩa vụ của các chủ rừng.
- Luật Thủy sản số No. 17/2003/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 26/11/2003 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2004;
- Nghị định số No. 116/2014/ND-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Bảo vệ và Cách ly cây trồng; Thông tư số 21/2013/TT-BNNPTNT ngày 17/4/2013 của Bộ NN và PTNT ban hành danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng, cấm sử dụng và danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam;

**40.** Ngoài ra, có các tiêu chuẩn và quy định kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường được sử dụng để đánh giá sức tải tối đa của môi trường, và những tiêu chí quan trọng đã được đưa vào Quy tắc thực hành môi trường chung mà sẽ được áp dụng cho các hợp đồng xây lắp. Những tiêu chuẩn này đã được sử dụng để đánh giá việc tuân thủ các quy định về EIA/EPP cho tất cả các đầu tư tại Việt Nam. Cũng có các chính sách và tiêu chuẩn cụ thể liên quan đến đa dạng sinh học và rừng mà sẽ được áp dụng cho dự án FMCRP (xem Phụ lục 3).

**41.** Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE) và Sở TN và MT chịu trách nhiệm thực hiện hiệu quả các quy định về Đánh giá tác động môi trường (EIA) gồm đánh giá và phê duyệt các báo cáo EIA/EPP. Bộ TN và MT chịu trách nhiệm quản lý đất đai gồm quy hoạch sử dụng đất, điều tra đất đai và lập bản đồ sử dụng đất, giao đất và đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cũng như bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý và bảo vệ hệ sinh thái thủy sinh, và biến đổi khí hậu. Bộ NN và PTNT và các phòng ban chuyên môn của bộ này ở cấp trung ương gồm Tổng cục lâm nghiệp, Cục kiểm lâm, Tổng cục thủy sản, Cục Phát triển nông thôn và các cơ quan khác chịu trách nhiệm quản lý hiệu quả rừng và thủy sản trong đó có việc xây dựng các kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng, đánh mốc ranh giới rừng, giao và cho thuê rừng, đưa ra quyết định cuối cùng về chuyển đổi và phân loại lại rừng, quản lý thủy sản và nuôi trồng thủy sản, và phòng chống lụt bão. Bộ NN và PTNT đã thành lập BQL các dự án lâm nghiệp chịu trách nhiệm điều phối và quản lý các dự án liên quan đến lâm nghiệp.

**42.** Theo luật lâm nghiệp, có 3 loại rừng gồm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Luật đất đai và luật lâm nghiệp quy định Bộ NN và PTNT và Bộ TN và MT phải phối hợp chặt chẽ với nhau và cả hai bộ này đều có trụ sở của mình (Sở TN và MT và Sở NN và PTNT) tại cấp tỉnh và huyện. Các UBND tỉnh, UBND huyện UBND xã là những cơ quan ra quyết định chính trong tỉnh, có thể thành lập BQL rừng phòng hộ và BQL rừng cộng đồng để chịu trách nhiệm quản lý và bảo vệ rừng tại các địa bàn cụ thể. Các UBND tỉnh chịu trách nhiệm đánh giá và phê duyệt kế hoạch chuyển đổi đất đai và rừng của Sở TN và MT/Sở NN và PTNT. Các UBND xã đóng vai trò là cơ quan quản lý tạm thời đất đai nằm trong xã nhưng chưa được giao cho thực thể nào. Nếu đất rừng đã

được giao cho các tổ chức như Công ty lâm nghiệp hay BQL rừng phòng hộ, các tổ chức này chịu trách nhiệm quản lý và bảo vệ các khu vực rừng đã được giao.

43. **Các chính sách phục hồi rừng ngập mặn và ven biển:** Trước đây, Việt Nam đầu tư chủ yếu vào các công trình đê biển để bảo vệ các cộng đồng dễ bị tổn thương dọc bờ biển. Tuy nhiên, ngày càng có nhiều bằng chứng cho thấy, phụ thuộc vào độ sâu của nước, các dự án rừng ngập mặn tại Việt Nam có thể thực hiện chức năng phòng hộ với chi phí rẻ hơn từ 3-5 lần so với một con đê chắn sóng và đồng thời tăng hiệu quả của các đê biển hiện có. Những chính sách và quyết định gần đây liên quan đến quản lý khu vực ven biển và phục hồi rừng ngập mặn để tăng cường tính chống chịu của các cộng đồng ven biển tại Việt nam có thể được kể đến như sau:

- Ủy ban trung ương Đảng đã phê duyệt Nghị quyết 24-NQ/TW về “Chủ động ứng phó với Biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường” tuyên bố cuộc chiến chống lại biến đổi khí hậu như là “một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của toàn bộ hệ thống chính trị.”
  - Quyết định số 158/2007/QĐ-TTg ngày 9/10/2007, phê duyệt Chương trình quản lý tổng hợp vùng ven biển cho 14 tỉnh ở vùng ven biển miền trung đến năm 2010 với tầm nhìn đến 2020. Chính phủ Việt Nam cũng đã phê duyệt một chiến lược chi tiết cho quản lý tổng hợp vùng ven biển tại Việt Nam đến năm 2020 với tầm nhìn 2030 (được phê duyệt bởi thủ tướng chính phủ vào tháng 12 năm 2014).
  - Luật số 82/2015/QH3 về Tài nguyên thiên nhiên và Môi trường Biển, đảo quy định là các bộ và các cơ quan ngang bộ và các UBND tỉnh của các thành phố và tỉnh ven biển phải xây dựng các chương trình Quản lý tổng hợp vùng ven biển theo quy mô, nội dung đã quy định, các yêu cầu về giám sát và báo cáo và chỉ ra rằng tất cả các công ty, tổ chức và cá nhân liên quan phải tuân thủ các sản phẩm của quản lý tổng hợp vùng ven biển (ví dụ như các quy định về quy hoạch).
  - Gần đây, Quyết định số 914/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của TTCP, phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia vùng ven biển (NAP), đã giúp thực hiện các ưu tiên của Quản lý tổng hợp vùng ven biển giai đoạn 2016-2020 và thúc đẩy phương pháp tiếp cận và việc thực hiện Chiến lược ICZM. Kế hoạch hành động quốc gia nhấn mạnh việc sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên ở khu vực ven biển và hướng dẫn điều phối các ngành chính và đồng thời công nhận rằng phần lớn công việc quản lý ven biển sẽ được thực hiện ở cấp tỉnh, kêu gọi sự lồng ghép hiệu quả hơn theo chiều dọc giữa tất cả các cấp chính quyền, gồm chính quyền trung ương.
- Ngoài ra, Chính phủ đã ban hành Nghị định 119/2016/NĐ-CP về chính sách quản lý, bảo vệ và phát triển cho rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu. Nghị định này cũng quy định các chính sách đầu tư về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng ven biển. Các quỹ đầu tư, các hoạt động đầu tư xã hội hóa, quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, doanh nghiệp, các hộ gia đình và các cá nhân trong phát triển và sử dụng rừng ven biển đều được đưa vào trong Nghị định. Mục tiêu về tính chống chịu và vai trò của rừng ven biển cũng được phản ánh trong Chương trình mục tiêu phát triển rừng bền vững giai đoạn 2016-2020 của Bộ NN và PTNT (đã được phê duyệt vào tháng 8 năm 2016) nhằm tiếp tục quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững rừng và đất quy hoạch cho phát triển rừng, tăng che phủ rừng lên 44-45% vào năm 2020. Việc này bao gồm, không bao gồm các điều khác, hai kế hoạch ưu tiên sau: (i) bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó biến đổi khí hậu và (ii) tăng năng suất sản xuất lâm nghiệp và

giá trị gia tăng.

### 3.2 Các chính sách đảm bảo an toàn của NHTG được NHTG áp dụng

44. Trong quá trình chuẩn bị, dự án FMCRP đã được rà soát theo 10 chính sách đảm bảo an toàn của NHTG và 7 chính sách được áp dụng gồm: (i) Đánh giá môi trường (EA) (OP/BP 4.01); (ii) Các Khu cư trú tự nhiên (OP/BP 4.04); (iii) Rừng (OP/BP 4.36); (iv) Quản lý sâu bệnh hại (OP/BP 4.09); (v) Tài nguyên văn hóa vật thể (OP/BP 4.11); (vi) Người bản địa (OP/BP 4.10); và (vii) Tái định cư bắt buộc (OP/BP 4.12). Dự kiến tác động tổng thể của dự án đề xuất là tích cực và hầu hết các tác động tiêu cực tiềm ẩn sẽ được kiểm soát, cục bộ, có tính chất tạm thời và có thể giảm nhẹ. Do đó dự án FMCRP được xếp vào hạng mục EA “B” yêu cầu phải chuẩn bị Kế hoạch Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMP) cho một tiểu dự án và/hoặc hoạt động cân nhắc nhu cầu phải giải quyết các vấn đề liên quan đến khu cư trú tự nhiên, rừng, quản lý sâu bệnh hại, và các tài nguyên văn hóa vật thể. Việc xây dựng Kế hoạch hành động tái định cư (RAP) và/hoặc Kế hoạch phát triển DTTS (EMDP) sẽ lần lượt được yêu cầu nếu phải thực hiện thu hồi đất đai, tái định cư và/hoặc hạn chế tiếp cận tài nguyên thiên nhiên và /hoặc có sự tham gia của người DTTS. Những chính sách này sẽ được cân nhắc trong quá trình rà soát và đánh giá tác động và xây dựng KH quản lý môi trường và xã hội của một tiểu dự án và/hoặc hoạt động (xem Phụ lục 2,3 và 4). Dưới đây là phần giải trình đã được thảo luận về các chính sách được dự án áp dụng.

#### Đánh giá môi trường (OP/BP 4.01)<sup>2</sup>

45. Một đánh giá môi trường (EA) là chính sách bao trùm cho các chính sách đảm bảo an toàn của NHTG. Mục tiêu chung là đảm bảo rằng các dự án do NHTG tài trợ phù hợp về mặt môi trường và bền vững, và việc ra quyết định được cải thiện thông qua các phân tích phù hợp các hoạt động và các tác động môi trường sẽ xảy ra. Quá trình Đánh giá môi trường là để xác định, tránh và giảm thiểu các tác động tiềm ẩn từ các hoạt động của NHTG. Quan trọng là phải lưu ý rằng Đánh giá môi trường quan tâm đến môi trường tự nhiên (không khí, nước, và đất); sức khỏe và sự an toàn của con người; các khía cạnh xã hội (tái định cư bắt buộc, người bản địa, các tài nguyên văn hóa vật thể); và các tác động môi trường xuyên biên giới và toàn cầu. Đánh giá môi trường quan tâm đến các khía cạnh tự nhiên và xã hội theo cách tổng hợp.

46. Dự án áp dụng chính sách về Đánh giá môi trường (OP/BP 4.01), điều này sẽ hỗ trợ cải thiện các thực hành lâm sinh của dự án để bảo vệ các khu rừng ven biển hiện tại và trồng rừng ven biển cũng như hỗ trợ các bên có liên quan tại địa phương để bảo vệ và phát triển bền vững các dịch vụ hệ sinh thái rừng và các hoạt động của dự án có thể tạo ra những tác động cả tích cực và tiêu cực. Do tất cả các tiểu dự án và/hoặc các hoạt động sẽ được lựa chọn trong quá trình thực hiện dự án, Khung quản lý môi trường và xã hội đã được xây dựng và sẽ được áp dụng cho các tiểu dự án và/hoặc các hoạt động sẽ được tài trợ trong dự án FMCRP. Đối với tất cả tiểu dự án, một Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội sẽ được chuẩn bị theo các hướng dẫn của Khung quản lý môi trường và xã hội (xem Phụ lục 3). Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội sẽ được xem xét và phê duyệt bởi NHTG trước khi thực hiện tiểu dự án và việc thực hiện sẽ được giám sát chặt chẽ. Khung quản lý môi trường và xã hội cũng yêu cầu tất cả các tiểu dự án cũng sẽ phải tuân thủ các quy định về Đánh giá tác động môi trường của Chính phủ Việt Nam.

<sup>2</sup>Có thể tìm thấy bản đầy đủ của OP/BP 4.01 tại

<http://web.worldbank.org/WBSITE/EXTERNAL/PROJECTS/EXTPOLICIES/EXTSAFEPOL/0,,contentMDK:20543912~menuPK:1286357~pagePK:64168445~piPK:64168309~theSitePK:584435,00.html>

### Khu cư trú tự nhiên (OP/BP 4.04)<sup>3</sup>

47. Chính sách khu cư trú tự nhiên là để ngăn chặn việc tài trợ của NHTG trong các dự án gây suy thoái và chuyển đổi các khu cư trú quan trọng. NHTG hỗ trợ các dự án ảnh hưởng đến những khu cư trú không quan trọng chỉ khi không có phương án thay thế và có các biện pháp giảm nhẹ được chấp nhận. Người dân địa phương cần được tham vấn trong quá trình lập kế hoạch, thiết kế và giám sát các dự án.

48. Dự án áp dụng chính sách này do các tiểu dự án sẽ được thực hiện ở các khu vực rừng ven biển và các hoạt động trồng mới và trồng lại rừng có thể gây những tác động tiềm ẩn lên các khu cư trú tự nhiên nếu công tác quy hoạch và việc thực hiện yếu kém. Dựa trên thiết kế dự án hiện tại, không có khả năng tiểu dự án sẽ chuyển đổi hoặc làm gây suy thoái đáng kể đến các khu cư trú tự nhiên vì các điểm thực hiện tiểu dự án nói chung là đất/rừng ngập mặn và các khu rừng phòng hộ trên đất liền ven biển đều đã được chuyển đổi. Các loài cây được sử dụng đều đã được Bộ NN và PTNT chính thức phê duyệt do phù hợp với điều kiện lập địa. Khi lập kế hoạch trồng rừng mới cho những năm sau này của dự án, cần xây dựng các thông số sinh thái (cũng như thể chế và kinh tế-xã hội) chính và có thể đo lường được trong quá trình chuẩn bị tiểu dự án để xác định các khu vực phù hợp và loài cây trồng phù hợp. Rà soát Khung quản lý môi trường và xã hội (Phụ lục 2) sẽ quyết định liệu có bất kỳ tiểu dự án nào được đề xuất sẽ bị chuyển đổi hoặc gây suy thoái đáng kể đến các khu cư trú tự nhiên quan trọng hay không. Trong quá trình thực hiện, khi đã xác định được các địa điểm thực hiện tiểu dự án, sẽ thực hiện các điều tra và nghiên cứu để đánh giá các tác động tiềm ẩn của hoạt động đó lên các hệ sinh thái cụ thể. Trong trường hợp xác định tiểu dự án đó gây ra suy thoái khu cư trú tự nhiên, Kế hoạch quản lý xã hội và môi trường sẽ phải có các biện pháp giảm thiểu được NHTG chấp nhận.

### Rừng(OP/BP 4.36)<sup>4</sup>

49. Chính sách về rừng của NHTG nhằm hỗ trợ quản lý rừng bền vững và theo hướng bảo tồn. NHTG giúp bên vay khai thác tiềm năng của rừng để giảm nghèo bền vững, lồng ghép rừng với phát triển kinh tế bền vững và bảo vệ các dịch vụ môi trường quan trọng của địa phương và toàn cầu và bảo vệ các giá trị của rừng. Cần tiến hành tham vấn với người dân địa phương, khối tư nhân và các nhóm lợi ích tại khu vực rừng bị ảnh hưởng.

50. Dự án áp dụng chính sách này do dự án có liên quan đến các hoạt động bảo vệ/phục hồi rừng ven biển nhằm phục hồi cảnh quan ven biển, tăng cường tính chống chịu của hệ thống canh tác trên đất liền, và giảm tính dễ bị tổn thương do những tác động của nước biển dâng và xói mòn bờ biển. Các hoạt động tiểu dự án sẽ bao gồm trồng lại rừng, phục hồi và trồng rừng ngập mặn và rừng trên đất liền ven biển tại các khu vực mục tiêu gồm xây dựng, nâng cấp, và/hoặc cải tạo cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ được coi là quan trọng để tăng tỷ lệ sống của rừng ngập mặn còn non và cây con. Hiện nay, chưa xác định được khu vực cụ thể nhưng dự kiến dự án sẽ che phủ khoảng 72,412 ha của 279 xã tại 47 huyện thuộc 8 tỉnh. Các Kế hoạch quản lý rừng sẽ được chuẩn bị cho tất cả các hoạt động trồng lại, phục hồi và trồng mới được thực hiện trong dự án, và cho bất kỳ các hoạt động liên quan đến cơ sở hạ tầng và sinh kế (gồm cả du lịch sinh thái) mà có thể ảnh hưởng đến

<sup>3</sup>Bản đầy đủ của OP/BP 4.04 có ở

<http://web.worldbank.org/WBSITE/EXTERNAL/PROJECTS/EXTPOLICIES/EXTSAFEPOL/0,,contentMDK:20543920~menuPK:1286576~pagePK:64168445~piPK:64168309~theSitePK:584435,00.html>

<sup>4</sup> OP/BP 4.36 được trình bày chi tiết tại

<http://web.worldbank.org/WBSITE/EXTERNAL/PROJECTS/EXTPOLICIES/EXTSAFEPOL/0,,contentMDK:20543943~menuPK:1286597~pagePK:64168445~piPK:64168309~theSitePK:584435,00.html>

rừng. Sẽ có các biện pháp giảm thiểu để bảo vệ và phục hồi rừng và các loài, đặc biệt là trong quá trình xây dựng và vận hành. Dự án cũng sẽ hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo và tổ chức hội thảo, mục đích là cải thiện tính hiệu quả của hoạt động quản lý và tài trợ cho rừng ven biển thông qua những thay đổi về chính sách và hỗ trợ kỹ thuật và quy hoạch phù hợp.

#### Quản lý sâu bệnh hại (OP 4.09)<sup>5</sup>

51. NHTG sẽ không tài trợ cho việc mua số lượng lớn thuốc trừ sâu hoặc thuốc trừ sâu nằm trong mục IA, IB hoặc II của Tổ chức Y tế thế giới. Chính sách này là để đảm bảo rằng các biện pháp hợp lý sẽ được áp dụng để giảm thiểu các tác động tiềm ẩn đối với sức khỏe cộng đồng và các hệ sinh thái.

30. Dự án cũng sẽ không mua số lượng lớn thuốc trừ sâu. Tuy nhiên dự án áp dụng chính sách này là vì hỗ trợ hoạt động ương cây (hợp phần 1) và bảo vệ và/hoặc trồng rừng ven biển và các hoạt động phát triển sinh kế (hợp phần 2 và 3) có thể phải yêu cầu mua số lượng nhỏ và/hoặc tăng sử dụng thuốc trừ sâu và/hoặc các hóa chất ngăn chặn/trừ sâu bệnh (ví dụ như các loại kháng sinh) ở các khu nuôi tôm rừng ngập mặn và các hoạt động sinh kế khác (ví dụ như thủy sản, nông lâm nghiệp, cây giống). Khung quản lý môi trường và xã hội đã mô tả các quy định/khung thể chế liên quan đến quản lý sâu bệnh khi xây dựng Kế hoạch quản lý sâu bệnh và/hoặc áp dụng các thực hành tốt như áp dụng phương pháp quản lý tổng hợp sâu bệnh hại sẽ được cân nhắc khi chuẩn bị KH quản lý môi trường và xã hội cho tiểu dự án. Tập huấn và nâng cao năng lực về chính sách đảm bảo an toàn cũng sẽ được thiết kế để tăng cường kiến thức của người nông dân về sử dụng an toàn thuốc trừ sâu gồm có lưu trữ và xử lý an toàn các bao bì đã sử dụng.

#### Tài nguyên văn hóa vật thể (OP/BP 4.11)<sup>6</sup>

52. Chính sách tài nguyên văn hóa vật thể (PCR) là để đảm bảo rằng các dự án xác định và điều tra tài nguyên văn hóa mà có khả năng bị ảnh hưởng bởi dự án. Chính sách tài nguyên vật thể gồm các tài nguyên có tầm quan trọng về khảo cổ, cổ sinh vật, lịch sử, kiến trúc, tôn giáo, thẩm mỹ và các giá trị văn hóa khác. Các dự án cần có các biện pháp giảm nhẹ trong trường hợp có các tác động không mong muốn xảy ra với các tài nguyên văn hóa vật thể. Cần tiến hành tham vấn với các cơ quan, tổ chức phi chính phủ và các trước đại học liên quan.

53. Dự kiến Dự án này sẽ không yêu cầu di dời các tài nguyên văn hóa vật thể như các di tích, đền chùa, nhà thờ, các điểm tôn giáo/tâm linh và văn hóa. Tuy nhiên, để tăng cường tính chống chịu với khí hậu cho các cơ sở hạ tầng để bảo vệ rừng ven biển có thể cần phải di dời một số mồ mã, đây cũng được coi là tài nguyên văn hóa vật thể, vì thế sẽ áp dụng chính sách này. Một số công trình lâm sinh có thể phải có các hợp đồng đào lấp, có thể dẫn đến các phát hiện ngẫu nhiên, “quy trình phát hiện ngẫu nhiên” phải được đưa vào các hợp đồng đào lấp và Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội. Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội sẽ gồm các biện pháp để đánh giá các điểm trồng rừng và các quy trình phát hiện ngẫu nhiên, gồm các khu vực tâm linh và các điểm có tầm quan trọng về văn hóa hoặc tôn giáo cho các cộng đồng địa phương.

#### Chính sách người bản địa (OP/BP 4.10)<sup>7</sup>

<sup>5</sup> OP 4.09 được mô tả chi tiết tại

<http://web.worldbank.org/WBSITE/EXTERNAL/PROJECTS/EXTPOLICIES/EXTOPMANUAL/0,,contentMDK:20064720~menuPK:64701637~pagePK:64709096~piPK:64709108~theSitePK:502184,00.html>

<sup>6</sup> Có thể tiếp cận OP/BP 4.11 tại

<http://web.worldbank.org/WBSITE/EXTERNAL/PROJECTS/EXTPOLICIES/EXTSAFEPOL/0,,contentMDK:20543961~menuPK:1286639~pagePK:64168445~piPK:64168309~theSitePK:584435,00.html>

54. Chính sách người bản địa được thiết kế để đảm bảo rằng quá trình phát triển tôn trọng nhân phẩm, nhân quyền, kinh tế và văn hóa của người bản địa. Chính sách này yêu cầu các dự án xác định các tác động đối với người bản địa và xây dựng một kế hoạch giải quyết các tác động, cả tích cực lẫn tích cực. Các dự án phải được thiết kế với những lợi ích cho thấy bản sắc văn hóa của các dân tộc bản địa. Bên vay phải thực hiện tham vấn tự nguyện, trước và được thông tin đầy đủ và nhận được sự hỗ trợ rộng rãi cho dự án.

55. Dự án áp dụng chính sách này vì dự án sẽ thực hiện tại 8 tỉnh ven biển từ Quảng Ninh đến Thừa Thiên Huế, các tỉnh này có các cộng đồng dân tộc thiểu số (Dao, Tày, và Mường) sinh sống. Mục tiêu của dự án là phát triển rừng ven biển và tăng giá trị gia tăng ngành lâm nghiệp tại các khu vực mục tiêu trong khi đó việc cải thiện các hoạt động sinh kế (như nuôi trồng thủy sản, gỗ luân kỳ dài, Chi trả dịch vụ môi trường rừng từ các-bon, du lịch và thủy sản) có thể đem lại lợi ích cho các cộng đồng địa phương. Do chưa thể xác định chính xác các vùng dự án trước khi thẩm định, một Khung chính sách DTTS đã được xây dựng và được coi là một phần của Khung quản lý môi trường và xã hội. Khung quản lý môi trường và xã hội rà soát và xem xét các tiểu dự án sẽ được xác định trong quá trình thực hiện một cách thống nhất với chính sách này. Khung này cũng đưa ra các quy trình và các thủ tục để thực hiện Đánh giá xã hội và các tham vấn tự nguyện, trước và được thông tin đầy đủ mà sẽ được thực hiện trong dự án. Đánh giá xã hội sẽ xác định các tác động tiêu cực tiềm ẩn của các hoạt động dự án tương ứng và các cơ hội tăng cường những lợi ích tích cực còn Kế hoạch phát triển DTTS sẽ được xây dựng dựa vào kết quả của Đánh giá xã hội. Ở những nơi không thể xác định được sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng đối với một tiểu dự án, tiểu dự án đó sẽ không được thực hiện. Để có được sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng, sự tham gia của các tổ chức xã hội dân sự làm về người dân tộc thiểu số sẽ đóng vai trò quan trọng trong quá trình tham vấn và thúc đẩy sự tham gia tích cực của người DTTS trong các hoạt động của tiểu dự án. Trên cơ sở Đánh giá xã hội và tham vấn tự nguyện, trước và được cung cấp đầy đủ thông tin, ở nơi có được sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng, một báo cáo chi tiết sẽ được chuẩn bị để tài liệu hóa các phát hiện của Đánh giá xã hội, các ghi chép và kết quả của quá trình tham vấn tự nguyện, trước và được cung cấp đầy đủ thông tin với cộng đồng DTTS là cơ sở để khẳng định nơi nhận được sự ủng hộ của cộng đồng. Ngoài ra, một cơ chế phản hồi độc lập và giải quyết khiếu nại sẽ được thiết lập để nhận, xác định và giải quyết những quan ngại và khiếu nại của người DTTS. Đánh giá xã hội và Kế hoạch phát triển DTTS sẽ được công bố ở địa phương trước khi các hoạt động tiểu dự án được thực hiện.

#### Tái định cư bắt buộc (OP/BP 4.12)<sup>8</sup>

56. OP 4.12 nhằm ngăn chặn những khó khăn lâu dài nghiêm trọng, sự nghèo đói, và tổn thất về môi trường đối với những người bị ảnh hưởng trong quá trình tái định cư bắt buộc. Chính sách này áp dụng kể cả khi những người bị ảnh hưởng phải hoặc không phải di dời đến nơi khác. NHTG coi tất cả các quy trình và kết quả này là “tái định cư bắt buộc” hay đơn giản là tái định cư, kể cả khi họ không bị buộc phải chuyển đi. Tái định cư là bắt buộc khi chính quyền có quyền thu hồi đất hoặc các tài sản khác và khi những người bị ảnh hưởng không có phương án để duy trì tình hình sinh kế mà họ hiện có.

---

<sup>7</sup> Bản đầy đủ của OP/BP 4.10 có thể xem tại

<http://web.worldbank.org/WBSITE/EXTERNAL/PROJECTS/EXTPOLICIES/EXTSAFEPOL/0,,contentMDK:20543990~menuPK:1286666~pagePK:64168445~piPK:64168309~theSitePK:584435,00.html>

<sup>8</sup> Detail of OP/BP 4.12 is available at

<http://web.worldbank.org/WBSITE/EXTERNAL/PROJECTS/EXTPOLICIES/EXTSAFEPOL/0,,contentMDK:20543978~menuPK:1286647~pagePK:64168445~piPK:64168309~theSitePK:584435,00.html>



57. Các hoạt động dự án đề xuất sẽ không yêu cầu bất kỳ hoạt động thu hồi, di dời hoặc hạn chế tiếp cận tài nguyên thiên nhiên nào đáng kể. Tuy nhiên, dự án áp dụng chính sách này vì các hoạt động tiểu dự án có thể sẽ yêu cầu hạn chế tiếp cận rừng và lâm sản của các cộng đồng địa phương với rừng phòng hộ ven biển. Một Khung chính sách tái định cư đơn giản đã được xây dựng để đưa ra hướng dẫn xây dựng Kế hoạch hành động tái định cư viết tắt là RAP và sẽ tiến hành tập huấn đảm bảo an toàn về Khung chính sách tái định cư và chuẩn bị Kế hoạch hành động tái định cư. Hợp phần 2.1 sẽ hỗ trợ bảo vệ và quản lý các khu rừng ngập mặn và rừng phòng hộ ven biển hiện tại, trồng mới, trồng lại bằng cách phê duyệt các mô hình đồng quản lý có sự tham gia của cộng đồng/hộ gia đình (gồm có quản lý tổng hợp vùng ven biển). Khung quy trình về hạn chế tiếp cận theo OP/BP4.12 cũng sẽ được chuẩn bị trong quá trình thực hiện hợp phần này để hướng dẫn các quy trình và thủ tục về tất cả các hoạt động tiểu dự án tương lai nhằm xác định, đánh giá, giảm thiểu và giảm nhẹ các tác động không mong muốn tiềm ẩn đối với sinh kế địa phương.

An toàn Đập nước(OP/BP 4.37), Các dự án về đường thủy quốc tế (OP/BP 7.50) và Các dự án tại Khu vực tranh chấp (OP/BP 7.60)

58. Dự án sẽ không tài trợ bất kỳ việc xây dựng đập và/hoặc hồ chứa và/hoặc các hoạt động dự án không bị ảnh hưởng bởi các đập nước theo quy định trong OP/BP 4.37. Dự án sẽ không liên quan đến bất kỳ đường thủy quốc tế nào mà có thể ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa NHTG và Bên vay của NHTG và giữa các nhà nước quốc gia ven bờ sông (OP/BP 7.50) và/hoặc ở vị trí đang có tranh chấp (OP/BP 7.60), vì thế các chính sách này sẽ không được áp dụng trong dự án này.

Chính sách của NHTG về tiếp cận thông tin<sup>9</sup>

59. Chính sách về tiếp cận thông tin của NHTG nhằm đảm bảo rằng các cá nhân và các nhóm người bị ảnh hưởng bởi dự án được thông báo về mục tiêu và tác động của dự án, và được tham vấn trong suốt thời gian của dự án để đảm bảo rằng họ được bày tỏ những quan tâm của mình. Các tài liệu chính sách đảm bảo an toàn sẽ được công bố tại địa phương ở các vùng dự án và tại InfoShop của NHTG, gồm một trung tâm tài nguyên tại Washington DC và một cơ sở dữ liệu điện tử, cho phép công chúng tiếp cận thông tin về các dự án và chương trình của NHTG.

60. Chính sách của NHTG yêu cầu trong quá trình đánh giá môi trường, chính phủ thực hiện các tham vấn có ý nghĩa với những người liên quan như các nhóm bị ảnh hưởng và các tổ chức phi chính phủ địa phương về các khía cạnh môi trường và xã hội của dự án và đưa các quan điểm của họ vào thiết kế dự án. Tất cả các bản dự thảo hướng dẫn về đảm bảo an toàn đã được công bố tại địa phương ở những nơi dễ tiếp cận và với hình thức và ngôn ngữ dễ hiểu đối với những đối tượng liên quan chủ chốt và bằng tiếng Anh tại InfoShop trước khi thẩm định dự án.

Các Hướng dẫn Môi trường, Sức khỏe và An toàn của NHTG<sup>10</sup>

61. Các dự án do NHTG tài trợ phải lưu ý các Hướng dẫn về Môi trường, Sức khỏe và An toàn của Nhóm NHTG (được gọi là "Hướng dẫn EHS"). Hướng dẫn EHS là tài liệu tham khảo kỹ thuật với các ví dụ chung và cụ thể theo ngành nghề về các Thực hành tốt quốc tế cho các ngành nghề. Tài liệu này gồm có các cấp độ và biện pháp thực hiện thông thường đạt yêu cầu của NHTG và nói chung được coi là có thể thực hiện được ở các cơ sở mới với chi phí hợp lý với công nghệ hiện tại. Quy trình đánh giá môi trường có thể khuyến nghị các yêu cầu cụ thể cho dự án hoặc cho địa điểm thực hiện về các mức độ (thấp hơn hoặc cao hơn) hoặc các biện pháp thay thế mà có thể được

<sup>9</sup> Chi tiết về Chính sách của NHTG về tiếp cận thông tin có tại <http://www.worldbank.org/en/access-to-information>

<sup>10</sup> Có thể tham khảo Hướng dẫn EHS có tại [www.ifc.org/ifcext/enviro.nsf/Content/EnvironmentalGuidelines](http://www.ifc.org/ifcext/enviro.nsf/Content/EnvironmentalGuidelines).



NHTG chấp nhận. Hướng dẫn EHS áp dụng cho MD-ICRSLP và đã được lồng vào Khung quản lý môi trường và xã hội (Phụ lục 3 và 4).

### **3.3 Các biện pháp phân tích và lấp đầy khoảng trống**

**62.** Việc áp dụng các chính sách đánh giá môi trường tại Việt Nam, cũng như các nỗ lực hướng tới hài hòa hóa chính sách giữa Chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ, đã từng bước thu hẹp khoảng cách giữa hai hệ thống. Tuy nhiên, sự khác biệt giữa các chính sách đảm bảo an toàn môi trường và những chính sách của NHTG. Sự khác nhau về chính sách và thủ tục cụ thể và những biện pháp được đề xuất để lấp đầy các khoảng trống sẽ được áp dụng cho dự án FMCRP được trình bày trong Bảng 3.1 dưới đây. Trong bối cảnh này, Khung quản lý môi trường và xã hội yêu cầu phải chuẩn bị KH quản lý môi trường và xã hội theo các nội dung trong Phụ lục 3 còn việc chuẩn bị Kế hoạch hành động tái định cư và Kế hoạch Phát triển DTTS sẽ tương ứng tuân thủ Khung chính sách tái định cư và Khung chính sách DTTS. Các chủ tiêu dự án/chủ các hoạt động phải tuân thủ các quy định Đánh giá tác động môi trường của Chính phủ Việt Nam.

Bảng 3.1: Tóm tắt Quá trình đánh giá môi trường của Việt Nam với WB và đề xuất các giải pháp hài hòa chính sách cho dự án

Giai đoạn đánh giá môi trường	WB (quy định trong chính sách OP/BP 4.01 về Đánh giá môi trường)	Việt Nam (quy định trong Nghị định 18/2015/NĐ-CP, Thông tư 27/2015/TT-BTNMT)	Giải pháp hài hòa chính sách
<b>Sàng lọc</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân loại (A, B, C, FI)</li> <li>- Không có quy tắc chung để phân loại, áp dụng các chính sách an toàn và xác định công cụ đánh giá môi trường.</li> <li>- WB sẽ phân loại dự án theo nhóm A, B, C, FI căn cứ vào tính chất và mức độ của tác động đến môi trường và xã hội.               <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Nhóm A: yêu cầu Đánh giá môi trường đầy đủ.</li> <li>▪ Nhóm B: yêu cầu Đánh giá môi trường, Khung quản lý môi trường và xã hội hoặc Kế hoạch quản lý môi trường.</li> <li>▪ Nhóm C: không yêu cầu Đánh giá môi trường.</li> <li>▪ Nhóm FI: yêu cầu Đánh giá môi trường hoặc Khung quản lý môi trường và xã hội hoặc cả hai.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân loại: Phụ lục I, II, III và IV của Nghị định 18/2015.</li> <li>- Có quy tắc và quy định cố định như tại Phụ lục I, II và III - Danh sách các dự án phải trình và phê duyệt SEA và Đánh giá tác động môi trường.</li> <li>- Tất cả các dự án không được liệt kê.</li> <li>- Thông thường các chủ dự án tự sàng lọc dựa trên việc phân loại nêu trong Nghị định 18/2015 và tham khảo ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường (DONRE) hoặc Tổng cục môi trường (VEA) để phân loại và yêu cầu báo cáo đánh giá môi trường cho phù hợp với dự án:               <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Dự án theo quy định tại Phụ lục I, II, III: cần phải chuẩn bị đánh giá môi trường chiến lược hoặc đánh giá tác động môi trường</li> <li>▪ Dự án theo quy định tại Phụ lục IV: không cần Đánh giá tác động môi trường</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tùy ý cách tiếp cận của WB (thay đổi theo từng dự án) trong quá trình sàng lọc, tùy thuộc vào mức độ tác động của dự án, và sau đó để xác định loại đánh giá môi trường của dự án.</li> <li>- Kiểm tra quy mô và mức độ tác động theo loại hình và quy mô dự án, vị trí dự án, tính nhạy cảm của các vấn đề môi trường và xã hội, tính chất và mức độ của các tác động tiềm tàng.</li> </ul>

		<p>trường và Kế hoạch bảo vệ môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Dự án không theo quy định tại Phụ lục I, II, III và IV: yêu cầu lập Kế hoạch bảo vệ môi trường</li> </ul>	
<b>Công cụ đánh giá môi trường</b>	<p>- Căn cứ vào tác động của dự án, một loạt các công cụ được sử dụng để đáp ứng yêu cầu của WB, bao gồm: Khung quản lý môi trường và xã hội, Đánh giá môi trường chi tiết; các Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội, Đánh giá môi trường theo lĩnh vực và vùng; Đánh giá môi trường chiến lược; Đánh giá nguy cơ hoặc rủi ro; Kiểm toán môi trường. WB cung cấp hướng dẫn chung cho việc thực hiện từng công cụ.</p>	<p>- Loại công cụ đánh giá môi trường như: đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được quy định tại Phụ lục I, II, III và IV của Nghị định 18/2015.</p>	<p>Tuân thủ yêu cầu của WB về loại công cụ đánh giá môi trường cần thiết</p>
<b>Phạm vi</b>	<p>- WB giúp bên vay trong việc dự thảo TOR, xác định phạm vi, thủ tục, tiến độ và nội dung của báo cáo đánh giá môi trường.</p> <p>- Đối với các dự án nhóm A, yêu cầu xây dựng TOR về Đánh giá tác động môi trường và xã hội, tiến hành xác định phạm vi và tham vấn trong quá trình chuẩn bị TOR cho báo cáo đánh giá môi trường.</p>	<p>- Không yêu cầu xây dựng TOR cho báo cáo đánh giá môi trường.</p> <p>- Thông thường sau khi tham khảo ý kiến của Sở TN &amp; MT hoặc Tổng cục Môi trường về loại đánh giá môi trường, chủ dự án sẽ tiến hành chuẩn bị báo cáo đánh giá môi trường.</p>	<p>- Thực hiện theo các TOR của Đánh giá môi trường nhanh chóng, Đánh giá môi trường chiến lược, Khung quản lý môi trường và xã hội, Đánh giá tác động môi trường và xã hội và Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội.</p> <p>- Tuân thủ theo các TOR của WB, yêu cầu xác định phạm vi và tham vấn cộng đồng.</p>

<p><b>Tham vấn cộng đồng</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong quá trình đánh giá môi trường, Bên vay cần tham vấn cho nhóm người bị ảnh hưởng và các Tổ chức phi chính phủ địa phương về các khía cạnh môi trường của dự án và xem xét ý kiến của họ.</li> <li>- Đối với các dự án nhóm A, Bên vay tham vấn cho nhóm này ít nhất 2 lần: (a) ngay sau khi sàng lọc môi trường và trước khi hoàn thiện TOR về đánh giá môi trường; và (b) ngay sau khi chuẩn bị bản dự thảo báo cáo đánh giá môi trường. Ngoài ra, trong suốt quá trình thực hiện dự án khi cần thiết, Bên vay cần tham vấn các nhóm này để giải quyết các vấn đề liên quan đến đánh giá môi trường mà có ảnh hưởng đến họ. Đối với các dự án nhóm B, cần tiến hành tham vấn công khai ít nhất 1 lần.</li> <li>- Cuộc tham vấn chỉ có ý nghĩa khi Bên vay cung cấp các tài liệu dự án có liên quan trước khi tham vấn bằng hình thức, sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu và dễ tiếp cận với họ.</li> <li>- Biên bản các cuộc họp với cộng đồng được đính kèm trong báo cáo.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ dự án phải tham vấn UBND xã, phường và thị trấn (sau đây gọi chung là xã) nơi thực hiện dự án, các tổ chức và cộng đồng chịu tác động trực tiếp từ dự án; nghiên cứu và tiếp thu những ý kiến khách quan, kiến nghị hợp lý của các đối tượng liên quan để hạn chế các tác động xấu của dự án đến môi trường tự nhiên, đa dạng sinh học và sức khỏe cộng đồng.</li> <li>- UBND xã nơi thực hiện dự án và các tổ chức chịu tác động trực tiếp từ dự án phải được tham vấn. Chủ dự án sẽ gửi Đánh giá tác động môi trường kèm với yêu cầu cho ý kiến bằng văn bản tới UBND xã nơi thực hiện dự án và các tổ chức chịu tác động trực tiếp từ dự án. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được Đánh giá tác động môi trường, UBND xã nơi thực hiện dự án và các tổ chức chịu tác động trực tiếp từ dự án phải gửi ý kiến phản hồi của mình nếu họ phản đối dự án.</li> <li>- Việc tham vấn người dân chịu tác động trực tiếp từ dự án sẽ được tiến hành dưới hình thức họp cộng đồng do Chủ dự án và UBND xã nơi thực hiện dự án đồng chủ trì với sự tham gia của các đại diện từ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại xã, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức nghề nghiệp – xã hội, các tổ dân phố và thôn do UBND xã triệu tập.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham vấn đánh giá môi trường dựa theo quy định đánh giá môi trường của chính phủ là chưa đủ và Bên vay cũng như việc tham vấn cần tuân theo các yêu cầu của WB về tham vấn và công bố thông tin trong quá trình đánh giá môi trường.</li> <li>- Tham vấn tốt sẽ giúp ích cho việc thiết kế dự án và đóng góp vào kết quả về môi trường của dự án.</li> </ul>
----------------------------------	---	---	---

		Tất cả các ý kiến của các đại biểu tham dự cuộc họp phải được ghi đầy đủ và trung thực trong biên bản cuộc họp.	
<b>Công bố thông tin</b>	Trước khi WB tiến hành thẩm định dự án, báo cáo đánh giá môi trường phải được công bố tại nơi mà những nhóm người bị ảnh hưởng và các Tổ chức phi chính phủ địa phương có thể tiếp cận được. Ngay sau khi WB nhận được báo cáo chính thức, WB sẽ công bố bản tiếng Anh của báo cáo lên trang thông tin Infoshop.	Sau khi báo cáo Đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Chủ dự án sẽ lập, phê duyệt và niêm yết công khai Kế hoạch quản lý môi trường tại trụ sở UBND xã, trong đó, thực hiện tham vấn cộng đồng để cung cấp thông tin cho người dân kiểm tra và giám sát. (Điều 16, Nghị định 18/2015).	Thực hiện theo chính sách của WB về Tiếp cận thông tin trong việc công bố thông tin dự án, bao gồm các công cụ đánh giá môi trường.
<b>Chuyên gia độc lập</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với các dự án nhóm A, Bên vay thuê chuyên gia độc lập, không liên quan gì đến dự án để thực hiện đánh giá môi trường.</li> <li>- Đối với các dự án nhóm A mà có rủi ro môi trường cao hoặc tác động đa chiều, Bên vay nên thuê Ban cố vấn độc lập, các chuyên gia môi trường quốc tế để tư vấn về các khía cạnh của dự án có liên quan đến đánh giá môi trường.</li> <li>- Các chuyên gia/ đơn vị tư vấn sẽ được lựa chọn thông qua quá trình đấu thầu dưới sự giám sát chặt chẽ của WB.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chính sách của Việt Nam không có quy định.</li> <li>- Chủ dự án sẽ lập hoặc thuê một tổ chức đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1, Điều 13 (Nghị định 18/2015) để chuẩn bị báo cáo Đánh giá tác động môi trường. Chủ dự án hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn phải đáp ứng các điều kiện sau đây: (i) Có cán bộ thực hiện đánh giá tác động môi trường với trình độ đại học trở lên và có Chứng chỉ tư vấn đánh giá tác động môi trường; (ii) Có cán bộ chuyên ngành liên quan đến dự án với trình độ từ đại học trở lên; (iii) Có cơ sở vật chất – kỹ thuật, các thiết bị đặc dụng dùng cho đo đạc, lấy, xử lý và phân tích mẫu môi trường đạt yêu</li> </ul>	Tuân thủ yêu cầu của WB để tránh xung đột về lợi ích.

		cầu kỹ thuật. Trong trường hợp không có các thiết bị đặc dụng đáp ứng yêu cầu, phải có hợp đồng thuê đơn vị có đủ năng lực.	
<b>Thủ tục rõ ràng</b>	Nội bộ WB chịu trách nhiệm xem xét. Nếu báo cáo Đánh giá môi trường đạt yêu cầu, WB sẽ ban hành Biên bản thông qua. Nếu báo cáo Đánh giá môi trường cần phải sửa lại, WB sẽ ban hành Biên bản thông qua với điều kiện rằng Bên vay sẽ sửa đổi lại đánh giá môi trường đáp ứng theo yêu cầu của WB để ban hành Biên bản lần cuối.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ TN&amp;MT sẽ thẩm định và phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định tại Phụ lục III của Nghị định này, trừ các dự án thuộc diện bí mật quốc phòng và an ninh quốc gia.</li> <li>- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ sẽ thẩm định và phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường của dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt đầu tư, trừ các dự án nêu tại Phụ lục III của Nghị định này;</li> <li>- UBND tỉnh sẽ thẩm định và phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường của dự án tại tỉnh, trừ các dự án nêu trên.</li> <li>- Thời hạn thẩm định không quá 45 ngày làm việc ở cấp Bộ TN&amp;MT, 30 ngày làm việc ở cấp Sở TN&amp;MT và 5 ngày làm việc ở cấp huyện sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ về Đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường.</li> </ul>	- Ngoài các quy định của Chính phủ, cần phải tuân thủ thủ tục xem xét và thông qua của WB.
<b>Yêu cầu về số lượng và ngôn ngữ dùng cho</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không quy định số bản báo cáo phải nộp.</li> <li>- Ngôn ngữ yêu cầu: tiếng Anh cho phía Việt Nam và ngoài ra đối với dự án nhóm A còn yêu cầu thêm bản tóm tắt bằng tiếng Anh.</li> </ul>	- Các chủ dự án phải nộp ít nhất 07 bản báo cáo Đánh giá tác động môi trường (phụ thuộc vào số lượng thành viên Hội đồng thẩm định) và một bản báo cáo Nghiên cứu khả thi hoặc Lập luận kinh tế - kỹ thuật	Tuân thủ theo hướng dẫn của WB và các yêu cầu của Chính phủ VN.

<b>Đánh giá tác động môi trường trong quá trình thẩm định</b>	- Không có yêu cầu về khảo sát tính khả thi: WB sẽ không thảo luận về việc đầu tư nếu Bên vay không chuẩn bị các nghiên cứu kỹ thuật cần thiết để chứng minh các khoản đầu tư có tính khả thi về kỹ thuật và kinh tế - xã hội.	cho dự án đề xuất.	
<b>Nội dung báo cáo Đánh giá tác động môi trường</b>	Category A project contains the following major contents: - Dự án nhóm A gồm các nội dung chính sau: tuân thủ với Phụ lục B của chính sách OP 4.01 – Nội dung báo cáo Đánh giá môi trường cho dự án nhóm A. - Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của các dự án nhóm B tương tự nội dung như của các dự án nhóm A.	Báo cáo Đánh giá môi trường cần tuân thủ theo Thông tư 27/2015/TT-BTNMT.	Đối với năm đầu của các tiểu dự án: chuẩn bị cả Đánh giá tác động môi trường và xã hội và Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội cho WB, và Đánh giá tác động môi trường/ Kế hoạch bảo vệ môi trường cho phía Việt Nam. Đối với các tiểu dự án còn lại: - Các tiểu dự án nhóm B: Đánh giá tác động môi trường và xã hội và Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội cho WB, và Đánh giá tác động môi trường/ Kế hoạch bảo vệ môi trường cho phía Việt Nam. - Các tiểu dự án nhóm A: có 2 lựa chọn: i) tuân thủ 2 nội dung Đánh giá tác động môi trường riêng biệt của WB và Chính

			<p>phủ VN; ii) tuân thủ mẫu Đánh giá tác động môi trường của Chính phủ VN kết hợp với các yêu cầu của WB về phân tích, đánh giá tác động lũy kế, tham vấn và công bố công khai, và các yêu cầu về Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội.</p>
<p><b>Giám sát đánh giá môi trường</b></p>	<p>Trong quá trình thực hiện dự án, WB sẽ giám sát các vấn đề môi trường của dự án theo các điều khoản về môi trường và nội dung báo cáo của Bên vay như đã thống nhất trong Hiệp định vốn vay và theo quy định trong các tài liệu khác của dự án, để xác định xem việc tuân thủ giao ước môi trường (chủ yếu là về Kế hoạch quản lý môi trường) của Bên vay có đạt yêu cầu không. Nếu không đạt yêu cầu, WB sẽ thảo luận lại với Bên vay để thực hiện các hành động cần thiết.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở TN&amp;MT tại địa phương được giao giám sát việc tuân thủ về môi trường của dự án.</li> <li>- Đến cuối giai đoạn xây dựng của dự án, các cơ quan quản lý môi trường sẽ phối hợp với các cơ quan quản lý xây dựng giám sát việc tuân thủ các hoạt động quản lý môi trường được nêu trong Nghiên cứu đánh giá môi trường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án sẽ thiết lập hệ thống quản lý môi trường để theo dõi và giám sát việc tuân thủ chính sách an toàn trong suốt thời gian thực hiện.</li> <li>- Tuân thủ các yêu cầu trong Hiệp định vốn vay, Kế hoạch quản lý môi trường và hợp đồng với các nhà thầu để theo dõi và giám sát việc tuân thủ chính sách an toàn.</li> </ul>



#### 4. TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI TIỀM NĂNG CỦA DỰ ÁN

63. Theo Nghiên cứu tiền khả thi (dự thảo tháng 12/2016), phạm vi và kết quả mục tiêu đầu ra của các hoạt động của tiểu dự án có thể được tóm tắt như sau (Bảng 4.1) và chúng đã được sử dụng để đánh giá các tác động:

Bảng 4.1 Tóm tắt các hoạt động của tiểu dự án

Hợp phần và các hoạt động	Kết quả mục tiêu đầu ra
<b>Hợp phần 1: Cho phép quản lý rừng ven biển hiệu quả</b>	
(1.1) Nâng cao hiệu quả quy hoạch không gian vùng ven biển	01 báo cáo nghiên cứu về tình trạng sử dụng tài nguyên khu vực ven biển; 01 báo cáo nghiên cứu về tình trạng quy hoạch không gian vùng ven biển của 8 tỉnh; một số hội thảo về sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên ở vùng ven biển cũng như quy hoạch không gian vùng ven biển với sự tham gia của các bên liên quan; chuẩn bị 2 - 3 kế hoạch quy hoạch không gian vùng ven biển ở huyện hoặc xã; và xây dựng và ban hành 01 hướng dẫn về quy hoạch không gian vùng ven biển.
(1.2) Hỗ trợ cải thiện sản xuất giống cây thông qua các đơn vị tại khu vực	01 báo cáo về quản lý giống cây và năng suất trồng rừng; 01 nghiên cứu đánh giá về năng suất rừng trồng và chuỗi giá trị sản phẩm lâm nghiệp; tổ chức gần 10 cuộc tập huấn kỹ thuật về sản xuất giống cây; và một số giống cây được công nhận là giống cây đạt tiêu chuẩn để cung cấp giống.
(1.3) Định giá và tăng cường Chi trả dịch vụ hệ sinh thái rừng cho rừng ven biển	01 nghiên cứu về giá trị rừng ven biển, bao gồm các giá trị kinh tế và môi trường; 01 nghiên cứu đánh giá về thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng ở khu vực dự án; xây dựng một vài mô hình chi trả dịch vụ môi trường rừng ven biển; và hoàn thiện phương pháp định giá rừng và cơ chế chi trả dịch vụ rừng ven biển.
<b>Hợp phần 2: Phục hồi và phát triển rừng ven biển</b>	
(2.1) Trồng và bảo vệ rừng ven biển mục tiêu	Rà soát kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng tại 351 xã ven biển thuộc 53 huyện được hợp nhất từ 54 huyện ở 8 tỉnh tham gia dự án; rà phá bom mìn còn sót lại: 3.938 ha; khoán rừng ven biển: 72.080 ha; đóng mốc giới đất rừng ven biển: 39.500 mốc giới; bố trí bảo vệ rừng ven biển: rừng ngập mặn: 17.260 ha và rừng trên cạn ven biển: 33.017 ha; phục hồi rừng: rừng ngập mặn: 4.878 ha và rừng trên cạn ven biển: 6.925 ha; trồng mới rừng: rừng ngập mặn: 5.598 ha và rừng trên cạn ven biển: 4.402 ha; và trồng phân tán: 10 triệu cây.
(2.2) Tăng cường tỷ lệ sống của rừng ven biển	Tạo kè mềm để trồng rừng: 24.000 m; công trình đê chắn sóng (kè cứng bê tông): 5.000 m; bảng nội quy bảo vệ rừng: 196 bảng; trạm bảo vệ rừng: 18 trạm; đường lâm nghiệp: 132 km; cải tạo và nâng cấp đê: 129 km.
<b>Hợp phần 3: Tạo lợi ích bền vững từ rừng ven biển</b>	
(3.1) Các gói đầu tư cho	Có ít nhất 225 gói đầu tư cho cộng đồng ở các xã tham gia dự

<b>Hợp phần và các hoạt động</b>	<b>Kết quả mục tiêu đầu ra</b>
nông dân hoặc nhóm hộ gia đình để giúp họ thực hiện các hoạt động sinh kế nhằm giảm sự phụ thuộc và thu nhập từ rừng (3.2) <i>Nhu cầu cơ sở hạ tầng cho sản xuất</i>	án và khả năng đẩy mạnh việc tạo lợi ích bền vững lâu dài từ rừng ven biển: 74 khóa.  Có ít nhất 225 gói đầu tư cho cộng đồng ở các xã tham gia dự án và khả năng đẩy mạnh việc tạo lợi ích bền vững lâu dài từ rừng ven biển: 74 khóa.
Hợp phần 4: Quản lý, giám sát và đánh giá dự án	Sửa chữa văn phòng làm việc: 9 đơn vị; nâng cao khả năng quản lý dự án: 14 khóa; kế hoạch giám sát và đánh giá; các kế hoạch quản lý môi trường và xã hội; và hỗ trợ kỹ thuật: 04 nhóm chuyên gia.

#### 4.1 Những tác động tích cực tiềm năng

64. *Những tác động chung từ các hoạt động của dự án được hy vọng phần lớn là tích cực đối với các khía cạnh môi trường và xã hội.* Việc bảo vệ, phục hồi, trồng rừng ven biển và rừng ngập mặn có sự tham gia chủ động của chính quyền và cộng đồng địa phương sẽ làm tăng diện tích rừng ven biển/ ngập mặn ở khu vực dự án, nâng cao chất lượng hệ sinh thái và kết nối môi trường sống, góp phần tạo ra thu nhập cho người dân địa phương. Những đối tượng hưởng lợi của dự án gồm: các cộng đồng sống ven biển, các hộ gia đình lâm nghiệp quy mô nhỏ tham gia vào quản lý rừng bền vững cũng như các BQLRPH, BQLRCD, chính quyền tỉnh, huyện và xã, và Bộ NN&PTNT. Dự án được hy vọng sẽ trực tiếp đem lại lợi ích cho khoảng 300.000 người sống ở các khu vực tiểu dự án mục tiêu tại khoảng 247 xã thuộc 47 huyện. Khu vực Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ được xem là khá quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội và an toàn thực phẩm của Việt Nam, nhưng lại đang phải đối mặt với nguy cơ cao của các thảm họa tự nhiên, các hiện tượng khí hậu (bão), và mực nước biển dâng cao. Tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của cộng đồng và chính quyền địa phương ở các khu vực dự án thông qua phục hồi và trồng rừng ven biển, rừng ngập mặn vừa có thể giúp giải quyết các vấn đề này với chi phí thấp hơn, vừa tăng khả năng phục hồi của người dân địa phương.

65. Những tác động tiềm năng tích cực có thể định tính được làm rõ cụ thể như sau:

- *Thực hiện Hợp phần 1* sẽ giúp duy trì các đầu vào và kinh phí cần thiết trong các điều kiện vị trí để phục hồi rừng ven biển nhằm giảm nguy cơ bão lụt và mực nước biển dâng cao. Điều này làm tăng khả năng của Chính phủ trong việc giải quyết các vấn đề của ngành thông qua ứng dụng quy hoạch tổng thể (ISP), công nghệ hạt giống thích hợp và khả năng tài chính (PFES) nhằm đem lại lợi ích cho cộng đồng địa phương. Áp dụng công cụ ISP có thể giúp nâng cao sự phối hợp hiệu quả giữa các dự án phát triển và các hoạt động tại khu vực dự án trong quá trình lập kế hoạch và quản lý, trong khi áp dụng công nghệ hạt giống thích hợp có thể làm tăng tỷ lệ sống của cây. Cơ chế PFES đã được áp dụng thành công tại Đồng bằng sông Cửu Long và sẽ được nhân rộng ở khu vực dự án nếu có thể mở rộng quy mô.

- *Thực hiện Hợp phần 2* có thể đẩy mạnh việc phục hồi và bảo vệ diện tích rừng cũng như giúp cải thiện việc thực hành lâm sinh và cấu trúc cần để mở rộng và quản lý rừng ven biển và tăng tỷ lệ sống của cây. Dự án sẽ tiến hành bảo vệ khoảng 50.000 ha rừng ven biển, phục hồi 10.000 ha rừng ven biển, trồng 5.000 ha rừng ngập mặn, và trồng 4.000 ha rừng trên đất cát. Hợp phần này cũng được hy vọng sẽ giúp nâng cao hiệu quả việc quản lý rừng ven biển (khác với rừng trong đất liền). Phần lớn rừng ven biển được phân loại chủ yếu là rừng phòng hộ và do Chính phủ trực tiếp quản lý thông qua UBND xã, BQLRPH, hoặc BQLRĐD. Một vài khu rừng phòng hộ ven biển đã được giao tạm cho các doanh nghiệp hoặc các tổ chức du lịch quản lý như Sầm Sơn và Cửa Lò. Các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng có quyền sử dụng đất và tiếp cận rất hạn chế đối với rừng ven biển.
- *Thực hiện Hợp phần 3* bằng cách phối hợp với đơn vị tư nhân thúc đẩy các mô hình phát triển sinh kế có thể đem lại và/hoặc đa dạng hóa lợi ích từ việc bảo vệ và duy trì rừng ven biển. Hỗ trợ kinh phí (phát triển và hoạt động của các cơ sở sản xuất) cho cộng đồng và chính quyền địa phương thông qua tài trợ các lô đất cạnh tranh (khoảng 225 gói) có thể giúp người dân và chính quyền địa phương tại khu vực dự án tăng cường lợi ích của việc bảo vệ và phục hồi rừng ven biển cũng như tính bền vững của rừng. Để tăng cường các tác động tiềm năng tại khu vực, có thể xem xét, chia sẻ vào thảo luận định kỳ với chính quyền và cộng đồng địa phương về những kinh nghiệm từ việc thực hiện các tiểu dự án này nhằm nhân rộng và/hoặc tăng quy mô.
- *Thực hiện Hợp phần 4* sẽ đảm bảo thực hiện hiệu quả và kịp thời các hoạt động của dự án, bao gồm chuẩn bị và thực hiện các công vụ an toàn (Khung quản lý môi trường và xã hội/ Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội, Khung chính sách tái định cư/ Kế hoạch hành động tái định cư, và Khung chính sách dân tộc thiểu số/ Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số) được áp dụng cho tiểu dự án/ các hoạt động. Tiến hành tập huấn, xây dựng năng lực, và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết để tăng khả năng của BQLDA TƯ và BQLDA các tỉnh.
- Hơn nữa, thông qua việc thực hiện Hợp phần 2 và 3, dự án cũng sẽ tạo công ăn việc làm hoặc tăng lợi ích sinh kế từ việc tuyển dụng người dân địa phương. Các nhà thầu sẽ được khuyến khích sử dụng lao động địa phương làm những công việc đơn giản như: làm mịn đường, vận chuyển đất; ưu tiên cho các hộ nghèo, hộ gia đình chỉ có nữ, phụ nữ nếu họ cần công việc.
- Dựa theo các kết quả khảo sát của các hộ gia đình tham gia quá trình chuẩn bị dự án, người dân được khuyến khích rằng nếu dự án có thể tạo công ăn việc làm cho cộng đồng địa phương, thu nhập của họ sẽ tăng và điều kiện sinh sống của họ sẽ được cải thiện. Thu nhập tăng có thể tiết kiệm được nhiều hơn để đầu tư vào các hoạt động sản xuất khác hoặc vào việc giáo dục con trẻ. Việc tăng số lượng hộ gia đình tham gia bảo vệ và chăm sóc rừng phản ánh việc sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, qua đó có thể tăng độ che phủ rừng và cung cấp đầu vào lâu dài cho đời sống bền vững và lợi ích cho các cộng đồng.
- *Tác động đến giới tính:* Theo kết quả phỏng vấn, phụ nữ đã hưởng ứng nhiệt tình các hoạt động phục hồi và bảo vệ rừng. Bằng việc tham gia các hoạt động trồng và bảo vệ rừng, phụ nữ sẽ có cơ hội tham gia vào các hoạt động xã hội cũng như tăng thu nhập

của họ. Như thế sẽ có thêm các khoản tiết kiệm để đầu tư cho các hoạt động các hoặc cho việc giáo dục con trẻ. Điều này cũng giúp giảm bớt gánh nặng của phụ nữ trong gia đình.

66. Trong quá trình chuẩn bị dự án, WB đã nỗ lực ước tính lợi ích do dự án đem lại. Việc thực hiện thành công các hoạt động Hợp phần 1 có thể dẫn đến hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp ở khu vực ven biển trong khi thực hiện Hợp phần 4 có thể tăng thời gian và tính hiệu quả trong việc quản lý dự án và tạo điều kiện thực hiện các mục tiêu của dự án. Lợi ích chung của dự án là nhờ thực hiện thành công Hợp phần 2 và 3, và các lợi ích chính được làm rõ như sau:

- *Bảo vệ và phục hồi hệ thống rừng ven biển ở Hợp phần 2 có thể có lợi cho bảo vệ vùng ven biển, chống xói mòn, duy trì các hoạt động nuôi cá, cô lập khí CO<sub>2</sub> và các lợi ích khác từ việc thu thập và khai thác nguyên liệu, cung cấp thực phẩm từ các hệ sinh thái rừng ven biển, các hoạt động giải trí và du lịch. Đối với khu vực dự án, các giá trị lợi ích dự kiến được dự đoán (từ năm thứ 6 phục hồi và trồng rừng ngập mặn và từ năm thứ 2 bảo tồn/ bảo vệ rừng ngập mặn) vào khoảng \$17 US/ha/năm từ củi; \$991 US/ha/năm từ việc trồng và phục hồi rừng ngập mặn dưới 10 năm tuổi và \$1.289 US/ha/năm từ rừng ngập mặn hơn 10 năm tuổi; \$6.5 US/ha/năm từ hoạt động giải trí và du lịch; \$53.3 US/ha/năm từ việc bảo vệ rừng ngập mặn ven biển và chống xói mòn; \$78.8 US/ha/năm từ việc duy trì các hoạt động chăn nuôi thủy sản (nuôi cá); và khoảng \$2.205 US/ha/năm từ việc cô lập khí CO<sub>2</sub> đối với rừng ngập mặn từ 26 - 35 năm tuổi và \$3.666 US/ha/năm đối với rừng trên đất cát ven biển.*
- *Cải thiện kinh tế và sinh kế của cộng đồng ven biển từ rừng ven biển ở Hợp phần 3 có thể tăng thu nhập của các hộ gia đình địa phương (những người được hưởng lợi từ dự án) như sau:*

Mô hình sinh kế	Số lượng mô hình thực hiện	Chi phí đầu tư bình quân cho một mô hình (USD)	Lợi ích ròng bình quân – Tỷ lệ chi phí	Lợi ích ròng bình quân cho một mô hình (USD)	Tỷ lệ giá định của thu nhập tăng thêm	Thu nhập dòng tăng dự kiến (USD/mô hình/năm)
Cải thiện nuôi trồng thủy sản quảng canh	67	70,000	1.2	84,000	0.3	25,200
Nuôi trồng thủy sản thâm canh thông minh với khí hậu	30	100,000	0.6	60,000	0.3	18,000
Sản xuất chăn nuôi	120	90,000	0.2	54,000	0.3	22,680
Du lịch sinh thái	13	190,000	2.4	456,000	1.4	63,840

## 4.2 Những tác động tiêu cực tiềm ẩn

67. Hy vọng các tác động tiêu cực tiềm ẩn của dự án sẽ được kiểm soát và phần lớn chỉ là tạm thời, cục bộ và có thể giảm thiểu được. Các hoạt động/ tiêu dự án chính có thể gây ra tác động tiêu cực là trồng và phục hồi rừng; xây dựng, cải tạo và/hoặc hoạt động của các công trình cơ sở hạ tầng nhỏ; và hỗ trợ cải thiện sinh kế. Những tác động chính của các hoạt động dự án có thể được làm nổi bật qua từng hợp phần nhắc đến ở các phần dưới đây.

### 4.2.1 Những tác động của Hợp phần 1 và 4

68. Các tác động tiêu cực tiềm ẩn của Hợp phần 1 và 4 là rất nhỏ. Các hoạt động sẽ bao gồm hỗ trợ kỹ thuật, tập huấn, hội thảo, hàng hóa và các công trình quy mô rất nhỏ như nâng cấp văn phòng và/hoặc xây dựng tòa nhà văn phòng quy mô nhỏ. Để phù hợp với các hướng dẫn tạm thời của WB về Áp dụng các chính sách an toàn cho các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật đối với các dự án do WB tài trợ và do Quỹ Ủy thác của WB quản lý, tất cả các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật ở Hợp phần 1 sẽ được xem xét về các tác động và nguy cơ an toàn tiềm ẩn và sẽ được tiến hành tham vấn rộng rãi với sự tham gia chủ động của chính quyền, cộng đồng địa phương và các bên liên quan. Đối với các hợp đồng xây dựng nhỏ, sẽ áp dụng Quy tắc thực hành môi trường cho các công trình nhỏ.

### 4.2.2 Những tác động của Hợp phần 2 (Phục hồi và phát triển rừng ven biển, \$112,6 triệu)

69. Các tác động tiêu cực không nhiều và phần lớn các hoạt động mang tính địa phương và tạm thời nên có thể giảm trừ. Các hoạt động ở Hợp phần 2 sẽ bao gồm các khoản đầu tư vật chất về (a) trồng và phục hồi rừng ven biển (rừng ngập mặn và rừng phòng hộ trong đất liền ven biển), (b) nâng cấp và cải tạo đê, kè ven biển; (c) xây dựng và sửa chữa đường nông thôn (lâm nghiệp) và kênh mương thủy lợi; và (d) xây dựng cơ sở hạ tầng và cơ sở hạ tầng liên quan đến lâm nghiệp để giúp cải thiện các hoạt động sản xuất như các vườn ươm rừng, chòi canh, tạo điều kiện nuôi trồng thủy sản sinh thái. BQLDA tỉnh sẽ chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động trong thời gian chuẩn bị và xây dựng cơ sở hạ tầng và trồng rừng bao gồm mua sắm hàng hóa và các nguyên liệu đầu vào khác. Sau khi hoàn thiện trồng và/hoặc xây dựng, cộng đồng địa phương sẽ được giao (thông qua hợp đồng địa phương) cho bảo vệ và quản lý khu vực tiêu dự án. Các hoạt động cũng sẽ bao gồm hỗ trợ kỹ thuật cho việc trồng và thiết kế kỹ thuật của tiêu dự án, bao gồm giám sát các hoạt động trồng/ bảo vệ, xem xét hàng hóa và các nguyên liệu đầu vào khác.

70. Các tác động tiềm ẩn từ việc trồng và/hoặc bảo vệ rừng ven biển và rừng ngập mặn trong giai đoạn trước khi trồng và trồng rừng là không lớn. Nó có thể là mâu thuẫn về quyền sở hữu đất do phần lớn rừng ven biển được phân loại chủ yếu là rừng phòng hộ và do Chính quyền trực tiếp quản lý (UBND xã, BQLRPH, BQLRĐD hoặc các tổ chức tư nhân), cũng như tăng cường sử dụng thuốc trừ sâu và/hoặc các hóa chất nông nghiệp độc hại trong quá trình phát triển cây giống và chăm sóc cây con. Dự án đã được thiết kế để đẩy mạnh tính sở hữu và sự tham gia chủ động của các cộng đồng địa phương, và tham vấn hỗ trợ kỹ thuật (đơn vị trong nước) sẽ được huy động (bởi BQLDA TƯ và BQLDA tỉnh) để xác nhận khu vực tiêu dự án và hoàn thiện thiết kế chi tiết về các hoạt động của tiêu dự án thông qua sự tham gia chủ động của tất cả các bên liên quan, vấn đề sẽ được giải quyết thỏa

đáng. Để sử dụng chi phí hiệu quả, việc hỗ trợ kỹ thuật cũng cần phải xem xét Khung quản lý môi trường và xã hội và chuẩn bị Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội của tiểu dự án tuân theo các hướng dẫn tại Phụ lục 3 gồm trách nhiệm giám sát và theo dõi trong việc thực hiện và báo cáo Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội.

71. Các tác động trong quá trình xây dựng, nâng cấp và/hoặc cải tạo cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ cũng được hy vọng là không lớn và có thể giảm thiểu. Các tác động được tóm tắt như sau:

- (a). *Những tác động do thu hồi đất và tái định cư*: Hy vọng sẽ không phải thu hồi đất và/hoặc tái định cư. Tuy nhiên, nếu phải di dời mộ của các hộ gia đình và/hoặc có nhu cầu sử dụng đất ít, cần phải chuẩn bị một Kế hoạch hành động tái định cư ngắn gọn, phù hợp với Khung chính sách tái định cư và phải có Biên bản của WB trước khi thực hiện.
- (b). *Rủi ro an toàn liên quan đến bom mìn còn sót lại được cho là cao* do khu vực dự án bị đánh bom nặng nề trong chiến tranh.
- (c). *Các tác động trong quá trình giải phóng mặt bằng và xây dựng*: Dự đoán sẽ có 2 loại tác động: một là tác động cụ thể tại khu vực (như bom mìn còn sót lại và các rủi ro an toàn khác, các tác động về cảnh quan, hệ sinh thái, và/hoặc người sử dụng nước/đất; v.v...), và một là tác động chung do các công trình xây dựng (như làm tăng ô nhiễm không khí, tiếng ồn, nước; phát sinh rác thải, tắc nghẽn giao thông cục bộ, rối loạn cho người dân địa phương, v.v...). Trong khi những tác động do công trình xây dựng gây ra có thể được giảm thiểu bằng cách áp dụng Quy tắc thực hành môi trường, việc giảm các tác động cụ thể tại khu vực có thể được xác định trong quá trình chuẩn bị chi tiết của khu vực tiểu dự án và các hoạt động bao gồm cả nhu cầu cụ thể đối với cơ sở hạ tầng cũng có thể được xác định. Các chuyến thăm hiện trường tới khu vực tiểu dự án cho thấy rằng các tác động tiềm ẩn đến đa dạng sinh học và cảnh quan địa phương trong khi giải phóng mặt bằng và/hoặc nạo vét kênh rạch nhỏ là nhỏ trong khi tham vấn cộng đồng cho rằng không có trường hợp nào liên quan đến bom mìn còn sót lại. Tuy nhiên, đánh giá rủi ro do bom mìn còn sót lại sẽ được tiến hành ở khu vực tiểu dự án, đặc biệt là ở các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế và các hoạt động của tiểu dự án chỉ được tiến hành sau khi hoàn thành đánh giá này. Các tác động cụ thể tại khu vực sẽ được xác nhận trong quá trình sàng lọc an toàn (Phụ lục 2) và các biện pháp thích hợp sẽ được nêu trong Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (xem Phụ lục 3). Tất cả những yêu cầu này sẽ được nêu trong TOR của tư vấn hỗ trợ kỹ thuật để thiết kế tiểu dự án.

72. Các tác động giai đoạn triển khai trồng rừng và cơ sở hạ tầng được kỳ vọng mức Trung bình. Lượng lớn phân bón hóa học, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, chất kích thích tăng trưởng không dự định được sử dụng trong trồng, phục hồi rừng ven biển. Mặc dù vậy, trồng đơn loài có thể dẫn tới tăng sâu bệnh trong khi cháy rừng (rừng trên cát), và/hoặc các tác động tiêu cực khác đối với đa dạng sinh học đặc biệt các loài du nhập có thể xảy ra. Mặc dù vậy, các rủi ro được nhận định là nhỏ và có thể được giảm thiểu khi Chính phủ đã hình thành một số quy trình và/hoặc tiêu chuẩn về khía cạnh này và chúng sẽ được áp dụng, giám sát trong quá trình thực hiện các tiểu dự án. Dự án kỳ vọng cộng đồng sẽ được giao trách nhiệm bảo vệ và/hoặc chăm sóc hầu hết rừng trồng thông

quá các hợp đồng ký với chính quyền địa phương. Hiện tại, hợp đồng được ký với hộ gia đình và/hoặc doanh nghiệp nhà nước/tư nhân.

73. *Các tác động khác: Các tác động có thể xảy ra đối với hệ sinh thái ven biển và vận chuyển phù sa cũng như rủi ro an toàn tàu thuyền đối với ngư dân địa phương trong các tiểu hợp phần thiết lập rừng và/hoặc hàng rào phá (dưới nước hoặc cấu trúc mềm) tuy nhiên tác động nhỏ và có các giải pháp giảm nhẹ như giám sát chất lượng nước và hệ sinh thái và thiết lập các biển cảnh báo, chỉ dẫn sẽ được lồng ghép vào ESMP. Tất cả các yêu cầu phù hợp cho các địa điểm tiểu dự án và hoạt động (xem Phụ lục 3) cần được bao gồm trong TOR của Tư vấn kỹ thuật thiết kế tiểu dự án.*

#### **4.2.3 Các tác động của Hợp phần 3( Đầu tư phát triển sinh kế và kinh tế ven biển (IDA: 30 triệu; GoV: 5 triệu )**

74. Tác động tiêu cực của hợp phần được kỳ vọng ở mức Trung bình. Hợp phần này được thiết kế để hỗ trợ các cộng đồng địa phương tạo lợi ích bền vững từ rừng ven biển (i) Hỗ trợ nông dân hoặc các nhóm hộ phát triển hoạt động sinh kế nhằm giảm thiểu thu nhập phụ thuộc vào rừng, nguồn vốn có thể được sử dụng để mua nguyên liệu đầu vào cho công việc phụ trợ, nạo vét kênh mương, hỗ trợ kỹ thuật, tiếp cận thị trường và (ii) hỗ trợ các nhóm cộng đồng mà các gói đầu tư đã nhắc tới trong việc (i) tiếp cận thị trường và hỗ trợ kỹ thuật để thực hiện các hoạt động bao gồm cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ và công việc bổ trợ. Dự kiến khoảng 225 gói đầu tư sẽ được cung cấp thông qua rà soát cạnh tranh các đề xuất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng địa phương, và/hoặc chính quyền địa phương trong suốt 2-3 đầu thực hiện dự án. Các gói đầu tư được lựa chọn bao gồm (a) Hỗ trợ mở rộng hệ thống nuôi trồng thủy sản trong rừng ngập mặn hoặc thiết bị sản xuất giống thủy sản nhằm cải thiện kỹ thuật nuôi trồng theo hướng bền vững, duy trì và tăng năng suất, sản lượng theo hướng bảo vệ và phát triển rừng và bảo vệ môi trường; (b) Hỗ trợ hệ thống thủy sản thông minh theo hướng thích ứng với Biến đổi khí hậu; (c) Hệ thống sản xuất nông nghiệp cho các tỉnh Bắc Miền Trung như canh tác rau màu tại các địa phương; và (e) Hỗ trợ phát triển du lịch sinh thái dựa vào bảo vệ môi trường và bảo vệ rừng khu vực ven biển.

75. Các khu vực tiểu dự án bao gồm khu vực ven biển nơi nuôi trồng thủy sản, tôm chuyên biệt theo hướng sinh thái. Hầu hết các trang trại nuôi thủy sản được kỳ vọng dưới dạng gia đình vận hành quy mô nhỏ. Mức độ chuyên canh nuôi thủy sản và sử dụng thức ăn nuôi trồng là thấp. Mặc dù vậy, có một số quan ngại về hệ thống nuôi tôm bao gồm khả năng tích tụ phù sa từ các trang trại nuôi tôm, mức ô nhiễm cao hơn do nước thải từ nuôi tôm thâm canh, suy giảm hoặc mất rừng ngập mặn do quản lý thủy sản không kỹ lưỡng, và có thể sử dụng hóa chất gây hại. Phát triển du lịch sinh thái có thể có tác động rời rạc tới hệ sinh thái ven biển đặc biệt theo bờ biển Bắc Trung Bộ và các đảo có giá trị đa dạng sinh học cao, các loài thú quý hiếm, và một số bãi biển đẹp, nước sạch, và hệ sinh thái rừng ngập mặn/đại dương. Các vấn đề chính có thể liên quan đến buôn bán thú vật hoang dã; nguy cơ phá hủy các rạn san hô, cỏ biển, và/hoặc các loài thú có nguy cơ tuyệt chủng, hệ động vật và thực vật; du nhập loài ngoại lai; và có thể xuất hiện dịch bệnh. Các tác động quan ngại do không kiểm soát/không quản lý sự bùng nổ các mô hình sinh kế khu vực ngoại biên có thể hình thành các kết quả ngoài mong muốn.

76. Để giảm thiểu các tác động tiêu cực, hướng dẫn xác định các quan ngại liên quan đến mô hình sinh kế tiềm năng được cung cấp tại Phụ lục 3. Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật sẽ cung cấp các hướng

dẫn đi kèm nhwamf rà soát quy trình và đảm bảo rằng các đề xuất sẽ bao gồm ESMP phù hợp cho các tiểu dự án.

#### **4.3 Các tác động đối với Giới và Dân tộc thiểu số**

77. **Tác động với Giới:** Khu vực ven biển, phụ nữ phải chăm sóc gia đình, họ phụ thuộc vào các sản phẩm nông, lâm, thủy sản để có thu nhập và phát triển kinh tế gia đình. Bởi vậy, khi phụ nữ bị giới hạn tiếp cận và ra quyết định đối với lâm sản gây trở ngại quản lý và bảo vệ rừng.

78. **Tác động với Dân tộc thiểu số:** Tại Việt Nam, khu vực Miền Bắc và Miền Trung là nơi cư ngụ của nhiều nhóm dân tộc thiểu số (EM). Nghiên cứu<sup>1</sup> của SESA tại Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế (6 trên 8 tỉnh tham gia dự án) chỉ ra rằng các nhóm dân tộc thiểu số có ít lựa chọn cải thiện và đa dạng sinh kế so sánh với người Kinh đặc biệt các khó khăn khi phải thay đổi nông nghiệp thích ứng với thị trường. Điều này bởi dân trí thấp hơn và nhiều yếu tố khác bao gồm chấp lượng đất đai của dân tộc thiểu số và cần gắn kết họ với thị trường và thay đổi trong các chính sách, luật và qui định là cần thiết để giải quyết các vấn đề chính. Nghiên cứu xác định các rủi ro và thách thức để thực hiện REDD+ do các vấn đề liên quan đến đất đai; sinh kế và phụ thuộc vào rừng; lợi ích tiềm ẩn từ đất rừng; giới/bao hàm xã hội; tư vấn; và chính sách, luật, quy định và các khung tổ chức.

79. Mặc dù hiện trạng rừng ven biển khác so với khu vực trên cạn. Nghiên cứu SA cho dự án gợi ý rằng sự hiện diện của dân tộc thiểu số trong dự án tại tỉnh Quảng Ninh và Thanh Hóa là 21.685 người trong đó 186 người dân tộc thiểu số sống tại các xã mục tiêu của tiểu dự án. Tại 6 tỉnh còn lại (Hải Phòng, Hà Tĩnh, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế) hầu hết dân cư ven biển là người Kinh, dân tộc thiểu số là vợ/chồng của người Kinh, mặc dù các hộ này là ít, không quá 3 người trên 1 xã. Trong quá trình khảo sát, các nhóm dân tộc thiểu số tại Thanh Hóa không liên quan đến thu hồi đất và chịu ảnh hưởng nghiêm trọng từ dự án. Một điểm đáng chú ý về các nhóm dân tộc thiểu số sinh sống tại tỉnh Quảng Ninh và Thanh Hóa là mức và thu nhập được cải thiện khi họ di chuyển từ vùng núi đến sống tại khu vực ven biển. Hoạt động sinh kế chính là Thủy sản, Chăn nuôi, Trồng hoa màu, bởi vậy cuộc sống của họ phụ thuộc vào rừng ven biển. Bên cạnh đó, người dân tộc thiểu số sẽ được tham gia vào hoạt động dự án.

### **5. GIẢI PHÁP QUẢN LÝ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG**

80. Nhằm giảm thiểu tác động tiềm năng trong quá trình xây dựng, các góp ý từ chính quyền địa phương và cộng đồng về tác động tiêu cực được ghi nhận, Dự án sẽ kiểm tra và giám sát hoạt động của nhà thầu nhằm đảm bảo các nhà thầu thực hiện hoạt động tiểu dự án theo giải pháp quốc tế về kỹ thuật xây dựng công trình. ECOP đã được chuẩn bị như một phụ lục của ESMF và sẽ được bao gồm trong tài liệu đấu thầu và hợp đồng. Các nhà thầu phải được yêu cầu chuẩn bị Mặt bằng ESMP (SEMP) cho các tiểu dự án bao gồm xây dựng Quy trình giải quyết thắc mắc (GRM) và khởi động, duy trì mối quan hệ, tham vấn chính quyền địa phương và cộng đồng. Chủ tiểu dự án sẽ thuê tư vấn chất lượng để thực hiện giám sát định kỳ và báo cáo về hoạt động nhà thầu cùng như các vấn đề an toàn và các hành động được thực hiện trong quá trình triển khai tiểu dự án. Để điều tiết hoạt động xây dựng các công trình nhỏ (như văn phòng nhỏ và giám sát chất lượng nước), ECOP giản đơn được chuẩn bị. Để giảm nhẹ các tác động tiềm năng trong quá trình vận hành các cửa cống, kế hoạch cụ thể sẽ được chuẩn bị và hoàn thiện với sự tham vấn cộng đồng để đảm bảo các cửa cống được sự chấp thuận của chính quyền địa phương và cộng đồng. Đào tạo



safeguard và hỗ trợ kỹ thuật sẽ được cung cấp trong quá trình thực hiện của MD-ICRSLP. (Xem xét các giải pháp thích ứng cho hợp phần 1, và sau đó Hợp phần 2, 3, 4)

*(a) Các giải pháp giảm thiểu đối với thu hồi đất, tái định cư, và nhóm dân tộc thiểu số*

- *Thu hồi đất.* Thu hồi đất dự kiến sẽ được yêu cầu cho tất cả các tiểu hợp phần được đề xuất. Mặc dù vậy, do các tiểu hợp phần chưa được lựa chọn, một khung Chính sách tái định cư đã được xây dựng với tham vấn chính quyền và cộng đồng địa phương bao gồm quy trình liên quan tái thiết lập mộ.
- *Di dời mộ.* Nếu di dời mộ đơn thì sẽ được thực hiện bởi hộ gia đình có mộ bị ảnh hưởng (theo thực hành của Việt Nam). Tập tục di dời mộ có thể khác biệt giữa người Kinh và người dân tộc thiểu số. Các hộ gia đình bị ảnh hưởng sẽ nhận được chi trả bồi thường để tự di dời mộ. Chi trả di dời bao gồm: chi phí đào, di chuyển, hạ mộ lại, mua đất hạ mộ nếu cần, và các chi phí hợp lý nếu cần theo tục lệ tại địa phương. Tập tục địa phương có nghĩa là theo thực hành văn hóa địa phương, quan tâm đến nhu cầu văn hóa của từng nhóm dân tộc thiểu số. Khi khu vườn mộ sở hữu tập thể bởi các nhóm dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng, tham vấn cần thiết được tiến hành trong quá trình đánh giá xã hội trong tiểu dự án để xác định giải pháp được chấp thuận bởi các nhóm dân tộc thiểu số. Di dời mộ sẽ được thực hiện với sự hài lòng của các nhóm dân tộc thiểu số trước khi khởi công xây dựng. Di dời mộ và bồi thường sẽ được tài liệu hóa trong các RAP và EMDP của tiểu dự án dựa trên tham vấn với các hộ bị ảnh hưởng và nhóm dân tộc thiểu số khi thực hiện dự án.
- *Dân tộc thiểu số.* Dự án dự kiến sẽ liên quan đến dân tộc thiểu số và EMPF được chuẩn bị theo chính sách của Ngân hàng thế giới. Trong quá trình thực hiện dự án, khi vị trí tiểu dự án được xác định và sự hiện diện của dân tộc thiểu số được xác nhận, EMDP cho tiểu dự án sẽ được chuẩn bị và áp dụng. Dự kiến quy trình này sẽ được xây dựng trong quá trình lựa chọn địa điểm trong 2 năm đầu.

*(b) Giải pháp giảm nhẹ để giảm thiểu rủi ro UXO*

81. An toàn rủi ro liên quan đến UXO được xác định là cao khi khu vực dự án bị đánh bom nặng trong thời gian chiến tranh. Bởi vậy, đánh giá rủi ro UXO sẽ được thực hiện tại tất cả các địa điểm tiểu dự án, nếu được xác định, giải tỏa UXO (nếu cần) sẽ được thực hiện bởi đơn vị đảm bảo. Hoạt động xây dựng sẽ không được cho phép trước khi giải tỏa UXO.

*(c) Giải pháp giảm nhẹ trong quá trình giải phóng mặt bằng và giai đoạn xây dựng*

82. Nhằm giảm thiểu tác động tiềm năng trong quá trình xây dựng, các góp ý từ chính quyền địa phương và cộng đồng về tác động tiêu cực được ghi nhận, Dự án sẽ kiểm soát và giám sát hoạt động của nhà thầu và đảm bảo các nhà thầu thực hiện hoạt động tiểu dự án theo giải pháp quốc tế về kỹ thuật xây dựng công trình. ECOP đã được chuẩn bị như một phụ lục của ESMF và sẽ được bao gồm trong tài liệu đấu thầu và hợp đồng. Các nhà thầu phải được yêu cầu chuẩn bị Mặt bằng ESMP (SEMP) cho các tiểu dự án bao gồm xây dựng Quy trình giải quyết thắc mắc (GRM) và khởi động, duy trì mối quan hệ, tham vấn chính quyền địa phương, cộng đồng. Chủ tiểu dự án sẽ thuê tư vấn đảm bảo chất lượng để thực hiện giám sát định kỳ và báo cáo về hoạt động nhà thầu cũng như các vấn đề an toàn và các hành động được thực hiện trong quá trình triển khai tiểu dự án. Để điều tiết hoạt động xây dựng các công trình nhỏ (như văn phòng nhỏ và giám sát chất lượng nước), ECOP giản đơn được chuẩn bị.

83. ECOP là một phần của ESMP miêu tả các yêu cầu chủ chốt sẽ được nhà thầu thực hiện và giám sát bởi đơn vị giám sát thi công trong quá trình xây dựng. Điều này được thiết kế cho dự án

sẽ được áp dụng cho một dải công việc dân dụng quy mô từ nhỏ đến trung bình. Một số phần của ECOP sẽ được bao gồm trong một phụ lục của đấu thầu và hợp đồng tại bước thiết kế chi tiết.

- Gây bụi
- Ô nhiễm không khí
- Tác động ồn và rung
- Ô nhiễm nước
- Kiểm soát thoát nước và phù sa
- Quản lý kho dự trữ, khai thác đá và mỏ vật liệu
- Chất thải rắn
- Quản lý vật liệu nạo vét
- Sự phá vỡ vỏ thực vật và tài nguyên sinh thái
- Quản lý giao thông
- Ngắt quãng các dịch vụ tiện ích
- Sự phục hồi các khu vực bị ảnh hưởng
- Người lao động và an toàn công cộng
- Truyền thông với cộng đồng địa phương
- Tìm kiếm cơ hội

84. Đối với từng tiểu dự án, các tác động của địa điểm cụ thể với giải pháp riêng trong quá trình xây dựng và vận hành như giải pháp giảm nhẹ từng địa điểm giải tỏa UXO, các tác động đối với sạt lở bờ biển và/hoặc lắng đọng, vận chuyển địa phương, và/hoặc chất lượng nước. Các giải pháp sẽ được xác định trong ESIA và gắn với ESMP của tiểu dự án. Các giải pháp cụ thể nên được sử dụng gắn kết với quy định kỹ thuật của chính phủ và ECOP của tiểu dự án.

85. Giám sát chất lượng nước ven biển có thể cần thiết khi có người sử dụng nước khác bên cạnh địa điểm tiểu dự án. Mặc dù vậy, địa điểm của người sử dụng nước và phương pháp đo lường, địa điểm, thời gian sẽ được cung cấp trong ESMP.

#### (d) Giải pháp giảm nhẹ được xác định trong giai đoạn vận hành

86. Giải pháp giảm nhẹ các tác động chính trong quá trình vận hành liên quan rừng ven biển, trồng rừng ngập mặn và các cấu trúc liên quan sẽ được cân nhắc trong giai đoạn thiết kế chi tiết của tiểu dự án bởi Tư vấn kỹ thuật của Hợp phần 2. Giải pháp giảm nhẹ bao gồm tránh sự xâm chiếm loài ngoại lai, sử dụng chất hóa học nông nghiệp, và một số tác động có thể tới người sử dụng nước ven biển, kênh dẫn nước địa phương, về rủi ro sức khỏe cộng đồng và hệ sinh thái liên quan tới hóa chất sinh học sử dụng trong quy trình chăm sóc, duy trì, và/hoặc trong nông nghiệp và/hoặc mô hình minh chứng thủy sản được lựa chọn và/hoặc áp dụng. Đối với các tiểu dự án liên quan tới cấu trúc cứng mà có thể tăng rủi ro an toàn cho người sử dụng nước địa phương, giải pháp để đảm bảo an toàn cho người vận chuyển địa phương được yêu cầu và giám sát đường bờ cho các thay đổi về sạt lở bờ biển, lắng tụ, và sử dụng đất/nước do tiểu dự án tạo ra (xem Phụ lục 3).

#### (e) Giải pháp giảm nhẹ cho Hoạt động của Hợp phần 3

87. Dựa vào các hoạt động tiểu dự án (gói đầu tư) sẽ được hoàn thành trong 2 năm đầu thực hiện dự án thông qua rà soát và phê duyệt các đề xuất, Rà soát an toàn (Phụ lục 2) và chuẩn bị ESMP (Phụ lục 3) sẽ được chuẩn bị trong quá trình rà soát và phê duyệt các đề xuất. Các giải pháp

giảm nhẹ cho công việc dân dụng sẽ được bao gồm trong hồ sơ ECOP và giải pháp cụ thể từng địa bàn, trong khi đó các giải pháp liên quan đến mô hình sinh kế sẽ được lựa chọn cho từng địa điểm tiểu dự án bao gồm du lịch sinh thái được lựa chọn dựa vào hướng dẫn trong Phụ lục 3 và/hoặc đồng thuận với chuyên gia an toàn của Ngân hàng thế giới theo từng trường hợp. Các biện pháp sẽ được gắn vào thành một phần của ESMP cho tiểu dự án trong quá trình rà soát và phê duyệt đề xuất. ESMP, RAP, và/hoặc EMDP sẽ bao gồm trong đề xuất tiểu dự án như yêu cầu và việc thực hiện được giám sát, kết quả được báo cáo tới Ngân hàng thế giới như một phần của báo cáo giám sát an toàn. Sàng lọc an toàn, rà soát, phê duyệt, thực hiện, giám sát theo quy trình ESMP miêu tả tại phần VI.

**Bảng 5.1: Tác động tiêu cực tới xã hội và môi trường và các giải pháp giảm nhẹ được đề xuất**

Hợp phần, Tiểu hợp phần, & Phạm vi của hoạt động	Tác động tiềm ẩn tới môi trường và xã hội	Giải pháp giảm nhẹ được đề xuất	Cơ quan chịu trách nhiệm
<b>Hợp phần 1: Quản lý hiệu quả rừng ven biển (\$3+2M)</b>			
<b>C1.1: Nâng cao hiệu quả quy hoạch tổng hợp không gian vùng ven biển (\$0.73M).</b> Các hoạt động chính là hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực khác (tập huấn, in ấn, hội thảo, di chuyển, và hàng hóa)	Không có tác động tiêu cực đối với môi trường địa phương. Tuy nhiên cần tham vấn chủ động với cộng đồng địa phương để tránh các mâu thuẫn lợi ích tiềm năng liên quan đến sử dụng đất.	Rà soát TOR cho hỗ trợ kỹ thuật đối với an toàn rủi ro có thể xảy ra và đảm bảo rằng các hoạt động được triển khai dưới sự tham vấn chính quyền địa phương và cộng đồng	PMU của VNForest và CPMU
<b>C1.2 Hỗ trợ cải thiện sản xuất giống cây lâm nghiệp thông qua các trung tâm vùng (\$2.1M).</b> Các hoạt động chính tương tự với C 1.1 nhưng tập trung vào phát triển giống	Tương tự như C 1.1 các hoạt động giống có thể sử dụng phân bón và các chất hóa học gây hại khác	Rà soát TOR cho hỗ trợ kỹ thuật đối với an toàn rủi ro có thể xảy ra và đảm bảo rằng các hoạt động được triển khai dưới sự tham vấn chính quyền địa phương và cộng đồng. Nếu phân bón và/hoặc chất hóa học gây hại được sử dụng, giải pháp giảm nhẹ theo PMF (Phụ lục 5) nên được áp dụng	PMU của VNForest và CPMU
<b>C1.3 Định giá rừng và mở rộng thanh toán các dịch vụ hệ sinh thái rừng ven biển (\$2.2M).</b> Các hoạt động chính tương tự C 1.1 nhưng tập trung vào quy trình PFES	Tương tự C 1.1, thực hiện PFES liên quan đến du lịch sinh thái, tuần tra và thực thi các quy định, và quản lý bảo vệ có thể tạo ra một số tác động môi trường tiêu cực.	Rà soát TOR cho hỗ trợ kỹ thuật (PFES) đối với an toàn rủi ro có thể xảy ra và đảm bảo rằng các hoạt động được triển khai dưới sự tham vấn chính quyền địa phương và cộng đồng. Nếu cần thiết, hồ sơ hướng dẫn tại <u>Phụ lục 3</u> nên được áp dụng	PMU của VNForest và CPMU
<b>Hợp phần 2: Phát triển và khôi phục rừng ven biển (\$112.6M).</b>			
<b>C2.1 Trồng và bảo vệ rừng ven biển (\$93.5M).</b> Khu vực dự án (72.412 ha) bao gồm 257 xã tại 47 huyện. Các hoạt động chính sẽ bao gồm hỗ trợ kỹ thuật và đầu tư về bảo vệ và trồng rừng (rừng ven biển và rừng ngập mặn) bao gồm hợp đồng dài hạn với các chủ sở hữu địa phương và	<u>Trong quá trình chuẩn bị xây dựng và xây dựng</u>	Đảm bảo tham vấn với chính quyền địa phương và cộng đồng để làm rõ các vấn đề mà quan trọng nhằm đảm bảo rằng các cộng đồng địa phương có thể được ký hợp đồng để bảo vệ, chăm sóc, và đấu thầu tại các khu vực tiểu dự án	PPMUs  Kiểm tra bởi CPMU
	- Mâu thuẫn tiềm ẩn về quyền sử dụng đất  - Rủi ro UXO: Cao		
	Bảo vệ, trồng, cây giống, và đấu thầu có thể tạo ra những tác động cụ thể do loại hoạt động và vị	Đảm bảo lựa chọn địa điểm thích hợp, các loại thực vật, tiêu chuẩn cây giống, trồng và đấu thầu	Các PPMU và CPMU

Hợp phần, Tiểu hợp phần, & Phạm vi của hoạt động	Tác động tiềm ẩn tới môi trường và xã hội	Giải pháp giảm nhẹ được đề xuất	Cơ quan chịu trách nhiệm
đầu tư hạ tầng quy mô nhỏ (xây dựng, phục hồi chức năng và / hoặc nâng cấp), bảo vệ rừng. Mục tiêu là: 50.000 ha rừng ven biển được bảo vệ; 10.000 ha rừng ven biển phục hồi; 5.000 ha rừng ngập mặn được trồng; 4.000 ha rừng trên đất cát được trồng	trí của các khu vực tiểu dự án.	kỹ thuật cho rừng ngập mặn cũng như đối với rừng trên cát (xem Phụ lục 3)	
	<b>Trong khi vận hành</b>		
	Trồng sai địa điểm và / hoặc với thiết kế không đúng có thể gây ra sự thay đổi đáng kể trong dòng chảy ven biển và trầm tích và có thể ảnh hưởng tiêu cực đến người sử dụng nguồn tài nguyên ven biển khác.	Lựa chọn địa điểm và thiết kế kỹ lưỡng (Xem phụ lục 3)	Các PPMU và CPMU
	Tăng sự phát tán sâu bệnh: Trung bình	Lựa chọn các loài cây và mùa trồng rừng phù hợp với điều kiện tự nhiên của khu vực đề xuất nhằm ngăn ngừa rối loạn môi trường sống (xem Phụ lục 3);	Các PPMU và CPMU
	Tăng rủi ro cháy rừng: Trung bình	Phát triển các kế hoạch phòng chống cháy rừng được tích hợp với các kế hoạch thực hiện dự án bao gồm cả đào tạo (xem Phụ lục 3).	Các PPMU và CPMU
<b>C2.2: Bảo vệ các diện tích rừng trồng bằng các biện pháp bảo vệ ven biển (\$28.3M).</b> Tiểu hợp phần sẽ hỗ trợ các biện pháp công trình bổ sung để tăng tỷ lệ sống sót trồng rừng. Loại cấu trúc bao gồm những làm giảm tiếp xúc với áp lực của biển (sóng và dòng chảy thủy triều) và cấu trúc đó sẽ hỗ trợ cải thiện việc chăm	<u>Tác động trước khi xây dựng</u> Rủi ro UXO: Cao Thu hồi đất: nhỏ. Khi thu hồi đất, và / hoặc tái định cư sẽ không xảy ra và cộng đồng địa phương có thể được hợp đồng thực hiện các công trình, các tác động xảy ra do thành lập các trại lao động là nhỏ hoặc không có	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đánh giá rủi ro EXO và giải tỏa UXO nếu cần thiết</li> <li>- Chuẩn bị RAP theo RPF nếu thu hồi đất và/hoặc di dời mộ cần thiết. Giám sát độc lập cho việc thực hiện RAP sẽ được triển khai</li> </ul>	PPMUs giám sát bởi CPMU và chính quyền, cộng đồng địa phương

Hợp phần, Tiểu hợp phần, & Phạm vi của hoạt động	Tác động tiềm ẩn tới môi trường và xã hội	Giải pháp giảm nhẹ được đề xuất	Cơ quan chịu trách nhiệm
<p>sóc rừng trồng mới, làm giảm khả năng suy thoái gây ra bởi côn trùng và động vật. Các hoạt động chính sẽ bao gồm các hợp đồng công trình, vật liệu, thiết bị và hỗ trợ kỹ thuật cho FS, chi tiết, xây dựng và giám sát công trình, quản lý tiểu dự án, tư vấn và quản lý môi trường (EMC).</p>	<p><u>Trong quá trình xây dựng: Trung bình.</u>            Xây dựng các công trình nhỏ sẽ tạo ra chất thải, phiền toái cho người dân, và có thể tăng ô nhiễm nước, không khí và tiếng ồn. Tuy nhiên, những tác động này sẽ được bản địa hoá, tác động tạm thời và trong quy định do công việc dân dụng nhỏ như tăng ô nhiễm không khí, tiếng ồn, rung, chất lượng nước, chất thải, và an toàn (người lao động và công cộng)</p>	<p>Tất cả nhà thầu được yêu cầu tuân thủ ECOP</p>	
	<p><u>Trong quá trình vận hành: Trung bình.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tác động cụ thể theo từng địa điểm như dạng cơ sở hạ tầng và địa điểm của tiểu dự án...như hàng rào phá sóng nhỏ</li> </ul>	<p>Giảm thiểu rủi ro an toàn; giám sát các thay đổi đường bờ có thể xảy ra (sạt lở, bồi tụ, chất lượng nước, hệ sinh thái)            Xem phụ lục 3 (b)</p>	<p>Cơ quan địa phương và cộng đồng địa phương chịu trách nhiệm bảo vệ và/hoặc duy trì các cấu trúc (theo hợp đồng)</p>
<p><b>Hợp phần 3. Đầu tư phát triển sinh kế và kinh tế vùng ven biển (\$30+5M)</b></p>			
<p><b>C3.1: Các gói đầu tư tạo lợi ích từ rừng ven biển (\$21M).</b>            Dự án sẽ hỗ trợ 225 gói tài trợ (thông qua tài trợ cạnh tranh) cho cộng đồng địa phương phát triển các mô hình sinh kế và cơ sở hạ tầng sản xuất được lựa chọn cạnh tranh            Dự kiến giá trị mỗi gói sẽ dưới 50.000</p>	<p><u>Trong quá trình chuẩn bị xây dựng và xây dựng</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các mâu thuẫn tiềm năng về sử dụng đất/nước do xây dựng và/hoặc vận hành hoạt động sinh kế được lựa chọn</li> <li>- Các tác động tiềm năng do cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ (như tăng ô nhiễm không khí, tiếng ồn, chất lượng nước, chất thải, và an</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thành Bộ tiêu chí rà soát rõ ràng và đảm bảo tham vấn đầy đủ với cộng đồng địa phương và thúc đẩy tính minh bạch trong quá trình rà soát, lựa chọn (Xem phụ lục 3)</li> <li>- Áp dụng các giải pháp phù hợp dựa vào loại hình, địa điểm, tác động tiêu cực tiềm năng với tự nhiên sẽ được quyết định trong quá trình rà soát đề xuất. ESMP, RAP, EMDP sẽ bao gồm trong đề xuất</li> </ul>	

Hợp phần, Tiểu hợp phần, & Phạm vi của hoạt động	Tác động tiềm ẩn tới môi trường và xã hội	Giải pháp giảm nhẹ được đề xuất	Cơ quan chịu trách nhiệm
USD và hợp đồng bảo vệ rừng sẽ được kết nối với Hợp phần 1.3	<p>toàn (người lao động và cộng đồng))</p> <p>Rủi ro UXO: <i>Cao</i></p> <p><u>Trong quá trình vận hành: <i>Trung bình</i></u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số vấn đề chính liên quan đến phát triển sinh kế có thể bao gồm suy thoái hệ sinh thái ven biển, sử dụng phân bón, chất hóa học nông nghiệp gây hại, buôn bán thú vật trái phép, nguy cơ tiềm năng phá hủy rừng san hô, cỏ biển, và/hoặc các loài thú có nguy cơ tuyệt chủng, thảm thực vật động vật; giới thiệu loài ngoại ven, và nguy cơ bùng phát dịch bệnh.</li> <li>- Tác động tại địa điểm cụ thể do dạng cơ sở hạ tầng và địa điểm của các tiểu dự án</li> <li>- Các tác động gián tiếp do không kiểm soát/không quản lý sự nhân rộng các mô hình sinh kế/quan hệ đối tác được lựa chọn.</li> </ul>	<p>trước khi được phê duyệt, và quá trình thực hiện được giám sát.</p> <p>Xem hướng dẫn tại Phụ lục 3</p>	<p>Hộ dân địa phương hoặc các nhóm hộ nhận đầu tư từ các gói</p> <p>Chính quyền địa phương</p>
<p><b>C3.2 Cơ sở hạ tầng sản xuất theo nhu cầu (\$14M).</b> Để hỗ trợ (trên cơ sở cạnh tranh) 225 gói đầu tư, cơ sở hạ tầng giúp tăng năng suất và hiệu quả thị trường (như đường làng,..) và/howajc hỗ trợ thực hiện hợp phần 3.1. Tiêu chí lựa chọn sẽ được hình thành trong PIM. Tự nguyện</p>	<p><u>Trước khi chuẩn bị xây dựng và xây dựng</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tác động theo vị trí cụ thể do dạng cơ sở hạ tầng và vị trí của tiểu dự án như tăng nhu cầu sử dụng nước cho Thủy sản; ô nhiễm chất thải từ thức ăn chăn nuôi và chất hóa học tồn dư,...</li> <li>• Tăng ô nhiễm nước, không khí/tiếng ồn, và rủi ro an toàn và tạo thêm chất thải.</li> <li>• Thu hồi đất, rủi ro UXO, ..dự kiến sẽ không được lựa chọn.</li> </ul>	<p><i>Áp dụng các thực hành tốt và/hoặc phù hợp với tiêu chuẩn Nhà nước và/hoặc các hướng dẫn được cung cấp tại <u>Phụ lục 3</u></i></p>	

Hợp phần, Tiểu hợp phần, & Phạm vi của hoạt động	Tác động tiềm ẩn tới môi trường và xã hội	Giải pháp giảm nhẹ được đề xuất	Cơ quan chịu trách nhiệm
<b>C4: Quản lý dự án và Giám sát và đánh giá.</b> Các hoạt động bao gồm hỗ trợ kỹ thuật và tập huấn về môi trường và an toàn xã hội	Minor impacts due to office renovationsTác động nhỏ do sửa chữa văn phòng	Áp dụng ECOP cho các công trình nhỏ và các hợp đồng sửa chữa văn phòng	Xem phụ lục 4(b)



## 6. THỦ TỤC RÀ SOÁT, PHÊ DUYỆT, VÀ THỰC HIỆN CÁC CÔNG CỤ AN TOÀN CỦA TIỂU DỰ ÁN

### 6.1 Mục tiêu và phương pháp tiếp cận

Mục tiêu chính của ESMF là đảm bảo các tiểu dự án và các hoạt động được tài trợ trong dự án FMCRP sẽ không gây ra các tác động xấu đến môi trường, cộng đồng địa phương và đối với các tác động không thể tránh khỏi sẽ được giảm thiểu đầy đủ phù hợp với chính sách an toàn của Ngân hàng. ESMF gồm 4 bước và chi tiết các bước này được trình bày trong *Hình 5.1*. Tuy nhiên theo tính chất của tiểu dự án/hoạt động dự án, Khung ESMF cho dự án FMCRP sẽ chỉ áp dụng cho hợp phần 2 và hợp phần 3. Trong phần này mô tả chi tiết các bước chính trong khi thông tin chi tiết hơn sẽ được cung cấp ở các phụ biểu. *Bảng 5.1* tổng hợp việc áp dụng của các phụ biểu trong quá trình ESMF.

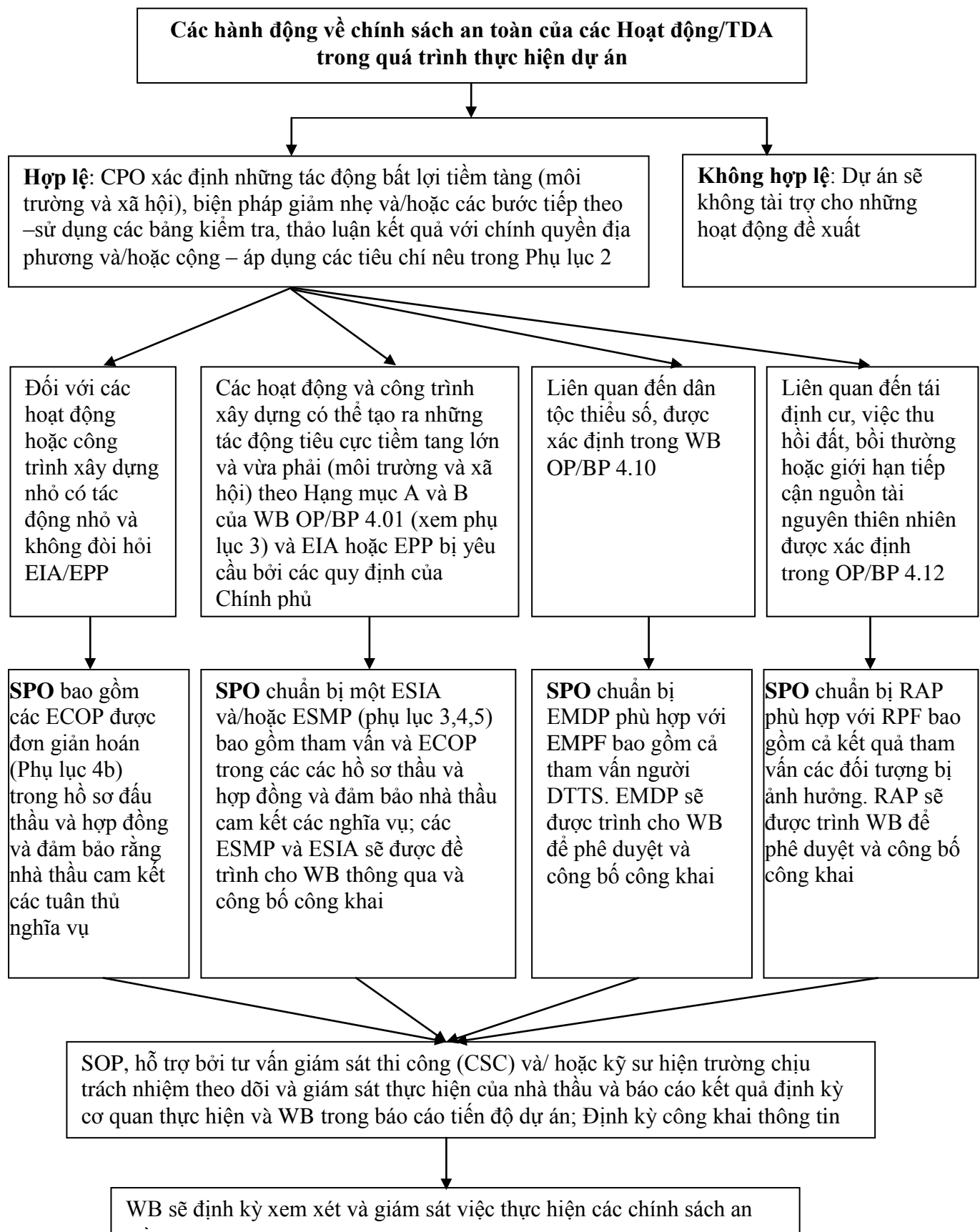
- Bước 1: Sàng lọc chính sách an toàn và đánh giá tác động;
- Bước 2: Chuẩn bị các tài liệu chính sách an toàn theo yêu cầu, trong đó có cả việc phát triển các biện pháp giảm thiểu và tham vấn cộng đồng;
- Bước 3: Rà soát, thông qua và công bố thông tin các tài liệu chính sách an toàn;
- Bước 4: Thực hiện, giám sát và báo cáo.

88. Các hoạt động của Hợp phần 1 và 4, mà sẽ bao gồm chủ yếu hỗ trợ kỹ thuật và rất ít các công trình (ví dụ như nâng cấp văn phòng làm việc), sẽ chỉ buộc phải rà soát tính hợp lệ. Tuy nhiên, tất cả hỗ trợ kỹ thuật sẽ được thực hiện thông qua sự tham gia chủ động của chính quyền địa phương và cộng đồng và Quy tắc thực hành môi trường (ECOP) cho các công trình sẽ được áp dụng cho tất cả các hợp đồng công trình chủ chốt được thực hiện trong hợp phần 1 và 4. *Bảng 6.1* tổng hợp việc áp dụng của các phụ biểu trong quá trình ESMF.

Bảng 6.1. Các áp dụng của các phụ biểu của Khung ESMF

Phục lục số	Nội dung	Áp dụng
2	Bảng liệt kê các hạng mục cần sàng lọc cho các tiểu hợp phần/ hoạt động (được cập nhật)	Tất cả tiểu dự án/hoạt động tại hợp phần 2 và 3
3	Kế hoạch quản lý môi trường xã hội (ESMP) (được cập nhật)	Tất cả các tiểu dự án/ hoạt động trong Hợp phần 2 và 3
3 (a)	Hướng dẫn chuẩn bị ESMP	Tất cả các tiểu dự án/ hoạt động trong Hợp phần 2 và 3 (công trình nhỏ thì thông đợi sẽ thực hiện năm 4)
3 (b)	Hướng dẫn các vấn đề an toàn của Hợp phần 2	Tất cả các tiểu dự án/ hoạt động trong Hợp phần 2 và 3 (công trình nhỏ thì thông đợi sẽ thực hiện năm 4)
3 (c)	Hướng dẫn các vấn đề an toàn của Hợp phần 3	Tất cả các tiểu dự án/ hoạt động trong Hợp phần 3 (công trình nhỏ thì thông đợi sẽ thực hiện năm 4)
3 (d)	Hướng dẫn về giới và dân tộc thiểu số	Tất cả các tiểu dự án/ hoạt động trong Hợp phần 2 và 3
4(a)	Quy tắc thực hành môi trường (ECOP)	Tất cả các công trình trong Hợp phần 2 và 3
4(b)	Quy tắc thực hành môi trường cho các công trình nhỏ	Tất cả các công trình trong hợp phần 1 và 4
5	Các mẫu đăng ký khiếu nại, giám sát và báo cáo	Tất cả các tiểu dự án và hoạt động
6	Tổ chức	Toàn dự án

Hình 5.1. Sơ đồ cho Hành động an toàn cho các tiểu dự án (SPO - chủ tiểu dự án]



## 6.2 Bước 1: Sàng lọc an toàn và đánh giá tác động

89. Bước này (Bước 1) mục đích nhằm xác nhận tính hợp lệ của các tiểu dự án và/hoặc các hoạt động được tài trợ bởi dự án cũng như xác định các tác động môi trường và xã hội tiềm tàng của các tiểu dự án/hoạt động bao gồm cả phân loại đánh giá môi trường của các hoạt động là loại A, B hoặc C, xác định các chính sách an toàn của WB được kích hoạt và xác định các tài liệu an toàn cần được chuẩn bị theo yêu cầu của OP/BP 4.01, OP/BP 4.10 và OP/BP 4.12 (xem chi tiết ở *Phụ biểu 2*). Các tiểu dự án/hoạt động loại A trong OP/BP 4.01 sẽ không đủ điều kiện để tài trợ trong dự án FMCRP. PPMU sẽ chịu trách nhiệm ký vào các biểu mẫu sàng lọc đối cho Hợp phần 2 và 3, trong khi CPMU sẽ chịu trách nhiệm phê duyệt đồng thuận với PPMU. Tham vấn với chuyên gia an toàn của WB trong quá trình sàng lọc sẽ rất được khuyến nghị.

## 6.3 Bước 2: Phát triển các tài liệu an toàn

Bước này (Bước 2) mục đích nhằm chuẩn bị các tài liệu an toàn phù hợp với các vấn đề được xác định ở Bước 1. Hướng dẫn chuẩn bị của ESIA và ESMP sẽ được cung cấp trong Phụ biểu 3 trong khi các hướng dẫn khác cho RAP và EMPD lần lượt được cung cấp trong Khung chính sách tái định cư và Khung dân tộc thiểu số. PPMU sẽ chịu trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu an toàn của Hợp phần 2 và 3. Bởi bản chất của các hoạt động nhỏ, việc chuẩn bị ESMP sẽ không đòi hỏi cho các hoạt động dựa vào cộng đồng.

90. Cũng rất cần thiết rằng, PPMU sẽ chuẩn bị các tài liệu (như EPP, EIA, vv...) như quy định về EIA của chính phủ<sup>11</sup> và đảm bảo sự phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền.

## 6.4 Bước 3: Rà soát, phê duyệt và công bố các tài liệu an toàn

91. **Rà soát và phê duyệt của WB:** Trước khi phê duyệt và khởi động các công trình tiểu dự án, tất cả các tài liệu an toàn của mỗi tiểu dự án phải được nộp cho WB để phê duyệt và công bố công khai. Đối với dự án FMCRP, WB sẽ rà soát trước ESMP của tiểu hợp phần đầu tiên (không phân biệt thể loại) của mỗi tỉnh và sẽ thực hiện hậu rà soát đối với các tiểu dự án trong nhiệm vụ giám sát an toàn.

92. Tất cả các tài liệu an toàn sẽ được đăng lên trang Web của Bộ NN&PTNT và các tỉnh. Các bản cứng bằng tiếng Việt sẽ có sẵn ở CPMU, PPMU và địa điểm thực hiện tiểu dự án. Một thông báo bằng văn bản sẽ được làm về việc công bố này và góp kiến sẽ được tập hợp trong vòng một tháng kể từ ngày công bố. ESMP bằng tiếng Anh sẽ được công bố thông qua Cổng thông tin hoạt động của Ngân hàng.

93. **Phê duyệt của Chính phủ:** WB cũng đòi hỏi rằng tài liệu ESIA hoặc EPP theo yêu cầu của Chính phủ sẽ được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền. Tài liệu ESIA bằng tiếng Việt cũng như các điều kiện phê duyệt sẽ được cung cấp cho WB biết. Báo cáo ESIA và điều kiện phê duyệt cũng sẽ được công bố công khai.

---

<sup>11</sup> Thủ tục của chính phủ (theo Nghị định Số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về kế hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, và Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 19/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, và kế hoạch bảo vệ môi trường)

#### 6.5 Bước 4: Thực hiện, giám sát, theo dõi và báo cáo

94. Thực hiện, giám sát, theo dõi và báo cáo an toàn sẽ là một phần không thể thiếu của thực hiện Dự án và tiểu dự án và cán bộ an toàn cụ thể sẽ được bổ nhiệm để chịu trách nhiệm các hoạt động đó. Chuyên gia an toàn WB sẽ giám sát và theo dõi việc thực hiện an toàn như là một phần của nhiệm vụ hỗ trợ thực hiện của WB. Chi tiết về trách nhiệm của các tổ chức được mô tả dưới đây.

95. **Giám sát xói mòn và bồi tụ bờ biển:** Trong quá trình khi xây dựng và làm hàng rào và / hoặc trồng rừng ngập mặn có thể tạo ra tác động tích cực trong các khu vực tiểu dự án họ cũng có thể gây ra sự thay đổi trong chuyển động của nước và vận chuyển trầm tích ven biển và có thể có tác động tiêu cực đến khu vực ven biển khác. Để tránh mâu thuẫn tiềm năng trong sử dụng đất / nước, nó thì cần thiết để tiến hành một chương trình giám sát thông qua mạng lưới cộng đồng, có thể theo dõi sự thay đổi trong khoảng thời gian trung và dài hạn. Kết quả cần được thảo luận giữa các cộng đồng và các hoạt động có thể được thực hiện để giảm thiểu những tác động này. Nếu có thể, tham quan nghiên cứu cũng cần được thực hiện để nâng cao kiến thức và kinh nghiệm về tác động tích cực và tiêu cực của các dự án, đặc biệt là về xói mòn ven biển, trồng / phục hồi rừng ngập mặn, thúc đẩy nuôi tôm và / hoặc nuôi trồng thủy sản bền vững, vv.. Ít nhất mỗi năm một chuyến thăm nghiên cứu phải được tiến hành trong suốt năm thứ 2 đến năm thứ 3.

### 7. SỰ SẮP XẾP THỰC HIỆN

#### 7.1 Trách nhiệm thực hiện ESMF

96. Tương tự như sắp xếp thực hiện được thảo luận trong phần 2, chủ sở hữu tiểu dự án / hoạt động được coi là cơ quan thực hiện (IA) ở cấp độ dự án và cấp độ tiểu dự án có trách nhiệm thực hiện ESMF (xem Bảng 6.1 tại Phụ lục 7)

97. Ở cấp độ dự án, ở Hợp phần 1, Ban QLDA của Tổng cục Lâm nghiệp sẽ chịu trách nhiệm đảm bảo áp dụng có hiệu quả của ESMF cho tất cả các hoạt động Hợp phần 1. CPMU sẽ có trách nhiệm lập kế hoạch tổng thể và giám sát các hoạt động bảo vệ của phần 4 và toàn bộ dự án. CPMU cũng sẽ huy động các chuyên gia tư vấn bảo vệ môi trường và xã hội trong nước có trình độ (cá nhân hoặc công ty) để cung cấp đào tạo an toàn và hỗ trợ kỹ thuật bao gồm giám sát, theo dõi và báo cáo các biện pháp an toàn cho Ngân hàng Thế giới 6 tháng một lần. Điều này bao gồm việc thuê một công ty trong nước có trình độ (nếu thu hồi đất là bắt buộc) là một cơ quan giám sát độc lập cho RAP (IMA), đây là bắt buộc trong OP/BP 4.12.

98. Ở cấp tiểu dự án, các chủ sở hữu tiểu dự án (PPMU) của Hợp phần 2 và 3 sẽ chịu trách nhiệm đảm bảo thực hiện có hiệu quả ESMF ở cấp tiểu dự án bao gồm việc thuê tư vấn trong nước có trình độ để chuẩn bị các tài liệu pháp an toàn (RAP, EMDP, ESMP) và đảm bảo thực hiện hiệu quả các ESMP, RAP/EMDP. Một công ty tư vấn trong nước có trình độ (gọi là Tư vấn giám sát môi trường hoặc EMC) sẽ được thuê để hỗ trợ trong việc thực hiện ESMP bao gồm giám sát chất lượng môi trường và chuẩn bị báo cáo an toàn cho CPMU. PPMU cũng sẽ đảm bảo rằng các thiết kế cuối cùng đã tổng hợp các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực tiềm tàng trong quá trình xây dựng và hoạt động và rằng Quy tắc thực hành môi trường (ECOP) được đưa vào hồ sơ mời thầu và hợp đồng và nhà thầu nhận thức được rằng các hành động quản lý an toàn là một phần của chi phí hợp đồng.

99. Đối với các hợp đồng công trình, sau khi phê duyệt ESMP, PPMU có trách nhiệm đảm bảo rằng các ESMP được thực hiện có hiệu quả và cho tất cả các hợp đồng công trình, các Quy tắc thực hành môi trường - ECOP có trong hồ sơ đấu thầu và hồ sơ hợp đồng và nhà thầu đó là nhận thức và cam kết để thực hiện có hiệu quả ECOP và chi phí là một phần của chi phí hợp đồng. Trước khi xây dựng, chủ sở hữu tiểu dự án sẽ chỉ định tư vấn giám sát xây dựng (CSC) và / hoặc kỹ sư hiện trường chịu trách nhiệm giám sát hàng ngày việc thực hiện của nhà thầu về an toàn và báo cáo kết quả có trong báo cáo tiến độ dự án. CPMU / PPMU / PMU của Tổng cục Lâm nghiệp sẽ làm việc chặt chẽ với Sở TN & MT trong quá trình thực hiện các tiểu dự án. CPMU, đơn vị trách nhiệm thực hiện chung của Hợp phần 2, 3 và 4 tiểu dự án sẽ đảm bảo rằng các ECOP đã được đề cập trong hồ sơ đấu thầu và chủ sở hữu tiểu dự án được thực hiện có hiệu quả ESMP và ngân sách đủ được phân bổ cho nó.

100. Hợp đồng trồng rừng, sau khi phê duyệt ESMP, PPMUs sẽ đảm bảo rằng hỗ trợ kỹ thuật được huy động để đảm nhiệm việc thiết kế và giám sát việc trồng rừng sẽ được lồng ghép các biện pháp hiệu quả để giảm thiểu các vấn đề và phù hợp với hướng dẫn được cung cấp trong Phụ lục 3.

## 7.2 Báo cáo sắp xếp

101. Thực hiện an toàn sẽ được đề cập trong báo cáo tiến độ tiểu dự án và dự án. PPMU/PMU của Tổng cục Lâm nghiệp với sự hỗ trợ từ CSC sẽ nộp báo cáo thực hiện an toàn ở cấp độ tiểu dự án cho CPMU hàng tháng. Cơ cấp độ dự án, CPMU sẽ chuẩn bị báo cáo thực hiện an toàn 2 lần trong năm và nộp chúng cho Ngân hàng, được mô tả trong báo cáo tiến độ và tuân thủ ESMF và các yêu cầu an toàn khác. Yêu cầu báo cáo được mô tả trong Bảng 6.2 dưới đây

102. Báo cáo tiến độ được nộp cho CPMU phải bao gồm đầy đủ thông tin về tiến độ thực hiện và thực hiện tiểu dự án và / hoặc các vấn đề liên quan đến ESMF / biện pháp bảo vệ. Báo cáo tiến độ cho CPMU sẽ được trình lên Ngân hàng Thế giới phải có đầy đủ thông tin liên quan đến: i) chuẩn bị và trình bày các công cụ bảo vệ môi trường cho các tiểu dự án; ii) lồng ghép các ESMP của tiểu dự án mới trong các hồ sơ đấu thầu và các hợp đồng; iii) theo dõi và giám sát thực hiện ESMP bởi nhà thầu, kỹ sư giám sát thi công, và các PPMU / PMU của Tổng cục Lâm nghiệp; iv) bất kỳ thách thức trong việc thực hiện an toàn, giải pháp và bài học kinh nghiệm.

Bảng 6.2 Thủ tục báo cáo

	Báo cáo được chuẩn bị bởi	Được nộp cho	Tần suất báo cáo
1	Nhà thầu cho chủ	PPMUs	Ngay trước khi khởi động xây dựng và hàng tháng sau đó
2	Tư vấn giám sát thi công (CSC)	PPMUs	Hàng tuần và Hàng tháng
4	Giám sát cộng đồng	PPMUs	Khi cộng đồng bất kỳ than phiền về thực hiện an toàn của tiểu dự án
5	PPMU/ICMB10	CPMU	Hàng tháng
6	CPMU	WB	6 tháng 1 lần

## 7.3 Lồng ghép Khung quản lý môi trường xã hội vào trong Sổ tay Thực hiện dự án

103. Quá trình và các yêu cầu ESMF này sẽ được đưa vào Sổ tay thực hiện dự án (POM) và CPMU sẽ đào tạo để đảm bảo rằng chủ sở hữu tiểu dự án (PPMU) hiểu chúng cũng như sẽ giám sát và

theo dõi việc thực hiện ESMF định kỳ. Phần an toàn trong POM cũng sẽ tham khảo tại các phụ lục ESMF khi cần thiết.

## 8. NÂNG CAO NĂNG LỰC, ĐÀO TẠO, VÀ HỖ TRỢ KỸ THUẬT

### 8.1 Đánh giá năng lực của tổ chức

104. Thực hiện dự án do WB tài trợ thì không phải là mới đối với MBFP của Bộ NN & PTNT do đó hầu hết các hoạt động của dự án có thể được quản lý với rủi ro an toàn ở mức thấp. Thực hiện các hoạt động của Hợp phần 2 liên quan đến trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng và tu bổ/nâng cấp công trình lâm sinh quy mô nhỏ, cũng có rủi ro bảo vệ cũng thấp và tác động tiêu cực tiềm tàng có thể được giảm nhẹ thông qua việc áp dụng các sàng lọc, đánh giá và chuẩn bị của ESMP, bao gồm cả các biện pháp thông thường được mô tả trong ECOP. Tuy nhiên, nó là cần thiết để đảm bảo rằng CPMU / MBFP có đủ năng lực để cung cấp hướng dẫn cho các PPMU, cũng như để xem xét và phê duyệt các ESMP và M&E trong việc thực hiện các ESMP, đặc biệt cho các Hợp phần 2 và 3.

105. Cấp dự án: Hiện nay, MBFP của Bộ NN & PTNT bao gồm nhiều nhân viên chuyên nghiệp về lâm nghiệp, môi trường và nhân viên xã hội. nhân viên MBFP có nhiều kinh nghiệm trong việc chuẩn bị và thực hiện các chính sách an toàn môi trường và xã hội liên quan đến các dự án ODA về lâm nghiệp. Các nhân viên MBFP được tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn về các chính sách môi trường và xã hội của các nhà tài trợ (Ngân hàng Thế giới, ADB) và các hội thảo chuyên ngành trong chương trình đào tạo tổng thể của dự án được thực hiện bởi Bộ NN&PTNT tổ chức. Tuy nhiên, do ngày càng tăng yêu cầu về quản lý và thực hiện các chính sách an toàn môi trường và tái định cư, các nhà tài trợ đã nhiều yêu cầu mới và chặt chẽ trong việc thực hiện các chính sách an toàn. Có rất nhiều thay đổi trong các chính sách quốc gia về môi trường và tái định cư. Nó đòi hỏi nhân viên thực hiện để không ngừng học hỏi và nâng cao trình độ chuyên môn cũng như ngoại ngữ để đáp ứng yêu cầu công việc.

106. Cấp tiểu dự án: MBFP và hầu hết các PPMU đã tham gia vào việc thực hiện các chính sách an toàn của Ngân hàng Thế giới, tuy nhiên, các yêu cầu kiến thức và kinh nghiệm về chính sách an toàn của họ vẫn còn hạn chế. Hơn nữa, hầu hết các chuyên gia trong nước và chính quyền địa phương không có đủ kiến thức về các yêu cầu an toàn của WB, do đó chương trình đào tạo về an toàn sẽ là cần thiết trong quá trình thực hiện Dự án. Đối với MBFP, nó được dự kiến sẽ có ít nhất hai nhân viên an toàn cao cấp từ MBFP (một cho xã hội và một cho môi trường) sẽ được phân công làm cán bộ an toàn. Dự kiến, hai nhân viên an toàn đó có khả năng cung cấp đào tạo về quy trình ESMF, RAP và chuẩn bị EMDP. Tuy nhiên, sự hỗ trợ của các chuyên gia trong nước có trình độ sẽ là cần thiết để tăng cường năng lực của các nhân viên an toàn để giải quyết thỏa đáng các vấn đề xã hội và môi trường cụ thể và tầm kiến thức của tài liệu an toàn.

**107. Năng lực của PPMUs:** PPMU đã có kinh nghiệm trong việc thực hiện dự án rừng tương tự trong quá khứ và tất cả các hoạt động đều nhỏ và không yêu cầu chuẩn bị một EIA theo quy định EIA của Chính phủ. Kết quả khảo sát từ các địa điểm tiểu dự án cho rằng, 30% các PPMU không có nhân viên an toàn chuyên trách hoặc đơn vị có trách nhiệm. Trong số 70% còn lại PPMU, có 1-2 nhân viên với một số kinh nghiệm thực hiện cho dự án ADB, JICA hoặc WB tuy nhiên kiến thức và nhận thức của họ về chính sách an toàn của WB về các vấn đề môi trường hoặc xã hội còn hạn

chế. Khoảng 15% nhân viên là kỹ sư / cử nhân tốt nghiệp có chuyên môn môi trường, trong khi phần còn lại có chuyên ngành. Hơn nữa, các nhân viên thường bị chuyển chuyển và / hoặc bổ nhiệm vào công việc khác.

108. **Năng lực của cộng đồng:** Kết quả từ cuộc khảo sát cho thấy các cộng đồng ở các tỉnh ven biển Quảng Ninh, Hải Phòng, Thanh Hóa, Nghệ An phụ thuộc vào các hệ sinh thái rừng ngập mặn thông qua nuôi trồng quảng canh và sản xuất nhỏ với năng suất thấp do thiếu kinh phí và kỹ thuật canh tác bền vững trong khi những người trong các tỉnh bắc trung bộ ven biển (Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế) phát triển sinh kế của họ chủ yếu vào các hoạt động nông nghiệp như trồng rau, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc và gia cầm. Một số người dân địa phương hiểu và nhận thức được vai trò quan trọng của rừng phòng hộ trong việc giảm thiên tai và khả năng tăng thu nhập cho họ. Tuy nhiên, có rất nhiều khó khăn đang tồn tại để các cộng đồng địa phương để đóng một vai trò tích cực trong quản lý rừng / ngập mặn ven biển do kiến thức hạn chế của họ, điều kiện sống nghèo nàn, và thiếu nguồn lực tài chính.

109. Tuy nhiên, bởi dự án nhằm thúc đẩy việc áp dụng Quản lý rừng cộng đồng (CFM) để đảm bảo quản lý bền vững rừng ven biển, nó là cần thiết để cung cấp hướng dẫn về hành động an toàn để đảm bảo đào tạo đầy đủ (về kỹ thuật và quản lý) về rừng ven biển sẽ được cung cấp trong việc thực hiện các tiểu dự án (xem *Phụ lục 3*). Ngoài ra, đào tạo về các vấn đề liên quan đến an toàn như trên sử dụng, lưu trữ và xử lý thuốc trừ sâu an toàn và các hoạt động khác cụ thể khác cần thiết để phòng ngừa và quản lý lửa rừng, tác động có thể có của các loài ngoại lai xâm lấn, các quy định và nghĩa vụ của Chính phủ liên quan với các công ước quốc tế, và các vấn đề an toàn khác là cần thiết.

## 8.2 Đào tạo và Hỗ trợ kỹ thuật

110. Trong quá trình thực hiện dự án FMCRP, đào tạo an toàn và hỗ trợ kỹ thuật cung cấp cho việc thực hiện chính sách an toàn sẽ được thực hiện cho cán bộ của CPMU và PPMUs. Trong 3 năm đầu tiên MBFP/CPMU sẽ tiến hành ít nhất 2 hội thảo tập huấn về an toàn (một môi trường và một ở xã hội) mỗi năm cho PPMU tập trung vào các nội dung của ESMF và các yêu cầu cho việc chuẩn bị các tài liệu an toàn, đặc biệt là ESMP, ECOP, RAP, EMDP. Các chuyên gia an toàn của WB cũng sẽ tham gia vào các khóa đào tạo. Đào tạo kỹ thuật về các vấn đề liên quan đến các vấn đề an toàn và các khía cạnh liên quan khác bao gồm cả chuyến đi thực tế cũng sẽ được thực hiện ít nhất 1 lần mỗi năm trong 3 năm đầu tiên. Các chương trình đào tạo và thành phần tham gia chính sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, những người được liệt kê trong *Bảng 8.1*.

111. Mục tiêu của đào tạo bảo vệ và hỗ trợ kỹ thuật là để đảm bảo rằng nhân viên và cộng đồng địa phương có đủ kiến thức và sự hiểu biết về các quy định của Chính phủ cũng như các yêu cầu về an toàn và có những hành động kịp thời. CPMU sẽ huy động các chuyên gia tư vấn để cung cấp đào tạo về chính sách an toàn, giám sát và báo cáo về thực hiện chính sách an toàn cho WB. CPMU cũng sẽ huy động tư vấn giám sát độc lập để giám sát việc thực hiện RAP (nếu cần thiết). PPMU cũng sẽ huy động các chuyên gia tư vấn an toàn (cá nhân hoặc tổ chức) để hỗ trợ họ trong việc thực hiện các biện pháp an toàn cho các tiểu dự án. Các chuyên gia tư vấn sẽ đảm bảo rằng các biện pháp an toàn (ESMP, RAP / EMDP) sẽ được lồng ghép đầy đủ vào việc lập kế hoạch dự án và chu kỳ thực hiện cũng như giúp CPMU/PPMUs chuẩn bị báo cáo giám sát an toàn theo yêu cầu. Các chuyên gia tư vấn cũng sẽ đảm bảo rằng hỗ trợ kỹ thuật về an toàn môi trường và xã hội được cung cấp cho các cộng đồng địa phương để họ có thể thực hiện chức năng của mình một cách hiệu quả.

Bảng 7.1: Đào tạo an toàn trong giai đoạn đầu của MD-ICSLP

TT	Nội dung	Nhóm đối tượng đào tạo
1	Nội dung ESMF và hướng dẫn cho chuẩn bị thực hiện và giám sát công cụ an toàn (RAP, EMDP, ESMP) cho các hoạt động/tiểu dự án, bao gồm áp dụng GRM để giải quyết hiệu quả các vấn đề than phiền của địa phương	CPMU, PPMUs
2	Đào tạo theo dõi và giám sát việc tuân thủ của nhà thầu với ECOP, bao gồm cả hình thức và thủ tục báo cáo, kiến thức cơ bản về sức khỏe, an toàn và thực hành tốt trong quá trình xây dựng để giảm tác động đến môi trường và người dân địa phương, chẳng hạn như cách giao tiếp, GRM, các vấn đề xã hội liên quan khác;	CPMU, PPMUs, và nhà thầu
3	Tầm quan trọng của tham vấn công cộng và sự tham gia của các hộ gia đình trong lựa chọn và lập kế hoạch quy trình;	CPMU, PPMU, tư vấn xây dựng, tư vấn môi trường và chính quyền địa phương
4	Đào tạo về các chính sách môi trường quốc gia, thủ tục, luật lệ và quy định quốc gia đặc biệt các vấn đề đến không khí, nước (nước mặt, nước ngầm và nước ven biển), và ô nhiễm đất; y tế, lao động và an toàn cộng đồng; quản lý và xử lý chất thải; mâu thuẫn và xung đột xã hội; sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên; và thích ứng và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu ở các vùng ven biển; và	CPMU, PPMUs, Nhà thầu. Chính quyền địa phương, và cộng đồng địa phương
5	Đào tạo về chính sách an toàn của Ngân hàng Thế giới	CPMU và PPMUs
6	Đào tạo về sử dụng bền vững nguồn tài nguyên ven biển và tài nguyên rừng	Người dân và chính quyền địa phương

## 9. NGÂN SÁCH THỰC HIỆN KHUNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

112. Ngân sách thực hiện ESMF dựnng bao gồm (a) Chi phí cho việc chuẩn bị các tài liệu an toàn (ESMPs, RAP, và / hoặc EMDP) của tiểu dự án bao gồm cả tư vấn và giám sát của PPMU; (b) chi phí cho việc giám sát, theo dõi, và đào tạo về các vấn đề an toàn xã hội và môi trường của CPMU; (c) Chi phí cho việc giám sát độc lập cho RAP và EMDP bởi CPMU; (d) Chi phí cho một giám sát độc lập của ESMP của CPMU; (e) Chi phí cho việc thực hiện ESMP, ECOP, và các biện pháp cụ thể tại hiện trường; và (f) Chi phí cho việc thực hiện RAP và EMDP (khi cần thiết). Cả Chính phủ và Ngân hàng Thế giới sẽ đồng tài trợ cho ngân sách thực hiện ESMF. chi phí chỉ thị cho các mục (a), (b), (c) và (d) được ước tính là 100.000 USD cho mỗi tỉnh và 200,000 cho CPMU (tổng số khoảng 1 triệu USD) và các chi phí cần được đưa vào các chi phí hỗ trợ kỹ thuật cho tư vấn hỗ trợ kỹ thuật, được huy động để chuẩn bị và giám sát của Hợp phần 2 và 3. Chi phí cho (e) và (f) sẽ là một phần của chi phí tiểu dự án trong đó có cho (f) sẽ được trả bởi Chính phủ.



## 10. CƠ CHẾ KHIẾU NẠI VÀ BỒI THƯỜNG

### 10.1 Cơ chế khiếu nại và bồi thường cho tiểu dự án (GRM)

113. Trong các quyền công dân khuôn khổ pháp luật Việt Nam cho khiếu nại thì được bảo vệ. Là một phần của tổng thể thực hiện các tiểu dự án, một cơ chế khiếu nại và bồi thường (GRM) sẽ được thiết lập bởi các thủ tục xác định bởi PPMU, người chịu trách nhiệm và thông tin liên lạc. Nó sẽ dễ dàng tiếp cận, xử lý khiếu nại và giải quyết chúng ở mức thấp nhất càng nhanh càng tốt. Cơ chế này sẽ cung cấp các khuôn khổ trong đó khiếu nại về vấn đề môi trường và an toàn có thể được xử lý, khiếu nại có thể được giải quyết và các tranh chấp có thể được giải quyết một cách nhanh chóng. GRM sẽ có trước khi công tác xây dựng của tiểu dự án bắt đầu thực hiện.

114. Trong quá trình xây dựng, GRM sẽ được quản lý bởi các nhà thầu dưới sự giám sát của CSC. Nhà thầu sẽ thông báo cho các cộng đồng và các xã bị ảnh hưởng bởi các tiểu dự án về GRM kịp thời để xử lý khiếu nại và lo lắng về các tiểu dự án. Điều này sẽ được thực hiện thông qua công khai thông tin và quá trình tham vấn theo đó các nhà thầu sẽ liên lạc với các cộng đồng bị ảnh hưởng và chính quyền liên qua một cách thường xuyên: tổ chức họp ít nhất là hàng quý, xuất bản một cuốn sách nhỏ thông tin hàng tháng, thông báo trong phương tiện truyền thông địa phương, bản tin của kế hoạch hoạt động sắp tới, v.v... (xem ECOP Phụ lục 4)

115. Tất cả các khiếu nại và hành động phản hồi được thực hiện bởi nhà thầu sẽ được ghi lại trong báo cáo giám sát an toàn của tiểu dự án. Khiếu nại và yêu cầu đền bù cho những thiệt hại có thể thực hiện theo các cách sau:

- *Bảng miêng*: Trực tiếp cho CSC và/hoặc cán bộ an toàn của nhà thầu hoặc đại diện của Văn phòng tiểu dự án
- *Bảng văn bản*: được đưa bằng tay hoặc qua đường bưu điện để đưa những khiếu nại được viết đến địa chỉ cụ thể trên để giải quyết
- *Bảng điện thoại, fax, e-mail*: Cho CSC, cán bộ an toàn của nhà thầu hoặc đại diện của nhà thầu.

116. Khi nhận được đơn khiếu nại, CSC, nhân viên an toàn hoặc người đại diện của nhà thầu sẽ tiếp nhận đơn khiếu nại trong hồ sơ khiếu nại và lưu trong sổ các sự kiện liên quan đến nó cho đến khi nó được giải quyết. Ngay sau khi tiếp nhận, ba bản sao của đơn khiếu nại sẽ được làm. Bản gốc sẽ được giữ trong hồ sơ, một bản sao sẽ được sử dụng bởi các cán bộ an toàn của nhà thầu, một bản sao sẽ được chuyển tiếp đến CSC và bản sao thứ ba cho PPMU trong vòng 24 giờ sau khi khiếu nại được thực hiện. Thông tin cần ghi chép trong Sổ khiếu nại sẽ bao gồm (xem trong Phụ biểu 5):

- Ngày và giờ nhận khiếu nại;
- Tên, địa chỉ và các chi tiết liên lạc của người khiếu nại;
- Mô tả tóm tắt khiếu nại;
- Hoạt động được thực hiện để giải quyết các khiếu nại bao gồm: người đã liên hệ và kết quả của mỗi bước trong quá trình giải quyết khiếu nại;
- Ngày và thời gian liên lạc với người khiếu nại trong quá trình xử lý khiếu nại;
- Giải pháp xử lý sau cùng;
- Ngày, thời gian và cách thức thông báo kết quả giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại;

- Chữ ký người khiếu nại khi nhận kết quả

117. Khiếu nại nhỏ sẽ được xử lý trong vòng một tuần. Trong vòng hai tuần (và sau đó hàng tuần), một văn bản trả lời sẽ được gửi cho người khiếu nại (bằng tay, bưu điện, fax, e-mail) chỉ ra các thủ tục thực hiện và tiến triển cho thời điểm ra văn bản.

118. Mục tiêu chính của cơ chế này là giải quyết khiếu nại càng nhanh càng tốt bằng các phương tiện đơn giản liên quan đến ít người, ở cấp độ thấp nhất có thể. Chỉ khi vấn đề không thể được giải quyết ở mức độ đơn giản và/hoặc trong thời hạn 15 ngày, thì sẽ có sự tham gia của các cơ quan có chức năng khác. Đó là các tình huống: khi thiệt hại được kê khai và số tiền được thanh toán không thể giải quyết được thiệt hại và không xác định được nguyên nhân của thiệt hại.

## 10.2 Dịch vụ giải quyết khiếu nại của WB (GRS)

119. **Dịch vụ giải quyết khiếu nại của WB:** Cộng đồng và cá nhân cho rằng họ đang bị ảnh hưởng bởi dự án do WB tài trợ có thể gửi đơn khiếu nại đến cơ quan giải quyết khiếu nại cấp dự án hoặc GRS. GRS đảm bảo rằng, các khiếu nại sẽ được xem xét kịp thời để giải quyết những vấn đề liên quan đến dự án. Cộng đồng, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án có thể gửi đơn khiếu nại đến Ban thanh tra độc lập của WB, trong đó, xác định xem thiệt hại có xảy ra hay không mà các thiệt hại này bắt nguồn từ việc không tuân thủ chính sách an toàn và thủ tục liên quan. Khiếu nại có thể được nộp bất cứ lúc nào và sau khi khiếu nại đã được nộp đến WB thì Quản lý của Ngân hàng sẽ trả lời khiếu nại này. Để biết thông tin về cách thức gửi đơn khiếu nại đến GRS, vui lòng truy cập [www.worldbank.org/grs](http://www.worldbank.org/grs). Để biết thông tin về việc làm thế nào gửi đơn khiếu nại đến Ban Thanh tra của WB vui lòng truy cập [www.inspectionpanel.org](http://www.inspectionpanel.org).

## 11. THAM VẤN VÀ CÔNG BỐ KHUNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

### 11.1 Tham vấn cộng đồng

120. Trong chuẩn bị của ESMF, RPF và EMPF, một số cuộc họp và tham vấn đã được tiến hành với chính quyền địa phương, cộng đồng địa phương, bao gồm cả những người được nhóm bị ảnh hưởng bởi dự án, các tổ chức xã hội địa phương (hội nông dân, hội phụ nữ, ủy ban mặt trận tổ quốc, cựu chiến binh, vv ...) và các bên liên quan khác. Trước khi tham vấn, dự án cung cấp nhóm tham vấn các tài liệu có liên quan bằng tiếng Việt. Hội thảo tham vấn đã được tổ chức ở cấp xã, huyện và tỉnh trong tháng 8 và 9 năm 2016. tham gia hội thảo bao gồm các đại diện từ CPO, CPMU, PPMU và các tỉnh của dự án, huyện, và các chuyên gia tư vấn quốc tế và trong nước.

121. Tất cả những người tham gia nhất trí với các hoạt động đề xuất, các tác động tiềm tàng dự kiến, và các biện pháp đề xuất để giảm thiểu tác động tiêu cực. Các người tham gia cũng đề cập rằng dự án có thể mang lại lợi ích cho hầu hết cộng đồng địa phương nhờ việc tăng nguồn lợi thủy sản, hỗ trợ phát triển kinh tế của người dân địa phương, và tăng cường khả năng chống chịu với các cơn bão ảnh hưởng đến đê biển, vv,.. Giám đốc dự án cần đẩy nhanh việc chuẩn bị và thực hiện các hành động nghiêm túc để giảm thiểu tác động tiêu cực trong quá trình thực hiện dự án. Phụ lục 7 cung cấp một bản tóm tắt các cuộc họp tham vấn.

## **11.2 Công bố công khai**

122. ESMF được dịch sang tiếng Việt, và cả tiếng Anh và tiếng Việt thì được công bố tại trang web của Bộ NN&PTNT. ESMF (tiếng Anh) cũng được trình cho WB vào 25 tháng 1 năm 2017 cho công bố công khai. Trong thời gian thực hiện dự án tất cả các ESMP, RAP và EMDP, bao gồm các báo cáo giám sát an toàn sẽ được thảo luận tại các trang web của dự án tại CPMU/CPO và các tỉnh dự án. Theo quy định của Điều 16 của Nghị định. 18/2015 / NĐ-CP, EIA và EPP sau khi được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, sẽ được công bố tại các Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi các cuộc tham vấn cộng đồng đã được thực hiện để người dân có thể theo dõi và giám sát.

## Phụ lục 1: Tình hình Kinh tế xã hội và môi trường

1. **Phụ lục này trình bày vắn tắt về tình hình môi trường và xã hội chung của khu vực dự án (A1.1), áp lực phát triển và các mối đe dọa (A1.2), sinh kế ven biển trong khu vực dự án (A1.3), quản lý rừng ven biển trong khu vực dự án (A1.4), và các vấn đề quản lý rừng ven biển được xác định trong quá trình chuẩn bị dự án (A1.5). Những thông tin này đã được sử dụng làm cơ sở để xây dựng các hướng dẫn về các biện pháp giảm nhẹ bảo vệ an toàn sẽ được thực hiện trong quá trình thực hiện Dự án (FMCRP).**

### A1.1 Tình hình kinh tế xã hội

Box A1.1 Các tỉnh dự án	Vùng dự án
	<p>Dự án bao gồm 8 tỉnh và có thể được chia thành 3 khu vực:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>KV1:</b> khu vực miền núi ven biển ở phía đông bắc của tỉnh Quảng Ninh (QN) đến Hải Phòng (HP);</li> <li>• <b>KV2:</b> khu vực bắc trung bộ, vùng núi thấp/đồi và đồng bằng ven biển hẹp từ Thanh Hóa (TH), Nghệ An (NA) và Hà Tĩnh (HT);</li> <li>• <b>KV3:</b> vùng núi thấp/đồi và đồng bằng ven biển hẹp từ Quảng Bình (QB) đến Quảng Trị (QT), Thừa Thiên Huế (TTH).</li> </ul> <p>Khu vực này có khí hậu nhiệt đới gió mùa, với một phạm vi nhiệt độ và độ ẩm rộng thích hợp cho phát triển rừng ngập mặn (ở phía Bắc tỉnh Quảng Ninh, Hà Tĩnh và Thừa Thiên Huế) và rừng ven biển khác. Khu vực này cũng chịu ảnh hưởng từ bão và áp thấp nhiệt đới. Trung bình mỗi năm có 2,5 cơn bão đổ bộ trực tiếp vào bờ biển của các tỉnh này, và Quảng Ninh là tỉnh có số lượng các cơn bão đổ bộ cao nhất trong quá khứ.</p>

2. **Dân số và giới tính:** Tổng dân số của tám tỉnh dự án trong năm 2015 là khoảng 14 triệu người, trong đó Thanh Hóa (3,1 triệu) và Nghệ An (3,5 triệu) là đông dân nhất. Mật độ dân số bình quân của các tỉnh này là 333 người/km<sup>2</sup>, trong đó Hải Phòng có mật độ cao nhất (1.285 người/km<sup>2</sup>) và Quảng Bình có mật độ thấp nhất (108 người/km<sup>2</sup>). Tỷ lệ tăng dân số trung bình hàng năm (2012 - 2015) là 0,75%, thấp hơn so với mức trung bình của quốc gia giai đoạn 2009-2015 (1,1%), và Hải Phòng là tỉnh có tỷ lệ cao nhất trong khi các tỉnh Hà Tĩnh và Thanh Hóa có tỷ lệ thấp nhất. Dữ liệu từ cuộc khảo sát (tháng 9 năm 2016) cho thấy phần lớn các hộ gia đình đều do đàn ông làm chủ hộ, ngoại trừ đối với một số hộ gia đình phụ nữ làm chủ hộ như mẹ đơn thân, ly hôn hay chồng chết. Ở vùng nông thôn ven biển, phụ nữ thường tham gia vào hoạt động sản xuất nông nghiệp, đánh bắt cá, trong khi đàn ông tham gia vào các hoạt động phi nông nghiệp hoặc lao động thời vụ ở đô thị. Phụ nữ cũng đã tham gia vào các hoạt động xã hội nhiều hơn so với trước đây và được tham gia vào hai vai trò cùng một lúc và gặp khó khăn trong việc quản lý thời gian và tiếp cận với các cơ hội.

3. **Nghèo đói. (bản đồ và mô tả)**

4. Dân tộc: Trong 8 tỉnh, hầu hết người dân sống dọc theo bờ biển là người Kinh (hơn 90%) bao gồm những cặp vợ chồng có thể là đồng bào dân tộc thiểu số. Phần còn lại là người dân tộc thiểu số như Tày, Thái, Mường, Khmer, Hoa, Nùng, Mông, Dao, Thổ, Dáy, vv. Hầu hết các dân tộc thiểu số sống ở khu vực miền núi của các tỉnh. **Bảng A1.1** trình bày thành phần dân tộc của 8 tỉnh.

**Bảng A1.1.** Thành phần dân tộc trong 8 tỉnh dự án (người)

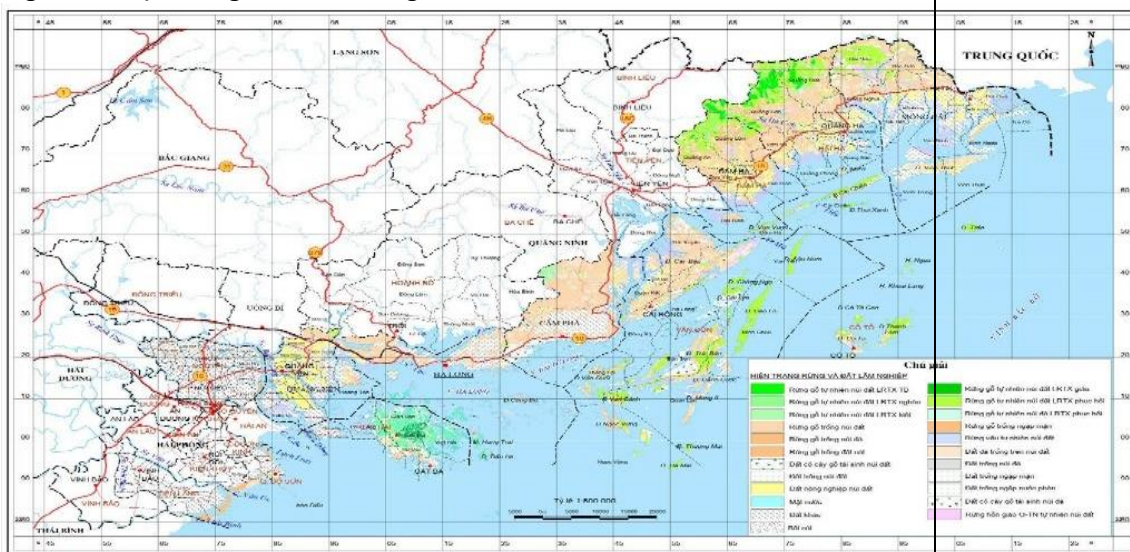
Tỉnh	Tổng dân số	Tổng DTTS	% DTTS	Dân tộc chính			Khác
				Tay	Thai	Dao	
Quảng Ninh	1.200.300	69.874	5,82%	3.501	450	59.156	6.767
Hải Phòng	1.963.300	3.204	0,16%	1.050	243	65	1.846
Thanh Hóa	3.514.200	601.074	17,10%	795	225.336	5.465	369.478
Nghệ An	3.063.900	349.705	11,41%	744	259.132	39	89.790
Hà Tĩnh	1.261.300	1.529	0,12%	280	500	84	665
Quảng Bình	872.900	630	0,07%	81	332	4	213
Quảng Trị	619.900	335	0,05%	42	79	2	212
Thừa Thiên Huế	1.140.700	1.556	0,14%	145	577	9	825

Nguồn: Viện Dân tộc học, Học viện Xã hội và Khoa học, 2014

### A1.2 Tình hình môi trường

5. **Rừng ven biển:** Khu vực dự án nằm trong vùng sinh thái được gọi là rừng mưa nhiệt đới đất thấp và sử dụng đất chủ yếu là nông nghiệp, rừng ngập mặn, đất ngập nước, rừng trồng sản xuất, và định cư. Số liệu sử dụng đất hiện nay cho thấy rằng trong các tỉnh dự án, diện tích đất lâm nghiệp là trên 50% trong tổng số sử dụng đất nói chung trừ thành phố Hải Phòng nơi có đất lâm nghiệp chỉ chiếm 20%. Dường như có sẵn diện tích đất lớn để trồng rừng, làm giàu rừng. Tại các tỉnh dự án, đất rừng ngập mặn là khoảng 24.038 ha bao gồm 88% (21.146 ha) rừng phòng hộ, 1% (274 ha) rừng đặc dụng (RĐĐ); 2% (418 ha) rừng sản xuất; và 9% (2.200 ha) diện tích đất quy hoạch. Diện tích rừng trên đất cát là 28.354 ha, bao gồm 4 ha diện tích rừng đặc dụng; 10.384 ha diện tích rừng phòng hộ; 9.665 ha diện tích rừng sản xuất; và 8.301 ha diện tích đất đã quy hoạch. Các hoạt động trồng rừng đang được thực hiện ở các tỉnh và địa phương, hầu hết là các loài bản địa bao gồm cả rừng tre, trong khi có một số thay đổi trong việc chuyển đổi trồng cây lấy gỗ nhỏ thành trồng rừng gỗ lớn. Tuy nhiên, các hoạt động trồng rừng vẫn bị thiếu hụt ngân sách và gặp khó khăn trong việc quản lý giống và đã có một số hướng dẫn/tiêu chuẩn được xây dựng.

**Bản đồ hiện trạng rừng của khu vực Quảng Ninh - Hải Phòng**

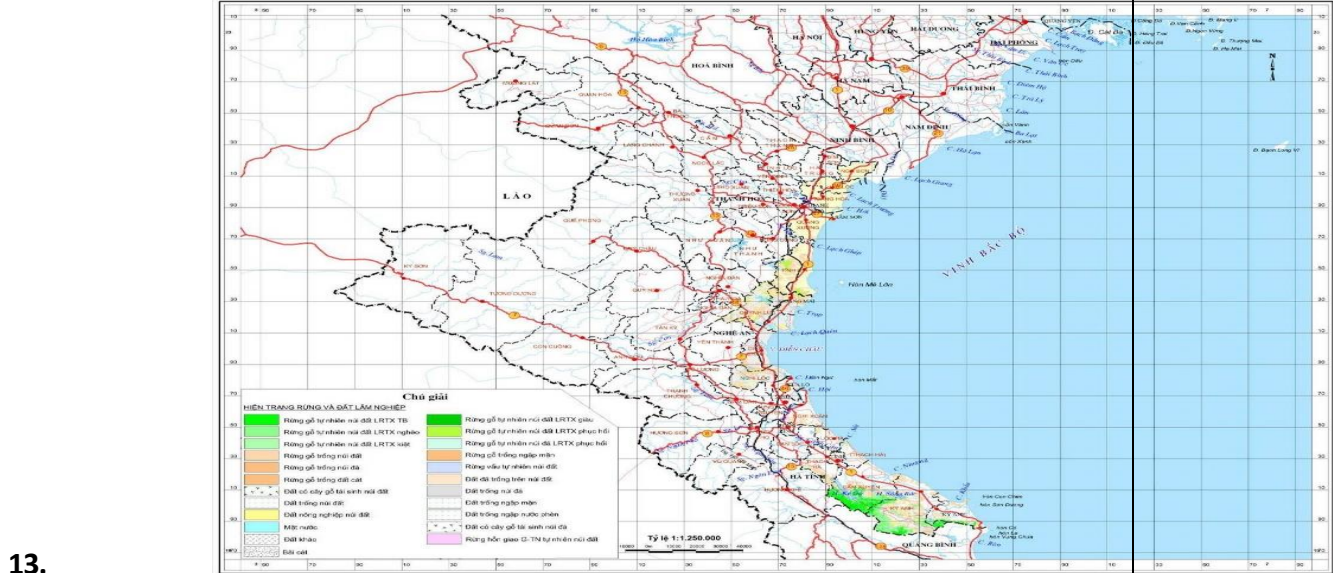


12.



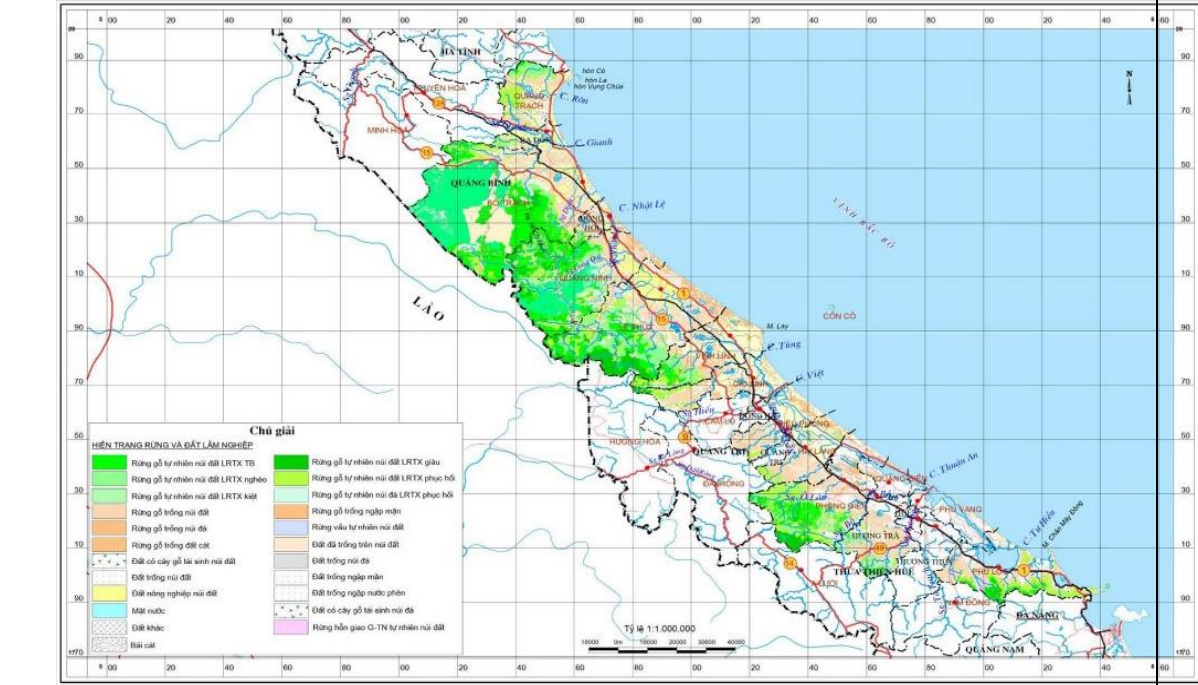
6. Trong khu vực dự án, có khoảng 235.000 ha đất lâm nghiệp chiếm 69% diện tích rừng và 31% diện tích đất không có rừng và đất chuyên dùng khác. Ước tính rằng tổng diện tích đất lâm nghiệp có khả năng được tham gia vào việc thực hiện dự án FMCR là khoảng 72.412 ha hay 31% tổng diện tích đất lâm nghiệp. Trong đó, 50.622 ha diện tích rừng sẽ được tham gia vào các hoạt động quản lý, bảo vệ rừng của dự án và 12.085 ha diện tích rừng rất nghèo sẽ được đưa vào hoạt động nâng cấp và làm giàu rừng.

**Bản đồ hiện trạng rừng của khu vực Thanh Hóa – Hà Tĩnh**



13.

**14. Hiện trạng rừng khu vực Quảng Bình – Thừa Thiên Huế**



7. **Đa dạng sinh học:** Vùng dự án được coi là khu vực giàu có về hệ thực vật và động vật. Dữ liệu tình cho thấy rằng trong các khu vực ven biển phía đông bắc của vùng cửa sông (KV1), vùng ven biển, vùng đất mặn, thảm thực vật ngập mặn là tương đối phong phú, bao gồm các loài chịu

mặn cao<sup>12</sup>. Do diện tích rừng ngập mặn lớn, hệ thống động thực vật rất đa dạng,<sup>13</sup> nhưng dao động theo thời gian. Những ngọn đồi và núi thấp ven biển (KV2-KV3) là khu rừng vực nhiệt đới thường xanh thứ cấp bị ảnh hưởng của con người. Trong khu vực ven biển với đất ngập mặn, cộng đồng ngập mặn bao gồm các loài nước lợ phổ biến và Bần chua (*Sonneratia caseolaris*) là loài chiếm ưu thế nhất, phân bố ở các vùng cửa sông (Kiến Thụy, Tiên Lãng), với độ cao từ 5 đến 10 m. Để bảo vệ đê điều, người dân ở các vùng ven biển đã trồng các dải rừng của Trang (*Kademlia candel*), Bần chua (*Sonneratia caseolaris*). Việc trồng Trang (*Kademlia candel*) cũng tạo điều kiện để tái sinh tự nhiên của một số loài như Sú (*Aegiceras conmiculatum*) và Bần (*S.caseolaris* OKNiedenzu), tạo môi trường sống cho nhiều loài hải sản và chim di cư. Ở những vùng đồi khô cận ven biển, là khu vực đồng cỏ thứ cấp và cây bụi với một số loài tái sinh tự nhiên bao gồm các loài bản địa chịu hạn. Thảm thực vật tự nhiên có cấu trúc ổn định và khả năng bảo vệ chống lại gió và cát bay. Thảm thực vật này được coi là một trong những khu vực ven biển có hệ sinh thái độc đáo điển hình, do đó cần thực hiện các nghiên cứu để tái sinh tự nhiên kiểu rừng này.

8. **Vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên.** Tại các tỉnh dự án, có 11 khu bảo tồn thiên nhiên và 07 vườn quốc gia (Bảng A1.2). Những khu vực này được thành lập để bảo vệ hệ sinh thái rừng tự nhiên, đa dạng sinh học, môi trường, cảnh quan và môi trường sống cho các loài động vật hoang dã và thực vật, thu hút du lịch, và/hoặc di tích lịch sử. Trong khi hầu hết các khu vực này đều nằm cách xa bờ biển, thì có 3-4 khu có thể được đặt gần các khu vực tiểu dự án có khả năng được chọn.

**Bảng A1.2 các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên trong khu vực dự án**

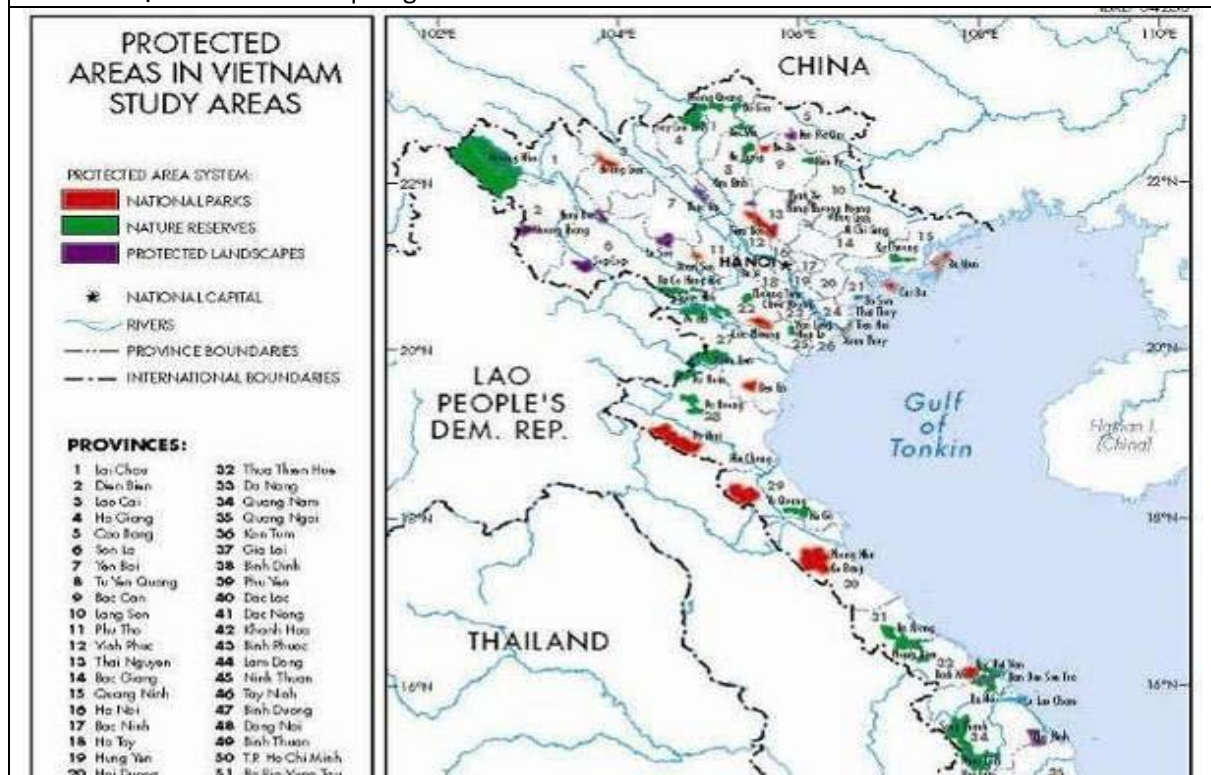
TT	Tên	Tỉnh	Diện tích (ha)	Mục đích thành lập
<b>I</b>	<b>Vườn quốc gia</b>			
1	Bái Tử Long	Quảng Ninh	15.283,00	Bảo vệ hệ sinh thái rừng trên đảo, đa dạng sinh học, cảnh quan và môi trường
2	Cát Bà	Hải Phòng	15.996,36	Bảo vệ hệ sinh thái rừng trên đảo, dân số của loài voọc đầu trắng và các loài bị đe dọa khác
		Quảng Ninh	1.366,60	
3	Bến En	Thanh Hóa	13.886,63	Bảo vệ thiên nhiên hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học, cảnh quan và môi trường
4	Pù Mát	Nghệ An	93.524,70	Bảo tồn tài nguyên rừng và môi trường sống cho voi, hổ, Sao la và các loài bị đe dọa khác
5	Vũ Quang	Hà Tĩnh	52.741,50	Bảo tồn tài nguyên rừng và môi trường sống cho voi, hổ, Sao la và các loài bị đe dọa khác
6	Phong Nha Kẻ Bàng	Quảng Bình	123.320,78	Bảo vệ hệ sinh thái rừng trên núi đá vôi, các loài bị đe dọa, di sản thiên nhiên, cảnh quan/địa điểm du lịch
7	Bạch Mã	Thừa Thiên Huế	34.380,00	Bảo tồn tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, cảnh quan, môi trường và di tích lịch sử
<b>II</b>	<b>Khu bảo tồn thiên nhiên</b>			

<sup>12</sup> Theo báo cáo (Sở NN & PTNT tỉnh Quảng Ninh, 2016). Hệ thực vật rừng ngập mặn ở Quảng Ninh có 16 loài chính và 36 phân loài. Một số loài chính là Đắng (*R.stylosaa* Griff), Bần (*S.caseolaris* O.K.Niedenzu), Trang (*Kademlia candel*), Vẹt dù (*B. Gymnorrhiza* Lâm), Sú (*Aegiceras conmiculatum*), Mắm (*A. Marina* Vieh). Những vùng đồi và núi ven biển của tỉnh Quảng Ninh có các loài chính như Thông nhựa (*Pinus latteri*), Keo lá tràm (*Acacia auriculiformis*), Keo tai tượng (*Acacia mangium*), bạch đàn (*Eucalyptus*). Ngoài ra, có một số loài bản địa như *Huỳnh, Vạng, Đào, Trám, Ươi, Lèo heo, Sến, Tếch*.

<sup>13</sup> Theo Sở NN & PTNT tỉnh Quảng Ninh năm 2016, có 9-16 loài động vật có vú; 121-147 loài chim; 8-18 loài bò sát; 5-11 loài lưỡng cư; 37-71 loài cá; và 110-288 loài sinh vật đáy. Các loài sinh vật đáy nhuyễn thể và giáp xác (*Polychaeta*) chủ yếu là *Gastropoda* và *Bivalvia*. *Gastropoda* có 70 loài trong 30 họ và *Bivalvia* có 81 loài trong 24 họ. Có nhiều họ quan trọng như Ngao, Sò, Ốc nháy, Ốc đĩa (Ngao, sò, ốc ...) với nhiều loài có giá trị kinh tế như: Ốc đĩa sù (*Neritabalteata*), Vạng (*Polymesoda*), Ngán (*Lucina philippinarum*). Ngán (*Lucina philippinarum*) là loài đặc hữu của tỉnh Quảng Ninh đã được ghi tên trong sách đỏ của Việt Nam.

TT	Tên	Tỉnh	Diện tích (ha)	Mục đích thành lập
1	Đông Sơn - Kỳ Thượng	Quảng Ninh	15.110,30	Bảo tồn tài nguyên rừng đất thấp, đa dạng sinh học, cảnh quan, môi trường
2	Pù Hu	Thanh Hóa	22.688,37	Bảo vệ rừng tự nhiên, các loài bị đe dọa
3	Pù Luông	Thanh Hóa	17.171,53	Bảo vệ hệ sinh thái rừng tự nhiên, loài voọc mông trắng và các loài bị đe dọa khác
4	Xuân Liên	Thanh Hóa	23.815,50	Bảo tồn môi trường sống trong hệ sinh thái rừng tự nhiên, và các loài bị đe dọa
5	Pù Hoạt	Nghệ An	34.589,89	Bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên và môi trường sống cho voi, hổ, Sao la.
6	Pù Huống	Nghệ An	40.186,50	Bảo vệ rừng tự nhiên và môi trường sống cho thực vật hoang dã và động vật
7	Kẻ Gỗ	Hà Tĩnh	21.768,80	Bảo vệ hệ sinh thái rừng tự nhiên, bảo vệ hồ Kẻ Gỗ
8	Bắc Hương Hóa	Quảng Trị	23.486,00	Bảo tồn tài nguyên rừng tự nhiên và đa dạng sinh học
9	Dakrong	Quảng Trị	37.681,00	Bảo tồn tài nguyên rừng tự nhiên và đa dạng sinh học
10	Phong Điền	Thừa Thiên Huế	41.508,70	Bảo tồn tài nguyên rừng tự nhiên và đa dạng sinh học
11	Sao la Thua Thien Hue	Thừa Thiên Huế	15.519,93	Bảo tồn tài nguyên rừng tự nhiên và đa dạng sinh học, loài Sao la

Box A1.2 Địa điểm các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên



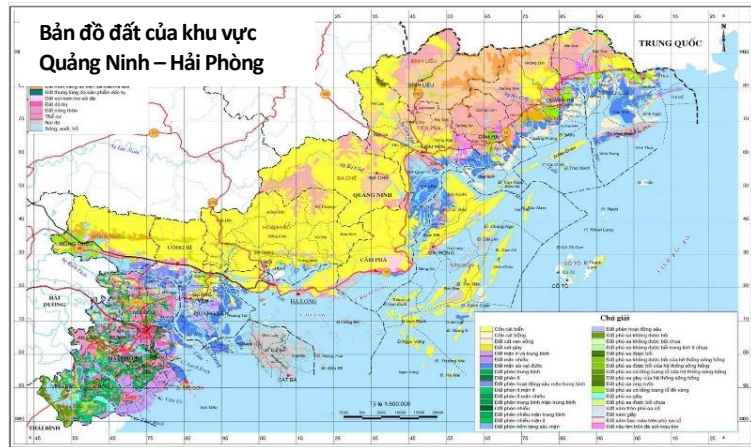


9. Chất lượng môi trường: *Dữ liệu giám sát tình tại các tỉnh trong giai đoạn 2011-2015 cho thấy chất lượng môi trường (đất, nước và không khí) trong khu vực dự án nói chung là tốt và các dữ liệu thu thập được trong tháng 9/2016 đã khẳng định kết luận này. Hầu hết các cấp độ ô nhiễm đất, nước mặt, nước ngầm, nước biển ven biển và không khí đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia<sup>14</sup>. Tuy nhiên, theo quan sát thấy rằng mức độ ô nhiễm tại nhiều khu vực là rất cao.*

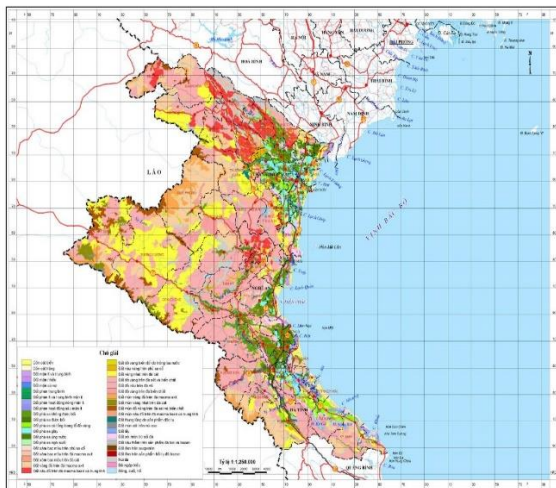
---

<sup>14</sup> (QCVN 03-MT: 2015 / BTNMT về giới hạn cho phép của các kim loại nặng trong đất; QCVN 15: 2008 / BTNMT về dư lượng thuốc trừ sâu trong đất; QCVN 08-MT: 2015 / BTNMT về chất lượng nước mặt; QCVN 09- MT: 2015 / BTNMT về chất lượng nước ngầm; QCVN 10-MT: 2015 / BTNMT về chất lượng nước biển; QCVN 05: 2013 / BTNMT về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26: 2010 / BTNMT về tiếng ồn; QCVN 27: 2010 / BTNMT về độ rung; QCVN 43: 2013 / BTNMT về chất lượng trầm tích).

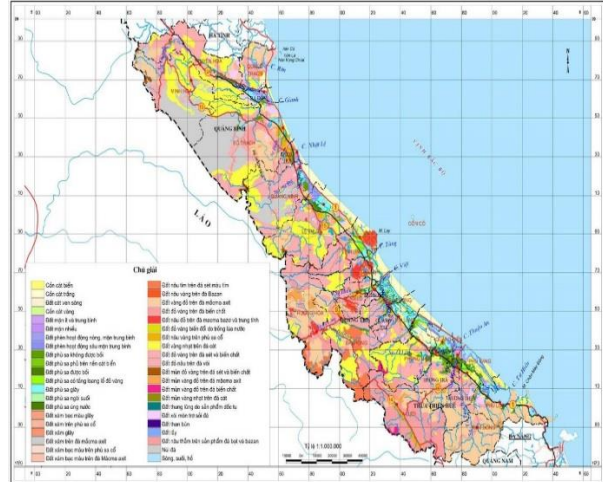
**10. Tài nguyên đất:** Rừng phòng hộ ven biển của dự án chủ yếu tập trung vào hai nhóm đất là đất mặn (Salic Fluvisols - SF) và đất cát ven biển (Arenosols - AR)<sup>15</sup>. Đất mặn có tính mặn nhưng không có lớp sunfidic và sunfuric từ bề mặt xuống đến độ sâu 125 cm. Tuy nhiên SF tại các tỉnh dự án có cấu trúc thô với hàm lượng dinh dưỡng thấp hơn so với SF tìm thấy ở các tỉnh ven biển đồng bằng sông Cửu Long. SF được phân bố rộng rãi tại các vùng ven biển của tỉnh *Quảng Ninh, Hải Phòng, Thanh Hóa, Nghệ An và Thừa Thiên Huế*. Đất AR được phân bố chủ yếu ở các tỉnh ven biển của tỉnh *Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên-Huế*. AR được hình thành bởi trầm tích ở vùng biển kết hợp với những cồn cát thấp và hình thành dải đất tương đối bằng phẳng ở các khu vực ven biển.



**Bản đồ đất của khu vực Thanh Hóa - Hà Tĩnh**



**Bản đồ đất của khu vực Quảng Bình – Thừa Thiên Huế**



**11. Hệ thống sông ngòi:** Khu vực dự án nhận được luồng nước từ một hệ thống sông ngòi dày đặc (khoảng 0,5-1 km trên mỗi km<sup>2</sup> theo hướng tây bắc và đông nam) và có một cửa sông cho hầu hết 20 km dọc theo bờ biển. Các hệ thống sông lớn có tác động đáng kể đến các khu vực ven biển là sông Hồng, sông Thái Bình, sông Cả, sông Mã, sông Thu Bồn. Mùa lũ thường xảy ra từ tháng Bảy đến tháng Mười cho khu vực phía Bắc và tỉnh Thanh Hóa, từ tháng Chín đến tháng Mười hai đối với khu vực phía Đông dãy Trường Sơn, và từ tháng Bảy đến tháng Mười một cho khu vực phía tây của dãy Trường Sơn. Hiện nay, các hệ thống sông lớn có nhiều dự án thủy điện, gây ảnh hưởng đến khối lượng bồi lắng cho các khu vực ven biển và ảnh hưởng đến tình trạng xói mòn của vùng ven biển, đê biển và các công trình xây dựng ven biển.

<sup>15</sup> Đất mặn (Salic) là loại đất phù hợp cho các loài cây ngập mặn, và thường được hình thành gần cửa sông nơi có địa hình chủ yếu là thấp ≤ 1 m (điểm cao nhất chỉ khoảng 2 m trên mực nước biển) bao gồm sông và trầm tích biển và các loài thực vật có lợi cho loại đất này bao gồm các loài ưa nước và chịu mặn.

12. **Chế độ thủy triều và đại dương:** Thủy triều dọc theo đường bờ Việt Nam phức tạp bởi sự pha trộn của 2 chế độ thủy triều. Nhìn chung, thủy triều ban ngày diễn ra từ Quảng Ninh đến Thanh Hóa trong khi thủy triều ban ngày không thường xuyên diễn ra từ Nghệ An tới phía Bắc Quảng Ninh và thủy triều bán nhật đột xuất ở phía Nam Quảng Bình đến Thuận An (Huế). Vào mùa đông, chiều cao của sóng đông bắc đến 2-3 mét (m), với chu kỳ 11-12 giây, tần suất 60-70%. Vào mùa hè, hướng sóng nằm ở phía Nam, Tây Nam và Đông Bắc. Chế độ thủy triều ảnh hưởng mạnh mẽ đến hoạt động kinh tế-xã hội của người dân ven biển. Đặc biệt khi có gió lớn hoặc bão, triều cường gây mức nước tăng lên. Khi có gió mùa đông bắc hay tây nam, nước cấp có thể tăng cao hơn bình thường 10-30 cm (cm) và xâm nhập sâu vào các con sông từ 10-20km. Khi xảy ra bão, mực nước thường tăng khoảng 1m, tối đa có thể đạt 2,0-2,5m. Sự chùng chéo của cao triều, sóng thần và mực nước dâng cao sẽ nâng cao mức độ tiêu diệt của sức nước biển, gây xói mòn bờ biển và đê điều. Dưới tác động của biến đổi khí hậu, trong những năm gần đây xói mòn bờ biển và đê biển xảy ra mạnh hơn và phức tạp, gây thiệt hại cơ sở hạ tầng nông nghiệp và công nghiệp ở các khu vực ven biển.

13. **Bờ biển và bãi bồi đất sét-bùn chế độ triều:** Đây là khu vực chủ yếu cho sự phát triển của rừng ngập mặn. Trong khu vực KV1, đất sét bùn bằng phẳng có thể được tìm thấy ở hầu hết các khu vực dọc theo bờ biển. Mặc dù khu vực này có mực nước thủy triều cao nhất (đạt 4,5 m), nhưng bãi thủy triều hẹp và thành phần chính là nền đá cứng với lớp đất sét-bùn mỏng tại một số khu vực. Một khu vực tương đối lớn bãi bồi sét-bùn chế độ thủy triều tại các khu vực cửa sông (Cát Hải, Trà Cổ - Quảng Ninh), hoặc sự kết nối giữa các khu vực phía sau đảo (Đông Ruit), Vịnh sông hoặc biển (Đồ Sơn, Cửa Lục). Dọc theo KV2, và KV3, các hệ thống sông ngấn và dốc (gần như không có giữa dòng), sông chảy vào vùng bãi bồi hẹp ven biển trước khi đi ra Biển Đông, hoặc đầm phá, các bãi bồi đất sét-bùn chế độ triều chỉ chếm một khu vực nhỏ ở cửa sông.

### A1.3 Áp lực phát triển và các nguy cơ

14. **Khu công nghiệp, đường, bến cảng:** Các tỉnh dự án có vị trí chiến lược trong vùng với mức độ phát triển cao và tiềm năng kết nối với Trung Quốc và các quốc gia Châu Á (Lào, Thái Lan, Myanmar) như một phần của Hành lang kinh tế Đông Tây, thúc đẩy sự phát triển của khu kinh tế đã được chấp thuận và các hành động được tiến hành để thu hút các nhà đầu tư vào các dự án phát triển lớn. Đường ven biển và đường thủy khu vực dự án phát triển nhanh. Các hệ thống đường quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ, liên xã, mặc dù vậy mật độ và chất lượng đường không giống nhau (đặc biệt khu vực đất cát) và không ổn định, thường sạt lở. Dọc theo bờ biển, đường thủy vận tải đã được phát triển và có rất nhiều cảng biển, cảng sông và khu đậu thuyền. Hải Phòng là một trong những cảng nước sâu quan trọng nhất trong cả nước. Khu vực dự án có yếu tố thuận lợi hỗ trợ vận chuyển hàng hóa, khai thác hải sản, phao neo tàu để tránh gió bão, vv Tuy nhiên các hoạt động này đã được đặt áp lực lên các nguồn tài nguyên ven biển và hầu hết rừng ngập mặn và rừng ven biển đã được chuyển đổi sang mục đích sử dụng đất khác trong khi tăng mức độ ô nhiễm tại các khu vực và môi trường biển.

Bản đồ chỉ các cơ sở hạ tầng trọng yếu, kè, đường chính trong 3 tiểu khu vực (đang chờ)

15. Các hoạt động/kế hoạch phát triển chính có thể được tóm lược như sau:

- **KV1:** Quảng Ninh có bờ biển dài hơn 250 km, diện tích mặt biển rộng với 6.000 km<sup>2</sup>, hơn 2.700 hòn

đảo, hơn 40.000 ha bãi triều và 20.000 ha vịnh. Có 2, 3, 4 cảng nước sâu Cái Lân với trạm truy cập và đường dẫn đến các xã đảo, cơ sở giáo dục và cơ sở y tế được xây dựng, kênh mương thủy lợi, hồ chứa nước, hệ thống thông tin liên lạc, phát thanh và truyền hình được phủ sóng. Hải Phòng là một thành phố cảng và là cửa ngõ chính ra biển của các tỉnh phía Bắc. Khu vực này là khu vực kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và là một trung tâm giao thông quan trọng cho đường bộ, đường sắt, hàng không và hàng hải kết nối trong nước và quốc tế. Hải Phòng có tiềm năng lớn về phát triển kinh tế biển, cảng biển, du lịch biển, thủy sản, dầu khí và các dịch vụ kinh tế biển khác, etc. Công nghiệp cũng đóng một vai trò quan trọng (31% GDP của thành phố). Kinh tế nông nghiệp chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đảm bảo an ninh lương thực. Tỷ lệ sản xuất chăn nuôi chiếm 40-42% giá trị nông nghiệp toàn bộ (gần 35% trong năm 2005). Trung tâm dịch vụ lớn của bờ biển phía bắc, đảo Cát Bà, Đồ Sơn được đầu tư tập trung tuy nhiên các khu vực này cũng rất quan trọng cho du lịch. Hoạt động phát triển khá nhanh trong khu vực.

- **KV2:** Tỉnh Thanh Hóa phát triển sản xuất và Thương mại nhanh trên tất cả các lĩnh vực, tập trung vào phát triển kinh tế ven biển như: công nghiệp hóa dầu, luyện cán thép, vận chuyển cơ khí, nhiệt điện, xi măng, vật liệu xây dựng, dệt may, da giày, chế biến thủy sản. Những nỗ lực được thực hiện để thu hút các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư vào khu kinh tế Nghi Sơn, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề. Vùng ven biển Thanh Hóa nổi tiếng với hai khu nghỉ mát nổi tiếng: Sầm Sơn và Hải Tiến và tỉnh đang phát triển cơ sở hạ tầng du lịch tại Sầm Sơn để trở thành một thành phố du lịch. Tỉnh Nghệ An có 80 km bờ biển với nhiều nguồn lực và lợi thế phát triển kinh tế ven biển. Khu công nghiệp hiện có rộng 188,3 km<sup>2</sup> dự kiến sẽ trở thành trung tâm thương mại quốc tế, công nghiệp, du lịch và cảng biển ở trung tâm phía Bắc của Việt Nam. Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An cũng bao gồm các khu phi thuế quan (Cảng Cửa Lò). Tỉnh Hà Tĩnh có gần 140 km bờ biển, và là một trung tâm kinh tế quan trọng của khu vực. Đầu tư vào cơ sở hạ tầng giao thông đã được thực hiện để đảm bảo liên kết vùng. Khu kinh tế đã trở thành một trung tâm kinh tế với sự tham gia của Lào và các nước khác trong hành lang kinh tế Đông-Tây với nhiều kế hoạch đối với nông nghiệp, thép và dệt may, dịch vụ thương mại, .... Dịch vụ thương mại ven biển phát triển mạnh mẽ, đặc biệt liên quan đến cảng nước sâu Sơn Dương (Vũng Áng) với công suất 30 triệu tấn hàng hóa/năm và trở thành một khu vực kinh tế trọng điểm của khu vực và cả nước. Hà Tĩnh là một phần của hành lang kinh tế Đông-Tây dọc theo đường cao tốc của 8A, 12A kết nối với Lào và Đông Bắc Thái Lan khoảng cách ngắn khoảng 400 km. Cảng nước sâu Sơn Dương cũng được kết nối với các tuyến đường hàng hải quốc tế đến các nước khác ở Nam Á, Bắc Mỹ và châu Âu.
- **KV3:** Quảng Bình có hơn 100 km đường bờ biển với năm cửa sông, trong đó Cửa Nhật Lệ và Cửa Gianh là lớn nhất. Sự phát triển kinh tế tập trung vào đầu tư và xây dựng Khu kinh tế Hòn La, để trở thành một khu vực tích hợp, đa lĩnh vực kinh tế với các ngành công nghiệp hỗ trợ, sản xuất năng lượng điện, đóng tàu, thuyền đánh cá, công nghiệp xi măng, sản xuất thủy tinh, cùng với các ngành công nghiệp phụ trợ khác. Tỉnh cũng đã đầu tư dịch vụ cảng Hòn La, phát triển du lịch ở Vũng Chùa - Đảo Yến, khu đô thị và các ngành kinh tế khác. Tỉnh Quảng Trị có 75 km bờ biển và nó có lợi thế để phát triển kinh tế biển. Ngành chủ chốt của tỉnh bao gồm khai thác, dịch vụ vận tải biển, du lịch, vv đóng góp lớn vào GDP thu hàng năm. Cùng với quy hoạch cảng nước sâu Mỹ Thủy, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý bổ sung khu kinh tế Đông Nam của tỉnh Quảng Trị vào quy hoạch các khu kinh tế ven biển Việt Nam đến năm 2020. Dự án này tạo ra một phức hợp cảng biển lớn, và tăng cường xây dựng năng lực thông qua các cảng biển của Quảng Trị, tiếp nối trục giao thông hành lang kinh tế Đông-Tây. Tỉnh Thừa Thiên Huế nằm ở một vị trí chiến lược - một cửa ngõ quan trọng của hành lang kinh tế Đông -Tây. Cùng với chiến lược phát triển đúng đắn, cơ chế và chính sách mở, tỉnh đã thu hút được nhiều nhà đầu tư. Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô đã phát triển thành một khu vực kinh tế năng động và hiện đại trong khu vực Miền Trung nhờ hướng phát triển năng động mang tính đột phá của tỉnh. Hiện nay, các khu kinh tế đã thu hút được nhiều nhà đầu tư với các dự án lớn (nghỉ dưỡng, sân golf, khu công nghiệp, cảng).

16. **Đê, cống, và đê chắn sóng ven biển:** Để bảo vệ khu vực khỏi sóng thủy triều, bão, lũ lụt và

các thiên tai khác, nhiều đê và các cơ sở hạ tầng được xây dựng với các mục tiêu và tiêu chuẩn khác nhau, và hầu hết trong tình trạng kém. Hầu hết các tuyến đê biển có mái dốc với chiều rộng của 3 - 4 m. Khu vực chính yếu được bảo vệ bởi kè và hầu hết trong số đó được gia cố bằng tấm bê tông dọc theo phía hướng ra biển để đảm bảo sự ổn định trong điều kiện sóng, gió, thủy triều ảnh hưởng. Các cửa sông, đê hoặc đê biển bảo vệ rừng ngập mặn được lát bằng đá và kè chính trồng cỏ, hoặc cỏ mọc tự nhiên với chiều rộng 2-3 m. Đê biển tỉnh Quảng Ninh dài 66 km với chiều rộng nhỏ (khoảng 2-4 m) được thiết kế để chống lại ảnh hưởng thủy triều. Vùng ven biển từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh đang thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai (đặc biệt là bão nhiệt đới). Đê biển từ Quảng Bình đến Thừa Thiên Huế chủ yếu được xây dựng với bùn pha đất cát. Một số đê nằm phía sau và xa các cửa sông và đầm phá là đất sét pha cát trong khi một số tuyến đê có hai hoặc ba chiều bề mặt được bảo vệ bằng tấm bê tông để nước lũ có thể trượt qua đê.

17. Có nhiều cống dưới đê ở kích cỡ và kiểu dáng khác nhau và hầu hết trong số đó đang trong tình trạng hư hại và cần nâng cấp và/hoặc phục hồi cấp thiết. Những cống không được thiết kế để ngăn chặn sự ảnh hưởng của lũ lụt, biến đổi khí hậu, và/hoặc nước biển dâng. Ngoài ra, có một số (10 hệ thống) của cầu cảng được thiết kế để ngăn chặn xói lở bờ biển dọc theo bãi biển và ngăn chặn sự di chuyển của cồn cát

18. **Sạt lở bờ biển:** Do tính chất của hệ thống và hoạt động phát triển ven biển dọc theo bờ biển, xói lở bờ biển đã trở thành một mối quan tâm lớn nhất là với sự vận hành của các nhà máy thủy điện ở nhiều khu vực thượng nguồn của các lưu vực<sup>16</sup>. Dữ liệu cho thấy có hai nhà máy thủy điện hiện có tại Than Hao, một tại Nghệ An, một tại Than Hao Hao, và một số địa điểm tại thượng nguồn lưu vực sông của khu vực KV1 trong khi nhiều nhà máy khác cũng được lên kế hoạch. Kinh nghiệm cho thấy rằng sự vận hành của các đập thượng nguồn làm giảm đáng kể lượng trầm tích và chất dinh dưỡng được lưu ký tại khu vực đồng bằng và do đó thay đổi kích thước và/hoặc mức độ màu mỡ của khu vực đồng bằng trong trung và dài hạn. Tình trạng xói lở bờ biển có thể được đánh dấu như sau:

- **KV1:** Có một số cửa sông (Ca Long, Ba Chẽ, Bạch Mã, vv) mà đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp phù sa cho một phần ngắn của bờ biển, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của cây ngập mặn. Các bờ biển bên trong có ít xói mòn như là kết quả của nền đá và sự bảo vệ các hòn đảo bên ngoài trong khi các khu vực bên ngoài bị xói lở nặng bao gồm cả bờ đông của đảo Cát Hải, bờ biển phía Nam của đảo Cát Bà, và bờ biển phía đông bắc của Đồi Rui đảo. Khu vực này thể hiện đặc điểm địa phương mạnh, mà liên quan đến các dòng hải dương học phức tạp trong vịnh và tác động của dòng nước ngọt ven biển.
- **KV2 và KV3:** Điều kiện tự nhiên ở các khu vực này là khác nhau từ phía Bắc (KV1). Đối với KV2, khu vực này là phần dưới của Đồng bằng Thanh – Nghệ nhận nước từ các sông núi (Tam Điệp, Hoàng Mai) và các đường bờ biển được mở và ảnh hưởng trực tiếp bởi sóng và dòng chảy ven biển. Các hệ thống sông ngắn và dốc (gần như không có dòng giữa), và dòng chảy trực tiếp vào các vùng đồng bằng hẹp ven biển trước khi xả vào Biển Đông hoặc đầm phá. Có bờ biển ngắn và bãi ngập đá triều dọc theo Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh với trầm tích cát nghèo dinh dưỡng. Tuy nhiên, rừng ngập

<sup>16</sup>Ở Việt Nam, để đáp ứng nhu cầu điện hiện tại và tương lai (quy đầu tiên của năm 2010 nhu cầu tăng 20,2%), phát triển thủy điện nhanh và đã gây ra tác động trên cả hai khu vực thượng nguồn và hạ nguồn. Mặc dù vai trò quan trọng của nó như là một nguồn năng lượng tái tạo thay thế việc tạo điện bằng nhiên liệu hóa thạch, các hoạt động thủy điện có thể thay đổi lắng đọng phù sa theo thời gian và gia tăng rủi ro về an toàn đập đến khu vực ven biển. Thách thức là để tìm ra quy mô và tốc độ phát triển thủy điện vừa phải để các nguồn lực tự nhiên và việc sử dụng chúng bởi các ngành khác không bị ảnh hưởng bất lợi trong khi đa dạng sinh học, và các tài sản xã hội và văn hoá có thể được và duy trì. Tổn thất tiềm năng trong phát triển, các giá trị của đa dạng sinh học xã hội và môi trường cần phải được cân nhắc với lợi ích kinh tế và xã hội của thủy điện.

mặn có thể được tìm thấy ở những nơi đất sét bùn có thể tích lũy và dường như là thảm thực vật ngập mặn tốt nhất trong toàn vùng nghiên cứu. Tại Hà Tĩnh, vùng đồng bằng đất sét bùn triều chỉ chiếm một khu vực nhỏ ở cửa sông. Các biến thể của vùng đồng bằng thủy triều có được chủ yếu là do ảnh hưởng của gió mùa đông bắc, bão và áp thấp nhiệt đới, các dòng hải lưu đại dương ven biển và nước và phù sa từ các sông. The khu vực tiếp giáp với biển là khá dốc, đầu trên cao bởi gió, đạt 3 -4 m ở một số nơi, nhưng không đồng đều. Thành phần cát có xu hướng thô từ Bắc vào Nam. Khu vực này là phù hợp cho rừng phòng hộ chắn cát, giảm tác động của các cơn bão, áp thấp và ổn định bờ biển. Khu vực Thanh Hóa - Hà Tĩnh có xu hướng lắng đọng trầm tích ở các cửa sông miền Bắc và xói lở bờ biển ở phía Nam. Các khu vực của tỉnh Quảng Bình - Thừa Thiên Huế được đặc trưng bởi quá trình xói mòn, chịu tác động mạnh của gió mùa, dòng hải lưu đại dương ven biển, bão và áp thấp nhiệt đới.

19. **Thiên tai và tai nạn vùng ven biển:** Đặc tính khí hậu và các hiện tượng thời tiết khắc nghiệt xảy ra một hàng năm. Tỉnh Quảng Ninh có hơn 250 km bờ biển, 6,000km<sup>2</sup> vùng biển với hơn 2.700 hòn đảo, 40.000 ha bãi triều và 20.000 ha vịnh, và 10 trong số 14 huyện, thị xã tiếp giáp với biển. Tổng diện tích của các địa phương ven biển và các đảo chiếm 72% tổng diện tích của tỉnh và 72,5% tổng dân số; khu vực đảo chính chiếm 11,5% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Cũng có những rủi ro cao liên quan đến tai nạn hàng hải. Những tác động của các vụ tai nạn trong tháng 4 năm 2016 về sản xuất nông nghiệp diễn ra tại 4 tỉnh (Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế). Theo ngành thủy sản, diện tích nuôi tôm mà hoàn toàn chết là 5,7 ha, tương đương với 9 triệu tấn tôm và 7 triệu tấn tôm thương phẩm đạt mức sinh trưởng. Đã có hơn 3.000 ha nuôi tôm thâm canh và bán thâm canh đã bị ảnh hưởng. 3.218 lồng cá chết (khoảng 49,884 m<sup>3</sup>), tương đương với 1.000 tấn cá. 90 ha ngao chết, tương đương với 900 tấn. Đã có 10 ha cua chết. Giá bán của sản phẩm thủy sản giảm từ 20-30%. Có 3.000 tấn hải sản đó là hàng tồn kho and không được bán. Hoạt động của một số nhà máy chế biến thủy sản chỉ đạt 40% công suất. Đã có hơn 185 ha ruộng muối, với tổng sản lượng khoảng 20.000 tấn và hơn 800 hộ gia đình bị ảnh hưởng. Sự cố môi trường biển cũng ảnh hưởng đến hoạt động du lịch biển của bốn tỉnh miền Trung. Công suất sử dụng phòng tại các khu nghỉ dưỡng giảm 30-40%. Trong đó có 12 cơ sở lưu trú bao gồm 750 phòng, 72 nhà hàng và 60 xe điện tại Hà Tĩnh gần như ngừng hoạt động. Ở các tỉnh khác, du lịch biển cũng bị ảnh hưởng nặng nề.

20. **Phát triển du lịch:** Tận dụng lợi thế của một đường bờ biển dài và nhiều điểm du lịch lớn (như Thuận An, Cảnh Dương, Vinh Thanh, Vinh Hiền, Vinh An, Quảng Công, Quảng Ngạn, và Lăng Cô,) các tỉnh Dự án tập trung vào việc thúc đẩy đầu tư vào các khu du lịch, và chúng có thể được tóm tắt như sau:

- **KV1:** Tỉnh Quảng Ninh: Trong các địa phương như Móng Cái, Cô Tô, Hạ Long, Hoàn Bò, Tiên Yên ... các hoạt động thương mại và du lịch từ biển luôn được quảng bá và phát triển hàng năm bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Đối với thành phố Hải Phòng, phát triển dịch vụ du lịch với sự đa dạng, chất lượng và hiệu quả đã được chú trọng và nâng cao, tạo hiệu ứng lan tỏa ban đầu trong vùng, khu vực và quốc tế, khẳng định vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế và xã hội; góp phần tích cực và trực tiếp đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố, dần dần trở thành một trong những trung tâm dịch vụ lớn nhất của bờ biển phía Bắc. Đảo Cát Bà, Đồ Sơn được đầu tư, cùng với Vịnh Hạ Long trở thành một trong những trung tâm du lịch quốc tế của đất nước.
- **KV2:** Thanh Hóa nổi tiếng với hai khu du lịch: Hải Tiến và Sầm Sơn. Tỉnh được xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ để Sầm Sơn sớm trở thành một thành phố du lịch. Đối với Nghệ An, du lịch Cửa Lò tăng đều đặn hàng năm. Doanh thu từ các dịch vụ du lịch trong năm 2012 đạt 1,460 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ (trong đó doanh thu từ khách du lịch nước ngoài là khoảng 17 triệu USD, tương

đương 102% so với cùng kỳ). Các huyện ven biển của tỉnh Hà Tĩnh có thể mạnh phát triển với thị trấn du lịch Thiên Cầm (Cẩm Xuyên) và Khu kinh tế Vũng Áng (Kỳ Anh). Đặc biệt cảng nước sâu Sơn Dương (Vũng Áng) với công suất 30 triệu tấn hàng hóa / năm là khu vực kinh tế trọng điểm của khu vực và cả nước. Nằm trong hành lang kinh tế Đông-Tây, dọc theo Quốc lộ 8A, 12A đồng thời được kết nối với cửa khẩu Cầu Treo và Cha Lo, cảng Vũng Áng là tuyến hàng hải quốc tế mà từ đó có thể đi đến các nước ở Nam Á, Bắc Mỹ và châu Âu. Nó là cửa ngõ đường biển ngắn nhất của Lào và Đông Bắc Thái Lan và tuyến đường quan trọng cho phát triển du lịch.

- **KV3:** Ở Quảng Bình, ngành du lịch ven biển đã từng bước được đầu tư cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh để trở thành một ngành kinh tế trọng điểm của địa phương. Các khu du lịch được xây dựng như Sun Spa Resort giai đoạn II của công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thịnh; Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Vũng Chùa - Đảo Yến và một số khách sạn ven biển, từng bước đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế. Tỉnh Quảng Trị: du lịch được hình thành ngành kinh tế mạnh mẽ, đóng góp to lớn cho nền kinh tế; một số sản phẩm du lịch hấp dẫn và điển hình được lựa chọn để xây dựng thương hiệu du lịch mạnh như: đi du lịch đến các chiến trường cũ, hành lang kinh tế Đông- Tây, hệ sinh thái, biển - đảo, tham quan các di tích; phát triển mạnh mẽ của Cửa Việt - Cửa Tùng, du lịch và dịch vụ đảo Cồn Cỏ. Bãi biển Cửa Tùng đã được coi là nữ hoàng của các bãi biển Đông Dương (Hải quân Pháp). Tỉnh Thừa Thiên Huế: địa phương có nhiều lợi thế du lịch với 4 di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của thế giới. Các bờ biển ở các tỉnh có nhiều điểm du lịch như Thuận An, Cảnh Dương, Vinh Thanh, Vinh Hiền Vĩnh An, Quảng Công, Quảng Ngạn, Lăng Cô, ... Tỉnh Thừa Thiên Huế hiện nay tập trung đầu tư và xúc tiến khu vực du lịch, phát triển cơ sở hạ tầng và xúc tiến du lịch biển, giúp du lịch biển Thừa Thiên Huế phát triển.

21. **Sản xuất nông nghiệp và thủy sản:** Cơ cấu kinh tế ông trong khu vực dự án đa dạng. Hoạt động sản xuất bao gồm: (i) sản xuất nông nghiệp (trồng lúa, ngô, khoai, sắn, lạc, đậu, rau, trái cây và gia súc như trâu, bò, lợn, dê, gà, vịt, vv); (ii) Nuôi trồng thủy sản (nuôi tôm, nghêu và sò và thu hoạch thủy sản dưới tán rừng ngập mặn và cá nước ngọt); (iii) lâm nghiệp (phòng hộ, hợp đồng quản lý rừng, khai thác gỗ, khai thác dầu,); (iv) công nghiệp (cửa hàng cá và chế biến, cảng cá, vv); (v) thủ công mỹ nghệ (buôn bán nhỏ, sản xuất nước mắm, vv), và (vi) các dịch vụ nông nghiệp (trại sản xuất giống cá và tôm, thức ăn cho tôm, vv). Mặc dù có nhiều nguồn sinh kế, nhưng thu nhập của hộ gia đình trong vùng dự án cũng phụ thuộc vào sản xuất nuôi trồng thủy sản do đặc điểm phân bố dân cư và điều kiện tự nhiên.

22. **Khai thác và sử dụng rừng:** Ngoài ra còn có khai thác rừng. Tuy nhiên, các số liệu năm 2016 cho thấy khai thác lâm sản chủ yếu được tiến hành tại các khu vực rừng sản xuất và cây phân tán. Trong khu vực dự án, khối lượng khai thác gỗ là trên 5,6 triệu m<sup>3</sup> và khối lượng khai thác gỗ trung bình là 1,12 triệu m<sup>3</sup> / năm. Việc tăng hoặc giảm khối lượng gỗ của từng năm, từng giai đoạn phụ thuộc vào chu kỳ kinh doanh của gỗ rừng trồng. Các sản phẩm chủ yếu bao gồm gỗ xây dựng và gỗ dăm. Gỗ được cung cấp đầy đủ cho chế biến, một phần gỗ được cung cấp cho các địa phương bên ngoài và xuất khẩu. Các giá trị gia tăng của sản xuất lâm nghiệp đã tạo ra nhiều việc làm và cải thiện thu nhập cho người dân nông thôn ở các vùng miền núi, góp phần xóa đói giảm nghèo cũng như góp phần doanh thu cho ngân sách tỉnh. Gỗ cũng được thu hoạch để làm củi đốt.

- **KV1:** Ở Quảng Ninh, Hải Phòng, do nguồn thu nhập khá lớn từ các sản phẩm thủy sản của rừng ngập mặn, người dân sống trong các khu vực ven biển chủ yếu khai thác nguồn lợi thủy sản tự nhiên dưới tán rừng. Hoạt động của họ là tự phát và không được kiểm soát, gây ra những tác động đáng kể đối với các hệ sinh thái rừng ngập mặn. Ngoài ra, nó có thể sử dụng nhiều vùng bãi bồi ven biển trồng rừng ngập mặn. Tuy nhiên, do lợi ích kinh tế, các địa phương đã tiến hành các khu vực nuôi trồng thủy sản theo quy hoạch (nuôi ngao) mà không cần quan tâm đến phát triển rừng.
- **KV2-KV3:** Tại các tỉnh từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên Huế, mặc dù diện tích rừng ven biển là rừng

sản xuất, các khu rừng này được trồng theo lập địa của đất cát ven biển là khô và nghèo dinh dưỡng, vì vậy, cây chậm phát triển với năng suất thấp. Nhìn chung, trong khu vực này, rừng không có sản phẩm và khó thực hiện nông lâm kết hợp. Các dải rừng ven biển chủ yếu được sử dụng cho mục đích bảo vệ (chắn gió, chống cát bay), duy trì độ ẩm, cải thiện đất cát, do đó một số cây trồng nông nghiệp như khoai lang, đậu có thể được trồng. Trong dài hạn, các khu vực rừng sản xuất cần được quy hoạch là rừng phòng hộ.

23. **Chế biến gỗ và thị trường sản phẩm từ gỗ:** Hiện có hơn 300 cơ sở sản xuất và chế biến lâm sản và các sản phẩm nghệ thuật thủ công mỹ nghệ trong khu vực dự án, trong đó có một số cơ sở là các doanh nghiệp nhà nước và hợp tác xã và một số cơ sở khác ở cấp hộ gia đình. Các sản phẩm chính bao gồm sản xuất gỗ dăm, ván ép, thuyền sửa chữa; các sản phẩm bằng gỗ để sử dụng tại nhà. Các vật liệu gỗ được sử dụng là từ rừng trồng và cây trồng phân tán hoặc nhập khẩu từ các nơi khác trong và ngoài khu vực dự án. Các thiết bị được sử dụng để chế biến gỗ bao gồm các xưởng cưa, máy tiện, máy tạo dăm gỗ, máy cắt, vv Theo Quyết định số 5115/2014 / QĐ-BNN-TCLN ngày 11 tháng 12 năm 2014, đến năm 2020, dăm gỗ sẽ được sản xuất với sản lượng tối đa 1,5 triệu tấn/năm tại các tỉnh phía Đông Bắc và sản lượng tối đa là 1,0 triệu tấn/năm tại khu vực Bắc Trung Bộ. Theo Quyết định này, chỉ đạo chung cho ngành chế biến gỗ là giảm sản xuất sản lượng dăm gỗ trong khi đó cải thiện năng suất chế biến của các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh cao như đồ nội thất, đồ gỗ ngoài trời, nghệ thuật đồ gỗ mỹ nghệ.

#### **A1.4 Các hoạt động sinh kế chủ yếu ở khu vực dự án ven biển**

24. Diện tích đất canh tác (cây hàng năm và cây lâu năm) là 450.415 ha, hoặc khoảng 46% diện tích đất nông nghiệp với bình quân 554 m<sup>2</sup>/người (hoặc khoảng 74% bình quân cả nước với 750 m<sup>2</sup>/người). Năng suất lúa bình quân khá thấp trong khi sản lượng lương thực bình quân đầu người là 230 kg/người/năm, hoặc 56% so với bình quân cả nước (412 kg/người/năm). Việc thiếu đất nông nghiệp ở các xã ven biển khu vực dự án là một trở ngại lớn cho việc thay đổi đời sống của người dân. 90% các hộ gia đình có công cụ đánh bắt cá, nhưng chỉ 29% trong số họ có thuyền đánh cá. Điều này có nghĩa là phần lớn các hộ gia đình ở các xã tham gia dự án đánh bắt cá ven bờ mà không có thuyền đánh cá và họ cần được giúp đỡ. Ngoài ra, tỷ lệ các nhóm dân tộc thiểu số như người Dao (Quảng Ninh) và người Tày (Thanh Hóa) tham gia đánh bắt cá là khá cao do họ không có đất sản xuất và chỉ sống phụ thuộc vào đánh bắt cá ven bờ. Nhóm hộ gia đình theo chế độ mẫu hệ có thu nhập thấp hơn nhóm hộ gia đình theo chế độ phụ hệ ở cùng khu vực. Do đó, những nhóm này cần dự án hỗ trợ để phát triển sinh kế. Các phần dưới đây tóm tắt các điều kiện sinh sống ở khu vực dự án.

- **KV1: Quảng Ninh - Hải Phòng** - So với các tỉnh khác, khu vực này có tốc độ tăng trưởng kinh tế và GDP bình quân đầu người cao; mật độ dân số cao; nhiều công trình, nhà máy, bến cảng, khu du lịch; và tiềm năng phát triển lớn. Nhìn chung, cộng đồng các xã ven biển sinh sống chủ yếu nhờ ngư nghiệp (đánh bắt và nuôi trồng thủy sản), chiếm 60% tổng thu nhập. Các dịch vụ thương mại (kinh doanh nhỏ) và lao động (bao gồm cả xuất khẩu lao động) chiếm quy mô nhỏ. Kết quả khảo sát tại Thành phố Móng Cái và huyện Tiên Yên cho thấy, số người sinh sống nhờ đánh bắt thủy sản chiếm phần lớn so với các ngành khác. Một số ít hộ gia đình đánh bắt và nuôi trồng thủy sản xa bờ. Với các hộ gia đình nghèo không có đủ vốn hoặc thiếu nguồn nhân lực, họ sống chủ yếu nhờ đánh bắt thủy sản dưới tán rừng ngập mặn. Số lượng người tham gia chăn nuôi và trồng cây nông nghiệp chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ từ 10 - 12% tổng số người lao động. Đời sống người dân ở các xã mục tiêu phụ thuộc chủ yếu vào sản xuất thủy sản. Ở thành phố Đồ Sơn, có khoảng 51% số hộ gia



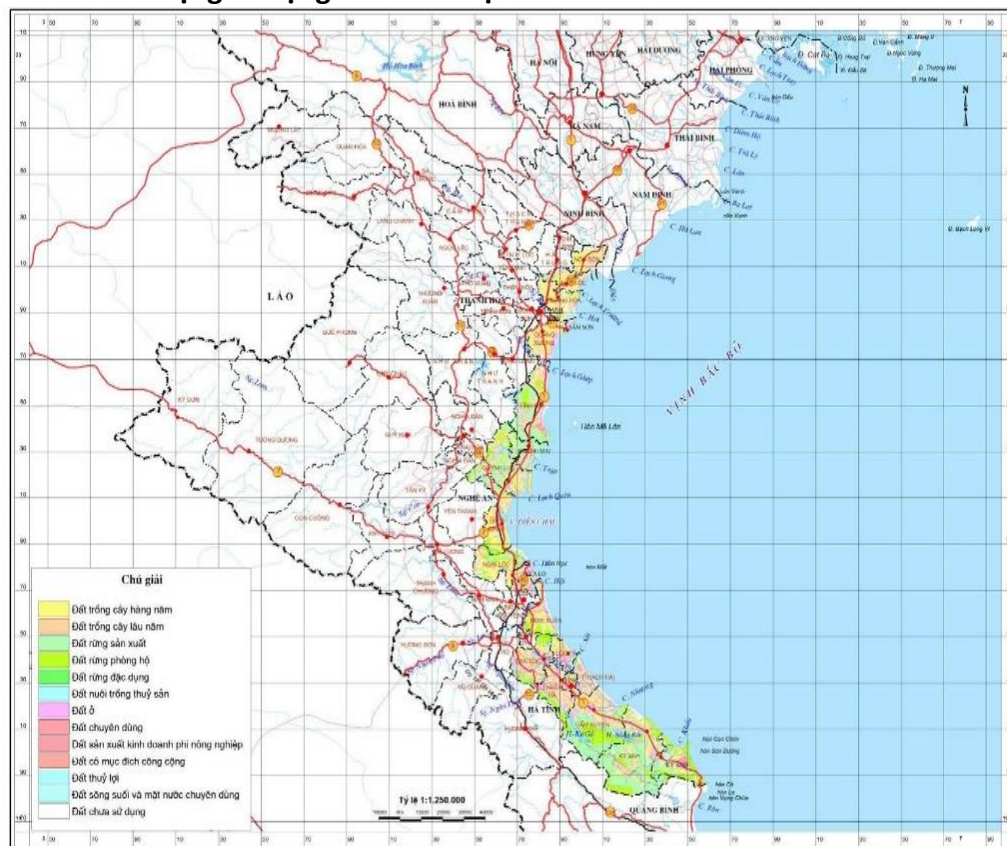
đình ở các xã mục tiêu tham gia đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. Số hộ gia đình tham gia chế biến thủy sản và các dịch vụ chiếm 10%; sản xuất cây trồng và chăn nuôi chiếm 11%. Các hộ nghèo sống phụ thuộc vào đánh bắt thủy sản dưới tán rừng ngập mặn chiếm khoảng 0,5%. Tại một số khu vực, người dân địa phương tự nguyện bảo vệ rừng để bảo vệ nguồn lợi thủy sản.



- KV2.** Ở các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh, các xã ven biển thiếu đất sản xuất nông nghiệp và nước bề mặt cho nuôi trồng thủy sản. Chỉ có 6,6% tổng số hộ gia đình có đất nông nghiệp để canh tác, 14,8% tổng số hộ gia đình sử dụng nước bề mặt để nuôi trồng thủy sản trong khi một số hộ gia đình đánh bắt thủy sản. 67% số hộ gia đình được khảo sát nuôi trồng thủy sản, hoặc khoảng 52% dân số trong độ tuổi lao động. Phần lớn thuyền của họ có công suất nhỏ nên các hộ gia đình chủ yếu đánh bắt cá thủy sản ven bờ. Số lao động nữ tham gia các dịch vụ về thủy sản chiếm khoảng 70%. Ở tỉnh Nghệ An, kinh tế các hộ gia đình ven biển chủ yếu phụ thuộc đánh bắt cá và nuôi trồng thủy sản, tuy nhiên doanh thu từ du lịch ở thị xã Cửa Lò tăng đều hằng năm.
- Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 21.243 ha và sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy sản trong năm 2012 tăng đáng kể do sự phát triển mạnh mẽ của phong trào nuôi cá ở các huyện, thời tiết tương đối thuận lợi cho các ngư dân đánh bắt cá xa bờ, và tăng thời gian trong khu vực đánh cá. Nhìn chung, cả sản lượng nuôi trồng và đánh bắt trong 11 tháng là 107.379 tấn, tăng gần 6% so với cùng kỳ. Ở Hà Tĩnh, các ngư dân ven biển sống phụ thuộc chủ yếu vào sản xuất cây trồng nông nghiệp, thủy sản và muối. Diện tích nuôi trồng thủy sản ven biển gần 8.000 ha, bao gồm 5.080 ha nước ngọt và 2.890 ha nước lợ. Trong năm 2013, năng suất đạt khoảng 16.700 tấn thủy sản. Nuôi trồng thủy sản nước ngọt đạt 18.405 tấn với giá trị sản xuất là 1.539,18 tỷ VNĐ, trong đó giá trị xuất khẩu đạt 5,62 triệu. Sản xuất muối trên địa bàn tỉnh giảm mạnh trong những năm gần đây do số ngày nắng giảm từ 100 - 120 ngày mỗi năm xuống còn 40 - 50 ngày và sản xuất muối không đem lại đủ thu nhập cho các hộ gia đình. Xâm nhập mặn gia tăng ngày càng nhiều khiến các cây trồng nông nghiệp giảm bớt phần nào, tuy nhiên ngành nông nghiệp ở các huyện ven biển

vẫn đáp ứng được năng xuất và sản lượng đề ra của ngành.

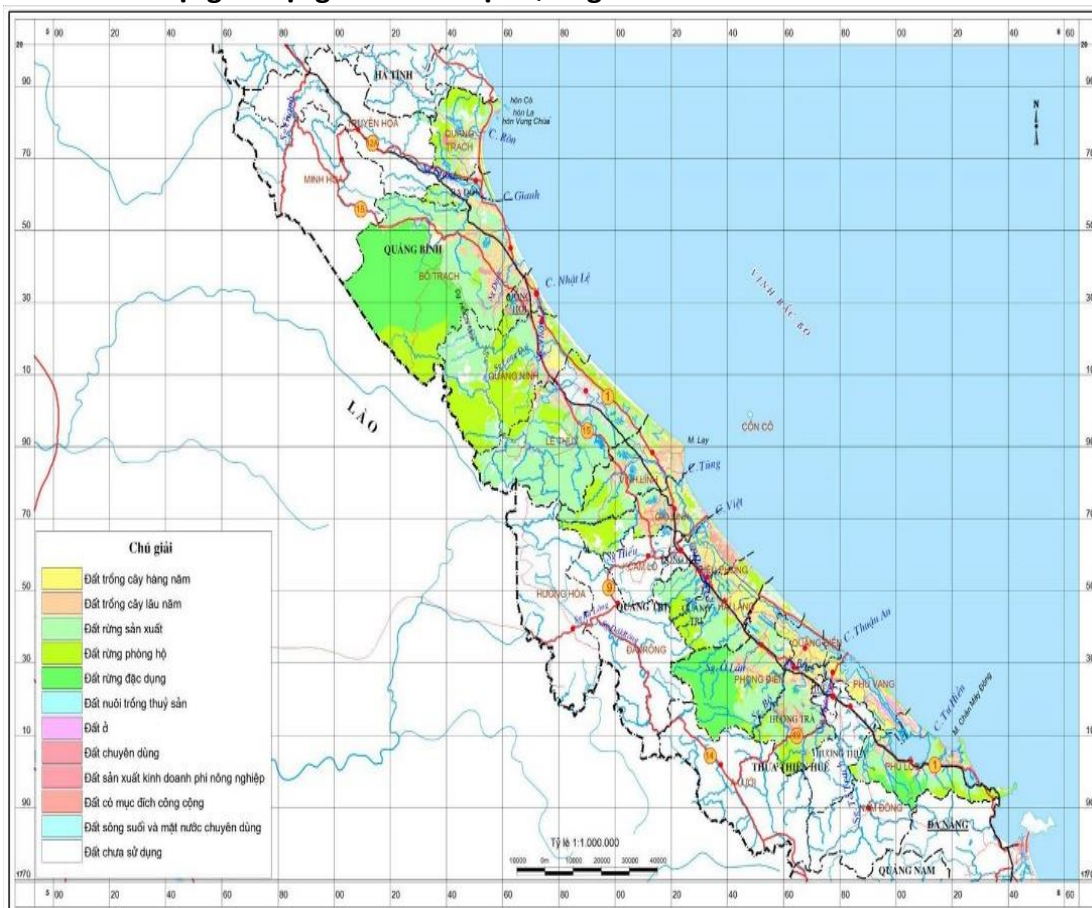
### Bản đồ tình trạng sử dụng đất ở khu vực Thanh Hóa – Hà Tĩnh



- KV3:** Ở các tỉnh *Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế*, du lịch ven biển đang dần được phát triển. Đời sống của người dân các xã ven biển phần lớn phụ thuộc đánh bắt thủy sản, chiếm 76%; trong đó chỉ có rất ít hộ gia đình có thuyền đánh bắt cá. Các hộ thủy sản không có đất sản xuất chiếm khoảng 80%, trong đó 6% số hộ phải thuê đất sản xuất, số còn lại được giao đất. Kết quả khảo sát cũng cho thấy rằng, số lao động nữ tham gia đánh bắt thủy sản ven bờ ở các tỉnh này khá cao (khoảng 415% tổng số lao động nữ). Số còn lại làm các dịch vụ về thủy sản hoặc các công việc khác. Ở *Quảng Bình*, nông nghiệp ở các xã, huyện ven biển chủ yếu tập trung vào lĩnh vực nuôi trồng thủy sản do diện tích bề mặt nuôi trồng thủy sản tiềm năng là khá lớn với tổng diện tích 15.000 ha. Sự xâm nhập mặn (8 - 30 ppt và 6,5 - 8 độ pH) vào 10 - 15 km cửa sông tạo môi trường thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản để xuất khẩu. Thủy triều bán nhật triều ở các khu vực ven biển tạo điều kiện thuận lợi cho cung cấp và thoát nước để quản lý ao nuôi tôm, cua và các loài hải sản khác. Ở *Quảng Trị*, diện tích nuôi trồng thủy sản tăng trong những năm qua. Tỉnh đã đầu tư vào phát triển chế biến hải sản đông lạnh cho xuất khẩu và tập trung đầu tư nâng cấp các khu vực dịch vụ thủy sản để tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế biển như: Trung tâm nghề cá Cửa Việt, Trung tâm nghề cá Cửa Tùng, cảng và khu dịch vụ hậu cần nghề cá ở đảo Cồn Cỏ.
- Du lịch có tiềm năng lớn vì ngành công nghiệp du lịch đã có những đóng góp lớn cho nền kinh tế và tỉnh đang nỗ lực để tạo ra các sản phẩm du lịch hấp dẫn. Diện tích nuôi trồng thủy sản tăng trong những năm qua. Tỉnh đã đầu tư và tập trung vào chế biến hải sản đông lạnh cho xuất khẩu, cải thiện các dịch vụ nghề cá nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho

phát triển kinh tế như: Trung tâm nghề cá Cửa Việt và Cửa Tùng, cảng và khu dịch vụ hậu cần nghề cá ở đảo Cồn Cỏ ... Ở Thừa Thiên Huế, hải sản là ngành kinh tế quan trọng với phong trào đánh bắt cá và nuôi trồng thủy sản phát triển mạnh. Chuyển hướng nghề cá sang phát triển đánh bắt cá xa bờ, tập trung vào các sản phẩm có giá trị xuất khẩu cao. Thừa Thiên Huế có 126 km và hơn 22.000 ha diện tích bề mặt nước ở phá Tam Giang - Cầu Hai, nhiều bãi biển, và 45 xã/thị trấn với hơn 350 nghìn dân cư, trong đó có 23 nghìn người dân đánh bắt và/hoặc nuôi trồng thủy sản. Có một số thuyền đang hoạt động trong khi có nhiều cảng cá đang hoạt động hoặc đang được xây dựng.

### Bản đồ tình trạng sử dụng đất ở khu vực Quảng Bình – Thừa Thiên Huế



#### 14.1.1.1 A1.5 Quản lý rừng ven biển ở khu vực dự án

25. **Rừng ngập mặn/sinh kế:** Trong 20 năm qua, Chính phủ<sup>17</sup> và các Tổ chức phi chính phủ đã tiến hành trồng/phục hồi rừng ngập mặn (với sự hỗ trợ từ các cơ quan quốc tế), và nhờ đó, diện tích rừng ngập mặn ở khu vực ven biển đã tăng đáng kể. Từ năm 1991 đến nay, hơn 20.000 ha diện tích rừng đã được trồng dọc theo các cửa sông phía Đông Bắc và đồng bằng phía Bắc để bảo vệ đê điều. Ở nhiều địa phương đang các mô hình sản xuất nhằm bảo vệ và sử dụng nguồn lợi thủy sản tự nhiên dưới tán rừng tự nhiên cũng như các mô hình nuôi tôm bán thâm canh theo

<sup>17</sup>Từ năm 1992, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 327/CT về một số chủ trương, chính sách sử dụng đất trồng, đồi núi trọc, rừng, bãi bồi ven biển, mặt nước và đầu tư phục hồi rừng. Vào ngày 21/12/1994, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 73/QĐ về việc sử dụng đất hoang hóa, bãi bồi ven biển, bãi bồi ven sông và mặt nước, bao gồm cả đầu tư trồng rừng ngập mặn và trồng rừng phi lao để bảo vệ đê điều. Trong năm 1998, Chính phủ đã thực hiện chương trình trồng mới 5 triệu ha, bao gồm cả rừng ngập mặn.

phương pháp lâm ngư kết hợp; mô hình nuôi tôm quảng canh được cải thiện với nuôi trồng thủy sản trong rừng ngập mặn; và mô hình nuôi tôm quảng canh được nghiên cứu trên cơ sở các nguồn giống và nguồn nước từ môi trường tự nhiên. Các hoạt động nuôi ong trong rừng ngập mặn, nuôi vịt biển, hay nuôi cá trong lồng được thực hiện trên cơ sở môi trường nước tự nhiên. Một số địa phương tận dụng lợi thế môi trường và cảnh quan thiên nhiên ở các khu rừng ngập mặn để kinh doanh du lịch. Tất cả các hoạt động sản xuất tại các khu rừng ngập mặn phụ thuộc phần lớn vào môi trường tự nhiên. Tại đây, việc bảo vệ và phát triển rừng rất quan trọng đối với phát triển sinh kế và bảo vệ cuộc sống của người dân sống ven biển.

**26. Trên đất cát ven biển**, do đất khô và kém dinh dưỡng, cây chậm phát triển với năng suất thấp. Vì thế, rừng phòng hộ ở những khu vực này được trồng để chắn gió, chắn cát bay, bảo vệ đất trồng trọt và cuộc sống của người dân địa phương, duy trì độ ẩm, cải tạo đất cát, nhờ đó rừng được một số cây nông nghiệp như khoai lang, đậu đỗ. Có một số mô hình điển hình của rừng phòng hộ trên đất cát như: mô hình dải rừng chuyên bảo vệ bờ biển; mô hình dải rừng phát triển toàn bộ khu vực; mô hình dải rừng rộng từ 200m đến 300m trên cồn cát/bãi cát bán cố định hoặc di chuyển mạnh ở khu vực trung tâm hoặc thỉnh thoảng di chuyển nhẹ ra hướng biển hoặc vào trong đất liền. Các cây được trồng chủ yếu là loài chịu hạn như phi lao và keo, cọ, thùa và xương rồng. Các mô hình trồng trên cồn cát bay chủ yếu ở xã Gia Ninh và Hải Ninh thuộc huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình (bốn dải rừng). Các mô hình dải rừng phòng hộ dọc các thôn làng - dải 3 không phải là rừng phi lao thuần túy mà là rừng hỗn hợp giữa phi lao và cây trồng xung quanh nhà như các loại tre khác nhau, Hóp nhỏ, Tra làm chiếu, Bời lời đỏ, Bạch đàn, Keo; hoặc một vài loài cây ăn quả (mít, chuối, măng cầu, v.v...); hoặc một vài cây gỗ tự nhiên còn lại (cây đa, cây si, cây sanh, cây lộc vừng, cây mù u, v.v...).

**27. Quản lý rừng phòng hộ và rừng ngập mặn ở khu vực dự án.** Trong những năm gần đây, các tỉnh tham gia dự án đã giao cho các BQL rừng, công ty lâm nghiệp, UBND xã, tổ chức và hộ gia đình thực hiện các hoạt động bảo vệ rừng, bao gồm các biện pháp tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm quản lý nhà nước ở các cấp/ngành; tiến hành ký cam kết bảo vệ rừng và soạn thảo quy ước bảo vệ rừng cộng đồng; tuyên truyền, tập huấn, diễn tập phòng cháy chữa cháy tại các thôn để huy động kịp thời lực lượng cần thiết cũng như để ngăn chặn các nguy cơ cháy rừng. Hiện tại, 72.412 ha diện tích đất rừng trong tổng số diện tích do Dự án "Hiện đại hoá ngành Lâm nghiệp và Tăng cường tính chống chịu vùng ven biển" thực hiện, 36.212 ha (50%) do UBND các xã quản lý; 28.783 ha (40%) do BQLRPH quản lý; 4.320 ha (6%) do các cá nhân và hộ gia đình quản lý; 904 ha (1,2%) do các công ty lâm nghiệp quản lý; 848 ha (1,2%) do các nhóm hộ gia đình và cộng đồng quản lý; 452 ha (0,6%) do các BQLRĐD quản lý; 274 ha (0,4%) do các doanh nghiệp tư nhân quản lý; 218 ha (0,3%) do các lực lượng dân quân quản lý; 401 ha (0,6%) do các đối tượng khác quản lý (các nhóm tình nguyện viên thanh niên hoặc các hợp tác xã nông nghiệp). Vì thế, UBND các xã và BQLRPH là hai lực lượng chính chịu trách nhiệm quản lý gần 90% đất rừng ở khu vực dự án.

**28. Người dân địa phương bảo vệ rừng ven biển:** Các hoạt động bảo vệ rừng được thực hiện thông qua các chương trình/dự án sử dụng ngân sách nhà nước và tại một số khu vực có sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương, Ở Quảng Ninh và Hải Phòng, người dân địa phương được trực tiếp hưởng lợi từ nguồn lợi thủy sản dưới tán rừng ngập mặn, vì vậy họ thực hiện rất tốt việc bảo vệ rừng. Giao khoán việc bảo vệ rừng cho các hộ gia đình/cộng đồng cũng đã được tiến hành. Tuy nhiên, việc giao khoán chỉ có hiệu lực trong một năm, và sẽ bị gián đoạn trong trường hợp không có ngân sách trong nhiều năm. Vì lý do này, rừng đã không được bảo vệ tốt. Việc giao



khoán rừng vẫn còn mang tính hình thức, và được thực hiện chậm mà không quan tâm đến nguồn vốn và trình độ kỹ thuật của các hộ gia đình; nạn phá rừng (kể cả rừng ngập mặn) để nuôi trồng thủy sản vẫn diễn ra; chăn thả gia súc và khai thác thủy sản vẫn xảy ra trong các khu rừng, ảnh hưởng đến sự tăng trưởng và phát triển của rừng. Người dân - những người được khoán rừng và đất lâm nghiệp hiện nay - về bản chất chỉ là "những người làm công" và nhận thù lao theo mức khoán.

### **A1.5 Các vấn đề và hạn chế về quản lý rừng ven biển**

**29.** Mặc dù khu vực dự án có giá trị cao về rừng ven biển, rừng ngập mặn và các tài nguyên ven biển (bãi biển, văn hóa, v.v...) mà rất quan trọng để duy trì điều kiện sống cho những người nghèo, nhưng lại đang đối mặt với nhiều áp lực và các mối đe dọa lớn từ nhiều hình thức hoạt động phát triển. Trong quá trình chuẩn bị dự án, các vấn đề và hạn chế chính có thể được tóm tắt như sau:

- **Khó khăn về kỹ thuật do điều kiện tự nhiên và độ nhạy cảm của các hệ sinh thái ven biển:** Khu vực dự án bao gồm một bờ biển dài với các điều kiện địa phương và quá trình tự nhiên khác nhau. Dọc theo phần trên (KV1 và giữa KV1 và KV2), điều kiện khu vực ở một vài nơi tương đối khó khăn (nghèo dinh dưỡng, nhiều cát, v.v...) để phục hồi rừng ven biển, đặc biệt là ở những vùng đất cát, đất ngập nước thủy triều sâu. Vùng đầm lầy ven biển ở một số nơi có lớp bùn mỏng, nghèo dinh dưỡng do ít phù sa. Dọc theo KV2 và KV3, đường bờ biển dài nhưng hẹp với độ dốc cao xuống đến bờ biển và chiều dài ngắn của sông dẫn đến sự phân nhỏ và cô lập đất của dự án, và liên quan đến sự phát triển sinh kế. Ngoài ra, khí hậu và điều kiện thời tiết không ổn định cũng như độ nhạy cảm của hệ sinh thái ven biển có thể làm trầm trọng hơn những khó khăn và do đó đòi hỏi sự chú ý hơn đến quản lý những rủi ro/ thiên tai về bão và lũ quét có thể ảnh hưởng xấu đến người dân địa phương. Xây dựng và/hoặc phục hồi đê điều và/hoặc cống nước dưới đê là cần thiết. Việc đảm bảo mọi kế hoạch đầu tư phải xem xét đến nhu cầu bảo vệ và quản lý rừng ven biển, rừng ngập mặn cũng như các tác động tiềm năng đến cộng đồng sống ven biển là rất quan trọng. Bất kỳ đề xuất chuyển đổi sử dụng đất từ rừng ven biển và/hoặc rừng ngập mặn sang mục đích khác đều phải được xem xét cẩn thận.
- **Các cộng đồng địa phương và sự cạnh tranh khốc liệt trong việc sử dụng đất/nước:** Dân số đông tại các khu vực ven biển cũng tạo áp lực lớn về tài nguyên, môi trường, và nhu cầu sử dụng đất và tài nguyên rừng cao. Nhu cầu về đất ở, đất sản xuất, và đất xây dựng ngày càng tăng, đe dọa đến các vùng đất cát dùng để trồng rừng. Nhu cầu về lâm sản và hải sản tự nhiên trong rừng cũng ảnh hưởng tiêu cực đến các hệ sinh thái ven biển. Bên cạnh đó, đa số người dân vẫn trong tình trạng nghèo hoặc cận nghèo và sống phụ thuộc vào tài nguyên rừng ven biển, đặc biệt là rừng ngập mặn. Những nhu cầu này tác động tiêu cực đến việc bảo vệ và phát triển rừng ven biển, và cần được giải quyết hiệu quả. Khu vực dự án bao gồm một bờ biển dài và liên quan đến nhiều cơ quan/ đơn vị, và các lựa chọn để phát triển sinh kế cần phải cân nhắc đến sự cạnh tranh trong việc sử dụng đất và nước cho các ngành công nghiệp, cảng, vận chuyển nước và du lịch. Hiện tại, có những vấn đề do chuyển đổi hình thức sử dụng đất từ rừng ven biển, rừng ngập mặn, bãi bồi sang các hoạt động sản xuất khác cho lợi nhuận cao như nuôi trồng thủy sản, vận tải biển, xây dựng, các dịch vụ với nhu cầu ngày càng tăng. Một số trang trại/ao nuôi trồng thủy sản chỉ dài 100m từ đê biển, làm chết rừng ngập mặn, vi phạm pháp lệnh đê điều, gây ảnh hưởng xấu đến

an toàn đê biển. Cần phải nỗ lực giải quyết các mâu thuẫn.

- *Quản lý yếu kém và nguồn lực hạn chế đối với rừng ven biển ở cấp địa phương:* Ở Việt Nam, nhiều chính sách và khung pháp lý được ban hành<sup>18</sup> và áp dụng cho đầu tư và quản lý rừng, phần lớn tập trung vào rừng trên núi. Trong khi gần đây một số chính sách cụ thể về *quản lý rừng ven biển*<sup>19</sup> được ban hành, vẫn không có đủ nguồn nhân lực và nguồn kinh phí còn lại hạn chế, đặc biệt là các chỉ tiêu lâm sinh không phù hợp, cụ thể là rừng trên đất cát. Phần lớn các tỉnh miền Bắc và Bắc Trung Bộ không có BQLRPH ven biển. Các lực lượng quản lý không đủ trong khi rừng phòng hộ bị phân nhỏ và ở xen cùng các khu dân cư. Lực lượng quản lý rừng ở cấp xã thiếu nghiêm trọng. Hầu hết cán bộ kiểm lâm địa phương không có trình độ chuyên môn tham mưu cho chính quyền xã trong việc phát triển rừng. Hệ thống khuyến nông lâm nghiệp ở các khu vực ven biển không phù hợp.

30. *Có những cơ hội để tận dụng lợi thế của các địa điểm và điều kiện khí hậu thuận lợi tại khu vực dự án và thúc đẩy sử dụng bền vững nguồn tài nguyên ven biển và cấm các hoạt động phát triển làm giảm giá trị các nguồn tài nguyên ven biển.* Ở tỉnh Quảng Ninh và thành phố Hải Phòng, khí hậu nhiệt đới tạo điều kiện tốt để phát triển cây trồng và động vật ven biển, và cung cấp cơ hội phục hồi nhanh chóng rừng ven biển, đặc biệt là các loài cây mọc nhanh cần ánh sáng. Những hoạt động này có thể tạo cơ hội việc làm cho cộng đồng địa phương, xây dựng quan hệ sở hữu và quản lý bền vững rừng. Nâng cao kiến thức về *các giá trị, các dịch vụ của rừng ven biển, cùng với sinh kế và chuỗi giá trị thị trường ổn định có thể giúp nâng cao sự hiểu biết và cam kết của người dân địa phương.* Giữ được sự cân bằng giữa bảo vệ môi trường và điều kiện kinh tế sẽ góp phần bảo vệ và phát triển rừng ven biển. Có nhiều mô hình và ví dụ tốt có thể được áp dụng ở khu vực và điều này cần phải được đẩy mạnh hơn nữa. Nhiều người tình nguyện bảo vệ rừng, nỗ lực trồng lại rừng, ví dụ điển hình là ở tỉnh Quảng Bình. Phát triển thủy sản được quản lý tốt có thể giúp cải thiện điều kiện sống của người dân địa phương cũng như bảo vệ tài nguyên ven biển và tránh được những mâu thuẫn xã hội không cần thiết. Bảo vệ rừng ven biển, rừng ngập mặn và các nguồn tài nguyên ven biển khác cũng có thể đem lại lợi ích bền vững nhiều hơn cho những người phát triển và người dân địa phương ở khu vực dự án.

---

<sup>18</sup>Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004; Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015; Nghị định số 119/2016/NĐ-CP ban hành ngày 23/8/2016 về một số chính sách quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu; Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ban hành ngày 09/6/2015 về việc ban hành Quy chế Quản lý rừng phòng hộ; Quyết định số 1205/QĐ-BNN-TCLN của Bộ NN&PTNT ban hành ngày 08/04/2016 về việc ban hành Hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng các loài cây: Trang, Sú, Mắm đen, Vẹt dù và Bần chua; Thông tư số 69/2011/TT-BNN ban hành ngày 21/10/2011 hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh ban hành kèm theo Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>19</sup>Quyết định số 57/201/QĐ-TTg. Có một số chính sách về quản lý và bảo vệ rừng (kể cả rừng ngập mặn) đã được ban hành và đem lại hiệu quả cao như giao đất, chính sách hưởng lợi, đầu tư tín dụng, v.v... Các tổ chức quốc tế cũng đã thực hiện nhiều dự án hỗ trợ bảo vệ và phát triển rừng ở khu vực ven biển. Một vài dự án do các Tổ chức phi chính phủ tài trợ như Hội chữ thập đỏ Đan Mạch, Hội chữ thập đỏ Nhật Bản, Quỹ Nhi đồng Anh, Tổ chức Hành động và phục hồi rừng ngập mặn Nhật Bản đã hỗ trợ trồng một phần diện tích rừng ngập mặn. Từ năm 1991 đến nay, hơn 20.000 ha diện tích đã được trồng dọc các cửa sông phía Đông Bắc và đồng bằng Bắc Bộ để bảo vệ đê điều. Sử dụng rừng ven biển.

Những bản đồ quan trọng

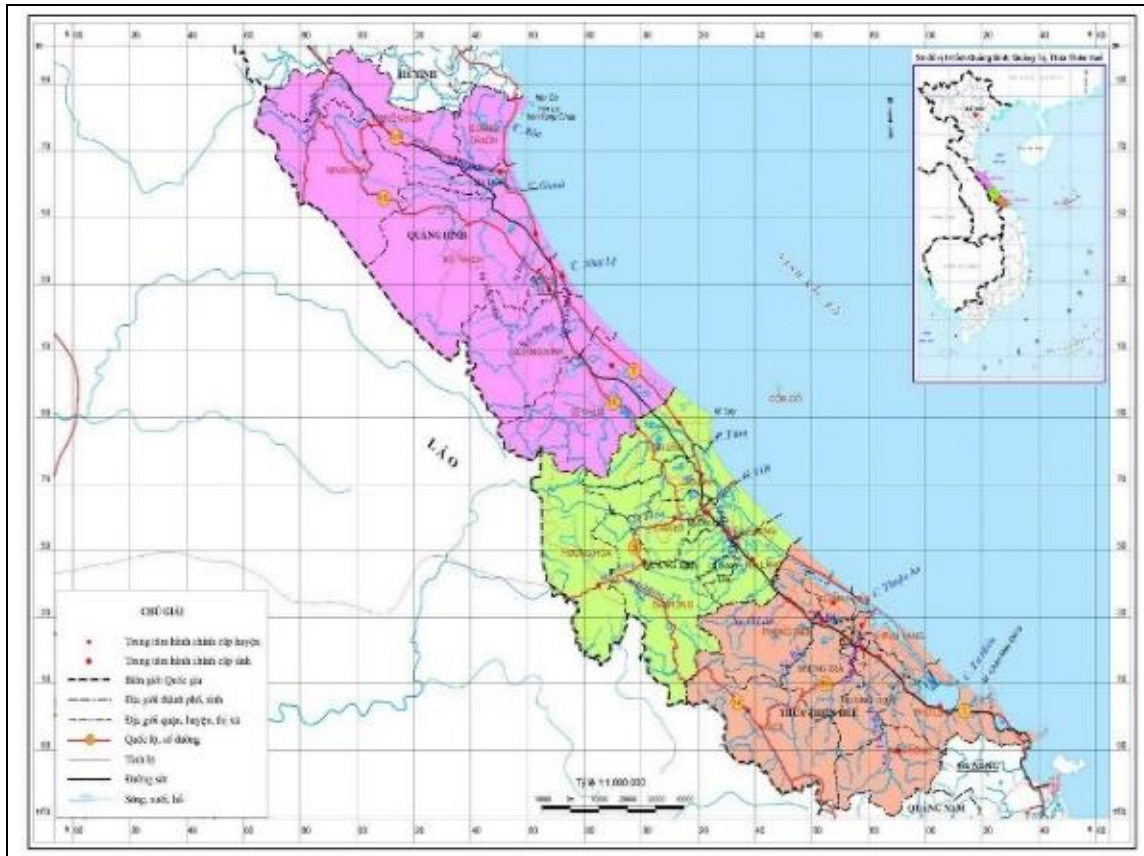
Tỉnh Quảng Ninh và Thành phố Hải Phòng (KV1)



Các tỉnh từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh (KV2)



Tỉnh Quảng Bình đến tỉnh Thừa Thiên Huế (KV3)





## 15. PHỤ LỤC 2: Sàng lọc an toàn, Danh mục kiểm tra, và Mẫu biểu

1. Phụ lục này cung cấp hướng dẫn kỹ thuật cho việc sàng lọc an toàn được tiến hành bởi các chủ tiểu dự án hoặc chủ các hoạt động để đảm bảo rằng (a) các tiểu dự án và các hoạt động được thực hiện theo dự án có đủ điều kiện cho Ngân hàng Thế giới (WB) tài trợ, (b) các tiểu dự án hoặc các hoạt động được phân loại đúng (A, B, C) để các biện pháp thích hợp và / hoặc các tài liệu an toàn được chuẩn bị, và (c) các kết quả thích hợp được ghi lại trong các mẫu thích hợp. Các phụ lục thể hiện các mẫu sàng lọc có chữ ký của Giám đốc PPMU (mục A2.1), việc đánh giá tác động và chuẩn bị các tài liệu an toàn (Phần A2.2), và chuẩn bị của EA/EPC theo yêu cầu của quy định EIA của Chính phủ (Phần A2 0,3). Chủ sở hữu của tiểu dự án hoặc chủ sở hữu hoạt động và chuyên gia tư vấn có trách nhiệm thực hiện các thủ tục này.

2. Sàng lọc và đánh giá tác động của các tiểu dự án sẽ được thực hiện trong quá trình thực hiện dự án của dự án và các báo cáo sẽ được nộp cho WB rà soát.

### A2.1 Các tiêu chí kỹ thuật cho việc sàng lọc tính hợp lệ và phân loại.

#### (a) Sàng lọc tính hợp lệ

3. Mục đích của sàng lọc tính hợp lệ để tránh tác động tiêu cực xã hội và môi trường mà không thể giảm đầy đủ bởi dự án hoặc tác động bị cấp bởi luật pháp quốc gia, chính sách an toàn của WB, hoặc công ước quốc tế. Các nguyên tắc tránh luôn áp dụng cho tiểu dự án mà có thể tạo ra những thiệt hại đáng kể cho nguồn tài nguyên văn hóa tự nhiên quan trọng của quốc gia, môi trường sống tự nhiên chủ chốt, và rừng tự nhiên quan trọng. Các tiểu dự án này sẽ không có thể hợp lệ để tài trợ trong dự án. Tuy nhiên, các tiêu chí và sàng lọc không hợp lệ không nên được sử dụng để tránh các tiểu dự án có lợi bởi đơn giản nó muốn tránh khởi động một chính sách an toàn của WB.

**Bảng A2.1: Danh sách những mục không hợp lệ để WB tài trợ trong dự án**

1	Các tiểu dự án/ hoạt động hợp lệ không bị thiệt hại nghiêm trọng và/hoặc ảnh hưởng/tác động bất lợi lên các Vườn quốc gia, Khu bảo tồn thiên nhiên, công trình văn hóa, di tích lịch sử, tôn giáo, bao gồm nhưng không giới hạn, các khu vực sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>Vườn QG Cát Bà, Hải Phòng/ Quảng Ninh (Bảo vệ hệ sinh thái rừng trên đảo, quần thể và Voọc đầu trắng và các loài đang bị đe dọa</li> <li>Bảo tồn rừng núi đất, bảo tồn đa dạng sinh học, cảnh quan và môi trường)</li> </ul>
2	Khu vực và / hoặc các hoạt động của tiểu dự án nằm ở nơi tranh chấp lãnh thổ
3	Các tiểu dự án/hoạt động mà có thể gây hại nghiêm trọng và/hoặc tác động tiêu cực giao thông thủy
4	Các tiểu dự án /hoạt động mà có thể gây ra thiệt hại nghiêm trọng và /hoặc tác động xấu đến an toàn của kè, an toàn giao thông đường thủy hiện
5	Các tiểu dự án / hoạt động đòi hỏi thuốc trừ sâu mà nằm vào các lớp IA, IB, hoặc II của tổ chức y tế thế giới WHO và / hoặc mua số lượng lớn thuốc trừ sâu hoặc hóa chất nông nghiệp độc hại.
6	Các tiểu dự án / hoạt động mà được phân loại theo các chuyên gia an toàn của WB là loại A trong EA theo quy định của Ngân hàng Thế giới (OP / BP 4.01)
7	Các tiểu dự án / hoạt động yêu cầu thu hồi đất và tái định cư của hơn 200 người theo quy định trong hướng dẫn của Ngân hàng Thế giới (OP / BP 4.10)

#### (b) Phân loại tiểu dự án

4. Hướng dẫn chuẩn bị các tài liệu an toàn môi trường, các tiêu chí dưới đây sẽ được sử dụng cho các loại tiểu dự án:

- *Loại A:* Nếu các tiểu dự án / hoạt động có thể có tác động xấu đến môi trường đáng kể mà rất nhạy cảm, đa dạng, hoặc chưa từng có. Những tác động này có thể ảnh hưởng đến một khu vực rộng lớn hơn khu vực thực hiện dự án hoặc các cơ sở tiểu dự án để thi công. Nếu câu trả lời là "**CÓ**" cho bất kỳ câu hỏi sàng lọc trong Mẫu B1 dưới đây, các tiểu dự án có thể được coi là loại A (mỗi OP / BP 4.01) và có khả năng là không đủ điều kiện tài chính của FMCRP, tuy nhiên tham vấn chuyên gia an toàn của WB là cần thiết.
- *Loại B:* Nếu các tiểu dự án / hoạt động có khả năng để tạo ra những tác động xấu đến môi trường tiềm năng trên con người hoặc môi trường sống quan trọng - bao gồm cả vùng đất ngập nước, rừng, đồng cỏ, và môi trường sống tự nhiên khác - nhưng ít có hại hơn so với các tiểu dự án thuộc nhóm A. Những tác động này là tại điểm đếm cụ thể; ít nếu bất kỳ tác động nào là không thể đảo ngược; và trong hầu hết các trường hợp, các biện pháp giảm thiểu có thể được thiết kế dễ dàng hơn cho các tiểu dự án thuộc nhóm A. Sau khi sàng lọc loại A và loại C được áp dụng và nếu kết luận rằng các tiểu dự án không phải là A và không phải là C, sau đó các tiểu dự án cần được phân loại như B. Đối với tiểu dự án loại B, một ESMP có thể được chuẩn bị bao gồm ECOP ( xem Phụ lục 4) để đáp ứng các yêu cầu của WB (xem hướng dẫn tại Phụ lục 3)
- *Tiểu dự án đòi hỏi đánh giá tác động môi trường Subproject requiring EIA:* Nếu các tiểu dự án được yêu cầu chuẩn bị một EIA (theo Nghị định 18 CP/2015 ban hành ngày 14/2/2015), các PPMU phải đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của EIA và một báo cáo EIA hoặc cam kết bảo vệ môi trường (EPC) (đối với các công trình nhỏ) sẽ được chuẩn bị theo yêu cầu của Chính phủ Việt Nam.
- *Loại C:* Nếu các tiểu dự án/hoạt động có thể có tác động rất nhỏ hoặc không tiêu đến môi trường và nếu tất cả các câu trả lời cho những câu hỏi sàng lọc trong Mẫu B1 là "KHÔNG". Ngoài sàng lọc (xem Mẫu B2), không có thêm hành động đánh giá bắt buộc. Tuy nhiên, nếu các tiểu dự án và/hoặc các hoạt động liên quan đến các công trình nhỏ, chủ sở hữu của tiểu dự án/hoạt động sẽ áp dụng ECOP đơn giản (Xem Phụ lục 4b để đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng Thế giới và chuẩn bị EIA / EPC để đáp ứng yêu cầu của Chính phủ Việt Nam

**(c) Sàng lọc tác động xã hội và chuẩn bị tài liệu an toàn**

5. Để đáp ứng các chính sách an toàn của WB (OP / BP 4.10 và OP / BP4.12), các tiểu dự án sẽ được sàng lọc cho các bản chất và mức độ của các tác động tiêu cực tiềm năng đến người dân địa phương liên quan đến việc thu hồi đất, tái định cư, hiến đất, di dời mồ mả, và / hoặc tham gia của các dân tộc thiểu số. Nếu những tác động này tồn tại, RAP và / hoặc EMDP sẽ được chuẩn bị phù hợp với RPF và / hoặc các EMPF đã được xây dựng cho các dự án. Trong thời gian chuẩn bị của RAP và EMDP, tham khảo ý kiến với cộng đồng bị ảnh hưởng, chính quyền địa phương, cộng đồng địa phương, và các tổ chức cộng đồng quan tâm và / hoặc các tổ chức NGO sẽ được yêu cầu. Chú ý thích đáng cũng nên được đưa ra để giải quyết các vấn đề liên quan đến giới tính, dân tộc thiểu số và các nhóm yếu thế khác.

**Bảng A2.2. Những yêu cầu cho tài liệu an toàn của các tiểu dự án**

STT	Phân loại đánh giá môi trường	Những đòi hỏi cho tài liệu an toàn		
		Ngân hàng thế giới		Việt Nam
		Tài liệu đánh giá môi trường	Các tài liệu an toàn khác (xem các mẫu dưới đây)	
1	Loại A	Không hợp lệ	-	-
2	Loại B	ESMP (xem phạm vi ở Phụ lục 3) bao gồm – ECOP (xem Phụ lục 4)	- RAP (nếu câu trả lời cho bất kỳ câu hỏi nào từ 17-21 là “Có”). - EMDP (nếu câu trả lời cho bất kỳ câu hỏi nào 22 hoặc 23 là “Có”).	EIA/EPC được đòi hỏi trong Nghị định Số 18/2015 /ND-CP Thông tư 27/2015/TT - BTNMT
3	Loại C	ECOP nếu bao gồm các công trình xây dựng nhỏ	Không đòi hỏi	

**A2.2 Danh mục kiểm tra và Mẫu sàng lọc an toàn**

*Danh sách kiểm tra sàng lọc tiểu dự án này được dự kiến CPMU và các PPMU sử dụng do đó có thể xác định các loại tài liệu an toàn thích hợp mà sẽ bị Ngân hàng Thế giới yêu cầu cho các tiểu dự án mà sự phù hợp với ESMF của Dự án.*

*CPMU và PPMU được khuyến khích để gửi danh mục kiểm tra này cho WB để đảm bảo rằng WB đồng ý với kết quả sàng lọc trước khi thuê tư vấn để chuẩn bị các tài liệu an toàn*

6. Danh mục và Mẫu sàng lọc an toàn sa đây sẽ được sử dụng cho tất cả tiểu dự án được tài trợ trong hợp phần 2 và 3. Chủ của các tiểu dự án và hoạt động (PPMU) sẽ (a) áp dụng Mẫu A để thể hiện kết quả sàng lọc hợp lệ, (b) áp dụng các Mẫu B1 và B2 cho phân loại (c) áp dụng mẫu C cho đánh giá tác động, và (d) hoàn thành công việc ký tại các mục (d) và (e). Các hướng dẫn kỹ thuật để chuẩn bị cho ESMP được cung cấp ở Phụ lục 3 trong khi các hướng dẫn khác cho RAP và EMDP được lần lượt cung cấp trong Khung chính sách tái định cư (RPF) và Khung dân tộc thiểu số.

7. Cho các hoạt động được thực hiện ở Hợp phần 1 và 4, chủ hoạt động sẽ hoàn thành các mẫu A và B2 và ký vào trong các hạng mục (d) và (e)

**Tên dự án: Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCRP)**

Tên tiểu dự án/Hoạt động: .....

Địa điểm tiểu dự án/Hoạt động: (ví dụ vùng, huyện, vv...).....

Dạng hoạt động: .....

Chủ tiểu hoạt động và địa chỉ: .....

Hạng môi trường của các dự án chính: B

**(a) Sàng lọc hợp lệ**

**Mẫu A: Tiêu chí sàng lọc hợp lệ**

Câu hỏi sàng lọc	Có/Không	Lưu ý, (Nếu có?)
1. Có phải Tiểu dự án / hoạt động có khả năng gây thiệt hại hoặc sẽ ảnh hưởng/tác động tiêu cực đến các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, và / hoặc công trình văn hóa?		Nếu có, tiểu dự án không đủ hợp lệ cho tài trợ
2. Có phải sẽ có tranh chấp lãnh thổ?		Nếu có, tiểu dự án không đủ hợp lệ cho tài trợ
3. Có phải có sự mất mát hoặc tác động tiêu cực tới giao thông thủy?		Nếu có, tiểu dự án không đủ hợp lệ cho tài trợ
1. Sẽ có thiệt hại tác động tiêu cực đến an toàn đập, đê?		Nếu có, tiểu dự án không đủ hợp lệ cho tài trợ
5. Các tiểu dự án/hoạt động sẽ đòi hỏi sử dụng thuốc sử sâu mà rơi vào các lớp IA, IB, hoặc II của Tổ chức y tế Thế giới và / hoặc mua số lượng lớn thuốc trừ sâu hoặc chất hóa học nông nghiệp độc hại?		Nếu có, tiểu dự án không đủ hợp lệ cho tài trợ

**Kết quả của sàng lọc hợp lệ:**

- Tiểu dự án không đủ hợp lệ cho tài trợ
- Tiểu dự án đủ hợp lệ cho tài trợ (ví dụ tất cả câu trả lời là “Không”); sàng lọc kỹ thuật sẽ được tiếp tục sử dụng Mẫu B1 và/hoặc B2 và Mẫu C.
- Hoạt động thì hợp lệ để tài trợ bởi dự án (sử dụng Mẫu B2)

**(b) Sàng lọc kỹ thuật môi trường để xác định loại đánh giá môi trường sẽ được áp dụng cho tiểu dự án**

<b>Mẫu B1: Tiêu chí sàng lọc nhóm A</b>			
Câu hỏi sàng lọc	Có	Không	Lưu ý
<b>1. Tiểu dự án có tiềm năng gây ra những tác động tiêu cực đáng kể đối với môi trường sống quan trọng không?</b>			
Dẫn tới mất hoặc suy thoái môi trường sống tự nhiên nhạy cảm được định nghĩa là: các vùng đất và nước nơi (i) các cộng đồng sinh vật thuộc các hệ sinh thái được hình thành chủ yếu bởi các loài thực vật và động vật bản địa và (ii) hoạt động của con người chưa làm thay đổi đáng kể chức năng sinh thái cơ bản của khu vực. Môi trường sống tự nhiên quan trọng có thể xuất hiện trong rừng mưa, ẩm, khô và mây nhiệt đới; vùng đất khô hạn và bán khô hạn tự nhiên; rừng đước, đầm lầy duyên hải và những khu vực đất ngập nước khác; cửa sông; thảm cỏ biển; dải san hô; hồ và sông nước ngọt; môi trường núi cao và phụ núi cao, kể cả cánh đồng thảo mộc, đồng cỏ, đồi trọc và đồng cỏ nhiệt đới và ôn đới.			Chỉ ra địa điểm và loại môi trường sống tự nhiên và kiểu tác động có thể xảy ra, ví dụ: mất môi trường sống và mất bao nhiêu, mất dịch vụ hệ sinh thái, tác động đối với chất lượng của môi trường sống. Ghi rõ tại sao những tác động này lại lớn hoặc không đáng kể.  Lưu ý, NHTG không tài trợ cho những dự án liên quan đến biến đổi lớn môi trường sống tự nhiên, trừ khi không có phương án khả thi nào khác cho dự án và việc chọn địa điểm dự án, và phân tích toàn diện cho thấy lợi ích chung từ dự án có tác dụng lớn hơn đáng kể chi phí môi trường.
Dẫn tới mất hoặc suy thoái môi trường sống tự nhiên quan trọng, nghĩa là môi trường sống được			Lưu ý, NHTG không thể tài trợ cho bất kỳ dự án nào dẫn đến biến đổi hoặc suy thoái đáng kể môi

<p>bảo vệ hợp pháp, được đề xuất chính thức để trở thành khu bảo tồn hoặc không được bảo vệ nhưng có giá trị bảo tồn cao. Môi trường sống quan trọng bao gồm khu bảo tồn và những khu vực đang được chính phủ đề xuất chính thức để trở thành khu bảo tồn (vd: khu bảo tồn đáp ứng tiêu chí phân loại của Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên Quốc tế [IUCN]), những khu vực được công nhận ban đầu là khu vực được bảo vệ bởi cộng đồng địa phương truyền thống (vd: rừng thiêng) và các khu vực duy trì những điều kiện cần thiết cho sự tồn tại của những khu bảo tồn này. Những khu vực này có thể bao gồm khu vực nổi tiếng vì sự phù hợp cho việc bảo tồn đa dạng sinh học và những khu vực quan trọng đối với các loài quý hiếm, dễ bị tổn thương, di trú hoặc có nguy cơ tuyệt chủng.</p>			<p>trường sống tự nhiên quan trọng. Chỉ ra địa điểm và loại môi trường sống tự nhiên quan trọng và ghi rõ tại sao những biến đổi hoặc suy thoái này lại đáng kể hoặc không đáng kể</p>
<p><b>2. Tiểu dự án có tiềm năng gây ra những tác động tiêu cực đáng kể đối với tài nguyên văn hóa vật thể không?</b></p>			
<p>Dẫn tới mất hoặc suy thoái tài nguyên văn hóa vật thể, được định nghĩa là những vật thể có thể di động hoặc cố định, những địa điểm, vật kiến trúc, nhóm vật kiến trúc, đặc điểm và phong cảnh tự nhiên có tầm quan trọng về khảo cổ, cổ sinh vật học, lịch sử, kiến trúc, tôn giáo, thẩm mỹ hoặc có những tầm quan trọng khác về văn hóa. Chúng có thể nằm ở đô thị hoặc nông thôn và có thể ở trên mặt đất, dưới mặt đất, hoặc dưới nước. Công bố cấp độ bảo vệ (cấp địa phương, tỉnh hoặc quốc gia, quốc tế).</p>			<p>Mô tả địa điểm, loại tài nguyên văn hoá vật thể và loại tác động có thể xảy ra. Công bố cấp độ bảo vệ (cấp địa phương, tỉnh hoặc quốc gia, quốc tế). Có địa điểm nào được coi là quan trọng cần phải bảo tồn tại chỗ, nghĩa là tài nguyên văn hóa vật thể không được di dời khỏi vị trí hiện tại? Công bố tại sao những tác động này lại đáng kể hoặc không đáng kể.</p>
<p>Có thể dẫn tới mâu thuẫn với luật pháp quốc gia hoặc nghĩa vụ quốc tế theo hiệp ước và hiệp định môi trường quốc tế liên quan, bao gồm Công ước Di sản Thế giới UNESCO hoặc ảnh hưởng đến những khu vực có lợi ích về du lịch, khoa học nổi tiếng và quan trọng.</p>			<p>Mô tả bất kỳ tác động nào có thể mâu thuẫn với luật pháp quốc gia hoặc quốc tế liên quan đến tài nguyên văn hóa. Nếu được coi là không đáng kể, giải thích lý do.</p>
<p><b>3. Tiểu dự án có tiềm năng gây tác động bất lợi đáng kể đối với đất đai và tài nguyên thiên nhiên liên quan do các dân tộc thiểu số sử dụng không?</b></p>			
<p>Có khả năng dẫn tới tác động đối với đất đai hoặc lãnh thổ thuộc sở hữu về truyền thống, hoặc được sử dụng hoặc chiếm hữu theo phong tục và nơi khả năng tiếp cận với tài nguyên thiên nhiên là hết sức quan trọng đối với sự bền vững của văn hóa và sinh kế của người dân tộc thiểu số. Có khả năng gây tác động đối với giá trị văn hoá và tinh thần tượng trưng cho vùng đất và tài nguyên đó hoặc tác động đến việc quản lý tài nguyên thiên nhiên và sự bền vững lâu dài của tài nguyên bị ảnh hưởng.</p>			<p>Mô tả loại và mức độ của tác động và tầm quan trọng của biến đổi đối với nguồn lực của dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng. Lưu ý, sẽ phải chuẩn bị một Kế hoạch Phát triển Dân tộc thiểu số theo chính sách OP 4.10 của NHTG.</p>
<p><b>4. Tiểu dự án gây tác động bất lợi đáng kể đối với người dân phải di dời không?</b></p>			
<p>Dẫn tới việc di dời của người dân phụ thuộc vào đất đai hoặc sử dụng nguồn tài nguyên cụ thể mà khó có thể thay thế hoặc khôi phục? Nếu không sẽ dẫn tới những vấn đề khó khăn trong khả năng của</p>			<p>Chỉ rõ số hộ gia đình bị ảnh hưởng và những nguồn lực khó thay thế nhằm đạt được mục tiêu khôi phục sinh kế. Lưu ý, sẽ phải chuẩn bị một Kế hoạch Tái định cư</p>

tiểu dự án nhằm khôi phục sinh kế của người dân?			theo chính sách OP 4.12 của NHTG.
<b>5. Tiểu dự án có đòi hỏi việc mua hoặc sử dụng thuốc trừ sâu không?</b>			
Công thức của sản phẩm thuốc trừ sâu có thuộc nhóm phân loại IA và IB của Tổ chức Y tế Thế giới, hoặc có công thức sản phẩm nào thuộc Loại II? và/ hoặc mua sắm số lượng lớn của thuốc trừ sâu hoặc hóa chất nông nghiệp độc hại.			Nếu có, điều này có thể không luôn luôn có nghĩa là một loại B trong EIA là cần thiết, nhưng quan tâm đặc biệt phải được thực hiện. Ngân hàng Thế giới sẽ không tài trợ cho các sản phẩm như vậy, nếu (a) quốc gia thiếu những hạn chế về phân phối và sử dụng những sản phẩm đó; hoặc (b) chúng có thể được sử dụng bởi, hoặc có thể tiếp cận, đối với người dân bình thường, nông dân hoặc những đối tượng khác không được đào tạo, không có thiết bị và dụng cụ để xử lý, lưu trữ và sử dụng những sản phẩm này một cách phù hợp.
<b>6. Tiểu dự án đòi hỏi xây dựng công trình quy mô lớn không?</b>			
Các tiểu dự án và hoạt động có quy định tại Phụ lục I, II, III, IV của Nghị định ND/18/2015/NĐ-CP của Chính phủ Việt Nam không?			Kiểm tra quy mô và mức độ tác động theo loại hình và quy mô dự án, vị trí dự án, tính nhạy cảm của vấn đề môi trường và xã hội, tính chất và mức độ của các tác động tiềm tàng.  Lưu ý: Xây dựng EIA theo quy định của Chính phủ Việt Nam và tuân thủ OP/BP 4.01 của WB
<b>7. Tiểu dự án có tiềm năng gây ra tác động không thể đảo ngược hoặc tác động không dễ dàng giảm nhẹ không?</b>			
Dẫn đến mất các khu vực khai thác nước ngầm, ảnh hưởng đến chất lượng của nơi dự trữ nước và lưu vực, chịu trách nhiệm cung cấp nước uống cho các trung tâm dân cư lớn.			Ghi rõ nguồn nước bị ảnh hưởng và mô tả mức độ tác động
Dẫn tới bất kỳ tác động mà thời gian tác động là khá lâu dài, ảnh hưởng tới vùng địa lý rộng lớn hoặc những tác động có cường độ lớn.			Mô tả các tác động được xem là lâu dài, ảnh hưởng một vùng địa lý rộng lớn (xác định) và tác động có cường độ cao
Gây ra các xáo trộn về mặt xã hội			Đánh giá phạm vi, xu thế, các yếu tố gây ra sự xáo trộn làm mất ổn định xã hội tại địa phương và tăng mức độ rủi ro về các vấn đề ra hội: gia tăng dân số cơ học, tệ nạn xã hội.
<b>8. Tiểu dự án có tiềm năng gây ra tác động tiêu cực đáng kể đáng kể đối với đa dạng sinh học trên quy mô lớn không?</b>			
Nhiều địa điểm ở các khu vực khác nhau bị ảnh hưởng, mỗi tác động có thể gây ra mất môi trường sống, nguồn tài nguyên, đất, hoặc suy giảm chất lượng nguồn tài nguyên			Xác định và mô tả tất cả những địa điểm bị ảnh hưởng
Những tác động bất lợi đáng kể, tiềm tàng có khả năng vượt ra ngoài khu vực thực hiện các tiểu hoạt động hoặc cơ sở của các công trình vật chất.			Nhận dạng và mô tả các loại tác động vượt ra ngoài khu vực hoặc các cơ sở của các công trình vật chất.
Transboundary impacts (other than minor alterations to an ongoing waterway activity).			Describe the magnitude of the transboundary impacts.
Need for new access roads, tunnels, canals, power transmission corridors, pipelines, or borrow and disposal areas in currently undeveloped areas.			Describe all activities that are new that are required for the main activity to function.
Interruption of migratory patterns of wildlife,			Describe how migrations of people and animals

animal herds or pastoralists, nomads or seminomads.			are affected.
<b>9. Có phải Tiểu dự án này là chưa từng có tiền lệ không?</b>			
Có phải chưa từng lệ ở cấp quốc gia?			Mô tả tại sao và những khía cạnh gì là chưa có tiền lệ
Có phải chưa từng lệ ở cấp tỉnh?			Mô tả tại sao và những khía cạnh gì là chưa có tiền lệ
<b>10. Có phải dự án nhiều tranh cãi và có khả năng thu hút sự chú ý của các NGO và các tổ chức xã hội trên toàn quốc hoặc quốc tế?</b>			
Bị coi là rủi ro hoặc có thể có các khía cạnh gây nhiều tranh cãi			Mô tả rủi ro nhận thấy và các khía cạnh tranh cãi
Có thể dẫn tới phản đối hoặc người muốn biểu tình hoặc cản trở xây dựng			Mô tả lý do mà tiểu dự án không được ủng hộ

Nếu tất cả các câu trả lời từ 1-10 ở Mẫu B1 là “Không”; sử dụng các tiêu chí trong mẫu B2 để sàng lọc nhóm C

<b>Mẫu B2: Tiêu chí sàng lọc Loại C</b>			
<b>Câu hỏi sàng lọc</b>	<b>Có</b>	<b>Không</b>	<b>Ghi chú</b>
1. Các hoạt động hạn chế đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật và nâng cao năng lực			Mô tả hoạt động
2. Đào tạo và nâng cao năng lực không đòi hỏi sử dụng hóa chất các công ty sinh học, thuốc trừ sâu			Hỗ trợ tuyên bố này
3. Không có cơ sở hạ tầng được phá hủy hoặc xây dựng			Hỗ trợ tuyên bố này
4. Không có can thiệp ảnh hưởng tới đất, nước, không khí, thực vật, động vật hoặc con người			Hỗ trợ tuyên bố này
5. Nếu nghiên cứu khoa học đang được thực hiện, các nghiên cứu là có tính chất như vậy mà không chất thải nguy hại hoặc chất độc hại được tạo ra và các nghiên cứu không liên quan đến tái tổ hợp DNA hoặc nghiên cứu khác mà có thể tạo ra tác nhân nguy hiểm mà chúng thải gia từ các điều kiện phòng thí nghiệm được chứa đựng			Nếu có, thảo luận với chuyên gia môi trường của NHTG

**Kết quả của sàng lọc Đánh giá tác động môi trường:**

Loại A–Đánh giá tác động môi trường chiến lược đầy đủ ESIA (Nếu trả lời là “CÓ” cho bất cứ câu hỏi sàng lọc trong Mẫu B1)

Loại C – không có hành động thêm về đánh giá môi trường được đòi hỏi (Nếu tất cả câu hỏi được trả lời “KHÔNG” cho bất cứ câu hỏi sàng lọc trong Mẫu B1)

Loại B – Chuẩn bị ESMP (sau sàng lọc cho loại A và loại B được áp dụng và nếu kết luận đạt được rằng tiểu dự án thí không phải loại A và không phải loại C, sau đó tiểu dự án cần được phân loại là B)

**(c) Xác định các vấn đề và chuẩn bị các tài liệu an**

<b>Mẫu C: Tác động môi trường xã hội tiềm tàng cần được giải quyết</b>							
<b>No</b>	<b>Tiểu dự án gây ra các tác động môi trường không?</b>	<b>N</b>	<b>L</b>	<b>M</b>	<b>H</b>	<b>UN</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Xâm phạm các khu văn hóa/ lịch sử						Mô tả và đánh giá ngắn gọn mức độ tác động
2	Xâm phạm lên một hệ sinh thái (ví dụ môi trường sống tự nhiên nhạy cảm hoặc khu vực được bảo vệ, vườn quốc gia, khu bảo tồn, ...)						Mô tả và đánh giá ngắn gọn mức độ tác động
3	Phân mảnh môi trường sống						Các khu vực được mô tả
4	Disfiguration of landscape and increased waste generation Biến dạng của cảnh quan và gia tăng chất thải						Mô tả và đánh giá ngắn gọn mức độ tác động
5	Thay đổi chất lượng nước bề mặt hoặc dòng chảy (ví dụ: nước tăng chỉ ra làm thế nào và khi nào điều này xảy ra và độ đục do nước bề mặt, nước thải từ các khu vực lều trại và xói mòn, và chất thải xây dựng) hoặc dài hạn.						Mô tả và đánh giá ngắn gọn mức độ ô nhiễm
6	Mức độ bụi tăng thêm hoặc thêm chất ô nhiễm vào không khí trong quá trình xây dựng.						Thể hiện thế nào và khi nào điều này xảy ra
7	Tiếng ồn và/hoặc độ rung tăng lên						Chỉ rõ nguyên nhân và những nơi bị ảnh hưởng
8	Tái định cư cho các hộ gia đình không? Nếu có, bao nhiêu hộ?						
9	Sử dụng địa điểm tái định cư mà nhạy cảm tới môi trường và/hoặc văn hoá						Mô tả ngắn gọn tác động tiềm tàng



<b>Mẫu C: Tác động môi trường xã hội tiềm tàng cần được giải quyết</b>							
No	Tiểu dự án gây ra các tác động môi trường không?	N	L	M	H	UN	Ghi chú
10	Có Rủi ro lan tràn bệnh tật từ công nhân xây dựng đối với người dân địa phương (và ngược lại) không?						Lưu ý số lượng công nhân được ước tính được làm thuê cho việc xây dựng dự án ở cấp xã/huyện và những loại bệnh tật mà có thể đưa vào hoặc bị nhiễm
11	Tiềm năng mâu thuẫn giữa công nhân xây dựng và người dân địa phương (và ngược lại)?						
12	Sử dụng thuốc nổ hoặc chất hóa học nguy hại?						
13	Sử dụng các địa điểm nơi mà trong quá khứ có những vụ tai nạn xảy ra do bom mìn hoặc vật liệu nổ						Chỉ rõ khu vực nguy cơ
14	Xây dựng mà gây ra xáo trộn đối giao thông, tuyến đường vận chuyển hoặc giao thông đường thủy?						
15	Xây dựng mà gây ra thiệt hại cho các con đường, cầu hoặc các cơ sở hạ tầng khác tại địa phương hiện có?						
16	Đào bới đất đai trong quá trình xây dựng của tiểu dự án có thể gây xói mòn đất						
17	Cần để mở các con đường tiếp cận mới tạm thời hoặc lâu dài không?						Ước tính số lượng và chiều dài của các con đường tiếp cận tạm thời và lâu dài
18	Chia rẽ hoặc phân mảnh môi trường sống của thực vật và động vật?						Mô tả như thế nào
19	Tác động dài kỳ đến chất lượng không khí.						Chỉ rõ không gian, thời gian và tác động tích lũy
20	Rủi ro tai nạn cho công nhân và công đồng trong giai đoạn xây dựng						Chỉ rõ các hoạt động rủi ro
21	Sử dụng vật liệu nguy hại hoặc chất độc và tạo ra chất thải nguy hại						
22	Rủi ro cho an toàn và sử khỏe con người						Chỉ rõ các hoạt động rủi ro
<b>Tiểu dự án đòi hỏi thu hồi đất hoặc giới hạn tiếp cận nguồn tài nguyên không?</b>							
23	Thu hồi (tạm thời hoặc lâu dài) đất (công hoặc tư) cho phát triển của nó						Liệt kê các diện tích đất cho việc thu hồi đất vĩnh cửu hoặc tạm thời, loại đất, khoảng thời gian và mục đích thu hồi
24	Sử dụng đất mà hiện tại đang chiếm hoặc sử dụng cho mục đích sản xuất thường xuyên (ví dụ, làm vườn, trồng trọt, đồng cỏ, địa điểm đánh bắt cá, rừng)						
25	Di chuyển các cá nhân, gia đình hoặc kinh doanh						
26	Mất mùa, cây ăn quả hoặc cơ sở hạ tầng của hộ gia đình tạm thời hoặc lâu dài						
27	Vô tình hạn chế tiếp cận người dân tới vườn quốc gia và khu vực bảo vệ được chỉ rõ là hợp pháp						
Nếu câu trả lời đối với bất kỳ câu hỏi từ 23-27 là "Có" ở mức "L", "M" hoặc "H", vui lòng tham khảo khu chính sách tái định cư; chuẩn bị kế hoạch hành động tái định cư (RAP) thì có thể bị yêu cầu							
<b>Người dân tộc thiểu số thì hiện diện trong các khu vực tiểu dự án?</b>							
28	Nhóm người dân tộc thiểu số đang sống trong ranh giới, hoặc gần tiểu dự án						

<b>Mẫu C: Tác động môi trường xã hội tiềm tàng cần được giải quyết</b>							
No	Tiểu dự án gây ra các tác động môi trường không?	N	L	M	H	UN	Ghi chú
29	Thành viên nhóm dân tộc thiểu số trong khu vực có thể tiềm năng mang lại lợi ích hoặc có khai từ dự án.						
Nếu câu trả lời cho các câu hỏi 28-29 là "Có" ở mức "L", "trung bình", và "H", xin vui lòng tam khảo Khung chính sách dân tộc thiểu số; và chuẩn bị Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP) có thể bị yêu cầu							
<b>Tiểu dự án đòi hỏi trồng rừng/bảo vệ rừng và/hoặc phát triển sinh kế trong khu vực ven biển?</b>							
30	Tiểu dự án sẽ tham gia vào trồng rừng/bảo vệ rừng trong khu vực ven biển bao gồm xây dựng/nâng cấp, và/hoặc nâng cấp các cơ sở hạ tầng nhỏ						Xem phụ lục 3,4,5, và 6 Khung quản lý môi trường xã hội/Kế hoạch quản lý môi trường xã hội
31	Tiểu dự án sẽ tham gia vào trồng rừng/bảo vệ rừng trong khu vực ven biển bao gồm xây dựng/nâng cấp, và/hoặc nâng cấp các cơ sở hạ tầng nhỏ						Xem phụ lục 3,4,5, và 6 Khung quản lý môi trường xã hội/Kế hoạch quản lý môi trường xã hội
Nếu câu trả lời cho câu hỏi 30-31 là "Có" ở mức "L", "M", hoặc "H", việc chuẩn bị kế hoạch quản lý rừng có thể bị yêu cầu (xem phụ lục 3).							
<b>Tiểu dự án cần mua sắm hoặc sử dụng thuốc trừ sâu hay không?</b>							
32	Tiểu dự án/hoạt động mà đòi hỏi thuốc trừ sâu nằm trong lớp 1A, 1B, hoặc II của Tổ chức y tế thế giới hoặc mua sắm số lượng lớn thuốc trừ sâu và/hoặc chất hóa học nông nghiệp độc hại khác						Xem danh mục hạng mục không được phép
33	Tiểu dự án sẽ tham gia sử dụng chất hóa học nông nghiệp (thuốc trừ sâu, phân bón, và hóa chất độc hại trong nuôi trồng thủy sản hoặc nuôi trồng tôm)						Áp dụng phụ lục 5
Nếu câu trả lời 33 là "Có" ở mức độ "L" "M" hoặc "H", sự chuẩn bị kế hoạch quản lý sâu hai hoặc thông qua hoạt động quản lý sâu bệnh hại tổng hợp có thể bị yêu cầu (xem phụ lục 5)							
<b>Ghi chú:</b> N = Không tác động; L = Thấp (Tác động quy mô nhỏ, cục bộ và tạm thời; M = Tác động trung bình (Tác động quy mô trung bình, có thể đảo ngược có thể giải quyết bằng cách áp dụng các biện pháp ngăn ngừa và quản lý; H = Tác động lớn (có thể đảo ngược, bồi thường) và N/A = Không biết							
<b>(d) Các tài liệu an toàn xã hội được chuẩn bị</b>							
<input type="checkbox"/> Kế hoạch hành động tái định cư (nếu câu trả lời cho tất cả câu hỏi 17-21 là "Có")							
<input type="checkbox"/> Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (nếu câu trả lời cho tất cả câu hỏi 22-23 là "Có")							
<b>(e). Kết quả sàng lọc tiểu dự án</b>							
1. Hợp lệ							
<input type="checkbox"/> Tiểu dự án thì hợp lệ cho tài trợ bởi dự án FMCRP							
<input type="checkbox"/> Tiểu dự án thì không hợp lệ cho tài trợ bởi dự án FMCRP							
2. Các Tài liệu an toàn							
<input type="checkbox"/> ESMP							
<input type="checkbox"/> Kế hoạch hành động tái định cư							
<input type="checkbox"/> Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số							
<b>XÁC NHẬN</b>							
PPMU		CPMU			WB		

### Phụ lục 2.3 Chuẩn bị EIA/EPC theo các quy định Đánh giá tác động môi trường của Việt Nam

8. Hiện tại các hoạt động/tiểu dự án dự kiến của FMCRP không phải chuẩn bị tài liệu EIA tuân thủ các quy định EIA của chính phủ (Nghị định 18/2015/NĐ-CP ban hành ngày 14/2/2015). Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện dự án FMCRP, tất cả các tiểu dự án và/hoặc hoạt động sẽ được

sàng lọc các hành động an toàn liên quan tới quy định về EIA của chính phủ và/hoặc các yêu cầu cụ thể.

9. Nó dự kiến rằng việc sửa chữa, nâng cấp cải tạo, nâng cấp các hoạt động cơ sở hạ tầng ven biển và các hoạt động lâm sinh sẽ không được thực hiện trong 3 năm đầu tiên của dự án. Tuy nhiên, các chủ sở hữu của tiểu dự án có thể phải chuẩn bị một báo cáo EIA hoặc EMP do quy định của chính phủ, và nộp cho cơ quan có trách nhiệm để đảm bảo rằng các hoạt động / tiểu dự án được chấp nhận và phê duyệt của Chính phủ. Sự phê duyệt EIA, EMP, và / hoặc EPC sẽ phải được gửi cho WB.

### PHỤ LỤC 3. CÁC HƯỚNG DẪN ĐỂ XÂY DỰNG ESMP

1. ESMP là tài liệu quan trọng đối với các tiểu dự án được phân loại EA hạng B theo OP/BP 4.01. Quy mô của ESMP sẽ dựa vào các kết quả và rà soát kỹ thuật các vấn đề an toàn tại Phụ lục 2. Sau khi rà soát an toàn và thảo luận giữa chủ các tiểu dự án, một thỏa thuận về các tài liệu an toàn cần thiết cho các tiểu dự án sẽ được xem xét đưa vào các hướng dẫn trong phụ lục. Tiểu dự án/Chủ hoạt động (PPMU), với sự giúp đỡ từ các tư vấn sẽ chịu trách nhiệm chuẩn bị và nộp Báo cáo ESMP. Tham vấn với CMPU và Ngân hàng thế giới được khuyến nghị cao.
2. Phụ lục này cung cấp hướng dẫn kỹ thuật cho việc chuẩn bị ESMP tiểu dự án và/hoặc các hoạt động triển khai tại Hợp phần 2, 3 của Dự án FMCR. Cần lưu ý rằng dự án sẽ hình thành các tiêu chí kỹ thuật và/hoặc hướng dẫn bao gồm Sổ tay thực hiện dự án (POM) cho việc (a) Lựa chọn các địa điểm tiểu dự án, loài cây, công nghệ và các thực hành vận hành/quản lý tốt nhất và (b) Các hoạt động đầu tư được quyền hỗ trợ. Khi phát sinh các mâu thuẫn tiềm năng giữa các yêu cầu cụ thể giữa các hướng dẫn trong quá trình chuẩn bị ESMP của tiểu dự án, thảo luận với chuyên gia an toàn của Ngân hàng thế giới được khuyến nghị.
3. Phụ lục 3(a) cung cấp các hướng dẫn kỹ thuật về quy mô và nội dung của báo cáo ESMP trong khi đó Phụ lục 3(b) miêu tả các hướng dẫn để xác định các vấn đề an toàn liên quan tới các tiểu dự án/hoạt động được thực hiện tại Hợp phần 2 bao gồm hướng dẫn giảm nhẹ cho các hoạt động quản lý rừng cộng đồng (CFM) trong khi Phụ lục 3 (c) cung cấp hướng dẫn xác định các vấn đề an toàn cho Hợp phần 3. Phụ lục 3 (e) cung cấp hướng dẫn về các vấn đề xã hội có thể gây ra bởi dự án cùng với RAP và EMDP. Các hướng dẫn khác cho ECOP và giám sát thực hiện ESMP được cung cấp lần lượt trong Phụ lục 4 và 5.

#### Phụ lục 3 (a) Hướng dẫn về quy mô và nội dung của Báo cáo ESMP<sup>1</sup>

1. **Nguyên tắc chung:** ESMP hướng tới cung cấp thông tin về mục tiêu, nội dung, bối cảnh môi trường và xã hội, các tác động tiềm năng (tích cực và tiêu cực), giải pháp đề xuất để giảm nhẹ các tác động tiêu cực bao gồm tổ chức thực hiện, ngân sách, và giám sát đánh giá tiểu dự án (xem nội dung bên dưới). Trong quá trình chuẩn bị ESMP cho tiểu dự án tài trợ bởi Dự án FMCR, các nguyên tắc cơ bản sau được nhận định:
  - *Vùng tiểu dự án và vùng bị ảnh hưởng*<sup>20</sup>. ESMP đưa ra thông tin chi tiết và rõ ràng về khu vực tiểu dự án và khu vực bị ảnh hưởng bao gồm thông tin tóm lược về điều sinh lý học như đại hình, thủy văn, sử dụng đất, độ che phủ rừng, môi trường sống tự nhiên, và các nguyên tài nguyên văn hóa thực thể quan trọng khác. Dân tộc thiểu số và sinh kế cộng đồng cũng nên được nhấn mạnh tóm lược. Nếu có, các bản đồ chỉ ra vùng mục tiêu dự án nên được đưa vào.

<sup>20</sup> OP 4.01, Phụ lục A – Định nghĩa: *Vùng bị ảnh hưởng bởi dự án*: Khu vực có khả năng bị ảnh hưởng bởi dự án, bao gồm tất cả các khía cạnh phụ trợ, chẳng hạn như hành lang truyền tải điện, đường ống dẫn nước, kênh, đường hầm, Tái định cư và đường vào, các khu vực mượn và tái định cư, và các trại xây dựng, cũng như sự phát triển tự phát gây ra bởi các dự án (ví dụ, định cư tự phát, khai thác gỗ, hoặc đường vận chuyển nông nghiệp). Các khu vực ảnh hưởng có thể bao gồm, ví dụ, (a) lưu vực nước trong đó dự án tọa lạc; (b) bất kỳ cửa sông bị ảnh hưởng và vùng ven biển; (c) các khu vực ngoài dự án cần thiết cho tái định cư hoặc đền bù; (d) các túi khí (ví dụ, nơi ô nhiễm trong không khí như khói hoặc bụi có thể vào hoặc rời khỏi khu vực ảnh hưởng; (e) các tuyến đường di cư của con người, động vật hoang dã, hoặc cá, đặc biệt là nơi chúng liên quan đến sức khỏe cộng đồng, các hoạt động kinh tế, hoặc bảo vệ môi trường; và khu vực (f) được sử dụng cho các hoạt động sinh kế (săn bắn, câu cá, chăn thả gia súc, thu thập, nông nghiệp, vv) hoặc các mục đích tôn giáo hay nghi lễ có tính chất tập quán.

- *Quy trình phát hiện ngẫu nhiên:* Các tác động đáng kể về PCR là không được dự kiến. Mặc dù vậy, hạng mục dân dụng có thể bao gồm các hoạt động đào bới, mà có thể có các phát hiện ngẫu nhiên, theo chính sách của Ngân hàng thế giới cần bao gồm “Quy trình phát hiện ngẫu nhiên” trong tất cả các hợp đồng liên quan đến đào bới để các hành động thích hợp có thể được thực hiện khi các vật phẩm lạ và/hoặc các phát hiện ngẫu nhiên được tìm thấy. Quy trình này được gắn với ECOP (Phụ lục 4)
- *Hướng dẫn môi trường, sức khỏe và an toàn của Nhóm Ngân hàng thế giới.* Các yêu cầu gần đây về Hướng dẫn môi trường, sức khỏe và an toàn đã tồn tại (được biết đến “Hướng dẫn EHS”). Hướng dẫn EHS là các tài liệu tham chiếu kỹ thuật với các ví dụ chung và chi tiết kỹ thuật của Thực hành công nghiệp quốc tế tốt. Hướng dẫn bao gồm các mức và giải pháp vận hành thường được chấp nhận bởi nhóm Ngân hàng thế giới và được nhận định chung sẽ đạt được tại các địa điểm mới với mức chi phí hợp lý của công nghệ hiện tại. Quy trình đánh giá xã hội có thể khuyến nghị các mức hoặc giải pháp thay thế (cao hơn hoặc thấp hơn) có thể chấp nhận được với Ngân hàng thế giới để trở thành các yêu cầu của dự án hoặc địa điểm cụ thể. Hướng dẫn EHS cũng sẽ áp dụng cho Dự án FMCR và được gắn vào ECOP (xem phụ lục 4 (a))
- *Tham vấn cộng đồng:* Chính sách an toàn của Ngân hàng yêu cầu chủ các tiểu dự án tham vấn cộng đồng trong quá trình chuẩn bị ESMP và cần được đưa vào TOR khi chuẩn bị ESMP. Đối với dự án FMCR, ít nhất một cuộc tham vấn sẽ được thực hiện theo phương thức thuận tiện với người dân địa phương (khảo sát, họp, hội thảo, tờ rơi, bảng thông báo,...) với các thông tin về hoạt động của tiểu dự án, nghiên cứu chính về tác động tiềm năng, và các giải pháp giảm nhẹ đề xuất theo ngôn ngữ địa phương mà chính quyền, người dân bị ảnh hưởng có thể hiểu được. Ghi nhận về phản hồi tham vấn cộng đồng cần được gắn vào bản Dự thảo cuối cùng của ESMP. Cần lưu ý rằng bên cạnh tham vấn cộng đồng về ESMP, một vài cuộc tham vấn chuyên biệt với người bị ảnh hưởng từ dự án và/hoặc dân tộc thiểu số sẽ được thực hiện nếu cần thiết.
- *Công bố ESMP:* Theo chính sách của Ngân hàng thế giới về tiếp cận thông tin, tất cả dự thảo về công cụ an toàn, bao gồm ESMP được công bố tại các địa điểm tiếp cận được của địa phương dưới dạng ngôn ngữ các bên chủ chốt có thể hiểu được và bằng Tiếng anh tại quầy thông tin trước khi đoàn thẩm định. Đối với dự án FMCR, ESMP, RPF, EMPF sẽ được công bố trên hệ thống internet của Ngân hàng thế giới trước khi thẩm định. Trong quá trình thực hiện, tất cả ESMP, RAP và/hoặc EMDP và các công cụ an toàn khác sẽ được công bố tại các địa điểm tiểu dự án sau khi Ngân hàng thế giới đồng thuận.

2. **Nguyên tắc cơ bản về đánh giá tác động.** Do tác động và giải pháp giảm nhẹ của một tiểu dự án sẽ phụ thuộc vào địa điểm và hoạt động, các hướng dẫn sau sẽ được sử dụng để đánh giá trạng thái của các tác động tiềm năng (mức độ/cường độ của tác động, thời gian của tác động, và không gian của tác động)

- **Cường độ của tác động**—được xác định như sau:

- *Tác động lớn (L)* có ý nghĩa như sau: Thay đổi đáng kể trên một diện tích lớn trong một thời gian dài (hơn 2 năm), và/hoặc tác động đáng kể đến hệ sinh thái quan trọng, tính chất và/hoặc tính năng của cảnh quan và chất lượng môi trường; Các tác động vượt quá tiêu chuẩn quy định hoặc là phổ biến trong một thời gian dài; Điều này có thể ảnh hưởng đến sức khỏe con người; và / hoặc gây thiệt hại tài chính cho nông dân hoặc cộng đồng.
- *Tác động Trung bình (M)* có ý nghĩa như sau: Thay đổi đáng kể trong thời gian dưới 2 năm

và có tác động vừa phải tới khu vực địa phương, hệ sinh thái, thiên nhiên, và/hoặc phong cảnh hầu hết trong số đps có thể được hồi phục; Điều này có thể ảnh hưởng đến sức khỏe con người và / hoặc những người dùng khác.

- *Tác động nhỏ (S)* có ý nghĩa như sau: Thay đổi nhỏ và xảy ra trong thời gian dưới 2 năm, hoặc thay đổi không đáng kể nhưng xảy ra trong thời gian dưới 6 tháng; Những thay đổi chỉ xảy ra trong khu vực địa phương và phải nằm trong tiêu chuẩn cho phép đồng thời có thể hoàn toàn kiểm soát tác động của nó; Điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động, nhưng không gây phiền tới người sử dụng hoặc cho công chúng; tác động không đáng kể đến sức khỏe, chất lượng sống của con người.
- *Không tác động (N)* có ý nghĩa như sau: Không đáng kể, thay đổi không chú ý hoặc không thay đổi mà không thể đánh giá được; Thay đổi đó không thể được công nhận hoặc không thể được đo lường dựa trên các hoạt động bình thường; Không thay đổi.

• **Thời gian tác động – được xác định như sau:**

- *Thời gian dài (Lt)* có nghĩa là tác động trong thời gian không giới hạn hoặc trên 10 năm;
- *Thời gian trung bình (Mt)* có nghĩa là tác động trong thời gian từ 1 – 10 năm, bởi vậy tác động này có thể được đảo ngược; và
- *Thời gian ngắn (St)* có nghĩa là tác động diễn ra trong thời gian ít hơn 1 năm.

• **Ảnh hưởng về không gian – được xác định như sau:**

- *Vùng (R)* có nghĩa là các tác động tiềm năng cho toàn vùng Đồng Bắc, Đồng bằng Sông Hồng và Ven biển miền Trung, và một khu vực nổi bật khác.
- *Tiểu vùng (Sr)* có nghĩa là các tác động tiềm năng cho các vùng lân cận (thượng nguồn, hạ nguồn, cửa sông hoặc lưu vực) lớn hơn khu vực tiểu dự án.
- *Địa phương (Lo)* có nghĩa là các tác động tiềm năng không mở rộng khỏi khu vực trực tiếp ảnh hưởng bởi tiểu dự án.

3. Áp dụng các hướng dẫn trên, các tác động tiêu cực tổng thể được xác định tại hợp phần 2 và 3 được đánh giá tại Bảng A 3.1.

**Bảng A3.1 Tác động tiêu cực tổng thể của Hợp phần 2 và 3**

Hoạt động	Tác động xã hội (Mức độ)	Tác động môi trường (Mức độ/không gian/thời gian)	Tác động tổng thể	Hành động an toàn
<b>Hợp phần 2.1 Trồng và bảo vệ rừng ven biển</b>				
Trong quá trình trồng	- Mẫu thuẫn có thể xảy ra về sử dụng đất và quyền sử dụng đất	- Có thể sử dụng các chất hóa học trong quá trình chuẩn bị cây giống - Các hoạt động trồng rừng có thể chuyển đổi hệ sinh thái các khu vực không có rừng trong khi việc tái trồng rừng tại các khu vực ven biển có thể thay đổi sản lượng, gây mất rừng tại các hệ sinh thái khác hoặc có tác động liên vùng	Nhỏ	Áp dụng các giải pháp tại Phụ lục 3(b) trong ESMP
Trong quá trình vận hành (chăm sóc và duy trì cây)	- Tăng thu nhập cho người dân địa phương	Tăng diện tích rừng ven biển và đa dạng sinh học (H/Sr/Lt)		positive
		Có thể xảy ra dịch bệnh đối với cây	Trung bình	Áp dụng các giải pháp tại Phụ lục

Hoạt động	Tác động xã hội (Mức độ)	Tác động môi trường (Mức độ/không gian/thời gian)	Tác động tổng thể	Hành động an toàn
				3(b) trong ESMP
<b>Hợp phần 2.2</b>				
Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các cơ sở hạ tầng ven biển quy mô nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tác động nhỏ về thu hồi đất và di dời mộ có thể xảy ra (S);</li> <li>- Có thể liên quan tới dân tộc thiểu số (M);</li> <li>- Có thể tạo ra các tác động xã hội khác (S)</li> </ul>	- Thay đổi cảnh quan(S/Lo/Mt)	Nhỏ	Áp dụng các giải pháp tại Phụ lục 3(b) trong ESMP
		- Mất đất bề mặt(S/Lo/Mt)	Nhỏ	
		- Thêm bụi, tiếng ồn, rung, rác thải và các vấn đề xã hội (S/Lo/St)	Nhỏ	
		- Thay đổi hình thức vận tải địa phương trong quá trình xây dựng (S/Lo/St)	Nhỏ	
		- Tăng chất thải rắn trong nước bởi dòng chảy bề mặt (S/Lo/St)	Nhỏ	
- Đối với các cấu trúc/cây trồng gây thay đổi nước, phù sa dọc bờ biển (S/Sr/Lt)	Nhỏ			
<b>Hợp phần 3.1</b>				
Áp dụng các mô hình sinh kế (Hợp phần 2 và 3)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tác động nhỏ về thu hồi đất và di dời mộ có thể xảy ra (S);</li> <li>- Có thể liên quan tới dân tộc thiểu số (M);</li> <li>- Có thể tạo ra các tác động xã hội khác (S)</li> <li>-</li> </ul>	- Tăng thu nhập cho người dân địa phương (M/Lo/Mt)	Trung bình	Áp dụng các giải pháp tại Phụ lục 3(b) trong ESMP
		- Tăng rủi ro vì không có kết nối chuỗi giá trị (M/Sr/Mt)	Trung bình	
<b>Hợp phần 3.2</b>				
Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các cơ sở hạ tầng sản xuất quy mô nhỏ	Tương tự như trên		Trung bình	

4. **Nguyên tắc cơ bản của các giải pháp giảm thiểu rủi ro:**ESMP của các tiểu dự án của dự án FMCR sẽ bao gồm các giải pháp giảm nhẹ do chủ dự án, nhà thầu và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm trong quá trình chuẩn bị xây dựng, xây dựng, và vận hành/hoàn thiện tiểu dự án. Khi có cách công việc dân dụng liên quan, nhà thầu được yêu cầu giảm nhẹ các tác động có thể bằng việc áp dụng ECOP cũng như các tác động cụ thể tại địa điểm và giám sát môi trường trong quá trình giải phóng mặt bằng được chuẩn bị như một phần của ESMP. Khi liên quan đến trồng rừng ven biển và/hoặc rừng ngập mặn, việc áp dụng các nguyên tắc cơ bản của FSC sẽ được xác nhận trong khi sự tham gia tích cực và bền vững của chính quyền và cộng đồng địa phương là cần thiết. Dự kiến hướng dẫn về kế hoạch quản lý rừng/kế hoạch quản lý rừng dựa vào cộng đồng sẽ được cung cấp trong Sổ tay quản lý dự án (PIM) và sẽ được gắn vào các hướng dẫn cung cấp trong Phụ lục. Nếu việc sử dụng phân bón và các chất hóa học gây hại có xảy ra, quy trình quản lý sâu bệnh và IPM và/hoặc các thực hành tốt sẽ được áp dụng. Dựa vào các dạng hoạt động và địa điểm, ESMP thêm vào với RAP và EMDP sẽ cân nhắc các tác động đối với chất lượng nước bờ biển, hệ sinh thái và đường bờ cũng như các vấn đề xã hội. Các thảo luận chi tiết được cung cấp tại Phụ lục 3 (b), 3 (c) và 3(d)

5. **Các nguyên tắc chủ yếu khác:**ESMP là tài liệu chính được sử dụng trong quá trình thực hiện tiểu dự án nhằm giảm nhẹ các tác động tiêu cực và đảm bảo phù hợp với quy định EIA của

Chính phủ và Chính sách an toàn của Ngân hàng thế giới. Trong quá trình chuẩn bị ESMP cần đảm bảo các điểm sau đây:

- **Thiết kế chi tiết và chuẩn bị tài liệu, hợp đồng đấu thầu:** Để giảm thiểu tác động trong quá trình thu hồi đất, xây dựng và vận hành, ESMP cần xác định rõ các hoạt động sẽ bao gồm trong thiết kế chi tiết và hoàn thiện ECOP được bao gồm trong tài liệu, hợp đồng đấu thầu để đảm bảo các hoạt động là một phần của chi phí tiểu dự án và nhà thầu nhận thức được trách nhiệm (xem ECOP tại Phụ lục 4).
- **Trước khi khởi công,** Chủ tiểu dự án và/hoặc đơn vị kiểm tra xác nhận rằng tất cả đền bù thu hồi đất và hạ tầng bị ảnh hưởng, di dời các hộ gia đình và/hoặc phục hồi cho việc hiến tặng đất đối đất đã được hoàn thành và (b) đánh giá tác động môi trường tiểu dự án và/hoặc giải pháp giảm thiểu cụ thể được xác nhận bởi Chính phủ.
- **Trong quá trình xây dựng,** Chủ tiểu dự án và/hoặc đơn vị kiểm tra giám sát việc thực hiện các giải pháp giảm nhẹ trong quá trình xây dựng và bao gồm hoạt động của nhà thầu trong lĩnh vực an toàn vào báo cáo tiến độ tiểu dự án.
- **Sau khi hoàn thành công trình,** Chủ dự án và/hoặc đơn vị kiểm tra xác nhận sự tuân thủ ESMP bao gồm đảm bảo tất cả thiệt hại gây ra bởi nhà thầu được xử lý triệt để. Nếu cần thiết, nhà thầu cần yêu cầu đền bù/phục hồi khu vực thi công như mô tả trong hợp đồng. Nhà thầu sẽ tuyển một nhóm chuyên gia địa phương (nhà thầu môi trường) để hỗ trợ việc lập kế hoạch và thực hiện khung an toàn môi trường bao gồm chuẩn bị kế hoạch quản lý môi trường cho nhà thầu phù hợp với ECOP và yêu cầu hiện trường đặc biệt liên quan tới tham vấn với chính quyền và cộng đồng địa phương.

6. **Nội dung của Báo cáo ESMP:** Báo cáo ESMP cần có nội dung và phạm vi như sau:

- **Từ viết tắt**
- **Tóm tắt:** Thảo luận gọn gẽ các nghiên cứu nổi bật, và hành động khuyến nghị
- **Phần I Giới thiệu:** Giải thích quan hệ với Dự án và tiểu dự án với mục tiêu/phạm vi của báo cáo ESMP/EMF đặc biệt các kết quả của rà soát an toàn và danh sách nghiên cứu môi trường tiểu dự án như EIA/EPC, tài liệu phê duyệt. Mục tiêu của ESMP sẽ là tiểu dự án cụ thể chứ không rộng như trình bày chính sách.
- **Phần II Miêu tả tiểu dự án:** Miêu tả mục tiêu tiểu dự án, các hợp phần, và nội dung hoạt động với đầy đủ chi tiết để xác định đặc tính và phạm vi của tiểu dự án. Cần bao gồm như không giới hạn (a) các hợp phần tiểu dự án và phạm vi các hoạt động đặc biệt nhưng điều sẽ được triển khai trong quá trình xây dựng và/hoặc quy trình vận hành bao gồm địa điểm và vận chuyển vật liệu xây dựng, giờ làm việc, cây và các vật liệu được sử dụng, địa điểm và thiết bị hiện trường, nhà trại, số lượng công việc, và thời gian và lịch làm việc, và các hạng mục ngoài hiện trường được xây dựng. Nếu tiểu dự án được hoàn thành theo từng bước thì cần chia các bước ra theo ngày. Địa điểm tiểu dự án nên được miêu tả với bản đồ (cả tiếng anh và tiếng việt). Cần miêu tả thu hồi đất và/hoặc tái định cư nếu cần.
- **Phần III Khung chính sách, luật pháp và hành chính:** Cung cấp miêu tả tóm lược về các quy định của Chính phủ Việt Nam liên quan tới EIA và các quy định, quy chuẩn kỹ thuật cũng như Chính sách an toàn Ngân hàng thế giới áp dụng cho tiểu dự án.



- Phần IV: Tác động môi trường và xã hội của tiểu dự án:* Cung cấp thông tin tóm lược về các khu vực tiểu dự án và các kết quả đánh giá tác động (tiềm năng tích cực và tiêu cực), theo định lượng hết mức có thể. Thông tin chi tiết lý tính, sinh học, xã hội – kinh tế và xã hội – văn hóa, địa điểm nguồn lợi văn hóa (lịch sử, tôn giáo, hoặc kiến trúc), khu vực nhạy cảm về môi trường; bao gồm bất cứ thay đổi nào dự kiến trước khi tiểu dự án khởi công cần được cung cấp trong một Phụ lục. Cần quan tâm tới các hoạt động hiện tại và được đề xuất trong khu vực tiểu dự án nhưng không liên kết trực tiếp tới tiểu dự án. Thông tin cần đầy đủ đến quyết định về địa điểm dự án, thiết kế, vận hành, và các giải pháp giảm thiểu. Phần này cũng cần xác định/ước đoán phạm vi và chất lượng của thông tin, khoảng trống dữ liệu, và các điểm không chắc chắn liên quan tới dự đoán, và các chủ đề cụ thể mà không yêu cầu thêm sự chú ý. Đánh giá cũng cần bao gồm các cơ sở vật chất thứ cấp liên quan đến hoạt động tiểu dự án. Tác động cũng cần được miêu tả trước khi xây dựng, khi xây dựng và giai đoạn vận hành bao gồm bất cứ tác động tiêu cực nào không thể giảm thiểu. Nếu có thể, phần này cần đưa ra các cơ hội để cải thiện tác động tích cực của tiểu dự án. Hướng dẫn cụ thể được cung cấp tại Phụ lục 3 (b), 3 (c), 3 (d).
- Phần V: Các giải pháp giảm thiểu được đề xuất* Giải thích rõ các giải pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực. Sử dụng Định dạng khung ma trận sẽ giúp hiểu sự kết nối giữa các tác động và giải pháp giảm thiểu tốt hơn (Xem [Bảng A 3.1](#) dưới đây Khung ma trận mẫu các giải pháp giảm thiểu). Tham chiếu chéo đến các báo cáo EIA/EPC và các tài liệu khác được khuyến nghị, nhờ đó các chi tiết bổ sung sẵn sàng được tham chiếu. Các giải pháp giảm thiểu nên được cung cấp cho tất cả các hợp phần ở các tất cả các giai đoạn (chuẩn bị xây dựng, xây dựng, và vận hành/hoàn thành). Để giảm thiểu các tác động tiềm năng trong quá trình giải phóng mặt bằng và xây dựng, trong khi các tác động môi trường và xã hội thường thấy và rủi ro do hoạt động xây dựng có thể được xác định thông qua ECOP, các giải pháp giảm thiểu tại địa điểm cụ thể nên được đề xuất cho các tác động do tiểu dự án do điều kiện cụ thể và dạng đầu tư. Một số giải pháp có thể được lồng ghép vào thiết kế công trình để giải quyết tác động/rủi ro tiềm năng và/hoặc đem đến giá trị gia tăng cho công việc (ví dụ: đường/cải thiện tiếp cận đường cùng đường kênh). Giải pháp giảm thiểu nên bao gồm một chương trình truyền thông và quy chế giải quyết mâu thuẫn nhằm hướng tới các tác động xã hội. Dựa vào các tác động của một tiểu dự án, Nguồn tài nguyên văn hóa hữu hình (OP/BP 4.11) hoặc Quản lý sâu bệnh (OP/BP 4.09) có thể bị ảnh hưởng và Kế hoạch quản lý nguồn tài nguyên văn hóa hữu hình và sâu bệnh cần được xây dựng và bao gồm trong ESMP. Xem thêm hướng dẫn bổ sung tại Phụ lục 3 (b), 3 (c), và 3 (d).
- Phần 5 – Tổ chức thực hiện ESMP:* Giải thích rõ vai trò của các bên liên quan trong thực hiện ESMP bao gồm giám sát ở cấp độ tiểu dự án (CPMU, PPMU, các nhà thầu, tư vấn giám sát hiện trường, tư vấn giám sát môi trường độc lập, đơn vị quản lý môi trường địa phương, NGO và các đối tác (nếu cần)). Chi tiết có thể được cung cấp tại Phụ lục nếu cần. Phần này cần được đưa vào Khung tuân thủ môi trường để giải thích hình thức các tiểu dự án sẽ được giám sát nhằm đảm bảo tuân thủ các chính sách an toàn của Ngân hàng thế giới và Chính phủ, quy trình báo cáo và trách nhiệm của các bên khác nhau và dạng báo cáo là cần thiết (xem ESMP tại phần VII và Phụ lục 5)
- Phần VII- Năng cao năng lực, tập huấn và hỗ trợ kỹ thuật:* Giải thích rõ sự cần thiết và các hoạt động được triển khai để đảm bảo tính thực hiện hiệu quả tiểu dự án. Các hoạt động có thể bao gồm mua dụng cụ, đào tạo, dịch vụ tư vấn và các nghiên cứu cụ thể khác. Tất cả các bên

cần được tập huấn về kiến thức môi trường chung và đào tạo/giáo dục về trách nhiệm của họ. Phần này nên nhất quán với năng cao năng lực và tập huấn của ESMF (xem ESMF nội dung chính Phần VIII)

- **Phần VIII- Ngân sách dự kiến thực hiện ESMP:** Chi phí chuẩn bị ESMP phụ thuộc vào các yếu tố đa dạng như sự phức tạp của các tác động tiềm năng. Phạm vi của ngân sách sẽ đồng nhất với nội dung được miêu tả trong ESMF (xem ESMF trong nội dung chính của Phần IX). Ngân sách sẽ được phân bổ như một phần của chi phí của tiểu dự án.
- **Phần IX-Cơ chế giải quyết mâu thuẫn (GRM).** Trình bày GRM sẽ được sử dụng cho tiểu dự án. Cần nhất quán với quy trình GRM sử dụng trong dự án (xem ESMF nội dung chính phần X và Phụ lục 5)
- **Phần X-Tham vấn cộng đồng và công bố thông tin:** ESMP mô tả rõ ràng các hành động cụ thể để tham vấn cộng đồng. Đối với dự án FMCR, ít nhất một tham vấn cộng đồng trong quá trình chuẩn bị ESMP được yêu cầu. Khi tiểu dự án liên quan đến thu hồi đất hoặc tái định cư và/hoặc dân tộc thiểu số, tham vấn chặt chẽ với chính quyền địa phương, người bị ảnh hưởng bởi dự án, và/hoặc người dân tộc thiểu số mục tiêu sẽ được yêu cầu trong quá trình chuẩn bị RAP và/hoặc EMDP. Tất cả các tài liệu an toàn sẽ được yêu cầu công bố tại dự án và các địa điểm tiểu dự án bằng ngôn ngữ có thể hiểu bởi người địa phương. Tóm tắt quá trình tham vấn và công bố thông tin sẽ được thực hiện trong khi chuẩn bị ESMP sẽ được bao gồm trong ESMF. Ngân hàng thế giới đồng thuận với tất cả RAP và EMDP sẽ được yêu cầu.
- **Các Phụ lục** –Cung cấp thông tin bổ sung chi tiết cho nội dung chính của ESMP khi cần. Bản đồ, thông tin nền, và các yêu cầu chi tiết sẽ được cung cấp.

**BảngA3.1: Ví dụ về Khung ma trận giải pháp giảm thiểu**

Giai đoạn	Vấn đề	Giải pháp giảm nhẹ	Địa điểm thực hiện giải pháp giảm nhẹ	Tiêu chuẩn phù hợp (Quốc gia, WB, EU)	Chi phí giảm nhẹ	Đơn vị chịu trách nhiệm	Xác nhận để quyết định hiệu quả của giải pháp
Thiết kế/ Trước khi thi công							
Thi công							
Vận hành							
Tháo dỡ							

### 15.1 Phụ lục 3(b) Hướng dẫn xác định các vấn đề an toàn của Hợp phần 2

1. Theo nghiên cứu tiền khả thi (Dự thảo tháng 12 năm 2016), các hoạt động tiểu dự án thực hiện trong hợp phần 2 sẽ chỉ hỗ trợ thực hiện các hoạt động thực hành tốt trong lĩnh vực lâm nghiệp tập trung vào bảo vệ, phục hồi, và tái trồng rừng ven biển và rừng ngập mặn bao gồm xây dựng, nâng cấp, sửa chữa, và/hoặc cải thiện cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ (như cấu trúc tường mềm, hàng rào chắn sóng, hàng rào chắn rỗ, đê, thoát nước, đường lâm sinh, trạm bảo vệ rừng,..) mà được coi là cần thiết để tăng tỉ lệ sống sót rừng ngập mặn, giảm năng lượng sóng, giới hạn di chuyển cát, tăng tính hiệu quả rừng ven biển và/hoặc tính chống chịu ven biển và/hoặc đóng góp cho phát triển nông thôn (dự kiến chi phí dưới 15 tỷ Việt Nam đồng/hạng mục hoặc 70.000 USD). Trồng và phục hồi rừng ngập mặn dự kiến triển khai ở Quảng Ninh và Hải Phòng trong khi các hoạt động liên quan tới rừng ven biển sẽ được thực hiện tại 6 tỉnh còn lại nơi rừng trên cát và rừng đất liền được tìm thấy.

2. Mức độ phức tạp của hệ sinh thái ven biển và sự cần thiết tham gia tích cực của các bên tại địa phương, Dự án được thiết kế để huy động tư vấn quốc gia đủ năng lực (TA) để hỗ trợ PPMU và CPMU trong quá trình chuẩn bị, thiết kế chi tiết, kiểm tra, và giám sát đánh giá các hoạt động tiểu dự án trong 2 năm đầu triển khai dự án. PPMU chịu trách nhiệm huy động TA cho tiểu dự án (thiết kế, kiểm tra) cũng như các nhà thầu cung ứng cây giống và triển khai trồng/bảo vệ/phục hồi rừng, và xây dựng cơ sở hạ tầng bao gồm tập huấn cho cộng đồng/nhóm bị ảnh hưởng trong việc duy trì và chăm sóc các hoạt động tiểu dự án. CPMU chịu trách nhiệm giám sát tiểu dự án và tiến độ bao gồm đấu thầu các gói thiết bị và hàng hóa lớn cho tiểu dự án.

3. Hướng dẫn cụ thể được cung cấp trong phần này chỉ tập trung vào các hoạt động có thể sẽ được triển khai trong Hợp phần này. Mặc dù vậy, các hướng dẫn bổ sung và/hoặc yêu cầu cần được cung cấp bởi Chuyên gia an toàn Ngân hàng thế giới khi có các vấn đề ngoài dự kiến trong quá trình triển khai. Tiêu mục dưới đây cung cấp hướng dẫn giảm nhẹ các tác động do (i) Rủi ro UXO, (ii) trồng phục hồi rừng ngập mặn, (iii) Quản lý rừng cộng đồng; (iv) xây dựng, nâng cao, và/hoặc phục hồi cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ, và (v) tác động theo địa điểm cụ thể. Các hướng dẫn này sẽ được quan tâm đến trong quá trình chuẩn bị ESMP của tiểu dự án khi tác động ở mức Trung bình và/hoặc Lớn.

#### **(i) Giảm thiểu rủi ro UXO**

4. Khu vực dự án bị đánh bom nặng nề trong Chiến tranh. Mặc dù vậy, các kết quả tham vấn cộng đồng chỉ ra rằng, chưa có trường hợp UXO xảy ra tại khu vực tiểu dự án. Mặc dù vậy, đánh giá rủi ro của UXO tồn dư được thực hiện tại khu vực tiểu dự án các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế. Các hoạt động tại khu vực tiểu dự án sẽ được triển khai sau khi đánh giá được hoàn thành.

#### **(ii) Giảm thiểu tác động trong quá trình bảo vệ/phục hồi rừng ven biển và ngập mặn**

5. Để nhất quán với chính sách và quy định nhà nước, các điểm sau sẽ được xem xét trong quá trình chuẩn bị ESMP của tiểu dự án:

TT	Chính sách quản lý xã hội-môi trường của chính phủ Việt Nam	Giải thích/Tùy chọn
1	Luật Đa dạng sinh học số 20/2008 / QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc hội quy định về bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững; các quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong việc bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững	Các hoạt động dự án liên quan đến việc khai thác và sử dụng tài nguyên dưới tán rừng. Kết hợp hài hòa giữa bảo tồn đa dạng sinh học với việc khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên sinh học; tích hợp giữa bảo tồn, khai thác bền vững hoặc sử dụng đa dạng sinh học với cải thiện sinh kế là một trong những nguyên tắc của bảo tồn đa dạng sinh học và phát

TT	Chính sách quản lý xã hội-môi trường của chính phủ Việt Nam	Giải thích/Tùy chọn
		triển bền vững được quy định tại Luật này. Do đó, quy định về chia sẻ lợi ích giữa các bên liên quan phải được đảm bảo trong quá trình thực hiện các hoạt động dự án nhằm đảm bảo lợi ích của các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên sinh vật dưới tán rừng. Bảo đảm hài hoà giữa lợi ích của Nhà nước với các tổ chức, cá nhân.
2	Luật Bảo vệ và Phát triển rừng số 29/2004 / QH11 ngày 03/12/2004 của Quốc hội quy định về quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng; các quyền và nghĩa vụ của chủ rừng	Các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng của dự án bao gồm trồng rừng, phục hồi, làm giàu, bảo vệ diện tích rừng hiện tại của dự án phải được tuân thủ và được gắn với kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch sử dụng đất được quy định trong Luật. Việc phân bổ quản lý rừng cho cộng đồng không được xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.
3	Nghị định số 116/2014 / NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật;	Dự án không xuất khẩu hoặc nhập khẩu của bất kỳ loài nào theo thủ tục kiểm dịch thực vật. Nguy cơ dịch hại thực vật rừng ngập mặn và rừng nội địa ven biển không bao giờ xảy ra tại Việt Nam trong quá khứ, cũng như ở các tỉnh dự án. Nhưng dự án này vẫn cần phải thực hiện giám sát để quản lý dịch hại cây trồng theo quy định của Nghị định này để đảm bảo bao vây khẩn cấp và xử lý sâu bệnh (nếu có).
4	Thông tư số 21/2013 / TT-BNNPTNT ngày 17/04/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng, cấm sử dụng và Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam	Theo số liệu thống kê, sâu bệnh hầu như không xảy ra đối với rừng ngập mặn và rừng nội địa ven biển tại vùng dự án trong quá khứ. Do đó, dự án sẽ không sử dụng thuốc trừ sâu trong các hoạt động trồng rừng, chăm sóc rừng và phục hồi chức năng. Tuy nhiên, dự án vẫn tiến hành giám sát của các nhà cung cấp cây giống để đảm bảo rằng không có bất kỳ loại thuốc trừ sâu và các hoá chất nông nghiệp được đưa ra trong danh sách các hóa chất nông nghiệp bị cấm của Chính phủ Việt Nam hoặc quy định quốc tế được sử dụng để sản xuất cây giống
5	Nghị định số 119/2016 / NĐ-CP ngày 23 Tháng Tám 2016 của Chính phủ quy định chính sách về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng ven biển bền vững để đối phó với biến đổi khí hậu	Các hoạt động xây dựng công trình lâm sinh hoặc các công trình khác như nâng cấp cơ sở hạ tầng ven biển cần phải được xem xét để đảm bảo rằng các công trình không ảnh hưởng hoặc có nguy cơ đến chức năng bảo vệ của khu vực rừng ngập mặn, rừng nội địa ven biển đã được quy định trong Luật.
6	Nghị định 99/2010/NĐ-CP về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng	Dự án sẽ hỗ trợ, thiết lập một chính sách và cơ chế chi trả dịch vụ môi trường rừng ven biển. Do đó, cơ chế này chỉ thực sự khả thi khi các quy định của Nghị định này là phù hợp đảm bảo với một nguyên tắc cơ bản như tính minh bạch và công bằng.
7	Quyết định số 89/2005 / QĐ-BNN ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp	Các hoạt động của dự án như trồng, phục hồi, và làm giàu rừng cần phải áp dụng các quy định để quản lý chất lượng cây giống và giám sát CoC (Chuỗi hành trình sản phẩm) của giống cây trồng lâm nghiệp.
8	Quyết định 2194/QĐ-TTg năm 2009 về việc phát triển giống	Dự án không tự sản xuất cây giống mà hỗ trợ công nghệ cho đơn vị sản xuất cây giống. Ngoài ra, dự án còn đầu tư, hỗ trợ cho các cơ sở lưu giữ và quản lý cây giống để tạo ra một chuỗi giá trị. Do đó, các hoạt động của dự án cần được xem xét và lựa chọn để đảm bảo không có sự trùng lặp với các dự án đầu tư khác mà có thể làm tăng hiệu quả đầu tư của dự án.
9	Quyết định 1205/QĐ-BNN-TCLN năm 2016 hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng ngập mặn	Việc đánh giá các điều kiện phát triển, các loài thực vật và kỹ thuật trồng đảm bảo hiệu quả của hoạt động trồng rừng. Vì vậy, việc tuân thủ các hướng dẫn về quy định này sẽ đảm bảo

TT	Chính sách quản lý xã hội-môi trường của chính phủ Việt Nam	Giải thích/Tùy chọn
		đạt được các mục đích của dự án đối với các khu vực rừng ngập mặn
10	Quyết định số 73/2010 / QĐ-TTg ngày tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định về quản lý đầu tư, xây dựng công trình lâm sinh Thông tư số 69/2011 / TT-BNNPTNT hướng dẫn cho một số nội dung tại Quy chế quản lý đầu tư xây dựng các công trình lâm sinh theo Quyết định kèm theo	Các hoạt động dự án xây dựng cơ sở hạ tầng lâm sinh phải tuân thủ các quy định này để đảm bảo việc lựa chọn địa điểm xây dựng, thiết kế và nhà thầu xây dựng sẽ không ảnh hưởng đến các chức năng bảo vệ rừng và hệ sinh thái.
11	Tiêu chuẩn ngành số 04-BC-46-2001 (ban hành kèm theo Quyết định số 516-BNN-KHCN ngày 18 tháng 2 năm 2002) về quá trình thiết kế trồng rừng	Tiêu chuẩn này quy định các nguyên tắc cơ bản về nội dung và phương pháp thiết kế để rừng trồng trưởng thành (khép kín tán). Ngoài ra, tiêu chuẩn này là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện, giám sát và thẩm định thiết kế trồng rừng theo quy định của Chính phủ Việt Nam.

6. **Bảo vệ, trồng, gieo ươm, và chăm sóc** có thể gây tác động cụ thể do dạng hoạt động và địa điểm của khu vực tiểu dự án. Mặc dù các tiêu chí kỹ thuật để lựa chọn địa điểm và phương pháp trồng...đang được xây dựng và bao gồm trong Sổ tay quản lý dự án (PIM), từ quan điểm an toàn, cần đảm bảo các điểm sau trong quá trình lựa chọn địa điểm, gieo ươm, và chăm sóc:

Đối với rừng ngập mặn	Đối với rừng trên cát
<b>Đối với lựa chọn địa điểm cho rừng ngập mặn:</b> Lựa chọn các khu vực nơi trước đây có rừng để trồng; Lựa chọn các khu vực cửa sông, vùng nền ổn định với các chất dinh dưỡng phong phú và tỷ lệ phần trăm cát <80%; Lựa chọn các lĩnh vực mà có một thời gian phơi > 4 giờ/ngày; thời gian triều > 5 ngày/tháng; độ sâu đỉnh triều <3 m; Lựa chọn các khu vực diễn ra bồi tụ hoặc quá trình sạt lở - bồi tụ đều nhau; Lựa chọn các khu vực nơi có độ mặn <35 ‰; và Không chọn khu vực gần khu công nghiệp, bến cảng hoặc đang xây dựng các công trình hạ tầng ven biển.	Lựa chọn của vùng cát tương đối ổn định, nơi có tốc độ tăng trưởng cỏ và đi từ mép nước khi thủy triều đỉnh 20-50 m; Lựa chọn các khu vực nơi có độ cao <100 m, độ dốc <5°; cát địa hình đồi núi đồng bằng; và Không chọn vùng cát di động và các khu vực bị ngập lụt trong mùa mưa.
<b>Đối với giống cây rừng ngập mặn:</b> Chiều cao của cây con > 1,5 m; đường kính gốc của cây con > 1.2cm; cây tuổi > 24 tháng; Kích thước của cây giống là 40 x 30 cm (chiều cao x đường kính); Cây phát triển tốt, không có bệnh, không có thân cây bị hỏng hoặc nhánh.	<b>Cây giống rừng trên cát:</b> Chiều cao của cây con > 2,5 m; đường kính gốc của cây con > 1,5 cm; cây tuổi > 12 tháng; Kích thước của cây giống là 18 x12 cm (chiều cao x đường kính); và cây con phát triển tốt với thân và ngọn cây thẳng và không có bệnh.
<b>Đối với kỹ thuật trồng và chăm sóc rừng ngập mặn:</b> Lựa chọn các cây giống và kỹ thuật trồng theo Cơ sở Tiêu chuẩn TCCS 08: 2011; Ưu tiên trồng hỗn loài thuộc thể sinh thái tự nhiên của cây rừng ngập mặn; và Không loại bỏ tất cả các thảm thực vật trong quá trình trồng và chăm sóc rừng.	<b>Trồng các loài bao gồm:</b> <i>Casuarina equisetifolia</i> , <i>Acacia auriculiformis</i> ; hỗn giao <i>Casuarina equisetifolia</i> + <i>Acacia auriculiformis</i> ; kỹ thuật trồng <i>Casuarina equisetifolia</i> theo các Tiêu chuẩn nhánh TCN 20: 2010. Quy chuẩn kỹ thuật về trồng <i>Casuarina equisetifolia</i> , <i>Acacia auriculiformis</i> . Không loại bỏ tất cả các thảm thực vật trong quá trình trồng và chăm sóc rừng.

7. **Phòng chống các loài xâm lấn:** Một báo cáo<sup>21</sup> gần đây chỉ ra rằng tác động của các loài thực vật xâm lấn tại các vườn và rừng quốc gia tại Việt Nam chưa được tài liệu hóa và kế hoạch

<sup>21</sup>Các loài thực vật xâm lấn tại các Vườn quốc gia Việt Nam, 2012, Dang Thanh Tan 1, Pham Quang Thu 1,\* và Bernard Dell, Viện khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam; E-Mail: [dangthanhtan\\_fsiv@yahoo.com](mailto:dangthanhtan_fsiv@yahoo.com); 2 Phòng Nghiên Cứu và Phát triển .

quản lý chưa được phát triển. Mười vườn quốc gia, từ chưa bị tác động để rừng bị suy thoái trên khắp Việt Nam (bao gồm Vườn Quốc gia Cát Bà và Khu bảo tồn quốc gia Sơn Trà nằm trong vùng lân cận Dự án), đã được khảo sát về các loài cây xâm lấn. Mặt cắt đã được thiết lập dọc theo những con đường và đường mòn nơi người dân địa phương di chuyển vào khu vực công viên, và bao gồm theo dõi trong khu vực rừng tự nhiên. Trong số 134 loài cỏngoại lai, 25 đã được phân loại là loài xâm lấn và số lượng của các loài xâm lấn dao động 8-15 mỗi công viên. Việc đánh giá rủi ro của các loài xâm lấn đã được thực hiện cho ba công viên quốc gia dựa trên một giao thức đánh giá các loài xâm lấn. Ví dụ về các loài có khả năng xâm lấn cao là *Chromolaena odorata* và *Mimosa Diplotricha* tại Vườn Quốc gia Cát Bà (đảo xanh rừng thứ sinh trên núi đá vôi); *Mimosa pigra*, *repens Panicum* và bèo tây ở Vườn Quốc gia Tràm Chim (rừng ngập đất thấp chi phối bởi tràm); và *C. odorata*, *Mikania micrantha* và *M. diplotricha* trong khu vực bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà (rừng thứ sinh thường xanh bán đảo). Khi các loài xâm lấn có thể xâm nhập vào vùng đất ngập nước, kênh rạch, và trồng cây thậm chí công nghiệp và những cánh đồng lúa và tạo ra những tác động thứ cấp có ý kiến cho rằng đánh giá chi tiết các tác động và chương trình giám sát/điều phối nên được xem xét (khi cần thiết) để kiểm soát và/hoặc giới hạn tác động nguy hại về giá trị sinh học.

8. *Đánh giá tác động có thể xảy ra có từ các loài xâm lấn cần được xem xét trong quá trình chuẩn bị của ESMP của Tiểu dự án.*

9. **Bùng phát sâu bệnh:** Trồng độc canh có thể yêu cầu điều trị định kỳ bằng các loại thuốc trừ sâu và/hoặc chất độc hại khác. Nếu sử dụng thuốc trừ sâu và/hoặc hoá chất nông nghiệp độc hại thì theo hướng dẫn tại [Phụ lục 3 \(c\)](#) về việc sử dụng thuốc trừ sâu và / hoặc hóa chất độc hại.

Thêm vào đó, để tránh những tác động tiêu cực tiềm ẩn các biện pháp sau đây sẽ được xem xét:

- Lựa chọn các loài cây và mùa trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên của khu vực đề xuất nhằm ngăn ngừa rối loạn môi trường sống;
- Lựa chọn các kỹ thuật canh tác phù hợp với điều kiện lập địa của khu vực đề xuất;
- Áp dụng các kỹ thuật lâm sinh được đào tạo;
- Lựa chọn các cây giống chất lượng, phù hợp với điều kiện lập địa khó khăn;
- Trồng hỗn loài cần được ưu tiên;
- Không sử dụng thuốc trừ sâu và các chất kích thích tăng trưởng, trừ khi điều đó được coi là cần thiết bởi chuyên gia.

10. **Rủi ro cháy rừng:** Để phòng tránh và/hoặc giảm thiểu rủi ro, các biện pháp sau đây sẽ được xem xét:

- Phát triển các kế hoạch phòng chống cháy rừng tích hợp với các kế hoạch thực hiện dự án;
- Tiến hành đào tạo về kế hoạch phòng chống cháy rừng;
- Trước hết phải tuân thủ nguyên tắc "phòng ngừa và kiểm soát các nguy cơ cháy rừng" ;
- Tổng diện tích của việc bảo vệ, trồng và phục hồi rừng ven biển của dự án là 72.412 ha. Do đó, 93 km đường băng cản lửa nên được thiết lập trong các khu vực trồng rừng để ngăn chặn và giảm thiểu thiệt hại đến rừng. Chiều rộng của đường cản lửa là 10-15 m và được duy trì hàng năm. Rừng trên cát sẽ được thu dọn trong mùa khô (từ tháng Mười đến tháng Ba năm sau).

11. **Phù hợp thông lệ quốc tế:** Để đảm bảo rằng các tiểu dự án/hoạt động được đề xuất sẽ không tạo ra những tác động bất lợi trong quá trình trước khi xây dựng, xây dựng và giai đoạn hoạt động là cần thiết để đảm bảo rằng thiết kế tiểu dự án kết hợp các phương tiện để giải quyết

các vấn đề sau: tiềm năng phục hồi rừng để cải thiện đa dạng sinh học và chức năng hệ sinh thái; tiềm năng để trồng rừng trên vùng đất không có rừng mà không có các môi trường sống tự nhiên quan trọng; sự cần thiết để tránh việc chuyển đổi hoặc suy thoái của môi trường sống tự nhiên; và năng lực của chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, và các tổ chức tư nhân khác để hợp tác trong việc khôi phục và phát triển rừng trồng.

12. Trong bối cảnh này, Hướng dẫn của Hội đồng quản lý rừng (FSC) về Nguyên tắc quản lý rừng bền vững (SFM) trong Hộp A3.1, A3.2 và A3.3 sẽ được xem xét và khẳng định trong việc thiết kế và lựa chọn địa điểm tiểu dự án. Các hình thức hoàn chỉnh sẽ được bao gồm trong ESMP của tiểu dự án.

<b>Hộp A3.1. 10 nguyên tắc của FSC</b>	<b>Xác nhận (Y/N)</b>	<b>Giải thích (nếu có)</b>
- Quản lý rừng phải tôn trọng các luật hiện hành của quốc gia, các điều ước quốc tế và hiệp định trong đó quốc gia đó là một bên ký kết và tuân thủ tất cả các nguyên tắc và tiêu chí của FSC		
- Sở hữu và quyền sử dụng dài hạn cho đất và tài nguyên rừng được xác định rõ ràng, tài liệu hóa và xác lập hợp pháp.		
- Các quyền lợi hợp pháp và tập quán của người dân bản địa để sở hữu, sử dụng và quản lý đất đai, vùng lãnh thổ và các nguồn tài nguyên của họ sẽ được công nhận và tôn trọng.		
- Hoạt động quản lý rừng phải duy trì hoặc tăng cường phúc lợi kinh tế xã hội lâu dài của người làm lâm nghiệp và cộng đồng địa phương.		
- Hoạt động quản lý rừng phải khuyến khích việc sử dụng hiệu quả của nhiều sản phẩm và dịch vụ của rừng để đảm bảo tính khả thi về kinh tế và một loạt các lợi ích về môi trường và xã hội.		
- Quản lý rừng phải bảo tồn đa dạng sinh học và các giá trị của nó, nguồn nước, đất, và các hệ sinh thái độc đáo và rời rạc của cảnh quan, và như vậy, duy trì các chức năng sinh thái và sự toàn vẹn của rừng.		
- Một kế hoạch quản lý - phù hợp với quy mô và cường độ của các hoạt động - được ghi, thực hiện và lưu giữ đến nay. Các mục tiêu dài hạn của quản lý, và các phương tiện để đạt được chúng, phải được nêu rõ.		
- Giám sát được tiến hành - phù hợp với quy mô và cường độ quản lý rừng để đánh giá được tình trạng của rừng, sản lượng lâm sản, chuỗi hành trình, hoạt động quản lý và tác động xã hội và môi trường .		
- Các hoạt động quản lý trong cộng đồng rừng tự nhiên có giá trị bảo tồn cao phải duy trì hoặc tăng cường các thuộc tính xác định rừng. Các quyết định liên quan đến cộng đồng tự nhiên có giá trị bảo tồn cao luôn được xem xét trong bối cảnh của một giải pháp cần trọng		
- Rừng trồng có thể cung cấp một loạt các lợi ích xã hội và kinh tế, và có thể góp phần đáp ứng nhu cầu của thế giới đối với sản phẩm rừng, người trồng rừng nên quản lý để giảm bớt áp lực, và thúc đẩy phục hồi và bảo tồn các quần xã rừng tự nhiên. Rừng trồng phải được quy hoạch và quản lý phù hợp với chín nguyên tắc trước		
<i>*Nguồn: Tổng hợp từ Hội đồng Quản lý rừng, nguyên tắc và tiêu chí cho Quản lý rừng (sửa đổi năm 1996, tiếp tục sửa đổi năm 1999)</i>		

<b>Hộp 3.2 Tiêu chí Chứng nhận FSC cho rừng trồng và các sản phẩm</b>	<b>Xác nhận (Y/N)</b>	<b>Giải thích (nếu có)</b>
- The management objectives of the plantation, including natural forest conservation and restoration objectives, shall be explicitly stated in the plantation management plan, and clearly demonstrated in plan implementation.		
- The design and layout of plantations should promote the protection, restoration		

Hộp 3.2 Tiêu chí Chứng nhận FSC cho rừng trồng và các sản phẩm	Xác nhận (Y/N)	Giải thích (nếu có)
<p>and conservation of natural forests, and not increase pressures on natural forests.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hành lang động vật hoang dã, khu suối và các lô ở các độ tuổi khác nhau và thời gian luân chuyển sẽ được sử dụng trong cách bố trí của rừng trồng, phù hợp với quy mô. Quy mô và các khu rừng trồng phải phù hợp với mô hình của lâm phần được tìm thấy trong các cảnh quan thiên nhiên.</li> </ul>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa dạng trong thành phần của rừng trồng được đề cao để tăng cường tính ổn định kinh tế, sinh thái và xã hội. Sự đa dạng đó có thể bao gồm các kích thước và phân bố không gian của các đơn vị quản lý trong cảnh quan, số lượng và thành phần di truyền của loài, lớp tuổi và lát đứng cấu trúc.</li> </ul>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc lựa chọn các loài cây trồng phải dựa trên sự phù hợp tổng thể của chúng với lập địa và phù hợp với các mục tiêu quản lý. Để tăng cường bảo tồn đa dạng sinh học, các loài bản địa được ưa thích hơn các loài ngoại lai trong việc thiết lập rừng và phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái. Loài ngoại lai chỉ được sử dụng khi mà hiệu quả cao hơn so với các loài bản địa, và phải được theo dõi cẩn thận để phát hiện hiện tượng chết bất thường, bệnh dịch côn trùng và các tác động bất lợi về sinh thái.</li> </ul>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ phù hợp rừng trồng so với toàn bộ diện tích và được xác định trong tiêu chuẩn vùng, được quản lý để đưa khu vực trở thành rừng tự nhiên.</li> </ul>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các biện pháp được thực hiện để duy trì hoặc cải thiện cấu trúc đất, độ màu mỡ và các hoạt động sinh học. Các kỹ thuật và tỷ lệ thu hoạch, xây dựng và bảo trì đường bộ và đường mòn, và sự lựa chọn của các loài sẽ không dẫn đến suy thoái đất lâu dài, ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước, số lượng hoặc sai lệch đáng kể từ tuổi tự nhiên thành mô hình thoát nước.</li> </ul>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các biện pháp được thực hiện để ngăn chặn và giảm thiểu sự bùng phát của sâu bệnh, dịch bệnh, cháy và thực vật xâm lấn. Quản lý dịch hại tổng hợp sẽ trở thành một phần thiết yếu của kế hoạch quản lý, dựa chủ yếu vào các phương pháp phòng ngừa và kiểm soát sinh học hơn là thuốc trừ sâu hóa học và phân bón. Quản lý rừng trồng nên làm cho mọi nỗ lực để tránh thuốc trừ sâu hóa học và phân bón, bao gồm cả việc sử dụng trong các vườn ươm.</li> </ul>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thích hợp với quy mô và tính đa dạng của quá trình thiết lập và giám sát rừng trồng bao gồm các đánh giá thường xuyên về tác động sinh thái và xã hội tiềm năng tại chỗ và ngoại biên (ví dụ như tái sinh tự nhiên, ảnh hưởng đến nguồn nước và độ phì của đất, và các tác động về phúc lợi xã hội của địa phương). Không có loài được trồng trên một quy mô lớn cho đến khi thử nghiệm và / hoặc kinh nghiệm địa phương chỉ ra rằng đó là sinh thái thích nghi với địa điểm, không xâm lấn, và không có tác động sinh thái tiêu cực đáng kể. Đặc biệt chú ý đến các vấn đề xã hội của việc thu hồi đất để trồng, đặc biệt là việc bảo vệ quyền lợi của người dân địa phương sở hữu, sử dụng và truy cập.</li> </ul>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rừng được trồng ở các vùng chuyển đổi từ rừng tự nhiên (<i>rừng tự nhiên là khu vực rừng nơi mà hầu hết các đặc điểm nguyên tắc và các yếu tố quan trọng của các hệ sinh thái tự nhiên, chẳng hạn như độ phức tạp, cấu trúc và tính đa dạng được ghi nhận, và bao gồm các hệ sinh thái rừng nguyên sinh và thứ cấp theo quy định của FSC- tiêu chuẩn quốc gia và khu vực đã được phê duyệt về quản lý rừng</i>) sau tháng 11 năm 1994 như bình thường sẽ không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận. Chứng nhận có thể được cho phép trong trường hợp có đủ bằng chứng được nộp cho cơ quan chứng nhận rằng người quản lý / chủ sở hữu không chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc gián tiếp cho việc chuyển đổi.</li> </ul>		
<p><i>Nguồn: Tổng hợp từ Hội đồng Quản lý rừng, nguyên tắc và tiêu chí cho quản lý rừng (sửa đổi năm 1996, tiếp tục sửa đổi năm 1999)</i></p>		



Hộp A3.3 FSC Tiêu chí loại trừ	Xác nhận (Y/N)	Giải thích (nếu có)
<p><b>Tiêu chí hợp lệ:</b> OP 4.36 được kích hoạt cho dự án này bởi dự án : i) có hoặc có thể có tác động đến sức khỏe và chất lượng rừng; ii) ảnh hưởng đến quyền và phúc lợi của người dân và mức độ phụ thuộc vào hoặc tương tác với rừng; và iii) nhằm mục đích mang lại những thay đổi trong quản lý, bảo vệ, hoặc sử dụng rừng tự nhiên hoặc rừng trồng, dù là công khai, thuộc sở hữu tư nhân, hoặc cộng đồng. Tất cả các định nghĩa liên quan sẽ được đưa vào các chú thích liên quan.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngân hàng sẽ không tài trợ dự án mà theo quan điểm liên quan tới việc chuyển đổi và suy thoái<sup>4</sup>khu vực rừng<sup>5</sup> hoặc liên quan tới các môi trường tự nhiên trọng yếu . Nếu một dự án liên quan đến việc chuyển đổi hoặc suy thoái rừng tự nhiên hoặc môi trường sống tự nhiên liên quan mà ngân hàng xác định là không quan trọng đáng kể, và Ngân hàng xác định rằng không có giải pháp thay thế khả thi cho dự án và địa điểm, và phân tích toàn diện chứng minh rằng lợi ích tổng thể từ dự án lớn hơn đáng kể các chi phí môi trường, Ngân hàng có thể tài trợ cho dự án với các biện pháp giảm nhẹ thích hợp.</li> <li>- Ngân hàng không tài trợ cho các dự án trái với điều ước quốc tế về môi trường hiện hành.</li> </ul>		
<p><b>Trồng rừng:</b> Ngân hàng không tài trợ cho các khu vực trồng rừng có liên quan đến bất kỳ sự chuyển đổi hoặc gây suy thoái của môi trường sống quan trọng trong tự nhiên, bao gồm cả môi trường sống liền kề hoặc vùng hạ lưu. Khi Ngân hàng tài trợ các khu vực trồng rừng, Ngân hàng quan tâm tới các địa điểm chưa có rừng hoặc đất đã được chuyển đổi (không bao gồm bất kỳ vùng đất đã được chuyển đổi theo dự đoán của dự án). Dự án trồng rừng có tiềm năng giới thiệu các loài xâm hại và đe dọa đa dạng sinh học, các dự án này phải được thiết kế để ngăn chặn và giảm thiểu những mối đe dọa tiềm tàng đến môi trường sống tự nhiên.</p>		
<p><b>Thu hoạch thương mại:</b> Ngân hàng có thể tài trợ cho các hoạt động thu hoạch thương mại chỉ khi Ngân hàng quyết định dựa trên đánh giá môi trường phù hợp và các thông tin liên quan rằng khu vực bị ảnh hưởng từ hoạt động thu hoạch không có rừng hoặc môi trường tự nhiên quan trọng: Để hợp lệ với tài trợ từ Ngân hàng, thu hoạch thương mại theo quy mô công nghiệp phải có:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Chúng nhận bởi hệ thống chứng nhận rừng độc lập được Ngân hàng chấp nhận <sup>11</sup> đạt các tiêu chuẩn quản lý và sử dụng rừng có trách nhiệm; hoặc</li> <li>b) Tiền đánh giá của hệ thống cấp chứng chỉ độc lập quyết định rằng việc vận hành đảm bảo các yêu cầu của Mục 9 (a) tuân thủ một kế hoạch hành động theo từng giai đoạn được Ngân hàng chấp nhận <sup>12</sup>Để đạt được chứng nhận theo tiêu chuẩn.</li> </ol> <p>Để được ngân hàng chấp nhận, hệ thống chứng nhận rừng cần phải:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Tuân thủ theo pháp luật hiện hành;</li> <li>b) Công nhận có sự tôn trọng đối với quyền sở hữu đất đai dựa trên tài liệu hợp pháp hoặc theo phong tục cũng như các quyền của người dân bản địa và người lao động;</li> <li>c) Các biện pháp để duy trì hoặc tăng cường các mối quan hệ cộng đồng một cách phù hợp và hiệu quả;</li> <li>d) Bảo tồn đa dạng sinh học và chức năng sinh thái;</li> <li>e) Các biện pháp để duy trì hoặc tăng cường lợi ích đa tầng về mặt môi trường sinh từ rừng;</li> <li>f) Phòng ngừa hoặc giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường từ việc sử dụng rừng</li> <li>g) Lập kế hoạch quản lý rừng có hiệu quả;</li> <li>h) Tích cực giám sát và đánh giá các lĩnh vực quản lý rừng có liên quan ; và</li> <li>i) Duy trì diện tích rừng và các sinh cảnh tự nhiên quan trọng khác bị ảnh hưởng bởi các</li> </ol>		

Hộp A3.3 FSC Tiêu chí loại trừ	Xác nhận (Y/N)	Giải thích (nếu có)
<p>hoạt động.</p> <p>Ngoài các yêu cầu về chứng chỉ rừng (xem Hộp A3.3 ở trên), một hệ thống chứng chỉ rừng phải được độc lập, hiệu quả về chi phí, và dựa trên các mục tiêu và tiêu chuẩn có thể đo lường xác định ở cấp quốc gia và tương thích với nguyên tắc quốc tế được công nhận và tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững. Hệ thống phải yêu cầu đánh giá độc lập từ bên thứ ba về quản lý rừng bền vững. Ngoài ra, các tiêu chuẩn của hệ thống phải được phát triển với sự tham gia có ý nghĩa của người dân địa phương và cộng đồng; Những người bản địa; các tổ chức phi chính phủ đại diện cho người tiêu dùng, nhà sản xuất, và người qua tâm đến bảo tồn; và các thành viên khác của xã hội dân sự, bao gồm cả khu vực tư nhân. Các thủ tục ra quyết định của các hệ thống chứng nhận phải được công nhận Ngân hàng có thể tài trợ cho các hoạt động thu hoạch được tiến hành bởi các chủ đất quy mô nhỏ, bởi cộng đồng địa phương quản lý rừng cộng đồng, hoặc bởi các chủ sở hữu theo các thỏa thuận quản lý rừng chung, nếu các hoạt động:</p> <p>a) đã đạt được một tiêu chuẩn quản lý rừng được xây dựng với sự tham gia có ý nghĩa của các cộng đồng bị ảnh hưởng tại địa phương, phù hợp với các nguyên tắc và tiêu chí quản lý rừng có trách nhiệm nêu trong đoạn 10; hoặc</p> <p>b) tuân theo một kế hoạch hành động theo từng giai đoạn thời gian ràng buộc để đạt được một tiêu chuẩn. Kế hoạch hành động phải được phát triển với sự tham gia có ý nghĩa của cộng đồng địa phương bị ảnh hưởng và được chấp nhận từ Ngân hàng</p> <p>Bên vay giám sát tất cả các hoạt động đó với sự tham gia có ý nghĩa của cộng đồng địa phương bị ảnh hưởng.</p>		
<p><i>Hoạt động thu hoạch</i></p> <p>Nếu dự án liên quan tới quá trình thu hoạch được Ngân hàng tài trợ theo <u>OP 4.36, đoạn 9(b) hoặc 12(b)</u>, TT cần đảm bảo rằng dự án gắn với kế hoạch hành động với thời gian cũng như các chỉ số hiệu quả và khung thời gian cần để quản lý rừng phù hợp với tiêu chuẩn theo <u>OP 4.36, đoạn 9-12</u>. TT cần đảm bảo bao gồm kế hoạch hành động với thời gian (và các chỉ số hiệu quả) trong tài liệu thẩm định, mà sẽ được công bố đại chúng theo chính sách công bố của Ngân hàng thế giới.</p>		
<p><i>Phát triển và quản lý rừng dựa vào cộng đồng</i></p> <p>Nếu dự án được thiết kế để hỗ trợ quản lý và phát triển rừng dựa vào cộng đồng, TT phải đảm bảo rằng thiết kế phù hợp của dự án cần quan tâm các điểm sau:</p> <p>a) mức độ mà sinh kế của các cộng đồng địa phương phụ thuộc vào và sử dụng cây dự án và khu vực lân cận,</p> <p>b) thể chế, chính sách, và vấn đề quản lý xung đột liên quan đến trong việc cải thiện sự tham gia của người bản địa và người nghèo trong việc quản lý của rừng trong vùng dự án; và</p> <p>c) Các vấn đề lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp có liên quan đến người dân bản địa và người dân nghèo sống trong hoặc gần rừng trong vùng dự án, cũng như cơ hội để thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ.</p>		

### **(iii) Giảm thiểu đối với Quản lý rừng cộng đồng (CFM)**

13. Báo cáo gần đây<sup>22</sup> khái niệm CFM tại Việt Nam được thừa nhận chính thức trong luật Lâm nghiệp (2004). Với sự hỗ trợ từ các cơ quan quốc tế, các nỗ lực đã được thực hiện để thúc đẩy quá trình CFM ở nhiều tỉnh thí điểm tập trung chủ yếu vào các vấn đề như (a) quá trình giao đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình và các nhóm hộ gia đình (đặc biệt là cho người nghèo dân tộc thiểu số, người có cuộc sống được liên kết chặt chẽ để quản lý rừng truyền thống); (b) việc phân cấp quản lý rừng; và (c) sự phát triển của các cơ chế hỗ trợ người nghèo tham gia vào các nhóm giải pháp quản lý rừng sáng tạo. Thông qua đào tạo và xây dựng năng lực về kỹ thuật và quản lý, các cộng đồng địa phương có thể thực hiện chức năng của mình. Tuy nhiên việc duy trì quá trình CFM đã phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức chủ chốt bao gồm (i) hỗ trợ tài chính không đầy đủ, (ii) Gặp khó khăn với giao đất và các thủ tục hành chính, (iii) Thiếu sự rõ ràng về vai trò của cộng đồng, và (iv) Thiếu năng lực trong việc thúc đẩy sự tham gia của phương pháp tiếp cận để giao rừng, và điều tra rừng cộng đồng và lập kế hoạch. Ngoài ra, các chính sách về chia sẻ lợi ích cho người nhận đất là không rõ ràng trong khi các thủ tục hành chính để thu hoạch trước đây được áp dụng cho lâm trường quốc doanh, là quá phức tạp đối với người dân địa phương trong quản lý rừng cộng đồng. Thêm vào đó, không giống như các cá nhân hoặc công ty, cộng đồng và làng mạc không có địa vị pháp lý và do đó không thể được giao hoặc nhận khoán đất rừng.

14. *Với tính chất nhỏ và có sự tham gia của các hoạt động quản lý rừng cộng đồng, CFM được thực hiện trong dự án FMCR không dự kiến sẽ tạo ra tác động tiêu cực và việc chuẩn bị ESMP không được yêu cầu.* Tuy nhiên, có những lo ngại về tính bền vững của cách tiếp cận này, đặc biệt là khi liên quan đến những người dễ bị tổn thương và/hoặc dân tộc thiểu số.

Vì vậy, để đảm bảo cộng đồng địa phương đạt được quản lý rừng bền vững là một trong những mối quan tâm bảo vệ quan trọng, các tiểu dự án cần làm rõ ràng và hiệu quả các vấn đề của ngành liên quan đến kỹ thuật lâm nghiệp và phương pháp tiếp cận, chính sách lâm nghiệp và quản lý lâm nghiệp mà có thể giải quyết các vấn đề quan trọng như chia sẻ lợi ích, quyền, và các thủ tục hành chính cho thu hoạch và sử dụng nguồn tài nguyên. Nghiên cứu cũng thảo luận về các bài học kinh nghiệm<sup>23</sup> và cung cấp hướng dẫn cho việc đánh giá có sự tham gia quy hoạch rừng, các quy định của địa phương về bảo vệ và phát triển rừng, kết hợp với biện pháp lâm sinh đơn giản mà có thể được áp dụng cho các cộng đồng địa phương cũng như các cơ chế để xác định chia sẻ lợi ích và quyền lợi của cộng đồng và các thủ tục cho việc quản lý và giám sát của CFM phù hợp (xem Hộp A3.4, A3.5, A3.6, và A3.7). *Các hướng dẫn nên được xem xét trong khi thiết kế và lập kế hoạch hoạt động của tiểu dự án.*

15. Cần lưu ý rằng ở miền bắc Việt Nam, hầu hết các khu rừng ngập mặn có hiện trạng được bảo vệ đang thuộc sở hữu của các đơn vị nhà nước quản lý (ví dụ BQL rừng, UBND xã,) và không được giao cho các hộ gia đình và cá nhân. Mục đích chính của rừng ngập mặn là khả năng cung cấp một dịch vụ tổng hợp giúp các cộng đồng ven biển chống bão. Người dân thường không

---

<sup>22</sup>Tham khảo: Quản lý rừng cộng đồng (CFM) tại Việt Nam : Quản lý rừng bền vững và chia sẻ lợi ích, bởi Bao Huy, Phòng tài nguyên rừng và Môi trường, Đại học Tây Nguyên, Việt Nam.

<sup>23</sup>Bài học từ Dự án Phát triển rừng Sông Đà (SFDP) tại tỉnh Sơn La, kinh nghiệm từ hoạt động tư vấn dự án Hỗ trợ nhân rộng và tập huấn (ESTP) tại Hòa Bình, Thừa Thiên Huế và Đắk Nông, và Dự án Phát triển nông nghiệp tỉnh Dak Lak (nâng cao năng lực, khởi động và thực hiện các mô hình thí điểm CFM), và kinh nghiệm từ nguồn vốn nghiên cứu thiết lập mô hình CFM tỉnh Gia Lai.

có quyền sử dụng và chỉ có một số lượng nhỏ của các cá nhân được hưởng lợi từ hợp đồng trồng hoặc bảo vệ rừng ngập mặn.

Hộp A3.4 Một số Hướng dẫn cho CFM	Hình1: Các bước chính trong CFM
<p>Phương pháp luận cho các nội dung như xây dựng các phương pháp và cách tiếp cận có sự tham gia đối với giao đất lâm nghiệp, đánh giá rừng, xây dựng các kế hoạch quản lý rừng, thiết kế các quy định về bảo vệ rừng và xây dựng các hướng dẫn lâm sinh cơ bản. Năm bước chính gồm (xem Hình 1):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• (Bước 1) Cộng đồng xây dựng một Kế hoạch quản lý rừng 5 năm, tính toán nhu cầu của cộng đồng, nhu cầu trong cộng đồng cũng như nhu cầu thương mại, và khả năng đáp ứng các nhu cầu này của nguồn tài nguyên rừng của họ;</li> <li>• (Bước 2) Xây dựng các quy chế bảo vệ rừng địa phương theo khung pháp lý hiện có;</li> <li>• (Bước 3) Xây dựng kế hoạch quản lý rừng phù hợp với các phương pháp lâm sinh được lựa chọn, lưu ý đến phong tục tập quán và liên hệ với nhu cầu xây dựng và cơ chế giám sát và chi phí; và</li> <li>• (Bước 4) Thực hiện kế hoạch trên tầm cả cơ chế giám sát và báo cáo</li> <li>• Tính hiệu quả về chi phí của hệ thống CFM đóng vai trò cực kỳ quan trọng đối với tính bền vững của nó.</li> </ul>	
Hộp A3.5: Kỹ thuật lâm nghiệp và các phương pháp tiếp cận đối với CFM	Các bước chính bao gồm
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Để hỗ trợ việc thực hiện CFM, các hướng dẫn đã được xây dựng cho việc đánh giá và lập kế hoạch lâm nghiệp có sự tham gia, xây dựng các quy định địa phương về bảo vệ và phát triển rừng, và các kỹ thuật lâm sinh cơ bản (SFDP Sông Đà 2002, ETSP/Helvetas 2005, RDL/GFA 2005-2006). Với những hướng dẫn này, các phương pháp tiếp cận có sự tham gia đã được xây dựng nhằm : tăng cường sự tham gia trong quá trình ra quyết định khi xây dựng và thực hiện các kế hoạch quản lý rừng, các quy định bảo vệ và phát triển rừng. Việc này lại hỗ trợ cộng đồng trong việc cải thiện hoạt động quản lý tài nguyên rừng của cộng đồng đó.</li> <li>• <b>Xác định vai trò của cán bộ kỹ thuật</b> trong CFM là thúc đẩy và hỗ trợ cộng đồng trong các bước của quy trình CFM, như cung cấp thông tin về thay đổi các chính sách lâm nghiệp và các công nghệ lâm sinh mới và phù hợp.</li> <li>• <b>Xác định vai trò và trách nhiệm của các thành viên cộng đồng</b> trong các hệ thống tổ chức CFM</li> <li>• <b>Xây dựng lực trong sử dụng các phương pháp và công cụ đơn giản</b> (các cộng đồng khác nhau về năng lực quản lý, trình độ giáo dục, và kinh nghiệm trong</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Đánh giá rừng có sự tham gia:</b> Sử dụng một phương pháp luận đơn giản nhưng hiệu quả để nắm bắt được các thông tin cơ sở cần thiết để xây dựng một kế hoạch quản lý cho từng lô rừng. Việc này bao gồm các hoạt động như phân lô, dán nhãn, tính toán diện tích, mô tả lô rừng và điều tra rừng có sự tham gia. <i>Cần sử dụng mô hình quản lý rừng bền vững làm công cụ cho quản lý rừng.</i></li> <li>• <b>Đánh giá khả năng cung ứng và nhu cầu gỗ của cộng đồng:</b> Nhằm cung cấp gỗ để đáp ứng các nhu cầu lâu dài của cộng đồng bằng cách khai thác bền vững các nguồn tài nguyên rừng của họ. “Đánh giá nhu cầu gỗ” có thể là một phần quan trọng trong quá trình quản lý. Khả năng có các tài nguyên rừng để đáp ứng các nhu cầu này sau đó được đánh giá trong các cơ chế QL rừng bền vững.</li> <li>• <b>Xây dựng các kế hoạch quản lý rừng:</b> Xây dựng một kế hoạch quản lý rừng 5 năm, gồm các khu vực bị suy thoái hoặc mất rừng cung cấp một ít, nếu có thể, các lâm sản trong thời gian ngắn. Kế hoạch này dựa trên hiện trạng rừng, nhu cầu cộng đồng và các nguồn lực về tài chính và con người mà cộng đồng có tại thời điểm giao.</li> <li>• <b>Xây dựng các quy định về bảo vệ và phát triển rừng</b></li> </ul>

<p>quản lý rừng tự nhiên)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Thúc đẩy quy trình học hỏi chung.</b> CFM là một phương pháp tiếp cận mới ở Việt Nam, phương pháp luận còn phải tiếp tục xây dựng và cải tiến, và không có một mô hình nào có thể áp dụng cho mọi tình huống. Do vậy, sẽ thực tế và đúng đắn hơn nếu tiếp cận CFM như một quá trình học hỏi hơn vào thời điểm này.</li> <li>• Thông qua việc xây dựng các phương pháp luận mới và chia sẻ kinh nghiệm, sẽ khuyến khích một cách tiếp cận hiệu quả và linh hoạt hơn phù hợp với mọi điều kiện.</li> </ul>	<p>(FPDR: Xây dựng các quy định dựa trên kiến thức truyền thống, đồng thời công nhận các quy định hiện tại của chính phủ về bảo vệ và phát triển rừng. Quy trình này sẽ đem lại cơ hội tốt nhất để tiếp tục có được sự tham gia của cộng đồng trong việc thực hiện các quy định trên. Chỉ khi các cộng đồng xây dựng được các quy định thì mới có đủ động lực và sự khích lệ để áp dụng các quy ước “đã được thống nhất”.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Xây dựng các hướng dẫn lâm sinh phù hợp:</b> Có sự khác biệt quan trọng giữa các kỹ thuật lâm sinh thông thường được áp dụng bởi các Công ty lâm nghiệp nhà nước và các cộng ty lâm nghiệp, so với những kỹ thuật được xây dựng và sử dụng trong CFM. Các kỹ thuật lâm sinh được áp dụng trong CFM nhằm mục đích đáp ứng các nhu cầu của hộ dân, gồm các mục đích thương mại trên cơ sở thường xuyên và bền vững. Thông thường hoạt động khai thác của cộng đồng được thực hiện bằng các công cụ thủ công và được coi là “khai thác tác động thấp”. Do đó, các kỹ thuật lâm sinh cộng đồng cần đáp ứng một cách phù hợp với tài nguyên và kiến thức địa phương. Các quy tắc cụ thể về vấn đề này đã được xây dựng.</li> </ul>
--	---

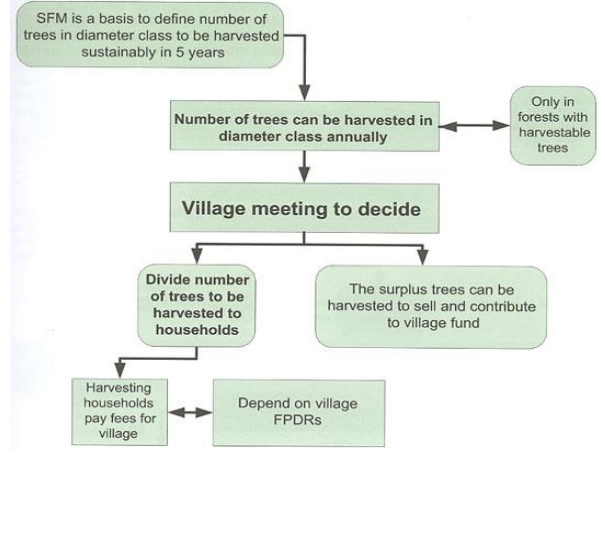
#### Hộp A3.6 Chính sách CFM

- **Thiết lập các cơ chế chia sẻ lợi ích trong CFM:** Hệ thống sử dụng sinh trưởng gia tăng sau khi giao rừng để quyết định các chương trình khai thác công bằng có vẻ như là một hệ thống công bằng. Hệ thống khai thác truyền thống sinh trưởng dựa vào khối lượng không có tính thực tế, do thiếu các quy chuẩn về dữ liệu cho các loại rừng, điều kiện đất đai, khí hậu và rừng cần để xây dựng mô hình tăng trưởng. Kết quả là, việc sử dụng hệ thống QL rừng bền vững để xác định các chiến lược khai thác và chia sẻ lợi ích là phương án được ưu chuộng hơn. QL rừng bền vững là công cụ xác định sinh trưởng của rừng và chia sẻ lợi ích. Kế hoạch chia sẻ lợi ích được xác định dựa trên giới hạn khai thác được xác định dựa vào phần trăm sinh trưởng đường kính của cây trong 5 năm, bất kể sự khác biệt về tình trạng rừng giữa các lô rừng. Trên cơ sở đó, cộng đồng có thể xây dựng một kế hoạch khai thác 5 năm bền vững phù hợp trong lô rừng.
- **Cơ chế được đề xuất cho việc chia sẻ lợi ích giữa những người sử dụng rừng:** Để quản lý rừng cộng đồng được thực hiện bởi các xã và thôn bản mà không có sự hỗ trợ tài chính từ bên ngoài, việc chia sẻ lợi ích phải đảm bảo công bằng và minh bạch. Quản lý rừng cộng đồng được coi là một dạng phát triển sinh kế hay xóa nghèo của lâm nghiệp, và thu nhập tạo ra từ bán gỗ và lâm sản ngoài gỗ có thể được sử dụng vì lợi ích chung của cộng đồng và như là một dạng đền bù trực tiếp hay thu nhập cho các cộng đồng. Dựa vào dữ liệu sinh trưởng trong 5 năm, có thể tính toán lợi ích cho từng giai đoạn trong bản kế hoạch CFM 5 năm này. So sánh với số cây thực tế ở mỗi lô rừng với các hướng dẫn QL rừng bền vững, cộng đồng có thể tính toán được cây nào có thể khai thác. QL rừng bền vững do đó được sử dụng để kiểm soát việc quyết định tỷ lệ khai thác và lợi ích sẽ phải chia sẻ.
- **Các cơ chế chia sẻ lợi ích cho các mục đích của hộ gia đình (xem Hình 2):** BQL rừng thôn bản tổ chức một cuộc họp thông để quyết định những vấn đề sau: (i) Số lượng hộ gia đình có thể khai thác hàng năm phục vụ cho nhu cầu riêng của hộ gia đình; (ii) số lượng hộ gia đình phải chi trả một phần phí cho quỹ thôn phục vụ cho hoạt động quản lý rừng thôn bản đã được thống nhất trong Quy định Bảo vệ và Phát triển rừng thôn bản và (iii) số lượng cây thừa (nếu có) có thể khai thác để góp vào quỹ thôn để quản lý rừng.
- **Cơ chế chia sẻ lợi ích cho các mục đích thương mại:** Các cây khai thác hàng năm được bán đi và lợi ích được chi sẻ như sau (xem Hình 3): Trước hết, phải chi trả thuế tài nguyên thiên nhiên. Số này thông thường khoảng từ 15-4-% phục thuộc vào nhóm gỗ và các quy định về đường kính. Thuế trả này sẽ được chuyển cho xã để quản lý rừng, hoặc để đầu tư và phát triển đất trồng hoặc các lô rừng bị suy thoái hơn; thứ hai là, trừ đi tất cả các chi phí

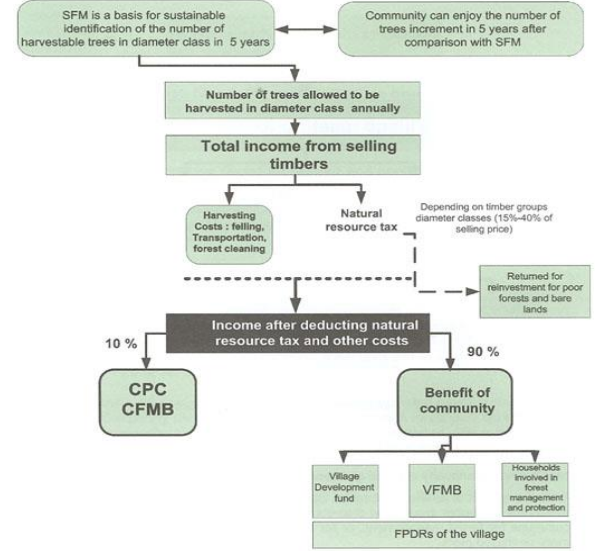
khai thác như đốn cây, vận chuyển và dọn rừng; Thứ ba, sau khi trừ số thanh toán thuế TNTN và chi phí khai thác, 10% thu nhập còn lại được giao cho UBND xã làm chi phí quản lý rừng và trợ cấp cho BQL rừng xã; và cuối cùng, phần còn lại được chia sẻ trong BQL rừng thôn bản, thành lập quỹ thôn và các hộ gia đình tham gia vào CFM.

- Cơ chế chia sẻ lợi ích dựa vào FPDR của thôn được cả thôn nhất trí và chính quyền địa phương phê duyệt. Các cơ chế chia sẻ lợi ích phù hợp với các kỹ thuật lâm sinh và chính sách giao đất lâm nghiệp, trong đó các chủ rừng có thể tạo thu nhập từ sinh trưởng tăng. Phương pháp tiếp cận của QL rừng bền vững là mảnh mẽ và thiết thực ở cấp cộng đồng; tuy nhiên, để hưởng lợi một cách đầy đủ từ CFM, người sử dụng rừng vẫn cần hiểu rõ hơn về thị trường và các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động khai thác.

Hình 2: Chia sẻ lợi ích cho các mục đích trong gia đình hộ



Hình 3: Chia sẻ lợi ích cho các mục đích thương mại

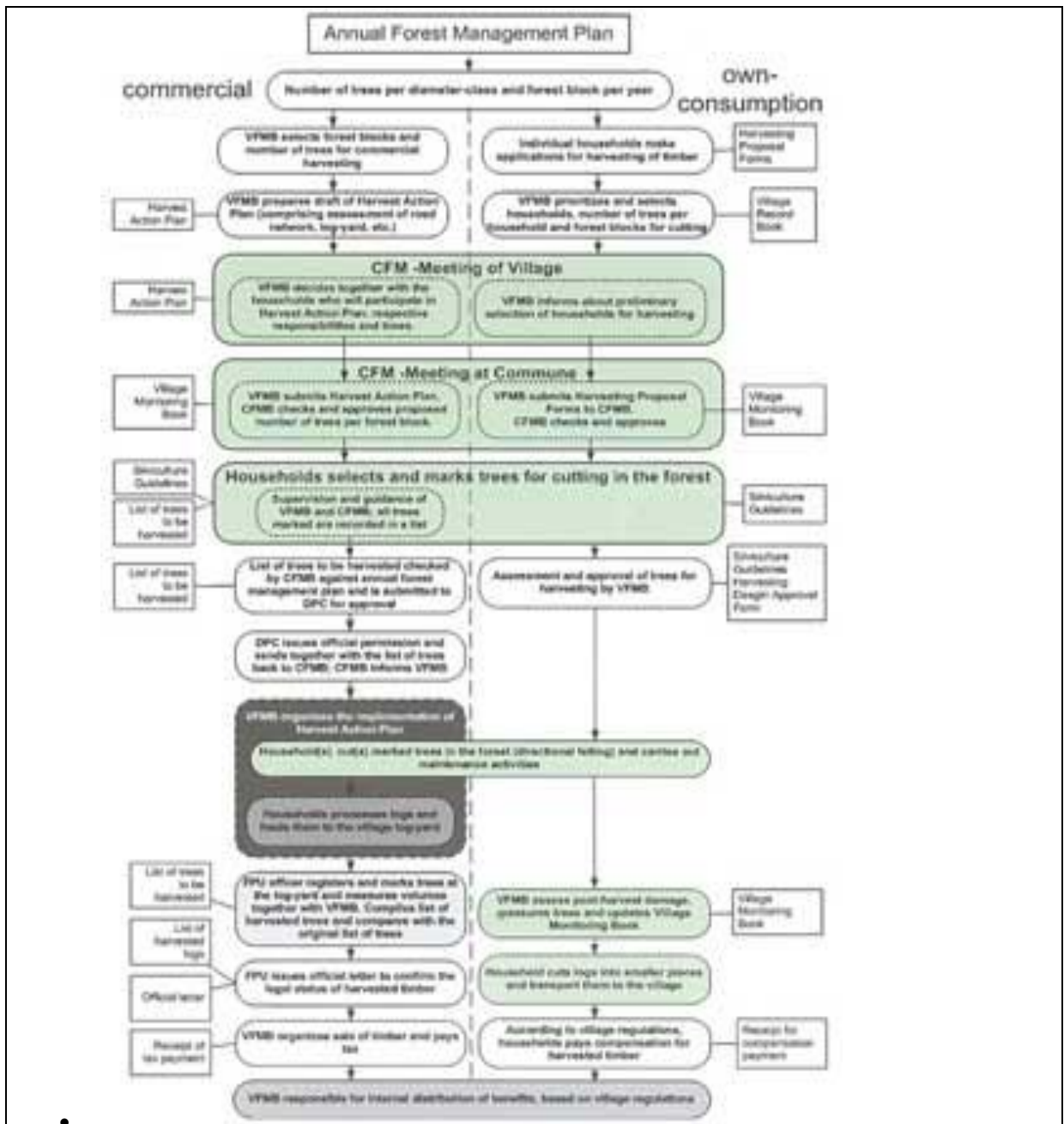


**Hộp A3.7 Quản trị rừng cho CFM**

- Các khái niệm, phương pháp và công cụ của CFM vẫn còn tương đối mới đối với các cơ quan và cán bộ lâm nghiệp tại Việt Nam. Do đó, việc quan trọng là thiết lập được một hệ thống quản lý và giám sát thực hiện các kế hoạch CFM, đặc biệt là cho các hoạt động khai thác. Hệ thống quản lý và giám sát này cần được thiết kế theo năng lực cộng đồng, với trọng tâm là cải thiện tính tự lực và giám sát.
- Trong hệ thống này, vai trò và nhiệm vụ của các chính quyền địa phương và các bên liên quan khác tham gia vào tiến trình CFM cần được làm rõ nhằm hỗ trợ tốt nhất cho quá trình này. Để làm được việc này, Nhóm công tác quốc gia về CFM hiện đang xây dựng một hệ thống quản lý và các hướng dẫn CFM. Về mặt nguyên tắc, một hệ thống quản lý mới sẽ khuyến khích quá trình ra quyết định đã được phân cấp và thúc đẩy hoạt động giám sát ở cấp cộng đồng. Cần tăng cường mối liên hệ giữa cấp cộng đồng và cấp huyện và giảm các quy trình phức tạp cho cộng đồng gây cản trở khả năng quản lý và giám sát hiệu quả nguồn tài nguyên rừng của họ.
- Hệ thống giám sát này cần rõ ràng giữa hai loại khai thác gỗ: (i) khai thác vì mục đích tiêu dùng trong gia đình và (ii) khai thác vì mục đích thương mại
- Các thủ tục hành chính được đề xuất cho CFM được trình bày trong Hình 4 và Bảng 1 dưới đây, và đã được thí điểm tại thôn T'Li thông qua dự án RDDDL Đắc Lắc. Các bước thủ tục chính của CFM tương đối đơn giản so với các biện pháp truyền thống hiện được áp dụng cho các hoạt động của Công ty lâm nghiệp nhà nước (SFE).

Hình 4: Các thủ tục hành chính lâm nghiệp để khai thác gỗ cho tiêu dùng trong gia đình và các mục đích thương mại





**Bảng 1: Các thủ tục hành chính và kỹ thuật đã được đơn giản hóa để phê duyệt kế hoạch và thực hiện SFM (Nguồn: RDDDL 2006)**

Thủ tục	Mô tả	Phê duyệt	So với PP cũ của SFE
Phê duyệt kế hoạch quản lý 5 năm	Bản kế hoạch quản lý rừng 5 năm được phê duyệt này do cộng đồng xây dựng	UBND xã; UBND huyện	Do công ty chuyên nghiệp xây dựng và Sở NN và PTNT phê duyệt
Lập kế hoạch và phê duyệt quản lý rừng hàng năm	Cộng đồng xây dựng kế hoạch quản lý rừng hàng năm được xây dựng dựa trên kế hoạch 5 năm	UBND tỉnh	Công ty LN nhà nước xây dựng và Sở NN và PTNT phê duyệt
Lựa chọn và đánh dấu cây	Nông dân chọn cây và đánh dấu trong rừng bằng cách sơn số thứ tự màu đỏ		Chi cục lâm nghiệp hoặc một công ty chuyên nghiệp đánh

			<i>dấu cây sẽ bị đốn hạ</i>
Ban hành hạn chế khai thác gỗ	BQL rừng thôn bản trình danh sách các cây được đánh dấu để xin giới hạn khai thác	UBND huyện	<i>Sở NN và PTNT, UBND tỉnh phê duyệt</i>
Giám sát sau khai thác	Giám sát các cây bị đốn hạ, vị trí, dọn rừng, tình trạng rừng sau khai thác, etc. theo các hướng dẫn lâm sinh của BQL rừng thôn bản và BQL rừng cộng đồng		<i>Chi cục kiểm lâm, Sở NN và PTNT giám sát</i>
Danh mục khối lượng gỗ tại nơi tập kết; hợp pháp hóa bằng cách đóng dấu tại nơi tập kết gỗ	Nông dân chuẩn bị một danh mục các loại gỗ; đóng dấu của Chi cục kiểm lâm và làm biên bản	Chi cục kiểm lâm	<i>Người dân trong thôn phải tuân thủ các thủ tục tương tự như Công ty LN nhà nước để đảm bảo rằng gỗ của họ có hồ sơ hợp pháp để đem bán</i>
Bán gỗ tại nơi tập kết để giao gỗ	Tổ chức đấu giá hoặc hình thức bán khác do cộng đồng lựa chọn		<i>Do Công ty LN nhà nước tổ chức</i>
Chia sẻ lợi ích; quản lý quỹ thôn bản	Sau khi trừ đi thuế tài nguyên thiên nhiên và các chi phí khai thác thực tế, chia sẻ 10% cho UBND xã, phần còn lại được phân chia theo các Quy định Phát triển và Bảo vệ Rừng		<i>Không có lợi ích cho các cộng đồng</i>

**(iv) Giảm thiểu thông qua Xây dựng, Nâng cấp, và/hoặc Cải tạo Cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ**

16. Nói chung, các tác động tiêu cực trước khi xây dựng, trong khi xây dựng, nâng cấp và/hoặc cải tạo cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ sẽ được thực hiện trong dự án FMCRRP sẽ gây ra ô nhiễm không khí, tiếng ồn, rung lắc, ô nhiễm nguồn nước, rác thải và ùn tắc giao thông gồm cả tăng rủi ro đối với người dân và cộng đồng cũng như các tác động khác phụ thuộc vào địa điểm, loại hoạt động và các yếu tố khác. CPMU và PPMU sẽ đảm bảo rằng Kế hoạch Quản lý Môi trường và Xã hội tuân thủ các điều kiện được đề cập trong các nguyên tắc cơ bản được mô tả ở trên (Phụ lục 3 (a)). Các biện pháp giảm thiểu được miêu tả trong ECOP cũng như các yêu cầu cụ thể cho từng điểm thực hiện dự án sẽ được đưa vào các hồ sơ đấu thầu và hợp đồng. Chủ đầu tư dự án phải phân công tư vấn giám sát xây dựng (CSC) giám sát việc thực hiện của nhà thầu theo những quy định này hàng ngày và đưa các kết quả vào báo cáo tiến độ tiểu dự án. CPMU và NHTG sẽ thực hiện giám sát định kỳ và đưa kết quả vào báo cáo tiến độ dự án và/hoặc báo cáo giám sát chính sách đảm bảo an toàn.

17. **Để giảm thiểu các tác động của việc xây dựng nói chung**, sẽ cân nhắc những biện pháp sau đây:

- Áp dụng ECOP và đưa vào hợp đồng tư vấn và đảm bảo rằng nhà thầu hiểu rõ cam kết này và đây là một phần chi phí của tiểu dự án. Một bản ECOP chung được trình bày trong Phụ lục 4. Đối với mọi công trình xây lắp nhỏ, có thể áp dụng một ECOP đã được đơn giản hóa (Phụ lục 4 (b)). ECOP mô tả quy mô của các vấn đề phải được giải quyết bởi ECOP, các quy định của CP Việt Nam sẽ được áp dụng, các yêu cầu giám sát và báo cáo và các biện pháp giảm thiểu được đề xuất.
- Đảm bảo rằng các nhà thầu áp dụng các thực hành xây dựng tốt và/hoặc ECOP bao gồm triển khai và duy trì hoạt động tham vấn chặt chẽ với chính quyền và cộng đồng địa phương trong quá trình xây dựng.
- Đảm bảo sự giám sát chặt chẽ của các kỹ sư hiện trường và/hoặc cán bộ môi trường.



**(v) Giảm nhẹ các tác động cụ thể tại từng điểm thực hiện dự án**

18. Các tác động cụ thể của điểm thực hiện dự án có thể gây ra các xung đột tiềm ẩn giữa người dân địa phương và cần phải được cân nhắc trong mối liên hệ với các hoạt động ở hiện tại và tương lai khác ở các khu vực xung quanh. Các tác động do tái định cư, thu hồi đất đai, và/hoặc người dân tộc thiểu số, các rủi ro UXO được coi là các tác động cụ thể của điểm thực hiện dự án và sẽ thực hiện giảm nhẹ trong quá trình chuẩn bị và thực hiện KHHĐ tái định cư và KH phát triển DTTS. Do các tác động cụ thể tại từng điểm dự án có thể gây ra cả tác động tích cực và tiêu cực đến tiểu dự án và các khu vực gần đó phụ thuộc vào vị trí và loại/quy mô của các hoạt động tiểu dự án, tất cả các tác động khác cụ thể của điểm thực hiện dự án và các biện pháp giảm nhẹ sẽ được xác định trong quá trình chuẩn bị KH quản lý môi trường và xã hội cho các tiểu dự án.

19. Để tránh và/hoặc giảm thiểu các tác động không mong muốn tiềm ẩn, cần cân nhắc những yếu tố sau:

- **Tác động của bờ kè mềm:** Thiết kế của bờ kè mềm để tạo bãi bồi phục vụ cho trồng rừng cần tuân thủ các tiêu chí sau đây:
  - Chỉ thực hiện tại các vị trí có phần bờ biển tương đối hẹp, độ dốc đáy nhỏ, địa hình đáy đơn giản, tiến trình bồi lắng chiếm ưu thế.
  - Đảm bảo các quá trình trao đổi vật liệu và năng lượng một cách tự nhiên. Độ cao của đê mềm được thiết kế không được cao hơn mức thủy triều trung bình của các khu vực được đề xuất;
  - Đảm bảo rằng đê mềm không cắt ngang qua kênh mương và xa cửa sông, sử dụng các vật liệu thân thiện với môi trường.
  - Xây dựng hàng rào tre chữ T, chiều dài mỗi đầu là 100 m. Mỗi hàng rào tre gồm 3 đơn vị đặt so le nhau. Các đơn vị này được thiết kế thẳng góc với hướng sóng. Chiều cao của bờ kè mềm tính từ chân kè nhỏ hơn 1.5m; chiều cao cọc cao hơn 2m. Khoảng cách giữa các đơn vị là 25m. Cấu trúc của bờ kè mềm gồm 2 hàng cọc. Có các lớp tre giữa 2 hàng cọc. Số lượng cọc là 10-15 cái, dài 1m phụ thuộc vào mức năng lực sóng và xói lở. Chiều rộng của hàng rào tre là 0.4m.
  - Thiết kế bờ kè mềm phải đảm bảo không chắn ngang và cách xa dòng chảy và nhánh sông quá 100m. Bờ kè mềm sẽ được xây ở những khu vực trước đây có rừng nhưng đã bị xói lở do tác động của sóng và dòng chảy dọc bờ biển.
- **An toàn của người vận chuyển bằng tàu ở địa phương.** Công trình cứng trên mặt nước và/hoặc dưới nước có thể gây ra tác động nghiêm trọng đến cộng đồng địa phương sử dụng tàu và/hoặc có các hoạt động dọc theo bờ biển. Đối với tiểu dự án liên quan đến các công trình cứng và mềm được xây để giảm lực của sóng biển, khi thiết kế chi tiết cần cố gắng đảm bảo rằng công trình sẽ không gây ra những rủi ro về an toàn đối với các tàu nhỏ và/hoặc các hoạt động khác tại địa phương trong vùng thực hiện tiểu dự án và các khu vực lân cận. Trong quá trình xây dựng và vận hành, sẽ có các biện pháp an toàn (biển báo, phao, đèn, v.v) và hoạt động toàn thời gian tại khu vực mà các cộng đồng địa phương có hoạt động.
- **Các tác động đối với vận chuyển phù sa và nước ven biển** Việc xây dựng và/hoặc sự hiện diện của các công trình vật chất cứng và mềm dọc bờ biển có thể thay đổi sự di chuyển của nước và phù sa dọc theo đường bờ biển và ảnh hưởng đến việc sử dụng nước và đất ở khu vực lân cận. Giám sát chất lượng nước (sinh học, hóa học, vật lý) và phù sa tại các khu vực của tiểu dự án và vùng lân cận (thượng nguồn và hạ lưu) sẽ được thực hiện. Cũng sẽ phải tiến hành tham

vấn đầy đủ với chính quyền và các cộng đồng địa phương trong quá trình xây dựng và hoàn thiện KH Quản lý Môi trường và Xã hội của tiểu dự án đó. Cần phải coi kế hoạch là một kế hoạch thích ứng có thể điều chỉnh trong quá trình tham vấn với các bên liên quan chủ chốt. Do tính phức tạp của mạng lưới nước (sông, kênh mương và sử dụng nước), người sử dụng nước và các chế độ nước (nước ngọt, nước lợi, nước mặn, lụt và hạn hán) tại đồng bằng sông Hồng (hiện tại và tương lai), cần lưu ý đúng mực đến việc đánh giá và giảm thiểu các tác động không mong muốn tiềm ẩn của các khu vực thực hiện tiểu dự án tại Quảng Ninh và Hải Phòng.

### ***Phụ lục 3(c). Hướng dẫn Giải quyết các vấn đề chính sách đảm bảo an toàn trong Hợp phần 3***

1. Theo nghiên cứu tiền khả thi (bản dự thảo tháng 12 năm 2016), *Hợp phần 3* đã được thiết kế để giảm sự phụ thuộc và thu nhập từ rừng của người dân địa phương và thúc đẩy quản lý dựa vào cộng đồng thông qua các gói đầu tư (trên cơ sở tình nguyện và cạnh tranh) cho các hộ gia đình hoặc các nhóm cộng đồng để phát triển sinh kế (như nông lâm kết hợp, đồng quản lý du lịch sinh thái rừng – thủy sản, nông nghiệp thông minh và/hoặc các hệ thống nuôi trồng thủy sản, xây dựng thương hiệu – thị trường, hỗ trợ tăng giá trị sản phẩm, quỹ phát triển xã/thôn bản, v.v) cũng như xây dựng quy mô nhỏ, nâng cấp, và/hoặc sửa chữa các cơ sở hạ tầng sản xuất quy mô nhỏ (chi phí không quá 15 tỷ VNĐ/công trình) và các dịch vụ (như cải tạo cơ sở hạ tầng để phát triển nuôi trồng thủy sản sinh thái và/hoặc sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; xây dựng nhà/trung tâm đào tạo cộng đồng, nơi tránh trú, kho lạnh để bảo quản thủy sản, hoặc đường làng để đi lại hàng ngày cho người dân địa phương, biển báo, v.v) tại các khu vực tiểu dự án được lựa chọn. Sau khi đề xuất được phê duyệt, người nhận các gói đầu tư của hợp phần này sẽ là chủ tiểu dự án và sẽ có trách nhiệm chuẩn bị các hướng dẫn chính sách đảm bảo an toàn (KH Quản lý Môi trường và Xã hội, Kế hoạch hành động tái định cư, và/hoặc KH Phát triển DTTS) nếu cần thiết và thực hiện các hướng dẫn này một cách hiệu quả. Các tiêu chí lựa chọn hiện nay sẽ được đưa vào Sổ tay thực hiện dự án (PIM) và dự kiến đề xuất liên quan đến KH hành động tái định cư sẽ không được tài trợ.

2. BQL dự án trung ương (CPMU) sẽ hỗ trợ (huy động một chuyên gia tư vấn) tỉnh xây dựng các mô hình sinh kế kết nối với rừng, các điều tra và xây dựng và các kế hoạch đầu tư phát triển sinh kế, xây dựng các mô hình gắn với chuỗi giá trị và tạo thị trường ổn định cho các sản phẩm canh tác và khai thác. Dự án cũng sẽ cung cấp Hỗ trợ kỹ thuật (TA) cho các BQL dự án tỉnh (PPMUs)/CPMU trong quá trình xem xét, phê duyệt và giám sát thực hiện các đề xuất do các hộ gia đình, nhóm hộ, và/hoặc chính quyền địa phương và đối tác của họ nộp lên trong quá trình thực hiện dự án xin tài trợ từ dự án FMCRP. Các PPMU sẽ chịu trách nhiệm lựa chọn và giám sát các tư vấn và nhà thầu cần để thúc đẩy thực hiện hiệu quả các mô hình sinh kế, thiết kế và xây dựng cơ sở hạ tầng được lựa chọn.

3. Các hướng dẫn cụ thể được đưa ra trong phần này chỉ tập trung vào các hoạt động phù hợp mà có thể được thực hiện trong hợp phần này (ví dụ như Cải tiến nuôi trồng thủy sản quảng canh (67 gói); Canh tác thủy sản thâm canh thông minh thích ứng biến đổi khí hậu (30); sản xuất chăn nuôi (120); và du lịch sinh thái (13)). Tuy nhiên, các chuyên gia của NHTG có thể sẽ bổ sung thêm các hướng dẫn và/hoặc yêu cầu khi có các vấn đề không lường trước được trong quá trình thực hiện. Các phần dưới đây là hướng dẫn về các tác động tiềm ẩn và việc giảm nhẹ của các mô hình sinh kế mà có thể được dự án FMCRP chấp nhận gồm các biện pháp để (i) cải tiến canh tác quảng canh, (ii) nuôi trồng thủy sản quảng canh thông minh thích ứng biến đổi khí hậu, (iii) đa dạng hóa nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản; (iv) phát triển du lịch sinh thái; (v) thực hiện cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ; (vi) các tác động khác; và (v) sử dụng thuốc trừ sâu và/hoặc các hóa chất độc

hại. Những hướng dẫn này sẽ được cập nhật trong quá trình chuẩn bị KH Quản lý Môi trường và Xã hội của tiểu dự án khi phát hiện thấy các tác động ở mức trung bình và/hoặc lớn.

**(i) Các biện pháp để cải tiến nuôi trồng thủy sản quảng canh**

4. Những khu vực đất có diện tích lớn để nuôi tôm thâm canh và bán thâm canh có thể dẫn tới việc làm mất đi các khu cư trú tự nhiên do chuyển đổi rừng ngập mặn và đất ngập nước thành ao tôm trong khi đầu tư vào công trình kiểm soát nước quy mô lớn lại có thể gây ra xung đột lợi ích và quản lý nước không linh hoạt khi những người nông dân trồng lúa tại địa phương cố gắng tạo thu nhập từ việc chuyển ruộng lúa thành ao tôm. Tiểu dự án có thể muốn thúc đẩy hoạt động canh tác kết hợp lúa tôm và nuôi tôm dưới rừng ngập mặn, hình thức canh tác được coi là bền vững về môi trường do sản xuất quảng canh và sử dụng ít hóa chất nông nghiệp hơn (như phân bón, kháng sinh) và có thể giúp phục hồi các khu vực rừng ngập mặn. Những quan ngại về mặt môi trường như nước thải từ các đầm tôm, xử lý cặn lắng trong các đầm tôm vào kênh mương và sông ngòi phải được kiểm soát. Áp dụng mô hình lúa tôm bền vững áp dụng tiêu chuẩn VietGap để xây dựng các hướng dẫn vận hành cho các hệ thống quản lý nước tại khu vực tiểu dự án sẽ giúp canh tác tôm bền vững hơn ở khu vực cửa sông và vùng bán đảo.

5. Tuy nhiên, có một số vấn đề về môi trường liên quan đến các hệ thống canh tác lúa – tôm hiện nay. Trước hết, phương pháp nuôi tôm hiện nay phụ thuộc nhiều vào sự trao đổi nước dẫn đến tích tụ nhiều cặn lắng trong đầm tôm về lâu dài. Theo như được báo cáo, nhiều nông dân đã đổ cặn lắng này vào các kênh mương hoặc sông gần đó, việc này sẽ dẫn tới những tác động tiêu cực về mặt môi trường. Ngoài ra, việc đưa vào các loài ngoại lai gần đây và hình thức nuôi tôm thâm canh hơn có thể cũng dẫn đến tăng tình trạng ô nhiễm từ nước thải từ nuôi tôm.

6. Hiện đang có những nỗ lực tại đồng bằng sông Cửu Long để tìm cách góp phần cải thiện thực hành quản lý nước hiện nay đối với nuôi tôm, cụ thể trong các khía cạnh sau đây: (a) xây dựng một điều tra phân loại cho các đầm tôm hiện có; (b) phân tích hiện trạng sử dụng thuốc trừ sâu và thuốc kháng sinh; (c) xác định các khu vực có những vấn đề môi trường nghiêm trọng; và (d) xây dựng và phổ biến các thực hành tốt nhất. Phải có hệ thống xử lý nước thải trong nuôi trồng thủy sản và nuôi tôm để giảm ô nhiễm nước bề mặt. Nước ngầm ngày càng được sử dụng nhiều như là nguồn bổ sung nước ngọt để kiểm soát độ mặn trong nuôi tôm và đa dạng hóa sản xuất rau màu (cả trong các khu vực trồng lúa và nuôi tôm). Sự chuyển đổi sang nuôi tôm bền vững sẽ giảm khai thác nước ngầm. PPMU và các tư vấn cần cân nhắc những phát hiện này trong quá trình xem xét các đề xuất hỗ trợ đầu tư.

**(iii) Các biện pháp Nuôi trồng thủy sản thông minh thích ứng BĐKH**

7. Tại đồng bằng sông Cửu Long (vùng cửa sông và bán đảo) đang có những nỗ lực để phát triển các mô hình sinh kế bằng nuôi trồng thủy sản sinh thái bằng cách hỗ trợ người dân chuyển đổi (ở những nơi phù hợp) sang các hoạt động bền vững trên nước lợ như nuôi tôm trong rừng ngập mặn, mô hình lúa-tôm và các hoạt động khác và thực hiện nông nghiệp thông minh thích ứng BĐKH bằng cách tăng hiệu quả sử dụng nước vào mùa khô. Các chương trình sinh kế có vai trò rất quan trọng ở khu vực cửa sông đồng bằng và các tỉnh ven biển do các hộ dân trong khu vực giao giữa vùng nước ngọt và nước lợ có thu nhập thấp hơn những người ở các khu vực khác. Sinh kế của người dân ở vùng cửa sông dễ bị tổn thương hơn trước tình trạng thiếu nước ngọt từ thượng nguồn, xâm nhập mặn từ cửa sông và hoặc các khu nuôi tôm lân cận và thiếu nước ngọt do mùa khô cực đoan.

8. Đem lại sinh kế và các biện pháp hỗ trợ cho người dân thích ứng với xâm nhập mặn và chuyển đổi canh tác thủy sản nước lợ là một hình thức khuyến khích quan trọng. Vấn đề xâm nhập mặn ở các vùng cửa sông đã gây ra thiệt hại sản xuất lúa và nông nghiệp giá trị cao. Việc chuyển đổi sang nông nghiệp giá trị cao sẽ đem lại nhiều lợi ích xã hội cho các cộng đồng và hộ gia

đình tại địa phương tham gia vào mô hình sinh kế. Việc xây dựng cơ sở hạ tầng kiểm soát mặn trước đây không linh hoạt và khóa người nông dân vào các lộ trình phát triển, đặc biệt là người nghèo và/hoặc nông dân DTTS, những người không có kiến thức và nguồn lực tài chính. Điều quan trọng là hỗ trợ và các chương trình sinh kế đưa ra cho những đối tượng này phải có thiết kế phù hợp và hỗ trợ thỏa đáng. Việc chuyển đổi sang canh tác thủy sản tại các vùng cửa sông có thể cũng sẽ phức tạp nếu khu vực đó đang phải đối mặt với áp lực phát triển.

9. Rừng ngập mặn-tôm và lúa-tôm là những phương án canh tác thủy sản bền vững hơn. Việc xây dựng các mô hình sinh kế đòi hỏi phải cân nhắc các tác động môi trường tiềm ẩn của hoạt động nuôi trồng thủy sản và nuôi tôm gồm việc thải ra các chất thải hữu cơ, hóa chất nông nghiệp, kháng sinh, lây lan dịch bệnh và tác động sinh thái lên thủy sản nước ngọt và ven biển. Để giảm nhẹ các tác động môi trường này, cần thực hiện một kế hoạch quản lý sâu bệnh tổng hợp cho từng tiểu dự án có thể áp dụng như là một phần của KH Quản lý Môi trường và Xã hội. Khung quản lý dịch hại quy định: nghiêm cấm sử dụng các hóa chất độc hại và đưa ra đường hướng và phương pháp tiếp cận đối với quản lý dịch hại tổng hợp.

10. Những nỗ lực khuyến khích *nuôi tôm/nuôi trồng thủy sản thâm canh* với sự tham gia tích cực của doanh nghiệp tư nhân đã và đang được thực hiện tại đồng bằng sông Cửu Long và các vùng ven biển khác ở Việt Nam. Cần cân nhắc đến kiến thức và kinh nghiệm từ hoạt động phát triển sinh kế này trong khi xem xét các đề xuất đầu tư (trong dự án này).

#### ***(iv) Các biện pháp Đa dạng hóa Nông nghiệp và Nuôi trồng thủy sản***

11. Hỗ trợ sinh kế phù hợp bằng cách đa dạng hóa các mô hình nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản có thể tăng cường chuỗi giá trị và kết nối người nông dân với doanh nghiệp và thị trường. Việc chuyển đổi sang nông nghiệp công nghệ cao sẽ đem lại những lợi ích xã hội tích cực cho các cộng đồng và hộ gia đình địa phương tham gia thực hiện các mô hình sinh kế. Để đảm bảo tính bền vững, dự án cũng phải tham vấn với các cộng đồng ở khu vực xung quanh để tất cả nông dân tham gia chuyển đổi sang các cơ chế canh tác thay thế.

12. Khôi phục công trình giữ nước lũ sẽ cung cấp nhiều dinh dưỡng và phù sa hơn trong mùa lũ, tuy nhiên cần cân nhắc những tác động của việc có thể xảy ra tình trạng sử dụng thuốc trừ sâu và phân bón tăng lên do nhu cầu nuôi trồng được đa dạng hóa. Các mô hình sinh kế nông nghiệp công nghệ cao (ví dụ như cây ăn quả, hoa, rau, nấm, dưa hấu) có thể sẽ cần đầu vào cao hơn về phân bón và thuốc trừ sâu. Các tác động môi trường tiềm ẩn của nuôi trồng thủy sản và nuôi tôm nước ngọt gồm chất thải hữu cơ, hóa chất nông nghiệp, kháng sinh, lây lan bệnh tật và các tác động sinh thái lên các loài đặc hữu ở các vùng thực hiện tiểu dự án cũng sẽ cần phải tính toán kỹ. Để giảm nhẹ các tác động môi trường, cần cân nhắc và thực hiện một chương trình Quản lý dịch hại tổng hợp cho từng tiểu dự án có thể áp dụng được như là một phần của KH Quản lý MT và XH. Cần có hoạt động giám sát chất lượng nước mặt tại vùng thực hiện tiểu dự án.

13. Phát triển chăn nuôi đã và đang được xác định là một mô hình sinh kế quan trọng tại các vùng của tiểu dự án. Các tác động tiềm ẩn sẽ được hạn chế bằng cách quản lý phù hợp phân và các chất thải khác, mùi, và phiến toái cho hàng xóm, giả định rằng các rủi ro khác liên quan đến các loại và tính chất của vật nuôi và bệnh dịch, giá cả thị trường sẽ được giải quyết thỏa đáng từ các khía cạnh kỹ thuật và tài chính. Phải cung cấp hỗ trợ kỹ thuật phù hợp và các hỗ trợ khác nếu có rủi ro cao về kỹ thuật, xã hội và tài chính.

#### ***(iv) Các biện pháp Phát triển du lịch sinh thái***

15.1.1 14. Do vùng ven biển bắc trung bộ có nhiều bãi biển đẹp, nước trong, rừng ngập mặn và các hệ sinh thái, do đó rất có khả năng phát triển các mô hình sinh kế mới với du lịch sinh thái. Mục tiêu của du lịch sinh thái là tạo việc làm tại địa phương, và tài chính bền vững cho hoạt động quản lý các khu vực phòng hộ. Gói đầu tư có thể được sử dụng để bổ sung cho các đầu tư hiện tại vào du lịch sinh thái tại các vùng tiểu dự án. Tuy nhiên hệ thống sinh thái ven biển mỏng manh dễ bị ảnh hưởng bởi các tác động tiêu cực cần giảm nhẹ.

15. Để tránh các tác động tiêu cực, trực tiếp và gián tiếp lên tài nguyên rừng ven biển, đa dạng sinh học, lâm sản ngoài gỗ (LSNG) gây ra do các hoạt động tăng cường du lịch sinh thái của tiểu dự án, sẽ cân nhắc các biện pháp sau đây: (i) những vấn đề liên quan đến buôn bán động vật hoang dã và buôn bán bất hợp pháp; (b) thiệt hại có thể xảy ra đối với rặng san hô, thảm cỏ biển, và/hoặc các loài động, thực vật nguy cấp; (c) giới thiệu các loài ngoại lai; và (d) có thể bùng phát bệnh dịch. Các biện pháp giảm thiểu có thể bao gồm, nhưng không giới hạn, như sau:

- Đánh giá cơ sở hạ tầng cho du lịch và điều tiết lượng người du lịch cho phù hợp
- Đánh giá các tác động do khách du lịch tăng lên cùng với nhu cầu về củi đốt từ khu vực phòng hộ, do tăng khai thác các LSNG được lựa chọn, hay hoa quả dại, thảo dược, và các thứ khác để tiêu dùng và bán
- Đánh giá sự xuất hiện hình thức sản xuất hộ gia đình dựa vào rừng địa phương, tre và LSNG để phục vụ khách du lịch và tác động của nó lên khai thác không bền vững
- Đánh giá vị trí các điểm tập trung khách du lịch và đảm bảo các địa điểm này không nằm trong các khu cư trú tự nhiên dễ bị tổn thương
- Thực hiện phân tích theo mùa lượng khách du lịch và liên hệ với vòng đời sinh đẻ của các loài thu hút khách du lịch
- Tiến hành định hướng và đào tạo cho người dân địa phương tham gia vào du lịch sinh thái đặc biệt là về các tác động tiêu cực của du lịch sinh thái đến môi trường và tài nguyên rừng
- Đảm bảo tất cả các trại của người du lịch phải được đánh dấu rõ ràng có bảng chỉ dẫn, phương án xử lý rác thải, và trang thiết bị quản lý cháy
- Tiến hành định hướng và tóm tắt cho khách du lịch về khu vực phòng hộ, có các tài liệu giáo dục và nâng cao nhận thức với ngôn ngữ phù hợp
- Áp dụng ECOP tại tất cả các cơ sở hạ tầng mà sẽ được dự án xây dựng

16. Giảm thiểu các tác động tiềm ẩn trước khi và trong khi xây dựng sẽ tương tự như những nội dung trong Phụ lục 3 (a) liên quan đến cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ (ví dụ như áp dụng ECOP). Các biện pháp cụ thể cho từng điểm thực hiện cũng sẽ cần để giảm nhẹ các tác động tiềm ẩn trong quá trình xây dựng và vận hành cơ sở vật chất. Nếu các hoạt động liên quan đến hóa chất nông nghiệp độc hại, quan trọng là phải đảm bảo rằng các hành động phù hợp được đưa vào trong KH Quản lý MT và XH.

#### ***(vi) Các biện pháp cho các tác động khác***

17. Các tác động có thể xảy ra do vận hành các công trình kiểm soát độ mặn/nước. Phương pháp tiếp cận truyền thống để bảo vệ bờ biển ở Việt nam gồm xây dựng đê biển, trong đó nhiều đê được bao quanh bằng đá và/hoặc bê tông. Trước đây, công trình kiểm soát nước được xây dựng tại các tỉnh ven biển để kiểm soát xâm nhập mặn vào các cửa sông. Nước mặn bị ngăn không cho chảy vào các kênh bằng cách xây dựng các cống mà có thể đóng lại khi nước biển dâng lên cùng với thủy triều cao hơn mực nước sông. Ở những nơi có cống, có sự xung đột giữa nhu cầu nước ngọt của nông nghiệp với nhu cầu nước lợ cho nuôi trồng thủy sản. Để kiểm soát xung

đợt này, sẽ thiết lập các vùng sử dụng nước cho các khu vực canh tác nước ngọt, nước mặn và nước lợ. Hoạt động của các cống và khu vực canh tác cần phải linh hoạt để tính đến xâm nhập mặn trong những năm khô, trung bình và ẩm ướt và nước biển dâng trong tương lai.

18. Gần đây, chức năng của các công trình kiểm soát mặn đã bị thay đổi từ định hướng kiểm soát sang thích ứng. Ví dụ, nuôi tôm phụ thuộc vào nước mặn vào mùa khô, sau đó trồng lúa vào mùa mưa do lúa phụ thuộc vào nước mưa với những điều chỉnh phù hợp trong thiết kế và vận hành các cơ sở hạ tầng nước hiện có và các đầu tư bổ sung vào cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ.

19. Vấn đề chất lượng nước mặt và vận hành các công trình cần được quản lý. Ô nhiễm nước mặt do tồn dư hóa chất nông nghiệp (như thuốc trừ sâu và phân bón) và chất thải hữu cơ từ chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản khi đẩy nước từ kênh và các bờ kè. Tuy nhiên, dự án được đề xuất chỉ có xây dựng cống cấp hai và cấp 3, và các tác động môi trường chủ yếu là ở cấp địa phương, và các biện pháp giảm thiểu có thể được thực hiện ở cấp tiểu dự án. Vận hành cửa cống cần tính đến các tác động đối với giao thông đường thủy địa phương cho ngư dân và nông dân. Các quy tắc hoạt động cửa cống cần được xây dựng với sự tham vấn với tất cả người liên quan, gồm người sử dụng đường thủy địa phương.

20. *Nhân rộng mô hình mất kiểm soát/không được quản lý và rủi ro đối với người nghèo.* Đối với tiểu dự án liên quan đến phát triển sinh kế, đặc biệt là liên quan đến nuôi trồng thủy sản và/hoặc nuôi tôm ở vùng ven biển, cần tính đến các rủi ro tiềm ẩn và/hoặc các tác động đến điều kiện kinh tế xã hội của người nông dân nghèo cũng như khả năng xảy ra suy thoái rừng ngập mặn và chất lượng nước do mở rộng các hoạt động này mà không có sự kiểm soát và/hoặc quản lý phù hợp. Nếu các tác động tiềm ẩn lớn và/hoặc trung bình, HTKT được cung cấp trong quá trình thiết kế tiểu dự án sẽ có hành động để nâng cao kiến thức và hiểu biết của nông dân nghèo về các rủi ro tài chính tiềm ẩn và hỗ trợ họ tìm ra một kế hoạch bền vững và tập huấn cho họ. Cần thực hiện một cuộc điều tra kinh tế cho các nông dân trong quá trình thực hiện tiểu dự án.

***(vii) Các biện pháp sử dụng thuốc trừ sâu và/hoặc hóa chất nông nghiệp độc hại***

21. Để giảm nhẹ các tác động tiềm ẩn như là một “thực hành tốt”, chủ tiểu dự án sẽ xây dựng và thực hiện một kế hoạch giảm nhẹ, mục đích là tăng kiến thức của người nông dân về các quy định, chính sách và /hoặc các hướng dẫn kỹ thuật của chính phủ liên quan đến sử dụng an toàn (bón, lưu trữ và xử lý) thuốc trừ sâu và các hóa chất nông nghiệp độc hại mà người dân sẽ sử dụng. Việc này bao gồm áp dụng thực hành KH Quản lý TN và MT<sup>24</sup> phù hợp với sản xuất nông nghiệp (lúa, tôm, nuôi trồng thủy sản, v.v) trong vùng tiểu dự án thông qua tập huấn và các hoạt động xây dựng năng lực khác. Các hoạt động sẽ được đưa vào và thực hiện như là một phần của KH quản lý MT và XH. Có nhiều chương trình Quản lý sâu bệnh tổng hợp và các hoạt động thí điểm trên hiện trường do NHTG tài trợ<sup>25</sup> nhằm giảm sử dụng thuốc trừ sâu và phân bón, do đó đã có các kiến thức và kinh nghiệm thực hiện gồm một số cấm nang đào tạo và/hoặc các công cụ truyền thông khác (đài/chương trình TV, tài liệu công cộng, v.v). Công nghệ QL tổng hợp sâu bệnh được xem xét tại Việt nam gồm áp dụng công nghệ thâm canh lúa hệ thống (SRI) và các chiến dịch

---

<sup>24</sup>QL sâu bệnh tổng hợp (IPM) đề cập đến các thực hành kết hợp kiểm soát sâu bệnh dựa vào sinh thái, theo nhu cầu của nông dân tìm cách giảm sự phụ thuộc vào thuốc trừ sâu tổng hợp. IPM đòi hỏi (a) quản lý (giữ sâu bệnh dưới mức gây thiệt hại kinh tế) hơn là tìm cách tiêu diệt chúng; (b) ở mức độ có thể, phụ thuộc vào các biện pháp không sử dụng hóa chất để giữ cho số lượng sâu bệnh ở mức thấp; và (c) lựa chọn và sử dụng các loại thuốc trừ sâu nếu buộc phải dùng theo cách mà giảm tối đa các tác động bất lợi lên các sinh vật có lợi, con người và môi trường.

<sup>25</sup> Dự án Quản lý tài nguyên nước để phát triển nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long (MD-WRMRDP or WB6) đang thực hiện đến tháng 3 năm 2017 còn Dự án Thích ứng ven biển và sinh kế bền vững tổng hợp vùng đồng bằng sông Cửu Long đang thực hiện từ 2016-2023.

truyền thông “3 giảm, 3 tăng” hay 3R3G và “1 phải, 5 giảm” hay “1M5R”, còn có các hoạt động thí điểm liên quan đến áp dụng “VietGap” trong sản xuất tôm, thủy sản, và các sản phẩm nông nghiệp khác.

22. Nếu cần phải xây dựng một kế hoạch quản lý sâu bệnh, cần cân nhắc những nguyên tắc sau đây:

- Tiểu dự án sẽ không tài trợ để mua phân bón, thuốc trừ sâu hay các hóa chất nông nghiệp độc hại khác. Trong điều kiện bình thường, nếu việc sử dụng thuốc sâu được cho là cần thiết, chỉ những loại thuốc trừ sâu đã đăng ký với chính quyền và được quốc tế công nhận sẽ được sử dụng và dự án sẽ cung cấp thông tin kỹ thuật và kinh tế cho loại và lượng hóa chất. Tiểu dự án cũng sẽ cân nhắc các phương án khác (gồm quản lý các loại hóa chất vô hại) mà có thể giảm sự phụ thuộc vào việc sử dụng thuốc trừ sâu. Các biện pháp này sẽ được đưa vào thiết kế tiểu dự án để giảm rủi ro liên quan đến xử lý và sử dụng thuốc trừ sâu của người nông dân.
- Trong quá trình chuẩn bị KH Quản lý MT và XH/PMP cho tiểu dự án, chủ tiểu dự án và tư vấn sẽ xác định nhu cầu tập huấn và xây dựng năng lực có tham vấn chặt chẽ với các chính quyền địa phương và hiểu biết giữa họ. Tiểu dự án sẽ áp dụng thực hành IPM cùng với chương trình QL sâu bệnh tổng hợp quốc gia và các chương trình quản lý nuôi trồng thủy sản/nuôi tôm do Bộ NN và PTNT thực hiện như là một phương tiện để giảm thiểu các tác động tiêu cực do tăng sử dụng thuốc trừ sâu, phân bón và hóa chất độc hại. Những hoạt động chính có thể gồm tập huấn, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm trong việc sử dụng phân bón và hóa chất thông qua các điều tra nghiên cứu, tham quan học tập, và/hoặc lựa chọn sử dụng an toàn các loại phi hóa chất và các kỹ thuật khác.
- PMP sẽ xác định cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện gồm bố trí dòng vốn và báo cáo. Sở NN và PTNT sẽ chịu trách nhiệm lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động PMP còn người nông dân có trách nhiệm tham gia tích cực vào lập kế hoạch thực hiện. CPMU chịu trách nhiệm giám sát và theo dõi KH Quản lý MT và XH gồm các hoạt động PMP sau khi đã được NHTG phê duyệt. Các hoạt động sẽ được lập kế hoạch và thực hiện với sự tham vấn chặt chẽ với người nông dân, chính quyền địa phương, và các tổ chức cộng đồng địa phương đặc biệt là phụ nữ. Ngân sách thực hiện là một phần trong chi phí do KH quản lý MT và XH và các hoạt động, kết quả, và các tác động sẽ được giám sát trong thực hiện KH Quản lý MT và XH.

23. Các chính sách và quy định được mô tả dưới đây sẽ được cân nhắc:

- **Các chính sách và kế hoạch quốc gia:** Việc áp dụng các ý tưởng về QL sâu bệnh tổng hợp (IPM) đã được giới thiệu ở VN vào đầu những năm 1990. Một chương trình IPM quốc gia đã được xây dựng và thực hiện và đã thành lập một UB điều hành về IPM do thứ trưởng Bộ NN và PNNT chủ trì, UB này chịu trách nhiệm giám sát chương trình. Trong giai đoạn này, đã xây dựng một số chính sách và quy định hỗ trợ IPM bao gồm các lệnh cấm và hạn chế các loại thuốc trừ sâu độc hại và các hoạt động của một hệ thống kiểm tra. Kể từ đó, đã thực hiện các biện pháp nhằm giảm việc sử dụng thuốc trừ sâu trong sản xuất lúa gạo trên cả nước bao gồm cả đồng bằng sông Cửu Long. Chính sách của Bộ NN và PTNT nhằm khuyến khích áp dụng kỹ thuật “3 giảm, 3 tăng”

hay “3R3G”<sup>26</sup> và “Một phải, 5 giảm” hay “1M5R”<sup>27</sup> cho sản xuất lúa gạo cũng như các phương pháp “Việt Gap”<sup>28</sup> cho sản phẩm nông nghiệp đã và đang được thực hiện ở nhiều nơi tại Việt Nam.

- **Kiểm soát thuốc trừ sâu:** Năm 1990, Việt Nam chính thức phê duyệt và áp dụng *Quy tắc ứng xử quốc tế về phân phối và sử dụng thuốc trừ sâu* của Tổ chức Nông Lương liên hợp quốc (FAO) và đã xây dựng một hệ thống quy định theo các hướng dẫn của FAO vào giữa những năm 1990. Pháp lệnh về Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật có hiệu lực vào tháng 2 năm 1993, sau đó vào tháng 11 có Nghị định 92/CP với các quy định về quản lý thuốc trừ sâu. Những quy định này đã được cập nhật định kỳ và được áp dụng bởi các cơ quan. Trong giai đoạn từ 1995-97, có tổng số 45 loại thuốc trừ sâu bị cấm sử dụng tại Việt Nam và 30 loại bị hạn chế (số lượng không thể vượt quá 10% tổng số loại thuốc trừ sâu được bán tại Việt Nam). Những loại này bao gồm các thuốc trừ sâu rất độc hại như carbofuran, endosulfan, methamidophos, monocrotophos, methyl parathion, và phosphamidon. Năm 1998, Việt Nam đã ngừng đăng ký các loại thuốc

---

<sup>26</sup> Chương trình được biết đến với cái tên Ba Giảm, Ba Tăng được xây dựng trên cơ sở ý tưởng về công nghệ quản lý cây trồng được thiết kế bởi Việt Nghiên cứu lúa gạo quốc tế (IRRI) nhằm giảm chi phí sản xuất, cải thiện sức khỏe của người nông dân, và bảo vệ môi trường trong sản xuất lúa nước tại đồng bằng sông Cửu Long thông qua giảm sử dụng giống, phân bón đạm, và thuốc trừ sâu. Ý tưởng này dựa trên các phát hiện nghiên cứu chỉ ra rằng việc phun thuốc sớm là không cần thiết bởi vì sâu cuốn lá (nguyên nhân phải phun thuốc sớm) không gây ảnh hưởng đến sản lượng. Một chiến dịch có tên là “Không phun thuốc sớm” (NES) đã được thực hiện qua nhiều phương tiện truyền thông mục tiêu là 92% của 2,3 triệu hộ nông dân ở đồng bằng sông Cửu Long và kết quả cho thấy là số lần phun thuốc diệt côn trùng mỗi vụ giảm tới 70% (từ 3,4 xuống còn 1 lần/vụ). Nghiên cứu cũng cho thấy rằng tại đồng bằng sông Cửu Long, người nông dân có xu hướng áp dụng tỷ lệ gieo rất cao – khoảng từ 200-300kg/ha và bón phân đạm vào khoảng từ 150-300kg/ha. Chi cục bảo vệ thực vật với sự hỗ trợ của Danida đã tiến hành một nghiên cứu, với sự tham gia của 951 nông dân, kết quả cho thấy có thể giảm được hạt giống, phân bón và thuốc trừ sâu lần lượt là 40%, 13% và 50%. Thực hành NES sau đó được đưa vào với tỷ lệ hạt giống và sử dụng đạm thấp hơn.

<sup>27</sup> Chương trình này được xây dựng dựa trên sự thành công của chiến dịch “3R3G”, các nghiên cứu bổ sung đã được thực hiện để chứng tỏ rằng việc giảm đầu vào sản xuất phù hợp (nước, năng lượng, phân bón, hạt giống, và phân bón) và thiệt hại sau thu hoạch không làm giảm sản lượng là có thể làm được và kỹ thuật 3 giảm có nên được mở rộng để thành 5 giảm. Phương pháp này khuyến khích việc sử dụng giống được chứng nhận (đây được coi là “một phải”) và áp dụng công nghệ hiện đại để tăng hiệu suất sử dụng nước và năng lượng đồng thời giảm thiệt hại sau thu hoạch. Do đó kỹ thuật 5 giảm gồm giảm nước, năng lượng, thiệt hại sau thu hoạch, phân bón và thuốc trừ sâu. Việc thực hiện chiến dịch này phức tạp hơn và đòi hỏi bổ sung đầu tư và hỗ trợ kỹ thuật cũng như sự hợp tác hiệu quả giữa các cơ quan của Bộ NN và PTNT liên quan đến tưới tiêu và quản lý sản xuất. Sau thành công một thử nghiệm ở tỉnh An Giang, Bộ NN và PTNT đã chuyển hướng sang hiện đại hóa và xây dựng các thực hành tốt nhất để nhân rộng phương pháp này tại Đồng bằng sông Cửu Long.

<sup>28</sup> VietGap (Thực hành nông nghiệp tốt của Việt Nam) là một chương trình kiểm tra an toàn thực phẩm áp dụng cho các hoạt động sản xuất bắt đầu từ nhân giống đến sản phẩm cuối cùng gồm cả bảo quản và các yếu tố liên quan khác như môi trường, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, đóng gói và thậm chí cả điều kiện làm việc và chế độ cho công nhân tham gia trên đồng ruộng. Chương trình tập trung vào thiết lập (a) Tiêu chuẩn công nghệ sản xuất; (b) An toàn thực phẩm, gồm các biện pháp đảm bảo rằng không có ô nhiễm hóa học hay vật lý khi thu hoạch; (c) môi trường làm việc nhằm ngăn chặn tình trạng lạm dụng lao động nghèo; và (d) suy xuất nguồn gốc sản phẩm. Trung tâm chứng nhận Việt Nam (QUACERT) chịu trách nhiệm thực hiện cấp chứng chỉ VIETGAP cho quả và rau, chè, gạo và cà phê.



diệt côn trùng mới trị sâu cuốn lá trong nước do các hoạt động IPM đã chỉ ra rằng việc sử dụng thuốc diệt côn trùng cho sâu cuốn lá là không cần thiết.

- Quyết định 193/1998/QĐ-BNN-BVTĐ ngày 2 tháng 12 năm 1998 của Bộ NN và PTĐT ban hành các quy định về kiểm soát chất lượng, dư lượng thuốc trừ sâu và kiểm tra thuốc trừ sâu mới để đăng ký tại Việt Nam
- Quyết định 145/2002/QĐ/BNN-BVTĐ ngày 18/12/2002 của Bộ NN và PTĐT ban hành các quy định về các thủ tục rà soát sản xuất, quy trình, đăng ký, xuất nhập khẩu, buôn bán, bảo quản và chế biến, nhãn thuốc, đóng gói, hội thảo, quảng cáo và sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật; Đây là cơ sở để CPVN giám sát việc sử dụng và bảo quản thuốc trừ sâu. Những thùng chứa rỗng sẽ được xử lý theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất như đã ghi trên nhãn sản phẩm hoặc hướng dẫn và khuyến nghị của tỉnh. Tối thiểu là, những thùng chứa rỗng sẽ được trả lại cho đơn vị phân phối thuốc trừ sâu nằm trong chương trình tái chế của họ; hoặc xả sạch 3 lần hoặc xả áp lực, sau đó thay đổi để không thể sử dụng lại nữa; và xử lý tại bãi rác được cấp phép hoặc các điểm xử lý rác được phê duyệt.
- Quyết định của Bộ NN và PTĐT số 1503/QĐ-BNN-TCTĐ về Thực hành tốt trong nuôi trồng thủy sản tại Việt Nam (VietGAP), 7/5/2011; Quyết định số 1617/QĐ-BNN-TCTĐ hướng dẫn thực hiện VietGAP để trồng *P. hypophthalmus*, *P. monodon* và *P. vannamei*); Quyết định 72/QĐ-TT-QLCL ( 4/3/ 2013) của CP giao cho Trung tâm chứng nhận Việt Nam (QUACERT) làm tổ chức chịu trách nhiệm cấp chứng nhận gồm có VietGAP cho hoa quả và rau, chè, gạo và cà phê. Hộp A3.8 nhấn mạnh những yêu cầu chính đối với VietGAP cho nuôi trồng thủy sản.

Hộp A3.8 Các nguyên tắc cơ bản của VietGap cho nuôi trồng thủy sản
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nuôi trồng thủy sản đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm bằng việc tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định hiện hành của Nhà nước và các quy định của tổ chức Nông Lương của Liên Hợp Quốc (FAO) và tổ chức Y tế thế giới (WHO).</li> <li>• Nuôi trồng thủy sản phải đảm bảo các điều kiện sức khỏe và điều kiện sống cho các loài thủy sinh bằng việc tạo ra những điều kiện tối ưu cho sức khỏe, giảm căng thẳng, hạn chế các rủi ro bệnh tật và duy trì môi trường nuôi trồng tốt tại tất cả các giai đoạn của quy trình sản xuất, v.v</li> <li>• Các hoạt động nuôi trồng thủy sản phải được thực hiện với các kế hoạch chi tiết và không tác động đến môi trường, theo các quy định của nhà nước và các cam kết quốc tế. Phải có đánh giá tác động về môi trường trong quy hoạch, phát triển và thực hiện nuôi trồng thủy sản.</li> </ul> <p>Hoạt động nuôi trồng thủy sản phải được thực hiện một cách có trách nhiệm đối với xã hội, tôn trọng cộng đồng địa phương, chấp hành nghiêm các quy định của nhà nước và các thỏa thuận liên quan của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) về quyền lao động, không ảnh hưởng đến sinh kế của nông dân và các cộng đồng xung quanh. Nuôi trồng thủy sản phải đóng góp tích cực vào phát triển nông thôn, đem lại lợi ích, công bằng và góp phần giảm nghèo và tăng cường an ninh lương thực tại địa phương. Do vậy các vấn đề kinh tế xã hội phải được cân nhắc trong tất cả các giai đoạn trong quy trình nuôi trồng từ kế hoạch phát triển và triển khai hoạt động nuôi trồng thủy sản.</p>

### Phụ lục 3(d). Các hướng dẫn Giải quyết các vấn đề xã hội (ngoài KH hành động tái định cư và KH Phát triển ĐTTS)

1. Những rủi ro khác có thể gây ra do tiểu dự án (các hộ gia đình canh tác nông nghiệp lấn chiếm các khu vực rừng ven biển và sử dụng trái phép gỗ từ rừng ngập mặn làm củ đun, các vấn

đề về tiếp cận và quyền đối với đất đai, tính dễ bị tổn thương về mặt xã hội, rủi ro thị trường, v.v) sẽ được cân nhắc và xây dựng các biện pháp giảm nhẹ trong khi chuẩn bị KH quản lý MT và XH cho tiểu dự án.

2. Hướng dẫn này là cho các vấn đề xã hội chủ chốt mà các tiểu dự án có thể gây ra (tính dễ bị tổn thương, rủi ro thị trường, lấn chiếm các khu vực rừng ven biển để sản xuất nông nghiệp của các hộ gia đình, sử dụng trái phép gỗ rừng ngập mặn làm chất đốt, các vấn đề về tiếp cận và quyền đối với đất đai) ngoài những vấn đề liên quan đến tái định cư và đền bù và người DTTS sẽ được xử lý chi tiết hơn trong KHHĐ tái định cư và KH Phát triển DTTS. Những vấn đề này liên quan đến tính dễ bị tổn thương về xã hội tại các vùng dự án và cần được cân nhắc trong quá trình chuẩn bị KH quản lý MT và XH cho các hoạt động/tiểu dự án để đảm bảo rằng các biện pháp giảm nhẹ phù hợp sẽ được đưa vào khi thiết kế các mô hình sinh kế, đặc biệt là khi liên quan đến người DTTS. Hướng dẫn này được xây dựng là kết quả của một nghiên cứu xã hội gần đây liên quan đến phát triển sinh kế để chống chịu với BĐKH và xử lý tính dễ bị tổn thương về môi trường của cộng đồng địa phương tại đồng bằng sông Cửu Long<sup>29</sup> cũng như nghiên cứu SESA được thực hiện tại 6 tỉnh bắc trung bộ<sup>30</sup>.

**(i) Xử lý tính dễ bị tổn thương do lựa chọn vị trí**

3. Sử dụng kiến thức của các chuyên gia nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản để tối ưu hóa thiết kế quy mô của các mô hình sinh kế. Việc này đảm bảo rằng thiết kế các mô hình trong hợp phần có thể giám sát tốt các vấn đề môi trường có thể xảy ra nhằm giảm nhẹ môi trường khí hậu đối với nông dân địa phương.

**(ii) Xử lý tính dễ bị tổn thương về xã hội**

*(a) Khả năng chấp nhận của người địa phương đối với đất rừng được giao cho cộng đồng:*

4. Trước đây, rừng phòng hộ nằm dưới sự quản lý của chính phủ vì thế người dân không có kiến thức về bảo vệ rừng, kết quả là mất rừng và suy thoái rừng. Thiết lập mô hình tổng hợp gồm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, hỗ trợ vốn cho sản xuất giống, nuôi trồng dưới tán rừng, và hỗ trợ vốn cho cộng đồng địa phương duy trì quản lý rừng là một trong các biện pháp quản lý mà người địa phương có thể chấp nhận việc giao khoán quản lý rừng.

*(b) Khả năng người dân địa phương chấp nhận áp dụng các mô hình sinh kế mới*

5. Xây dựng các mô hình sinh kế hỗ trợ người dân địa phương bảo vệ và chăm sóc rừng. Ví dụ, nuôi ong dưới tán rừng cho thấy những rủi ro lớn như dự án đã khuyến cáo do có chuỗi lợi ích, không có hoa vĩnh viễn. Tương tự, người dân trồng rau theo tiêu chuẩn VietGAP ở vùng ven biển (ví dụ ở Quảng Bình) nhận thấy rủi ro trong mô hình nuôi kỳ nhông trên cát cao hơn so với trồng rau.

*(c) Giải quyết rủi ro thị trường*

6. Giảm sản xuất bằng cách hợp tác với các công ty nông nghiệp: thực hiện mô hình sinh kế cần một phương pháp giai đoạn để nhân rộng mô hình và mở rộng thị trường và các công ty có đủ thời gian để mở rộng thị trường của mình và tìm thị trường mới.

*(d) Đa dạng hóa các mô hình và đa dạng hóa việc hạn chế của các mô hình sinh kế*

7. Tại một số hoạt động, có ít các mô hình sinh kế mà người dân địa phương có thể lựa chọn, và về một số khía cạnh, dự án cần hợp tác với tư vấn để xây dựng nhiều mô hình hơn.

---

<sup>29</sup>Tham chiếu: Nghiên cứu Đánh giá xã hội vùng được thực hiện trong 2014-2015 cho Dự án Thích ứng biến đổi khí hậu và Sinh kế bền vững tổng hợp vùng đồng bằng sông Cửu Long ( (MD-ICRSLP)

<sup>30</sup>SESA

- Chia sẻ kinh nghiệm và bài học giữa người dân địa phương với nhau có thể giúp tăng cường đầu tư và sản xuất. Ví dụ, mô hình rau sạch ở Diễn Châu – Nghệ An, họ sử dụng chất giữ ẩm vào mùa khô, mô hình có thể được áp dụng vào mô hình hoa trên cát ở Hà Tĩnh, v.v

- Hỗ trợ chứng nhận hữu cơ, chứng nhận sản xuất sạch (ví dụ như VietGAP) và xây dựng thương hiệu sản xuất để quảng bá và tiếp thị.

*(e) Hỗ trợ người dân địa phương*

8. Sử dụng hợp tác xã hoặc nhóm công tác thực hiện mô hình sinh kế xây dựng chiến lược thực hiện sinh kế của tiểu dự án. Thành lập các nhóm làm việc mới, hay với các nhóm hiện có, người nông dân sẽ tin vào các mô hình hiệu quả, trong đó rủi ro được chia đều cho các thành viên nhóm, đặc biệt là một số nông dân sợ rủi ro vì vậy họ không sẵn sàng áp dụng mô hình thích ứng mới.

- Cần có nguồn vốn ban đầu cho mô hình sinh kế. Hiện tại, hầu hết các hộ nghèo có nhu cầu vay vốn đầu tư kinh doanh, tuy nhiên họ không đáp ứng được các yêu cầu của các tổ chức tín dụng, do vậy, nếu không có hỗ trợ vốn, nông dân địa phương sẽ gặp khó khăn trong việc bắt đầu một mô hình sinh kế mới. Như đã thấy trong kết quả tham vấn người dân địa phương và các tổ chức xã hội tại địa phương, hỗ trợ vốn là ưu tiên trước nhất.
- Tuyển dụng các chuyên gia về nông nghiệp, thủy sản và lâm nghiệp, v.v để hỗ trợ và xây dựng kỹ thuật cho các hợp tác xã hay các tổ công tác, các cơ quan hỗ trợ nuôi trồng và người nông dân.
- Các tổ chức đoàn thể, đặc biệt là hội nông dân và hội phụ nữ cần đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ người dân và hợp tác xã địa phương, như thu thập, tổ chức và tập huấn nông nghiệp, họ có thể hỗ trợ nông dân để nông dân có thể thăm và theo dõi các mô hình khác, v.v
- Khuyến khích các công ty giống có khả năng sản xuất giống chất lượng cao đặt nhà máy gần những nơi thực hiện mô hình tốt.
- Phát triển các công cụ hỗ trợ việc ra quyết định, cần có cảnh báo sớm khô hạn và lụt lội. Thiệt hại nghiêm trọng do băng giá và rét hại vào năm 2015 và 2016 cho thấy cần phải có bộ công cụ cho cảnh báo sớm để cảnh báo sớm cho người dân về loài cây trồng, vật nuôi và họ có thể tự kinh doanh.

*(f) Liên quan đến những gia đình nghèo không có đất*

- Việc hỗ trợ sinh kế cho người dân không có đất trong khu vực bị ảnh hưởng bởi các hoạt động/tiểu dự án cần được xây dựng hoặc mở rộng từ tín dụng quy mô nhỏ, và chương trình phát triển hiện tại để tránh tăng sự bất bình đẳng giữa người giàu và người nghèo.
- Khuyến khích các công ty nông nghiệp, đặc biệt là họ có thể mở chi nhánh có thể giúp người nghèo ở địa phương. Các tỉnh có thể cấp đất miễn phí và giảm thuế để hấp dẫn đầu tư của các doanh nghiệp vào lĩnh vực nông nghiệp.

*(g) Tham vấn và sự tham gia của cộng đồng*

Các yêu cầu bổ sung về tham vấn không có trong tham vấn tái định cư và môi trường:

- Chấp nhận mô hình sinh kế
- Lựa chọn kế hoạch và thiết kế tín dụng nhỏ cho mô hình sinh kế
- Chi tiết, các ý tưởng và chính sách khuyến khích của cộng đồng trong hợp tham vấn cần được cân nhắc trong quá trình thiết kế và thực hiện các hoạt động/tiểu dự án, đặc biệt là các ý tưởng của những người dễ bị tổn thương và phụ nữ.
- Thực hiện dự án ở cấp cộng đồng không chỉ dựa vào các dạng sử dụng tài liệu hay dạng viết (ví dụ tập huấn), cần phải có băng ghi âm. Tại các khu vực miền biển, người dân địa phương

không được học hành nhiều, số người không biết chữ cao, đặc biệt là phụ nữ.

- Khuyến khích chương trình nông nghiệp cần đảm bảo rằng chương trình được thực hiện đúng mẫu và đúng thời điểm với phụ nữ bởi vì họ còn có trách nhiệm chăm sóc con cái và việc nhà.

## **Phụ lục 4 (a) Quy tắc thực hành Môi trường (ECOP)**

**[Đặc điểm kỹ thuật Hồ sơ dự thầu cho Quản lý thi công và Trách nhiệm của nhà thầu]**

1. Chính sách của WB về Đánh giá môi trường (OP 4.01) yêu cầu phải đánh giá môi trường của các dự án do WB tài trợ nhằm đảm bảo các dự án này tốt và bền vững về môi trường. Đánh giá môi trường là một quá trình phân tích những rủi ro tiềm tàng về môi trường, xã hội và xác định cũng như áp dụng các biện pháp để tránh hoặc giảm thiểu những tác động đó.
2. Là một phần của EA, Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (KHQLMT & XH) là một công cụ bảo vệ thường được sử dụng trong nhiều dự án và một trong quá trình giảm nhẹ và quản lý các tác động môi trường trong thực hiện dự án.
3. Quy tắc thực hành môi trường (ECOP) là các biện pháp giảm thiểu những tác động chung do các hoạt động dự án gây ra trong giai đoạn thi công và dự kiến đưa vào trong tài liệu thầu cũng như yêu cầu nhà thầu thi công thực hiện.
4. Nếu các tác động đòi hỏi các biện pháp giảm thiểu đặc thù tại hiện trường mà không có đầy đủ trong ECOP chung này, những tác động đó cần được đề cập riêng trong ESMP. Bộ ECOP này cũng không bao gồm các tác động từ lán trại của công nhân (giả định là thông thường không cần thiết đối với những công trình nhỏ), tác động từ những công trình lớn (cầu, hầm, đường lớn). Tác động xã hội gây ra bởi tái định cư bắt buộc hoặc liên quan tới dân tộc thiểu số được giải quyết trong các công cụ an toàn khác. Thay mặt cho các chủ sở hữu của tiểu dự án, Ban Quản lý dự án tỉnh (PPMU) có trách nhiệm đảm bảo thực hiện có hiệu quả các ECOP.

### **CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG**

5. Các hoạt động thi công các công trình nhỏ được ECOPS này điều chỉnh là những hoạt động có tác động ở mức độ hạn chế, tạm thời và có thể loại bỏ được cũng như dễ dàng được quản lý bằng các quy tắc thực hành xây dựng tốt. Các vấn đề về môi trường và xã hội trong tài liệu này bao gồm:

- Phát sinh bụi
- Ô nhiễm không khí
- Các tác động từ tiếng ồn và rung
- Ô nhiễm nước
- Thoát nước và kiểm soát lắng đọng
- Quản lý kho dự trữ, các mỏ vật liệu và vật liệu mượn.
- Chất thải rắn
- Chất thải nguy hại
- Phá vỡ bao phủ thực vật và nguồn tài nguyên sinh thái
- Quản lý giao thông
- Giám đoạn các dịch vụ tiện ích
- Phục hồi vùng bị ảnh hưởng
- An toàn cho công nhân và công cộng
- Truyền thông đến cộng đồng địa phương
- Quy trình phát lộ

## KHUNG CHÍNH SÁCH VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CỦA VIỆT NAM

6. Có một số quy định, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn... của Việt Nam liên quan đến các vấn đề môi trường và an toàn phù hợp với các hoạt động thi công và chất lượng môi trường. Những quy định chính liên quan tới các vấn đề trong ECOP được liệt kê dưới đây (đây không phải là một danh sách toàn diện):

- *Tiêu chuẩn/Quy chuẩn môi trường Việt Nam*: bao gồm cả tiêu chuẩn về lấy mẫu và bảo quản mẫu, phương pháp phân tích, tiêu chuẩn về chất lượng không khí, nước mặt, nước ngầm, đất, tiêu chuẩn về khí thải, nước thải, tiêu chuẩn về bãi và các tiêu chuẩn về lò đốt; bao gồm
  - (i) QCVN 39:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dùng cho tưới tiêu.
  - (ii) QCVN 38:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt bảo vệ đời sống thủy sinh.
  - (iii) QCVN 03:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất.
  - (iv) QCVN 15:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dư lượng hoá chất bảo vệ thực vật trong đất.
  - (v) QCVN 43:2012/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích.
  - (vi) QCVN 05:2013: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
  - (vii) QCVN 06:2008: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
  - (viii) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
  - (ix) QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
  - (x) QCVN 07:2009/BTNM: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.
  - (xi) QCVN 17:2011/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy phạm ngăn ngừa ô nhiễm do phương tiện thủy nội địa.
  - (xii) Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 10/10/2002 về 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 đo lường vệ sinh lao động.
- *Căn cứ cho an toàn/xây dựng*: Vị trí của các bãi thải và mục đích sử dụng khác được thống nhất với chính quyền địa phương và tất cả hoạt động đào đắp đất được thực hiện theo:
  - (i) Luật giao thông vận tải số 23/2008/QH12
  - (ii) Luật xây dựng số 16/2003/QH11
  - (iii) Nghị định số 73/2010/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính và các vấn đề xã hội
  - (iv) Nghị định số 12/2009/NĐ-CP về quản lý dự án
  - (v) Nghị định số 59/NĐ-CP về quản lý chất thải rắn
  - (vi) Nghị định số 1338/NĐ-CP về hướng dẫn kỹ thuật xây dựng trong khu vực nền móng yếu
  - (vii) Nghị định số 22/2010/TT-BXD về quy định về an toàn xây dựng;
  - (viii) Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT về quản lý chất độc hại

- (ix) Quyết định số 35/2005/QĐ-BGTVT về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;
- (x) Chỉ thị số 02/2008/CT-BXD về việc chấn chỉnh và tăng cường các biện pháp đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động trong các đơn vị thuộc ngành xây dựng
- (xi) TCVN 5308-91: Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng
- (xii) TCVN 4447: 1987: Công tác đất: Thi công và nghiệm thu
- (xiii) Kiểm soát không khí, tiếng ồn, độ rung được quy định trong TCVN 4087:1985 – (Sử dụng máy xây dựng - yêu cầu chung)
- *Quy trình phát hiện ngẫu nhiên*
  - (i) Luật Di sản văn hóa (2002).
  - (ii) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa (2009).
  - (iii) Nghị định số 98/2010/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.

### **CÁC YÊU CẦU GIÁN SÁT VÀ BÁO CÁO**

7. Không tuân thủ bởi các nhà thầu có thể dẫn đến đình chỉ công trình, xử phạt hành chính hoặc các hình phạt khác, như phải được viết rõ ràng ra trong ESMP và trong hợp đồng.
8. Nhà thầu chịu trách nhiệm thi hành ECOP. Trách nhiệm giám sát thực hiện ECOP được chia sẻ giữa các nhà thầu, PPMU và Tư vấn giám sát thi công (CSC). Kế hoạch làm việc của nhà thầu nên kết hợp với Kế hoạch quản lý môi trường trong quá trình thi công, hướng dẫn tại trong ECOP cũng như các ESMP được xây dựng cho các Hoạt động/TDA. Cán bộ kỹ thuật được chỉ định và Cán bộ môi trường của PPMU có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ ESMP với sự đồng ý của nhà thầu được lựa chọn. WB sẽ định kỳ giám sát hoạt động thực hiện dự án do Ngân hàng tài trợ định kỳ là sáu tháng một lần.
9. Tối thiểu, các nhà thầu phải chuẩn bị một bản báo cáo hàng tháng về tuân thủ ECOP cần được nộp cho CSC và PPMU. Yêu cầu báo cáo dự án cụ thể hoặc hợp đồng cụ thể được mô tả trong ESMP. CSC có trách nhiệm giám sát hoạt động môi trường tổng thể của dự án và trình PPMU báo cáo giám sát hàng quý.
10. Bảng dưới đây xác định các vấn đề quan trọng và các biện pháp giảm nhẹ sẽ được nhà thầu thực hiện và tuân thủ. Các quy định của Chính phủ Việt Nam sẽ được sử dụng để đánh giá mức độ tuân thủ.

CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI	BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU	QUY ĐỊNH CỦA VIỆT NAM
<b>1. Phát sinh bụi</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhà thầu chịu trách nhiệm tuân thủ pháp luật, các quy định của Việt Nam về chất lượng môi trường không khí.</li> <li>Nhà thầu chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi (ví dụ: sử dụng xe tưới nước mặt đường, che phủ nơi tập kết vật liệu, ...) như được yêu cầu.</li> <li>Phương tiện xây dựng phải tuân thủ giới hạn tốc độ và giảm thiểu khoảng cách chuyên chở.</li> <li>Vật liệu khi được bốc dỡ và vận chuyển phải được cố định, che phủ một cách thích hợp để ngăn chặn sự rơi vãi của đất, cát, vật liệu hoặc bụi.</li> <li>Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bất kỳ kết quả thu dọn từ thất bại của nhân viên hoặc các nhà cung cấp của mình để sở hữu vật liệu vận chuyển an toàn.</li> <li>Bãi tập kết nguyên vật liệu và đất lộ thiên phải được che chắn, bảo vệ để chống xói mòn bởi gió. Khi lựa chọn vị trí các bãi này phải tính đến hướng gió và vị trí của các điểm nhạy cảm xung quanh.</li> <li>Công nhân cần sử dụng mặt nạ phòng chống bụi ở những nơi mức độ bụi vượt quá giới hạn quy định.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>QCVN 05: 2009/ BTNMT:</b> Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí</li> <li><b>QCVN 06:2008:</b> Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.</li> </ul>
<b>2. Ô nhiễm không khí</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tất cả các phương tiện vận chuyển cần tuân theo các quy định của Việt Nam về kiểm soát giới hạn phát khí thải cho phép.</li> <li>Các phương tiện vận chuyển tại Việt Nam phải được kiểm tra định kỳ về sự phát khí thải và được cấp chứng nhận “Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường” theo Quyết định số 35/2005/QĐ-BGTVT;</li> <li>Không được đốt chất thải hoặc vật liệu xây dựng (ví dụ: nhựa đường, v...) trên công trường.</li> <li>Các trạm xử lý, trộn bê tông cần đặt xa các khu dân cư.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>TCVN 6438-2005:</b> Các phương tiện đường bộ. Giới hạn tối đa cho phép về phát thải khí.</li> <li>No. 35/2005/QĐ-BGTVT</li> <li>QCVN 05:2009/ BTNMT;</li> <li>QCVN 06:2009</li> </ul>
<b>3. Các tác động từ tiếng ồn và rung động</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhà thầu có trách nhiệm thực thi các quy định của Việt Nam liên quan đến tiếng ồn và độ rung.</li> <li>Tất cả các phương tiện cần phải có “Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường” theo Quyết định số 35/2005/QĐ-BGTVT; để tránh việc máy móc phát sinh tiếng ồn quá mức do không được bảo dưỡng đầy đủ.</li> <li>Khi cần thiết, phải thực hiện các biện pháp để giảm độ ồn tới mức độ chấp nhận được; có thể bao gồm việc lắp các thiết bị giảm thanh, giảm âm hoặc đặt máy thi công có độ ồn lớn trong khu vực được cách âm.</li> <li>Tránh hoặc giảm thiểu việc giao thông vận chuyển đi qua khu dân cư cũng như tránh đặt các trạm chế biến vật liệu trong khu vực dân cư (như trộn xi măng).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>QCVN 26:2010/BTNMT:</b> Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn</li> <li><b>QCVN 27:2010/BTNMT:</b> Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.</li> </ul>
<b>4. Ô nhiễm nước</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhà thầu cần có trách nhiệm thực thi các quy định của Việt Nam về việc xả nước thải vào các nguồn tiếp nhận.</li> <li>Phải cung cấp nhà vệ sinh di động hoặc xây dựng nhà vệ sinh cho công nhân xây dựng trên công trường. Nước thải</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>QCVN 09:2008/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước</li> </ul>



CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI	BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU	QUY ĐỊNH CỦA VIỆT NAM
	<p>từ nhà vệ sinh cũng như nhà bếp, nhà tắm, bồn chậu rửa bát... sẽ được đổ vào bể chứa để vận chuyển ra khỏi công trường hoặc xả vào hệ thống nước thải thành phố; không cho phép bất cứ sự xả thải trực tiếp nào ra các nguồn nước được.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nước thải vượt quá ngưỡng cho phép theo tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam cần được thu gom vào bể, bồn chứa và đưa ra khỏi công trường bởi đơn vị thu gom chất thải được cấp phép.</li> <li>Sắp xếp hợp lý việc thu gom, chuyển dòng hoặc ngăn chặn dòng nước thải từ các hộ dân để đảm bảo mức tối thiểu về việc xả nước thải hoặc tắc nghẽn và ngập úng cục bộ.</li> <li>Trước khi thi công, nhà thầu cần phải có tất cả các giấy phép/chứng chỉ đổ thải nước thải và các hợp đồng đổ nước thải cần thiết.</li> <li>Khi hoàn thành các công việc xây dựng, bể thu, thùng gom nước thải và bể tự hoại sẽ được xử lý an toàn hoặc đóng lại, trám bít có hiệu quả.</li> </ul>	<p>ngầm;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>QCVN 14:2008/BTNMT: Quy định kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;</li> <li>QCVN 24: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;</li> <li>TCVN 7222: 2002</li> </ul>
<p><b>5. Kiểm soát thoát nước, trầm tích và bùn cặn lắng</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhà thầu cần theo sát thiết kế thoát nước chi tiết có trong các kế hoạch thi công, nhằm ngăn nước mưa gây ra ngập úng cục bộ hay xói mòn đất dốc và các khu vực đất không được gia cố bảo vệ tạo nên lượng lớn bùn đổ vào các dòng nước địa phương.</li> <li>Đảm bảo hệ thống thoát nước luôn được bảo dưỡng sạch bùn và các rác thải khác.</li> <li>Các khu vực trong dự án, trong công trường không bị xáo trộn bởi các hoạt động xây dựng cần được giữ nguyên điều kiện hiện trạng.</li> <li>Việc đào đắp, phát quang, mái đắp đất sẽ được duy trì phù hợp với các tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng, bao gồm các biện pháp như lắp đặt cống, rãnh thoát nước hay sử dụng thực vật che phủ.</li> <li>Để tránh nước rửa trôi mang theo bùn, cặn lắng có thể ảnh hưởng xấu đến dòng nước, cần phải lắp đặt các công trình kiểm soát bùn, cặn lắng tại những điểm cần thiết để làm chậm lại hoặc chuyển hướng dòng chảy và bẫy giữ bùn, cặn lắng cho đến khi thiết lập được thảm thực vật. Các cấu trúc kiểm soát bùn có thể bao gồm rãnh đất, gờ đá, bể lắng bùn, bao rơm, hệ thống bảo vệ đầu vào của mương thoát nước, hàng rào đan và rào chổi.</li> <li>Tháo rút nước và dẫn dòng: trong trường hợp các hoạt động thi công cần phải thực hiện trên địa hình sông nước (ví dụ: xây dựng cống hoặc cầu vượt, xây tường chắn, công trình chống xói mòn), các khu công trường cần được tháo rút nước để việc xây dựng được thực hiện trong điều kiện khô thoáng. Nước chứa bùn, trầm tích cần được bơm từ khu công trình đến công trình kiểm soát bùn, trầm tích phù hợp để xử lý trước khi đổ lại vào dòng nước.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>TCVN 4447:1987: Công tác đất – quy phạm thi công</li> <li>Thông tư số 22/2010/TT-BXD quy định về an toàn xây dựng; QCVN 08:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.</li> <li>QCVN 07:2009/BTNMQCVN 43:2012/BTNMT</li> </ul>
<p><b>6. Quản lý kho bãi và</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Những mỏ đất đá, vật liệu hoặc kho dự trữ quy mô lớn hơn 50.000m<sup>3</sup> sẽ cần có các biện pháp quản lý, giảm thiểu</li> </ul>	

CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI	BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU	QUY ĐỊNH CỦA VIỆT NAM
<p><b>mỏ đất đá vật liệu</b></p>	<p>đặc thù nằm ngoài phạm vi biện pháp đã xác định trong bản ECOP này.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tất cả các địa điểm được sử dụng phải được xác định trước đó theo các tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng đã được phê duyệt. Cần tránh các khu vực nhạy cảm như các điểm danh lam thắng cảnh, các khu vực sinh cảnh tự nhiên, các khu vực gần các nguồn tiếp nhận nhạy cảm hoặc khu vực khác gần nguồn nước.</li> <li>• Phải xây dựng mương mở xung quanh khu dự trữ vật liệu để chặn nước thải.</li> <li>• Đối với mỏ vật liệu được mở lần đầu, cần dự trữ lớp đất mặt để sau này sẽ sử dụng lại lớp đất này nhằm khôi phục lại khu mỏ trở về lại gần với điều kiện tự nhiên ban đầu.</li> <li>• Phải xây tường bao cho khu vực đổ thải nếu cần thiết.</li> <li>• Việc sử dụng thêm các khu vực mới cho việc dự trữ, tập kết hay khai thác vật liệu cần thiết cho quá trình thi công phải được phê duyệt trước bởi các kỹ sư xây dựng.</li> <li>• Khi các chủ sở hữu đất bị ảnh hưởng bởi việc sử dụng khu vực đất của họ cho việc dự trữ, tập kết vật liệu hay khai thác mỏ vật liệu, các chủ sở hữu này phải được đưa vào kế hoạch tái định cư của dự án.</li> <li>• Nếu cần có đường dẫn vào công trường thì đường dẫn này phải được xem xét trong đánh giá môi trường.</li> </ul>	
<p><b>7. Chất thải rắn</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Trước khi thi công, nhà thầu phải chuẩn bị một quy trình kiểm soát chất thải (lưu trữ, cung cấp thùng, kế hoạch quét dọn công trường, kế hoạch dỡ bỏ các thùng, v.v) và nhà thầu phải tuân thủ chặt chẽ quy trình này trong các hoạt động xây dựng.</li> <li>• Trước khi thi công, nhà thầu phải có tất cả các giấy phép hoặc chứng chỉ đổ chất thải cần thiết.</li> <li>• Cần thực hiện các biện pháp giảm thiểu hành vi vứt rác bừa bãi và việc xử lý đổ rác thải một cách cầu thả. Tại tất cả các trí trên công trường, nhà thầu sẽ cung cấp các thùng rác, thùng chứa và các phương tiện thu gom rác thải.</li> <li>• Chất thải rắn có thể được lưu giữ tạm thời trên công trường tại vị trí đã được phê duyệt bởi Tư vấn Giám sát Xây dựng và các chính quyền địa phương liên quan trước khi được thu gom và đổ thải bởi một đơn vị được cấp phép (ví dụ URENCO) tại các khu vực đô thị, các công ty môi trường và vệ sinh địa phương.</li> <li>• Các thùng, container chứa chất thải sẽ được đậy nắp và phải đảm bảo bền trong các điều kiện thời tiết và ngăn được các động vật ăn rác thối.</li> <li>• Không được đốt hay chôn lấp chất thải rắn trên công trường.</li> <li>• Vật liệu có khả năng tái chế như các tấm ván gỗ cho các công trình mương rãnh, thép, vật liệu giàn giáo, bao bì, vv... sẽ được thu gom và tách riêng tại hiện trường từ các nguồn thải khác để tái sử dụng, sử dụng để san lấp hoặc để</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nghị định số 59/2007/NĐ-CP về quản lý chất thải</li> <li>• QCVN 07:2009/BTNM: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại</li> </ul>

CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI	BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU	QUY ĐỊNH CỦA VIỆT NAM
	<p>bán.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nếu không được loại bỏ khỏi công trường, chất thải rắn hoặc các rác thải xây dựng phải được xử lý tại một khu vực đã được xác định và phê duyệt bởi Tư vấn Giám sát Xây dựng, được đưa vào quy trình kiểm soát chất thải rắn. Trong bất cứ trường hợp nào, nhà thầu cũng không được phép tiêu hủy hay đổ thải, vật liệu vào các khu vực nhạy cảm về môi trường như các khu sinh quyển tự nhiên hoặc trong dòng nước.</li> </ul>	
<p><b>8. Chất thải hóa học và nguy hại</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các chất thải hóa học thuộc loại bất kỳ phải được đổ thải tại khu chôn lấp thích hợp đã được phê duyệt và tuân thủ theo các yêu cầu quy định ở địa phương. Nhà thầu phải có các giấy chứng nhận đổ thải cần thiết.</li> <li>Việc đổ thải các vật liệu có chứa amiăng hoặc các chất độc hại khác phải được thực hiện bởi các công nhân được đào tạo và được cấp chứng chỉ chuyên môn.</li> <li>Dầu mỡ đã qua sử dụng sẽ được đưa ra ngoài khu công trường đến công ty tái chế dầu được phê duyệt.</li> <li>Dầu đã qua sử dụng, chất bôi trơn, vật liệu làm sạch... đã sử dụng để bảo dưỡng phương tiện, máy móc sẽ được thu gom vào các thùng chứa và chuyển ra khỏi công trường bởi các công ty tái chế dầu chuyên dụng để xử lý tại khu xử lý chất thải nguy hại đã được phê duyệt.</li> <li>Dầu đã qua sử dụng và các vật liệu đã bị ô nhiễm dầu có khả năng chứa PCBs phải tuân thủ các thủ tục quy định trong EMF để tránh rò rỉ hoặc gây ảnh hưởng đến công nhân. Cần phải liên hệ với Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh để được hướng dẫn thêm.</li> <li>Nhựa đường hoặc các sản phẩm có chứa bitum chưa sử dụng hoặc bị loại bỏ sẽ được trả lại cho nhà máy sản xuất của nhà cung cấp.</li> <li>Các cơ quan có liên quan phải được thông báo kịp thời về bất kỳ sự cố nào xảy ra.</li> <li>Hóa chất phải được lưu kho một cách phù hợp và có dán nhãn thích hợp.</li> <li>Các chương trình truyền thông và đào tạo thích hợp nên được đưa ra để chuẩn bị cho công nhân nhận ra và đáp ứng với hóa chất nguy hiểm tại nơi làm việc.</li> <li>Chuẩn bị và bắt đầu một hành động khắc phục hậu quả sau các sự cố. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp báo cáo giải thích lý do sự cố, hành động khắc phục hậu quả được thực hiện, hậu quả / thiệt hại từ vụ tràn dầu, và đề xuất biện pháp khắc phục.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT về danh sách chất độc hại</li> <li>Circular No. 12/2011/TT-BTNMT on management of hazardous substance</li> </ul>
<p><b>9. Quản lý nhân công, lán trại và</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Lán trại của công nhân sẽ được đặt cách xa trường học và các trung tâm chăm sóc sức khỏe ít nhất là 200m và không được nằm trên sườn dốc. Lực lượng lao động sẽ được cung cấp chỗ ở an toàn, thích hợp và thoải mái và nước sạch.</li> </ul>	

CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI	BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU	QUY ĐỊNH CỦA VIỆT NAM
<b>công trường</b>	<p>Họ phải được duy trì trong điều kiện sạch sẽ và vệ sinh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Văn phòng tại công trường, lán trại của công nhân, trạm trộn, và các phân xưởng phải được bố trí trong vòng 100m từ bất kỳ nguồn nước nào, và 500 mét từ các khu vực dân cư.</li> <li>Các kỹ sư và công nhân phải đăng ký tạm trú với chính quyền địa phương.</li> <li>Nhà thầu phải chỉ định Cán bộ Mô trường và An toàn Lao động, chịu trách nhiệm về các vấn đề môi trường và an toàn bao gồm cả đào tạo cho công nhân.</li> <li>Nhà vệ sinh bể phốt phải được cung cấp tại tất cả các khu vực lán trại xây dựng, nơi tập trung công nhân.</li> <li>Hộp cứu thương sẽ được cung cấp trong mỗi lán trại xây dựng.</li> </ul>	
<b>10. Phá vỡ bao phủ thực vật và nguồn tài nguyên sinh thái</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhà thầu sẽ chuẩn bị Kế hoạch quản lý việc giải phóng mặt bằng (GPMB), tái sinh thảm thực vật và phục hồi theo các quy định để Kỹ sư Xây dựng duyệt trước. Kế hoạch GPMB phải được Tư vấn Giám sát Xây dựng phê duyệt và phải được tuân thủ nghiêm ngặt bởi nhà thầu. Các khu vực được giải tỏa cần giảm thiểu đến mức có thể.</li> <li>Giải phóng mặt bằng trong khu vực rừng phải được sự cho phép của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.</li> <li>Nhà thầu cần bóc tách lớp đất mặt khỏi những khu vực mà đất mặt sẽ bị ảnh hưởng bởi các hoạt động cải tạo, bao gồm các hoạt động tạm thời như lưu trữ, dự trữ...; lớp đất mặt đã bị bóc ra sẽ được lưu trữ trong các khu vực đã thống nhất với Tư vấn giám sát xây dựng để sau này sử dụng cho việc tái tạo thảm thực vật và sẽ được bảo vệ đầy đủ.</li> <li>Không được phép sử dụng hóa chất để giải tỏa cũng như phát quang cây cối.</li> <li>Cấm đốn chặt bất cứ cây nào trừ khi được sự cho phép một cách rõ ràng trong kế hoạch giải tỏa cây cối, thực vật.</li> <li>Khi cần, dựng hàng rào bảo vệ tạm thời để bảo vệ hiệu quả những cây cần bảo tồn trước khi bắt đầu bất cứ hoạt động nào trong khu vực.</li> <li>Không được làm xáo trộn các khu vực có tầm quan trọng tiềm năng như tài nguyên sinh thái trừ khi có sự cho phép trước đó của Tư vấn Giám sát Xây dựng. Tư vấn Giám sát xây dựng cần tham khảo ý kiến của BQLDA, Tư vấn Giám sát môi trường độc lập (IEMC) và các chính quyền địa phương có liên quan. Các khu vực quan trọng tiềm năng này bao gồm các khu vực gây giống hoặc chăn nuôi chim hoặc động vật, các vùng sinh sản của cá hoặc bất cứ khu vực không gian xanh nào được bảo vệ.</li> <li>Nhà thầu phải đảm bảo rằng không có hiện tượng săn bắn, bẫy hay đánh thuốc các loài động vật diễn ra.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Luật Bảo vệ Môi trường số 52/2005/QH11</li> </ul>
<b>11. Quản lý giao</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trước khi xây dựng, thực hiện tham vấn chính quyền và cộng đồng địa phương cũng như cảnh sát giao thông.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Luật giao thông vận tải số</li> </ul>

CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI	BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU	QUY ĐỊNH CỦA VIỆT NAM
<b>thông</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sự gia tăng đáng kể các lượt phương tiện giao thông cần được đưa vào giải quyết trong kế hoạch thi công và phải được phê duyệt trước đó. Việc phân tuyến giao thông, đặc biệt đối với các xe cơ giới hạng nặng, cần phải tính đến các khu vực nhạy cảm như trường học, bệnh viện và chợ.</li> <li>Cần lắp đặt hệ thống chiếu sáng vào ban đêm nếu cần để đảm bảo an toàn giao thông.</li> <li>Đặt các biển báo xung quanh khu vực xây dựng để tạo điều kiện cho an toàn giao thông, cung cấp các chỉ dẫn đến các khu vực khác nhau của công trường và cung cấp các chỉ dẫn cũng như biển cảnh báo an toàn.</li> <li>Sử dụng các biện pháp kiểm soát an toàn giao thông, bao gồm các biển hiệu đường bộ/sông/kênh và người phát cờ để cảnh báo tình huống nguy hiểm.</li> <li>Tránh vận chuyển vật liệu xây dựng trong giờ cao điểm.</li> <li>Hành lang cho người đi bộ và phương tiện cơ giới trong và ngoài khu vực xây dựng cần được cách ly với công trường và có thể tiếp cận một cách dễ dàng, an toàn và thích hợp. Biển hiệu phải được lắp đặt thích hợp cả ở đường thủy và đường bộ tại những nơi cần thiết.</li> </ul>	<p>23/2008/QH12</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Luật xây dựng số 16/2003/QH11</li> <li>Nghị định số 22/2010/TT-BXD quy định về an toàn xây dựng</li> </ul>
<b>12. Gián đoạn các dịch vụ tiện ích</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đối với việc gián đoạn có kế hoạch hoặc không có kế hoạch đến các dịch vụ tiện ích như nước, khí, điện, internet: nhà thầu phải thực hiện tham vấn trước và có kế hoạch dự phòng những tình huống bất ngờ với chính quyền địa phương về hậu quả khi dịch vụ cụ thể bị hỏng hoặc gián đoạn hay tạm ngừng cung cấp.</li> <li>Phối hợp với các nhà cung cấp dịch vụ tiện ích có liên quan để thiết lập các lịch trình xây dựng phù hợp.</li> <li>Cung cấp thông tin cho các hộ dân bị ảnh hưởng về lịch trình làm việc cũng như sự gián đoạn, tạm ngừng cung cấp các dịch vụ dự kiến (trước ít nhất 5 ngày).</li> <li>Cần tránh việc tạm ngừng cung cấp nước cho khu vực nông nghiệp.</li> <li>Nhà thầu cần đảm bảo cấp nước thay thế cho cư dân bị ảnh hưởng trong trường hợp tạm ngừng cấp nước kéo dài hơn 1 ngày.</li> <li>Bất kỳ thiệt hại nào đối với hệ thống đường dây cáp của các hệ thống tiện ích hiện có phải được báo cáo cho chính quyền và sửa chữa càng sớm càng tốt.</li> </ul>	<p>Nghị định số 73/2010/ND-CP về xử phạt hành chính các vấn đề an ninh và xã hội</p>
<b>13. Phục hồi các vùng bị ảnh hưởng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các vùng giải tỏa như mỏ lộ thiên không còn được sử dụng, các khu vực đổ thải, thiết bị trên công trường, lán trại cho công nhân, khu dự trữ, giàn giáo và bất kỳ vùng tạm nào được sử dụng trong quá trình thi công các hạng mục của dự án sẽ được phục hồi cảnh quan, cung cấp hệ thống thoát nước phù hợp và trồng lại cây cối, thực vật đầy đủ.</li> <li>Bắt đầu trồng cây, tái tạo thực vật sớm nhất khi có thể. Những loài thực vật bản địa thích hợp sẽ được lựa chọn để</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2005/QH11</li> </ul>

CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI	BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU	QUY ĐỊNH CỦA VIỆT NAM
	<p>trồng và phục hồi địa hình tự nhiên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Các đồng đất đá và sườn dốc bị đào bới phải được lấp lại và trồng cỏ để chống xói mòn.</li> <li>• Tất cả các vùng bị ảnh hưởng sẽ được tạo cảnh quan và thực hiện ngay các biện pháp sửa chữa, phục hồi cần thiết, bao gồm tạo không gian xanh, xây đường bộ, cầu và các công trình hiện trạng khác.</li> <li>• Trồng cây xanh tại các vùng đất trống và sườn dốc để ngăn chặn hoặc giảm thiểu sự sạt lở và duy trì sự ổn định cho sườn dốc.</li> <li>• Đất bị ô nhiễm các chất hóa học hoặc chất nguy hại sẽ được chuyển đi và chôn lấp tại các bãi đổ thải phù hợp.</li> <li>• Khôi phục đường và cầu bị hư hỏng do các hoạt động của dự án.</li> </ul>	
<b>14. Worker and public Safety</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhà thầu cần tuân thủ mọi quy định của Việt Nam về an toàn lao động.</li> <li>• Chuẩn bị và thực hiện kế hoạch hành động để ứng phó với các rủi ro và các tình huống khẩn cấp.</li> <li>• Chuẩn bị các dịch vụ cứu thương khẩn cấp ngay tại công trường.</li> <li>• Tập huấn cho công nhân các quy định an toàn nghề nghiệp.</li> <li>• Nếu sử dụng các phương pháp gây nổ, cần vạch ra các biện pháp giảm thiểu và các biện pháp đảm bảo an toàn trong Kế hoạch quản lý môi trường.</li> <li>• Đảm bảo cung cấp những thiết bị bảo vệ, miếng bịt tai chống ồn cho công nhân sử dụng máy móc gây tiếng ồn như đóng cọc, nổ, trộn... để kiểm soát tiếng ồn và bảo vệ công nhân.</li> <li>• Trong quá trình phá dỡ các cơ sở hạ tầng hiện có, công nhân và người dân cần được bảo vệ khỏi mảnh vụn rơi vãi bằng các biện pháp như đặt máng trượt, kiểm soát giao thông và sử dụng các khu vực hạn chế người ra vào.</li> <li>• Lắp đặt các hàng rào, rào chắn, biển cảnh báo nguy hiểm/ biển báo khu vực cấm xung quanh khu công trường để chỉ rõ cho người dân nguy hiểm có thể xảy ra. (Chẳng hạn như nền móng cột điện chưa hoàn thành, khu vực điện giật nguy cơ cao, vv).</li> <li>• Nhà thầu sẽ cung cấp các biện pháp an toàn như lắp đặt hàng rào, rào chắn, dấu hiệu cảnh báo, hệ thống chiếu sáng để ngăn chặn tai nạn giao thông cũng như các rủi ro khác cho người dân và các khu vực nhạy cảm.</li> <li>• Nếu những báo cáo đánh giá trước đây chỉ ra có thể có bom mìn, vật liệu nổ còn sót lại (UXO), việc giải tỏa vật liệu nổ này phải được thực hiện bởi một đơn vị quân đội có liên quan.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nghị định số 22/2010/TT-BXD về các quy định an toàn xây dựng</li> <li>• Chỉ thị số 02 /2008/CT-BXD về các vấn đề an toàn và vệ sinh trong các đơn vị xây dựng</li> <li>• TCVN 5308-91: quy định kỹ thuật về an toàn trong xây dựng</li> <li>• Quyết định số 96/2008/QĐ-TTg về giải tỏa bom mìn , vật liệu nổ còn sót lại</li> </ul>
<b>15. Tuyên truyền đến cộng đồng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Duy trì kênh liên lạc mở với chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư liên quan; nhà thầu sẽ phối hợp với các chính quyền địa phương (lãnh đạo phường/xã, thôn) để thỏa thuận về lịch trình, kế hoạch cho các hoạt động xây</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nghị định số 73/2010/ND-CP về xử phạt hành chính</li> </ul>

CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI	BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU	QUY ĐỊNH CỦA VIỆT NAM
<p><b>địa phương</b></p>	<p>dựng tại những khu vực gần với khu vực nhạy cảm hoặc những thời điểm nhạy cảm (ví dụ, những ngày lễ hội tôn giáo).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Các bản sao tiếng Việt của Quy tắc thực tiễn môi trường (ECOP) và của các tài liệu an toàn môi trường liên quan khác sẽ được cung cấp cho cộng đồng địa phương và người lao động tại công trường.</li> <li>• Việc giảm, mất các không gian vui chơi và các bãi đỗ xe: Sự mất các tiện nghi trong quá trình thi công thường không tránh khỏi việc gây bất tiện cho người dân tại các khu vực nhạy cảm. Tuy nhiên, việc tham vấn sớm những đối tượng bị ảnh hưởng sẽ tạo cơ hội để điều tra, nghiên cứu và thực hiện những phương án thay thế. Trong mọi trường hợp, các thiệt hại sẽ phải được đền bù.</li> <li>• Phổ biến các thông tin của dự án cho những thành phần bị ảnh hưởng (ví dụ, chính quyền địa phương, doanh nghiệp và các hộ dân bị ảnh hưởng, ...) thông qua họp cộng đồng trước khi khởi công.</li> <li>• Cung cấp một địa chỉ liên lạc, tiếp xúc với cộng đồng để từ đó những bên quan tâm có thể nhận được thông tin về các hoạt động trên khu vực, tình hình của dự án và kết quả thực hiện dự án.</li> <li>• Cung cấp mọi thông tin, đặc biệt là những phát hiện về kỹ thuật, bằng ngôn ngữ mà người dân có thể hiểu được và bằng hình thức tiện dụng cho những người dân quan tâm và những cán bộ được bầu thông qua việc chuẩn bị tờ rơi và các thông cáo báo chí, khi những phát hiện quan trọng được đưa ra trong giai đoạn dự án.</li> <li>• Theo dõi những mối quan tâm của cộng đồng và những thông tin yêu cầu khi dự án triển khai.</li> <li>• Phản hồi những thắc mắc qua điện thoại và thư viết một cách kịp thời và đúng mực.</li> <li>• Thông báo cho cư dân địa phương về kế hoạch xây dựng, lịch trình làm việc, sự gián đoạn các dịch vụ, các tuyến đường vòng và các tuyến xe buýt tạm thời, các hoạt động nổ và phá dỡ một cách thích hợp.</li> <li>• Cung cấp tài liệu kỹ thuật và bản vẽ cho Ủy ban Nhân dân tại cộng đồng dân cư, đặc biệt là phác thảo khu vực thi công và kế hoạch quản lý môi trường (KHQLMT) của khu công trường.</li> <li>• Bảng thông báo sẽ được dựng tại tất cả các vị trí công trường để cung cấp thông tin về người quản lý công trường, cán bộ môi trường, cán bộ y tế và an toàn, số điện thoại và thông tin về các nội dung khác như vậy người bị ảnh hưởng có thể có kênh để nói lên mối quan tâm và những đề nghị của mình.</li> </ul>	<p>các vi phạm an ninh và xã hội</p>
<p><b>16. Thủ tục đối với các phát hiện ngẫu nhiên</b></p>	<p>Nếu nhà thầu phát hiện thấy các khu vực khảo cổ, các khu lịch sử, di tích và vật thể, bao gồm hầm mộ hoặc các phần mộ riêng lẻ trong quá trình đào bới hoặc xây dựng, nhà thầu sẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dừng các hoạt động xây dựng trong khu vực phát hiện ngẫu nhiên;</li> <li>• Phân định rõ ràng vùng hoặc khu vực có phát hiện;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Luật di sản văn hoá (2002)</li> <li>• Luật di sản văn hoá sửa đổi, bổ sung (2009)</li> <li>• Nghị định số 98/2010/NĐ-</li> </ul>

CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI	BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU	QUY ĐỊNH CỦA VIỆT NAM
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bảo vệ khu vực để ngăn chặn bất cứ thiệt hại hoặc mất mát các vật thể có thể lấy đi được. Trong trường hợp vật cổ có thể di dời hoặc các di tích nhạy cảm, bố trí một người bảo vệ ban đêm cho đến khi chính quyền địa phương có thẩm quyền hoặc Sở Văn hóa và Thông tin tiếp quản;</li> <li>• Báo cáo cho Tư vấn giám sát xây dựng, Tư vấn giám sát xây dựng có trách nhiệm báo cho chính quyền địa phương hoặc trung ương có thẩm quyền về tài sản văn hóa của Việt Nam (trong vòng 24h hoặc sớm hơn);</li> <li>• Chính quyền địa phương hoặc trung ương có liên quan sẽ chịu trách nhiệm bảo vệ và cách ly khu vực trước khi quyết định thủ tục tiếp theo. Việc này sẽ đòi hỏi một đánh giá sơ bộ về phát hiện này. Ý nghĩa và tầm quan trọng của những phát hiện nên được đánh giá theo các tiêu chí khác nhau có liên quan đến di sản văn hóa; những thứ này bao gồm các giá trị thẩm mỹ, lịch sử, khoa học, nghiên cứu, xã hội và kinh tế.</li> <li>• Các quyết định về việc làm thế nào để xử lý các phát hiện này sẽ được thực hiện bởi các cơ quan có trách nhiệm. Điều này có thể bao gồm những thay đổi trong cách bố trí (như khi phát hiện một vật có tầm quan trọng về văn hóa hoặc khảo cổ học không thể di chuyển) bảo tồn, bảo quản, phục hồi và cứu hộ.</li> <li>• Nếu các địa điểm và/hoặc di tích văn hóa có giá trị cao và bảo quản di tích là khuyến cáo của các chuyên gia và yêu cầu của cơ quan di tích văn hóa, chủ dự án sẽ phải thay đổi thiết kế cần thiết để thích ứng với yêu cầu và bảo quản di tích.</li> <li>• Các quyết định liên quan đến việc quản lý phát hiện này sẽ được thông báo bằng văn bản của cơ quan chức năng có liên quan.</li> <li>• Xây dựng công trình có thể tiếp tục chỉ sau khi được phép của chính quyền địa phương chịu trách nhiệm liên quan đến bảo vệ di sản.</li> </ul>	<p>CP bổ sung và sửa đổi</p>



## **Phụ lục 4(b): Quy tắc thực hành môi trường đơn giản cho các Công trình xây lắp nhỏ**

1. Phụ lục này trình bày các Quy tắc thực hành môi trường (ECOP) được áp dụng trong các tiểu dự án khi công trình xây lắp nhỏ có liên quan. Các nội dung và yêu cầu tiếp theo Hướng dẫn của WB được mô tả trong (bộ công cụ ESMF –phụ lục 5).

### **A4.1 Mục tiêu**

2. Quy tắc môi trường thực hành (ECOP) được chuẩn bị để quản lý tác động môi trường nhỏ trong quá trình xây dựng. Các ECOPs sẽ được áp dụng để quản lý tiểu dự án đầu tư cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ. ECOP sẽ là một phần bắt buộc của hợp đồng xây dựng, hoặc hồ sơ đấu thầu nên nhà thầu phải tuân thủ các công ước môi trường. Chủ sở hữu tiểu dự án (BQLDA) và giám sát xây dựng sẽ chịu trách nhiệm giám sát việc tuân thủ các ECOP và chuẩn bị các báo cáo theo yêu cầu.

3. Có một số quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến môi trường, sức khỏe và an toàn áp dụng cho các hoạt động xây dựng. Một số được liệt kê dưới đây:

- *Chất lượng nước:* (QCVN 01:2009/BYT, QCVN 02:2009/BYT, QCVN 08:2008/BTNMT, QCVN 09:2008/BTNMT, QCVN 10:2008/BTNMT, QCVN 14:2008/BTNMT, TCVN 5502:2003; TCVN 6773:2000, TCVN 6774:2000, TCVN 7222:2002)
- *Chất lượng đất và không khí* (QCVN 05:2008/BTNMT, QCVN 06:2008/BTNMT, QCVN 07:2008/BTNMT)
- *Quản lý nước thải rắn* (QCVN 03:2008/BTNMT, TCVN 6438:2001, TCVN 6696:2009, QCVN 07:2009)
- *Độ rung và tiếng ồn* (QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, TCVN 5949: 1998)
- *An toàn sức khỏe và lao động:* Quyết định No.3733/2002/QĐ-BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 10/10/2002 về việc áp dụng 21 tiêu chuẩn về sức khỏe và an toàn lao động liên quan đến vi khí hậu, tiếng ồn, độ rung, Hóa chất - mức cho phép trong môi trường làm việc
- Hướng dẫn An toàn môi trường và sức khỏe của Ngân hàng Thế giới có sẵn tại: [http://www.ifc.org/wps/wcm/connect/topics\\_ext\\_content/ifc\\_external\\_corporate\\_site/ifc+sustainability/our+approach/risk+management/ehsguidelines](http://www.ifc.org/wps/wcm/connect/topics_ext_content/ifc_external_corporate_site/ifc+sustainability/our+approach/risk+management/ehsguidelines)

### **A4.2 Trách nhiệm**

4. Chủ tiểu dự án (PPMU / ICBM10) và nhà thầu là các đơn vị chính chịu trách nhiệm thực hiện ECOP này. Trách nhiệm chính của PPMU/ICBM10 và các nhà thầu như sau:

#### **(a) PPMU/ICBM10**

- PPMU/ICBM10 có trách nhiệm đảm bảo rằng ECOP được thực hiện một cách hiệu quả. PPMU/ICBM10 sẽ chỉ định một nhân viên đủ năng lực chịu trách nhiệm kiểm tra việc tuân thủ thực hiện của các nhà thầu, bao gồm: (a) giám sát việc tuân thủ của nhà thầu với các kế hoạch môi trường, (b) thực hiện hành động khắc phục hậu quả trong trường hợp không tuân thủ và/hoặc tác động bất lợi, (c) điều tra các khiếu nại, đánh giá và xác định các biện pháp khắc phục; (d) tư vấn cho Nhà thầu về cải thiện môi trường, nâng cao nhận thức, biện pháp phòng chống ô nhiễm chủ động; (e) giám sát các hoạt động của nhà thầu về việc trả lời khiếu nại; (f) hướng dẫn và đào tạo về quá trình cho các kỹ sư công trường về các lĩnh vực khác nhau để tránh/giảm thiểu tác động tiêu cực tiềm tàng đối với môi trường địa phương và cộng đồng trong quá trình xây dựng.

#### **(b) Nhà thầu**

- Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện các công trình dân dụng và thông báo cho PPMU/ICBM10, chính quyền địa phương và cộng đồng về kế hoạch xây dựng và rủi ro liên quan tới công trình

dân dụng. Như vậy, nhà thầu có trách nhiệm thực hiện các biện pháp được thỏa thuận để giảm thiểu rủi ro về môi trường liên quan đến các công trình dân dụng của họ.

- Nhà thầu phải tuân theo các quy định pháp lý và pháp luật có liên quan khác của quốc gia.

### Phần 1 – Trách nhiệm của nhà thầu

7. Đây là một ví dụ và không nhất thiết phải là cách giải quyết đầy đủ cho tất cả các yêu cầu trong một dự án cụ thể. Ví dụ, có thể có lý do để bàn bạc/đề cập với nhà thầu về các bệnh lây truyền qua đường tình dục, chất thải y tế và độc hại (ví dụ, dầu từ xe hoặc lò sửa chữa và tương tự, giẻ dầu).

Vấn đề/Rủi ro	Biện pháp giảm thiểu
<b>1) Phát sinh bụi/Ô nhiễm không khí</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhà thầu thực hiện các biện pháp kiểm soát bụi để đảm bảo rằng việc phát sinh bụi được giảm thiểu và không được coi là một mối phiền phức đối với người dân địa phương, duy trì một môi trường làm việc an toàn, chẳng hạn như:               <ol style="list-style-type: none"> <li>Tưới nước mặt đường và các công trường xây dựng;</li> <li>Che phủ các kho dự trữ nguyên liệu;</li> <li>Che chắn và bảo đảm trong quá trình vận chuyển để tránh rơi vãi đất, cát, vật liệu, hoặc bụi;</li> <li>Đất và vật liệu dự trữ phải được bảo vệ chống lại xói mòn do gió.</li> </ol> </li> </ul>
<b>2) Tiếng ồn và rung động</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tất cả các phương tiện cần phải có “<i>Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường</i>” theo Quyết định số 35/2005/QĐ-BGTVT; để tránh việc máy móc phát sinh tiếng ồn quá mức do không được bảo dưỡng đầy đủ.</li> </ul>
<b>3) Ô nhiễm nước</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phải cung cấp nhà vệ sinh di động hoặc xây dựng nhà vệ sinh cho công nhân xây dựng trên công trường. Nước thải từ nhà vệ sinh cũng như nhà bếp, nhà tắm, bồn chậu rửa bát... sẽ được đổ vào bể chứa để vận chuyển ra khỏi công trường hoặc xả vào hệ thống nước thải thành phố; không cho phép bất cứ sự xả thải trực tiếp nào ra các nguồn nước.</li> <li>• Nước thải vượt quá ngưỡng cho phép theo tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam cần được thu gom vào bể, bồn chứa và đưa ra khỏi công trường bởi đơn vị thu gom chất thải được cấp phép.</li> <li>• Khi hoàn thành các công việc xây dựng, bể thu, thùng gom nước thải và bể tự hoại sẽ được xử lý an toàn hoặc đóng lại, trám bít có hiệu quả.</li> </ul>
<b>4) Thoát nước, trầm tích và bùn cặn lắng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhà thầu cần theo sát thiết kế thoát nước chi tiết có trong các kế hoạch thi công, để đảm bảo hệ thống thoát nước luôn được duy trì sạch bùn và các vật cản khác.</li> <li>• Các khu vực trong dự án, trong công trường không bị xáo trộn bởi các hoạt động xây dựng cần được giữ nguyên điều kiện hiện trạng.</li> </ul>
<b>5) Chất thải rắn</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tại tất cả các trí trên công trường, nhà thầu sẽ cung cấp các thùng rác, thùng chứa và các phương tiện thu gom rác thải.</li> <li>• Trước khi được thu gom và đổ thải bởi một đơn vị được cấp phép, chất thải rắn có thể được lưu giữ tạm thời trên công trường tại vị trí đã được phê duyệt bởi Tư vấn Giám sát Xây dựng và các chính quyền địa phương liên quan</li> <li>• Các thùng, container chứa chất thải sẽ được đậy nắp và phải đảm bảo bền trong các điều kiện thời tiết và ngăn được các động vật ăn rác thối.</li> <li>• Không được đốt hay chôn lấp chất thải rắn trên công trường.</li> <li>• Vật liệu có khả năng tái chế như các tấm ván gỗ cho các công trình mương rãnh, thép, vật liệu giàn giáo, bao bì, vv... sẽ được thu gom và tách riêng tại hiện trường từ các nguồn thải khác để tái sử dụng, sử dụng để san lấp hoặc để bán.</li> <li>• Nếu không được loại bỏ khỏi công trường, chất thải rắn hoặc các rác thải xây dựng phải được xử lý tại một khu vực đã được xác định và phê duyệt bởi Tư vấn Giám sát Xây dựng, được đưa</li> </ul>

Vấn đề/Rủi ro	Biện pháp giảm thiểu
	<p>vào quy trình kiểm soát chất thải rắn. Trong bất cứ trường hợp nào, nhà thầu cũng không được phép tiêu hủy hay đổ thải, vật liệu vào các khu vực nhạy cảm về môi trường như các khu sinh quyển tự nhiên hoặc trong dòng nước.</p>
<p><b>6) Chất thải hóa học và nguy hại</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dầu mỡ đã qua sử dụng sẽ được đưa ra ngoài khu công trường đến công ty tái chế dầu được phê duyệt.</li> <li>• Dầu đã qua sử dụng, chất bôi trơn, vật liệu làm sạch... đã sử dụng để bảo dưỡng phương tiện, máy móc sẽ được thu gom vào các thùng chứa và chuyển ra khỏi công trường bởi các công ty tái chế dầu chuyên dụng để xử lý tại khu xử lý chất thải nguy hại đã được phê duyệt.</li> <li>• Nhựa đường hoặc các sản phẩm có chứa bitum chưa sử dụng hoặc bị loại bỏ sẽ được trả lại cho nhà máy sản xuất của nhà cung cấp.</li> <li>• Hóa chất phải được lưu kho một cách an toàn, chẳng hạn như có mái che, hàng rào và dán nhãn thích hợp.</li> </ul>
<p><b>7) Phá vỡ lớp phủ thực vật và tài nguyên sinh thái</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các khu vực được giải tỏa cần giảm thiểu đến mức có thể.</li> <li>• Nhà thầu cần bóc tách lớp đất mặt khỏi những khu vực mà đất mặt sẽ bị ảnh hưởng bởi các hoạt động cải tạo, bao gồm các hoạt động tạm thời như lưu trữ, dự trữ...; lớp đất mặt đã bị bóc ra sẽ được lưu trữ trong các khu vực đã thống nhất với Tư vấn giám sát xây dựng để sau này sử dụng cho việc tái tạo thảm thực vật và sẽ được bảo vệ đầy đủ.</li> <li>• Không được phép sử dụng hóa chất để giải tỏa cũng như phát quang cây cối.</li> <li>• Cấm đốn chặt bất cứ cây nào trừ khi được sự cho phép một cách rõ ràng trong kế hoạch giải tỏa cây cối, thực vật.</li> <li>• Khi cần, dựng hàng rào bảo vệ tạm thời để bảo vệ hiệu quả những cây cần bảo tồn trước khi bắt đầu bất cứ hoạt động nào trong khu vực.</li> <li>• Nhà thầu phải đảm bảo rằng không có hiện tượng săn bắn, bẫy hay đánh thuốc các loài động vật diễn ra.</li> </ul>
<p><b>8) Quản lý giao thông</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Trước khi xây dựng, thực hiện tham vấn chính quyền và cộng đồng địa phương cũng như cảnh sát giao thông.</li> <li>• Sự gia tăng đáng kể các lượt phương tiện giao thông cần được đưa vào giải quyết trong kế hoạch thi công và phải được phê duyệt trước đó. Việc phân tuyến giao thông, đặc biệt đối với các xe cơ giới hạng nặng, cần phải tính đến các khu vực nhạy cảm như trường học, bệnh viện và chợ.</li> <li>• Cần lắp đặt hệ thống chiếu sáng vào ban đêm nếu cần để đảm bảo an toàn giao thông.</li> <li>• Đặt các biển báo xung quanh khu vực xây dựng để tạo điều kiện cho an toàn giao thông, cung cấp các chỉ dẫn đến các khu vực khác nhau của công trường và cung cấp các chỉ dẫn cũng như biển cảnh báo an toàn.</li> <li>• Sử dụng các biện pháp kiểm soát an toàn giao thông, bao gồm các biển hiệu đường bộ/sông/kênh và người phất cờ để cảnh báo tình huống nguy hiểm.</li> <li>• Tránh vận chuyển vật liệu xây dựng trong giờ cao điểm.</li> <li>• Biển hiệu phải được lắp đặt thích hợp cả ở đường thủy và đường bộ tại những nơi cần thiết.</li> </ul>
<p><b>9) Giảm đoạn các dịch vụ tiện ích</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cung cấp thông tin cho các hộ dân bị ảnh hưởng về lịch trình làm việc cũng như sự gián đoạn, tạm ngừng cung cấp các dịch vụ dự kiến (ít nhất trước 2 ngày).</li> <li>• Bất kỳ thiệt hại nào đối với hệ thống đường dây cáp của các hệ thống tiện ích hiện có phải được báo cáo cho chính quyền và sửa chữa càng sớm càng tốt.</li> </ul>
<p><b>10) Phục hồi các vùng bị ảnh hưởng</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các vùng giải tỏa như mỏ lộ thiên không còn được sử dụng, các khu vực đổ thải, thiết bị trên công trường, lán trại cho công nhân, khu dự trữ, giàn giáo và bất kỳ vùng tạm nào được sử dụng trong quá trình thi công các hạng mục của dự án sẽ được phục hồi cảnh quan, cung cấp hệ thống thoát nước phù hợp và trồng lại cây cối, thực vật đầy đủ.</li> </ul>

Vấn đề/Rủi ro	Biện pháp giảm thiểu
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Trồng cây xanh tại các vùng đất trống và sườn dốc để ngăn chặn hoặc giảm thiểu sự sạt lở và duy trì sự ổn định cho sườn dốc.</li> <li>• Đất bị ô nhiễm các chất hóa học hoặc chất nguy hại sẽ được chuyển đi và chôn lấp tại các bãi đổ thải phù hợp.</li> </ul>
<b>11) An toàn lao động và an toàn công cộng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tập huấn cho công nhân các quy định an toàn nghề nghiệp và cung cấp đủ quần áo bảo hộ cho công nhân theo luật quy định của Việt Nam.</li> <li>• Lắp đặt các hàng rào, rào chắn, biển cảnh báo nguy hiểm/biển báo khu vực cấm xung quanh khu công trường để chỉ rõ cho người dân nguy hiểm có thể xảy ra.</li> <li>• Nhà thầu sẽ cung cấp các biện pháp an toàn như lắp đặt hàng rào, rào chắn, dấu hiệu cảnh báo, hệ thống chiếu sáng để ngăn chặn tai nạn giao thông cũng như các rủi ro khác cho người dân và các khu vực nhạy cảm.</li> <li>• Nếu những báo cáo đánh giá trước đây chỉ ra có thể có bom mìn, vật liệu nổ còn sót lại (UXO), việc giải tỏa vật liệu nổ này phải được thực hiện bởi người có chuyên môn và phải theo kế hoạch chi tiết được phê duyệt bởi Kỹ sư Xây dựng.</li> </ul>
<b>12) Tuyên truyền đến cộng đồng địa phương</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhà thầu sẽ phối hợp với các chính quyền địa phương (lãnh đạo phường/xã, thôn) để thỏa thuận về lịch trình, kế hoạch cho các hoạt động xây dựng tại những khu vực gần với khu vực nhạy cảm hoặc những thời điểm nhạy cảm (ví dụ, những ngày lễ hội tôn giáo).</li> <li>• Các bản sao tiếng Việt của Quy tắc thực tiễn môi trường (ECOP) và của các tài liệu an toàn môi trường liên quan khác sẽ được cung cấp cho cộng đồng địa phương và người lao động tại công trường.</li> <li>• Phổ biến các thông tin của dự án cho những thành phần bị ảnh hưởng (ví dụ, chính quyền địa phương, doanh nghiệp và các hộ dân bị ảnh hưởng, ...) thông qua họp cộng đồng trước khi khởi công.</li> <li>• Cung cấp một địa chỉ liên lạc, tiếp xúc với cộng đồng để từ đó những bên quan tâm có thể nhận được thông tin về các hoạt động trên khu vực, tình hình của dự án và kết quả thực hiện dự án.</li> <li>• Thông báo cho cư dân địa phương về kế hoạch xây dựng, lịch trình làm việc, sự gián đoạn các dịch vụ, các tuyến đường vòng và các tuyến xe buýt tạm thời, các hoạt động nổ và phá dỡ một cách thích hợp.</li> <li>• Bảng thông báo sẽ được dựng tại tất cả các vị trí công trường để cung cấp thông tin về người quản lý công trường, cán bộ môi trường, cán bộ y tế và an toàn, số điện thoại và thông tin về các nội dung khác như vậy người bị ảnh hưởng có thể có kênh để nói lên mối quan tâm và những đề nghị của mình.</li> </ul>
<b>13) Thủ tục đối với các phát hiện ngẫu nhiên</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nếu nhà thầu phát hiện thấy các khu vực khảo cổ, các khu lịch sử, di tích và vật thể, bao gồm hầm mộ hoặc các phần mộ riêng lẻ trong quá trình đào bới hoặc xây dựng, nhà thầu sẽ: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dừng các hoạt động xây dựng trong khu vực phát hiện ngẫu nhiên;</li> <li>• Phân định rõ ràng vùng hoặc khu vực có phát hiện;</li> <li>• Bảo vệ khu vực để ngăn chặn bất cứ thiệt hại hoặc mất mát các vật thể có thể lấy đi được. Trong trường hợp vật cổ có thể di dời hoặc các di tích nhạy cảm, bố trí một người bảo vệ ban đêm cho đến khi chính quyền địa phương có thẩm quyền hoặc Sở Văn hóa và Thông tin tiếp quản;</li> <li>• Báo cáo cho Tư vấn giám sát xây dựng, Tư vấn giám sát xây dựng có trách nhiệm báo cho chính quyền địa phương hoặc trung ương có thẩm quyền về tài sản văn hóa của Việt Nam (trong vòng 24h hoặc sớm hơn);</li> <li>• Chính quyền địa phương hoặc trung ương có liên quan sẽ chịu trách nhiệm bảo vệ và cách ly khu vực trước khi quyết định thủ tục tiếp theo. Việc này sẽ đòi hỏi một đánh giá sơ bộ về phát hiện này. Ý nghĩa và tầm quan trọng của những phát hiện nên được đánh giá theo các</li> </ul> </li> </ul>

Vấn đề/Rủi ro	Biện pháp giảm thiểu
	<p>tiêu chí khác nhau có liên quan đến di sản văn hóa; những thứ này bao gồm các giá trị thẩm mỹ, lịch sử, khoa học, nghiên cứu, xã hội và kinh tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Các quyết định về việc làm thế nào để xử lý các phát hiện này sẽ được thực hiện bởi các cơ quan có trách nhiệm. Điều này có thể bao gồm những thay đổi trong cách bố trí (như khi phát hiện một vật có tầm quan trọng về văn hóa hoặc khảo cổ học không thể di chuyển) bảo tồn, bảo quản, phục hồi và cứu hộ.</li> <li>Nếu các địa điểm và/hoặc di tích văn hóa có giá trị cao và bảo quản di tích là khuyến cáo của các chuyên gia và yêu cầu của cơ quan di tích văn hóa, chủ dự án sẽ phải thay đổi thiết kế cần thiết để thích ứng với yêu cầu và bảo quản di tích.</li> <li>Các quyết định liên quan đến việc quản lý phát hiện này sẽ được thông báo bằng văn bản của cơ quan chức năng có liên quan.</li> <li>Xây dựng công trình có thể tiếp tục chỉ sau khi được phép của chính quyền địa phương chịu trách nhiệm liên quan đến bảo vệ di sản.</li> </ul>

## Phần 2 – Quản lý thực hiện Quy tắc Môi trường đối với công nhân của nhà thầu

8. Đây là một ví dụ cho dự án điển hình, chứ không phải một dự án cụ thể, một số yêu cầu khác có thể có liên quan. Ví dụ, nghi thức rửa tay, hoặc đồng ý tham dự hội thảo STD.

Được:	Không được
<ul style="list-style-type: none"> <li>Sử dụng các thiết bị vệ sinh được cung cấp - báo cáo cơ sở vật chất bản hoặc đầy đủ</li> <li>Nhặt sạch rác ở khu vực làm việc của mình cuối mỗi ngày - sử dụng thùng rác được cung cấp và đảm bảo rằng rác sẽ không bị thổi đi.</li> <li>Báo cáo tất cả nhiên liệu hoặc dầu tràn ngay lập tức &amp; ngăn chặn việc tiếp tục tràn dầu.</li> <li>Chỉ được hút thuốc trong khu vực quy định và xử lý thuốc lá một cách cẩn thận. (Xả rác là một hành vi phạm tội.)</li> <li>Tạm giữ công cụ và lưu trữ thiết bị trong khu vực làm việc ngay lập tức.</li> <li>Sử dụng tất cả các thiết bị an toàn và tuân thủ tất cả các quy trình an toàn.</li> <li>Ngăn chặn ô nhiễm suối và kênh nước.</li> <li>Đảm bảo bình cứu hỏa ở ngay trong tầm tay khi làm việc nếu thực hiện "công việc dễ gây cháy" ví dụ hàn, mài, cắt gas, vv</li> <li>Báo cáo bất kỳ chấn thương của công nhân hoặc động vật.</li> <li>Lái xe trên chỉ tuyến đường đã định.</li> <li>Ngăn bụi quá mức và tiếng ồn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Di chuyển hoặc phá hoại thảm thực vật mà không có hướng dẫn trực tiếp.</li> <li>Gây cháy.</li> <li>câu trộm, làm bị thương, bắt, ăn hoặc gây tổn hại cho bất kỳ loài động vật nào - bao gồm các loài chim, ếch, rắn, vv</li> <li>Xâm nhập bất kỳ khu vực có rào chắn hoặc được đánh dấu.</li> <li>Lái xe thiếu thận trọng hoặc cao hơn giới hạn tốc độ</li> <li>Xả chất thải, rác thải, dầu hoặc các vật liệu nước ngoài vào dòng suối</li> <li>Để lại rác hoặc thức ăn xung quanh.</li> <li>Chặt cây vì bất kỳ lý do nào ngoài khu vực xây dựng được duyệt</li> <li>Mua bất kỳ loài động vật hoang dã để ăn</li> <li>Sử dụng vật liệu độc hại không được chấp thuận, bao gồm sơn có chì, amiăng, vv</li> <li>Làm xáo trộn bất cứ điều gì có giá trị kiến trúc, lịch sử</li> <li>Sử dụng vũ khí (trừ nhân viên bảo vệ được ủy quyền)</li> <li>Sử dụng rượu trong giờ làm việc</li> <li>Rửa xe hoặc máy móc trong suối hoặc lạch</li> <li>Thực hiện các hoạt động bảo dưỡng (thay dầu và bộ lọc) của xe ô tô và các thiết bị bên ngoài khu vực có thẩm quyền</li> <li>Vứt bỏ thùng rác ở những nơi không được phép</li> <li>Bắt nhốt động vật hoang dã (đặc biệt là chim) trong các lán trại</li> <li>làm việc mà không có thiết bị an toàn (bao gồm cả giày và mũ bảo hiểm)</li> <li>Tạo phiền hà và rối loạn trong hoặc gần các cộng đồng</li> <li>Sử dụng sông và suối để giặt quần áo</li> <li>Vứt bỏ chất thải hoặc rác xây dựng hoặc đổ đống đổ nát bừa</li> </ul>

	<p>bãi</p> <ul style="list-style-type: none"><li>◆ Tràn chất gây ô nhiễm, chẳng hạn như các sản phẩm dầu mỏ</li><li>◆ Kiểm củi</li><li>◆ Đánh cá bằng chất nổ và chất hóa học</li><li>◆ Sử dụng nhà vệ sinh bên ngoài các cơ sở được chỉ định; và</li><li>◆ Đốt chất thải và/hoặc xử lý thảm thực bì</li></ul>
--	--

16. **PHỤ BIỂU 5. Giám Sát, Theo dõi Và Báo cáo Kế hoạch quản lý môi trường xã hội**

1. Tương tự với tổ chức thực hiện và giám sát và báo cáo Khung ESMF, phụ lục này cung cấp các hình thức cụ thể để theo dõi Kế hoạch quản lý môi trường xã hội (A5.1) bao gồm các Mẫu để giám sát ở dự án và tiểu dự án (A5.2) và mẫu cho cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM) (A5.3). Những mẫu này nên được sử dụng cho tất cả các tiểu dự án được tài trợ bởi FMCRP. Việc đào tạo sẽ được cung cấp cho cán bộ phụ trách.

**A5.1 Giám sát và theo dõi**

2. Giám sát và theo dõi thực hiện Kế hoạch ESMP sẽ bao gồm giám sát tuân thủ môi trường và giám sát môi trường trong quá trình thực hiện tiểu dự án như đã mô tả chi tiết dưới đây:

- Giám sát tuân thủ môi trường bao gồm một hệ thống để theo dõi sự tuân thủ môi trường của nhà thầu như kiểm tra việc thực hiện của nhà thầu hoặc các cơ quan chính phủ đối với các cam kết thể hiện trong các văn bản chính thức, chẳng hạn như thông số kỹ thuật trong hợp đồng hoặc thỏa thuận vay.
- Các mục tiêu giám sát môi trường là: a) đo hiệu quả của các hành động giảm nhẹ (ví dụ nếu có một hành động giảm nhẹ để kiểm soát tiếng ồn trong xây dựng, kế hoạch giám sát nên bao gồm các biện pháp đo tiếng ồn trong quá trình xây dựng); b) Để đáp ứng yêu cầu về môi trường của bên vay; và c) để đáp ứng mối quan tâm có thể phát sinh trong quá trình tham vấn cộng đồng (ví dụ tiếng ồn, nhiệt, mùi, vv), ngay cả khi việc giám sát không được liên kết với một vấn đề môi trường thực sự (nó sẽ hiển thị tốt đức tin do Bên vay). Chương trình giám sát cần thể hiện rõ mối quan hệ giữa tác động được xác định trong báo cáo EA, các chỉ số được đo, phương pháp được sử dụng, lấy mẫu các địa điểm, tần số của phép đo, giới hạn phát hiện (nếu phù hợp), và xác định các ngưỡng đó sẽ báo hiệu nhu cầu hành động khắc phục, và vv. Chi phí giám sát môi trường cần được tính toán và tính vào tổng chi phí đầu tư của dự án. Nó là rất quan trọng để theo dõi và thu thập số liệu mà chúng là hữu ích và sẽ thực sự sẽ được sử dụng. Không có giá trị trong chi tiêu tiền để thu thập số liệu không được phân tích đúng, mà nó không được báo cáo hoặc thậm chí nếu được báo cáo, không có những hành động có thể hoặc sẽ được thực hiện. Nó rất hữu ích để biết các loại phân tích mà số liệu sẽ bắt buộc trước khi thu thập số liệu để đảm bảo rằng một người có thể làm được những phân tích dự đoán.
- Bảng A5.1 và A5.2 cung cấp một ví dụ kế hoạch giám sát và theo dõi có thể được sử dụng.

*Bảng A5.1 cung cấp một ví dụ theo dõi được cấu trúc như thế nào.*

**Bảng A5.1 Một ví dụ của kế hoạch theo dõi**

Giai đoạn	Những tham số gì được theo dõi? (lưu ý nếu nó trái ngược với một tiêu chuẩn được xác lập)	Nơi nào tham số được theo dõi?	Làm thế nào tham số được theo dõi/ dạng thiết bị theo dõi?	Khi nào tham số được theo dõi/ tần số các phép đo ở liên tục?	Bên chịu trách nhiệm
Trước khi xây dựng					
Xây dựng					
Thực hiện					
Kết thúc					

**Bảng A5.2. Một ví dụ của kế hoạch giám sát**

Các giai đoạn dự	Tác động giám sát	Đơn vị giám sát	Thông số giám sát	Tiếp cận, thiết bị	Quy mô giám sát	Tiêu chuẩn/ tài liệu so sánh
------------------	-------------------	-----------------	-------------------	--------------------	-----------------	------------------------------

án						
Chuẩn bị						
Thực hiện						
-----						
Hoàn thành						

### A5.2 Báo cáo tiến độ hàng tháng của các tiểu dự án/ hoạt động

*Hướng dẫn:* Mẫu này sẽ được hoàn thành và gửi cho CPMU hàng tháng mà không có thất bại. Đính kèm thông tin bổ sung nếu cần thiết nếu các mẫu dưới đây không cung cấp đủ khoảng trống.

Báo cáo tiến độ tháng: \_\_\_\_\_

Tên tiểu dự án: \_\_\_\_\_

Số tiểu dự án: \_\_\_\_\_

Thôn/khu vực: \_\_\_\_\_

Huyện: \_\_\_\_\_

Tiến độ: (Liệt kê tất cả các hợp phần tiểu dự án và tiến độ cho tới nay)

Hợp phần/tiểu dự án	Mô tả thực hiện tiểu dự án cho tới nay	Lưu ý
1.		
2.		
3.		

*Các ý kiến về các vấn đề an toàn của tiểu dự án:*

*(Báo cáo nếu có bất cứ vấn đề môi trường và / hoặc các vấn đề xã hội đòi hỏi phải có sự quan tâm và hỗ trợ của Giám đốc dự án hoặc chuyên gia / tư vấn an toàn).*

Vấn đề	Ý kiến

### A5.3 Báo cáo an toàn của dự án

Mẫu dưới đây được sử dụng cho báo cáo 6 tháng và báo cáo hàng năm của dự án. Đính kèm thông tin bổ sung khi cần nếu mẫu dưới đây không cung cấp đủ không gian.

Báo cáo tiến độ cho giai đoạn: \_\_\_\_\_

Chủ hoạt động/tiểu dự án: \_\_\_\_\_

*Định dạng báo cáo tiến độ Môi trường và xã hội*

STT	Đầu tư dự án (tiểu dự án hoặc hoạt động)	Các vấn đề môi trường và xã hội chủ chốt	Biện pháp giải thiểu được thực hiện	Thực hiện và theo dõi ESMP	Các chương trình đạo tạo- nâng cao năng lực được thực hiện	Bài học kinh nghiệm	Ghi chú

**A5.3 Mẫu ví dụ đăng ký khiếu nại:** Chủ sở hữu của tiểu dự án (PPMU) sẽ chịu trách nhiệm thực hiện quá trình cơ chế khiếu nại GRM và báo cáo kết quả như là một phần của báo cáo giám sát an toàn phải nộp cho CPMU và WB. Dự kiến, Ủy Ban Phát triển Cộng đồng (CDC) được thành lập để chỉ đạo trong việc ứng phó với quá trình GRM

### Mẫu ví dụ cơ chế khiếu nại GRM



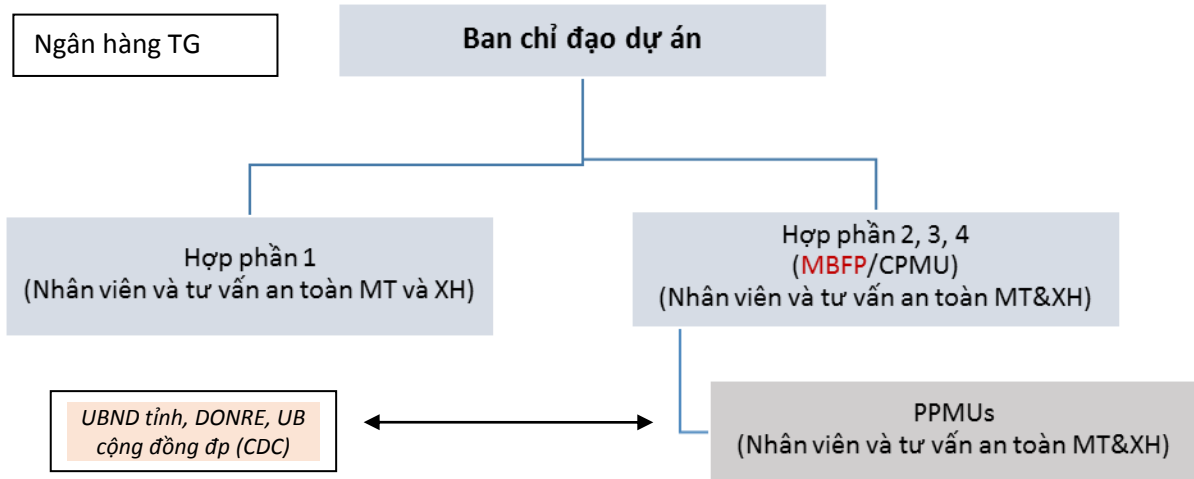
Số khiếu nại: _____	
ĐỊA ĐIỂM : Huyện: _____ Thôn: _____	
Tên UB phát triển cộng đồng: _____	
TÊN BÊN KHIẾU NẠI: _____	
ĐỊA CHỈ: _____ Điện thoại #: _____	
NGÀY NHẬN ĐƯỢC:	
Phân loại khiếu nại (Đánh dấu)	
<input type="checkbox"/> Sử dụng nước	<input type="checkbox"/> Tranh chấp với nhà thầu
<input type="checkbox"/> Thành lập CDC	<input type="checkbox"/> Tranh chấp liên cộng đồng
<input type="checkbox"/> Thu hồi đất và đền bù	<input type="checkbox"/> Technical/operational coordination
<input type="checkbox"/> Tài chính	<input type="checkbox"/> Trì hoãn tiến độ
<input type="checkbox"/> Chất lượng nước	<input type="checkbox"/> Tiếng ồn
<input type="checkbox"/> Vệ sinh	<input type="checkbox"/> Sử dụng nước
<input type="checkbox"/> Khác (nêu cụ thể) _____	
Mô tả ngắn gọn khiếu nại:	
Nguyên nhân được nhận ra là gì?	
Hành động đề xuất (bởi người khiếu nại) để giải quyết khiếu nại:	

16.1 **PHỤ LỤC 6: Implementation Arrangements**

1. Phụ lục này trình bày tổ chức và trách nhiệm của các tổ chức chính liên quan đến thực hiện và thực hiện giám sát. Ở cấp tiểu dự án cấp / hoạt động, các nhân viên an toàn chủ của tiểu dự án / hoạt động (PPMU) sẽ chịu trách nhiệm giám sát và báo cáo hàng tháng. Ở cấp độ dự án, các nhân viên an toàn của CPMU/CPO sẽ rà soát tiến độ thực hiện ESMF/, có những hành động khi cần thiết, và báo cáo kết quả như là một phần của các báo cáo giám sát an toàn dự án để trình lên WB trên cơ sở 6 tháng một lần và hàng năm. Ban chỉ đạo dự án (PSC) và / hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh (PPC) sẽ chịu trách nhiệm tương ứng cho những hành động chính sách liên quan đến các vấn đề an toàn ở mức độ và tiểu dự án của dự án. Tham vấn chặt chẽ với WB về các vấn đề cụ thể thì được khuyến nghị.

**(A6.1) Cấu trúc tổ chức cho Giám sát an toàn for Safeguard Monitoring** (xem giải thích ở bảng dưới đây)

2. Dự án sẽ được thực hiện ở các tỉnh Dự án. Cơ quan thực hiện sẽ là MARD, Ủy ban nhân dân các tỉnh (PPC) của 8 tỉnh dự án. Tương tự như sắp xếp thực hiện (xem Hộp A6.1 dưới đây), cấu trúc tổ chức cho giám sát an toàn thì được trình bày ở Hình A6.1 và bảng A6.1 dưới đây.



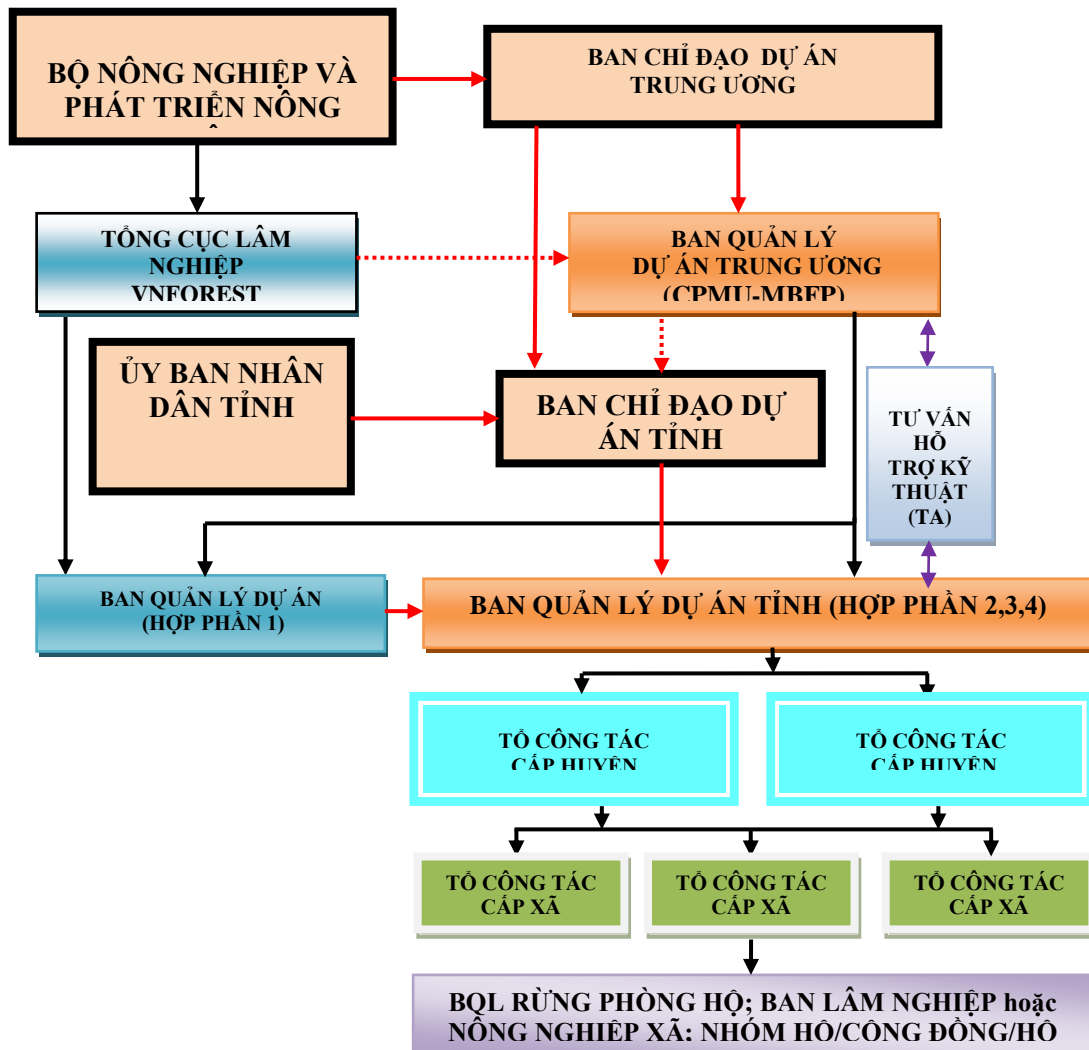
**Bảng A6.1: Trách nhiệm tổ chức cho thực hiện an toàn cho dự án và tiểu dự án**

Công đồng/ Tổ chức	Trách nhiệm
Cơ quan thực hiện dự án (IA) và PMU (IA là MARD PMU ở đây là PMU của VNForest của MARD, CPMU của MARD, và PPMUs)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các IA sẽ chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện dự án bao gồm thực hiện ESMF và hoạt động môi trường của các nhà thầu.</li> <li>- Ban QLDA, đại diện của IA, sẽ chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Dự án tổng thể, bao gồm cả việc tuân thủ môi trường của Dự án. PMU sẽ có trách nhiệm cuối cùng cho việc thực hiện ESMF và hoạt động môi trường của Dự án trong quá trình xây dựng và các giai đoạn hoạt động.</li> <li>- Cụ thể là:</li> <li>- Ban QLDA sẽ: (i) Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương với sự tham gia của cộng đồng trong quá trình chuẩn bị và thực hiện dự án; (ii) Theo dõi và giám sát việc thực hiện ESMP bao gồm kết hợp của ESMP vào trong thiết kế kỹ thuật chi tiết và hồ sơ đấu thầu và hợp đồng; (iii) đảm bảo rằng một hệ thống quản lý môi trường được thiết lập và chức năng đúng cách; (iv) chịu trách nhiệm báo cáo về việc thực hiện ESMP cho IA và Ngân hàng Thế giới.</li> <li>- Để có hiệu quả trong quá trình thực hiện, CPMU sẽ thành lập một đơn vị môi trường và xã hội (ESU) với ít nhất 2 cán bộ an toàn để giúp đỡ với các khía cạnh môi trường của Dự án.</li> </ul>

Công đồng/ Tổ chức	Trách nhiệm
Đơn vị an toàn môi trường và xã hội (ESU) trong CPMU	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các ESU chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện chính sách bảo vệ môi trường của Ngân hàng Thế giới trong tất cả các giai đoạn và quá trình của dự án. Cụ thể, đơn vị này sẽ có trách nhiệm: (i) sàng lọc các tiểu dự án theo các tiêu chí đủ điều kiện, môi trường và tác động xã hội, các chính sách được kích hoạt và dụng cụ được chuẩn bị; (ii) xem xét các tiểu dự án các EIA/ EPC và ESIA/ ESMP của tiểu dự án được chuẩn bị bởi tư vấn để đảm bảo chất lượng của các tài liệu đó; (iii) giúp PPMU/PMU của Tổng cục Lâm nghiệp kết hợp ESMP vào trong thiết kế kỹ thuật chi tiết và hồ sơ đấu thầu các công trình xây dựng và hợp đồng; (iv) giúp PMU kết hợp trách nhiệm giám sát ESMP vào các điều khoản tham chiếu, hồ sơ đấu thầu và các văn bản hợp đồng cho Tư vấn giám sát xây dựng (CSC) và chuyên gia tư vấn an toàn khác (SSC, ESC, IMA, và EMC) khi cần thiết; v) cung cấp đầu vào có liên quan đến quá trình lựa chọn tư vấn; (V) việc xem xét các báo cáo được gửi bởi các chuyên gia tư vấn CSC và an toàn; (vi) tiến hành kiểm tra hiện trường định kỳ; (vii) tư vấn cho CPMU vào các giải pháp cho các vấn đề môi trường của dự án; và (viii) chuẩn bị phần hoạt động môi trường trong các báo cáo tiến độ và xem xét để trình lên các cơ quan thực hiện và Ngân hàng Thế giới</li> </ul>
PPMUs và PMU của VNForest	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là chủ sở hữu của tiểu dự án/hoạt động, PPMU / PMU của Tổng cục Lâm nghiệp có trách nhiệm thực hiện tất cả các hoạt động ESMP trong dự án, bao gồm hỗ trợ phối hợp hiệu quả và hợp tác giữa các nhà thầu, chính quyền địa phương và cộng đồng địa phương trong giai đoạn xây dựng. PPMU / PMU của Tổng cục Lâm nghiệp sẽ được hỗ trợ bởi các nhân viên môi trường, tư vấn an toàn, và CSC /hoặc kỹ sư công trường.</li> </ul>
Tư vấn giám sát xây dựng (CSC) và/hoặc kỹ sư công trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- CSC sẽ có trách nhiệm thường xuyên giám sát và theo dõi tất cả các hoạt động xây dựng và đảm bảo rằng các nhà thầu thực hiện theo các yêu cầu của hợp đồng và các ECOP. CSC sẽ tuyển dụng đầy đủ số lượng cán bộ có trình độ (ví dụ kỹ sư môi trường) với đầy đủ kiến thức về bảo vệ môi trường và quản lý dự án xây dựng để thực hiện các nhiệm vụ cần thiết và để giám sát hoạt động của nhà thầu.</li> <li>- CSC cũng sẽ hỗ trợ các Ban QLDA tỉnh / PMU của Tổng cục Lâm nghiệp trong việc báo cáo và duy trì phối hợp chặt chẽ với cộng đồng địa phương.</li> </ul>
Nhà thầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dựa trên các thông số kỹ thuật về môi trường đã được phê duyệt (ECOP) trong hồ sơ mời thầu và hợp đồng, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cho việc thiết lập một ESMP của Nhà thầu (CESMP) cho mỗi khu vực công trường xây dựng, trình kế hoạch cho PPMU / PMU của Tổng cục Lâm nghiệp và CSC để xem xét và phê duyệt trước khi khởi công xây dựng. Ngoài ra, nó yêu cầu rằng nhà thầu phải có được tất cả các giấy phép cho việc xây dựng (điều khiển và phân luồng giao thông, đào xới, an toàn lao động, vv trước khi công trình) theo quy định hiện hành.</li> <li>- Nhà thầu được yêu cầu chỉ định một cá nhân có năng lực của nhà thầu như là cán bộ an toàn và môi trường tại hiện trường của nhà thầu (SEO), người sẽ chịu trách nhiệm giám sát việc tuân thủ của nhà thầu với các yêu cầu về sức khỏe và an toàn, các yêu cầu CESMP, và các thông số kỹ thuật môi trường (ECOP).</li> <li>- Thực hiện hành động để giảm thiểu mọi tác động tiêu cực tiềm năng phù hợp với các mục tiêu được mô tả trong CESMP.</li> <li>- Chủ động giao tiếp với người dân địa phương và có những hành động để tránh phiền phức trong quá trình xây dựng.</li> <li>- Đảm bảo rằng tất cả nhân viên và người lao động hiểu rõ các thủ tục và nhiệm vụ của mình trong chương trình quản lý môi trường.</li> <li>- Báo cáo cho PPMU / PMU của Tổng cục Lâm nghiệp về bất kỳ khó khăn và giải pháp của họ.</li> <li>- Báo cáo với chính quyền địa phương và PPMU / PMU của Tổng cục Lâm nghiệp nếu có sự cố môi trường xảy ra, phối hợp với các cơ quan và điều phối bên liên quan để giải quyết những vấn đề này.</li> </ul>
Tư vấn giám sát môi trường độc lập (IEMC)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong phạm vi hợp đồng, IEMC sẽ cung cấp hỗ trợ cho PMU / PPMU để thiết lập và vận hành một hệ thống quản lý môi trường, cung cấp các gợi ý để điều chỉnh và xây dựng năng lực cho các cơ quan có liên quan trong quá trình thực hiện dự án và giám sát việc thực hiện CESMP trong cả hai giai đoạn xây dựng và hoạt động. IEMC cũng sẽ chịu trách nhiệm hỗ trợ PMU / PPMU để chuẩn bị báo cáo giám sát về việc thực hiện ESMP.</li> <li>- IEMC sẽ có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm trong việc giám sát và kiểm toán môi trường để cung cấp cho độc lập, khách quan và lời khuyên chuyên nghiệp về các hoạt động môi trường</li> </ul>

Công đồng/ Tổ chức	Trách nhiệm
	của Dự án.
Cộng đồng địa phương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cộng đồng: Theo thực tế Việt Nam, cộng đồng có quyền và trách nhiệm thường xuyên theo dõi hoạt động môi trường trong quá trình xây dựng để đảm bảo rằng các quyền và sự an toàn của họ được bảo vệ đầy đủ và các biện pháp giảm thiểu được thực hiện có hiệu quả của các nhà thầu và CPMU / PPMU / PMU của Tổng cục Lâm nghiệp. Nếu vấn đề bất ngờ xảy ra, họ sẽ báo cáo với CSC và / hoặc CPMU / PPMU / PMU của Tổng cục Lâm nghiệp.</li> </ul>
Các tổ chức xã hội, NGO và nhóm xã hội dân sự	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các tổ chức này có thể là một cầu nối giữa UBND tỉnh / UBND huyện, các cộng đồng, nhà thầu, và CPMU / PPMU / PMU của Tổng cục Lâm nghiệp bằng cách hỗ trợ trong việc giám sát của cộng đồng.</li> <li>- Huy động sự tham gia của cộng đồng trong các tiểu dự án, cung cấp đào tạo cho cộng đồng và tham gia giải quyết các vấn đề môi trường, nếu có.</li> </ul>
UBND tỉnh và UBND huyện (PPCs/DPCs), Sở TN&MT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giám sát việc thực hiện các tiểu dự theo các khuyến nghị của Sở TN &amp;MT và PPMU / PMU của Tổng cục Lâm nghiệp để đảm bảo tuân thủ các chính sách và quy định của Chính phủ. Sở TN&amp;MT có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ các yêu cầu về môi trường của Chính phủ.</li> </ul>

Hộp A6.1 Sự sắp xếp tổ chức và thực hiện dự án



- MARD sẽ là cơ quan điều hành chính cho dự án. MARD có nhiều kinh nghiệm trong việc thực hiện các dự án IDA tài trợ từ năm 1995. MARD sẽ phối hợp chặt chẽ với các Bộ và các cơ quan có liên quan để thực hiện dự án. thực hiện dự án sẽ được hướng dẫn bởi một Ban chỉ đạo dự án (PSC), bao gồm, ở cấp trung ương, đại diện các Bộ chủ chốt như Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính, Bộ TN&MT, Văn phòng Chính phủ, nhân dân tỉnh Ủy ban và những người khác có liên quan, người sẽ chịu trách nhiệm tạo điều kiện sự phối hợp giữa các bên liên quan, hướng dẫn, và đảm bảo sự liên kết với các khuôn khổ chính sách quốc gia.
- MARD đã được phân công của Chính phủ là cơ quan chủ quản dự án và sẽ chịu trách nhiệm thực hiện tổng thể, quản lý và điều phối các dự án. Bộ có kinh nghiệm triển khai các dự án khác nhau do Ngân hàng TG tài trợ, cùng với những tài trợ của các đối tác khác trong lĩnh vực nông nghiệp nói chung và trong ngành lâm nghiệp nói riêng, bao gồm Ngân hàng Phát triển Châu Á, JICA, KfW, GIZ và các nhà tài trợ song phương khác, và do đó là quen thuộc với các thủ tục và chính sách Ngân hàng. Bộ NN&PTNT đã giao cho Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp (MBFP) tại Hà Nội chịu trách nhiệm về thực hiện tổng thể và quản lý dự án, và sẽ là chủ dự án của các hoạt động được thực hiện ở cấp trung ương, bao gồm hỗ trợ kỹ thuật cho toàn bộ dự án; xây dựng năng lực, mua sắm hàng hóa và thiết bị cho các tỉnh; thực hiện các hoạt động liên quan đến nhiều tỉnh và yêu cầu giám định phức tạp. MBFP có trách nhiệm phối hợp với các bên liên quan bao gồm cả các nhà tài trợ, các Bộ, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành trong việc thực hiện dự án, giám sát và theo dõi các hoạt động đầu tư tại các tỉnh như là bắt buộc bởi các quy định đầu tư công. Đối với các hoạt động này, MARD sẽ sử dụng các nguồn lực hiện có để thành lập một CPMU dưới MBFP và một ban cố vấn bao gồm các chuyên gia trong lĩnh vực nông nghiệp, nước, lâm nghiệp, và nuôi trồng thủy sản từ Cục/ Vụ chuyên ngành, và các viện nghiên cứu có liên quan (phần cuối cùng này vẫn đang được thảo luận). Hợp phần 1 là thuộc trách nhiệm thực hiện của Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam (VNForest)
- Với sự hỗ trợ của nhóm tư vấn, CPMU có trách nhiệm làm việc và hỗ trợ các tỉnh dự án để thực hiện các hoạt động của dự án phù hợp với thiết kế của dự án. CPMU có trách nhiệm xem xét và kiểm tra chất lượng sơ bộ các mua sắm và làm việc kế hoạch của tỉnh trước khi trình cho Ngân hàng. Ngoài ra, CPMU sẽ chịu trách nhiệm quản lý tổng thể dự án, bao gồm giám sát việc mua sắm, Quản lý tài chính, M&E, tuân thủ biện pháp an toàn và truyền thông. (Xem hình A7.1)
- **Cấp tỉnh.** Các tiểu dự án thuộc Hợp phần 2 và 3 sẽ được thực hiện bởi PPMU trong địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh (PPC) sẽ chỉ định một Ban QLDA tỉnh hiện có thuộc Sở NN & PTNT là cơ quan thực hiện (IA). Tại mỗi tỉnh dự án, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh sẽ được bổ nhiệm gồm đại diện của các Sở như Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, Sở TN&MT, Ủy ban nhân dân huyện và họ có trách nhiệm tạo điều kiện cho sự phối hợp giữa các bên liên quan, cung cấp hướng dẫn cho việc thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh tương ứng đó.
- **PPMU sẽ chịu trách nhiệm thực hiện hàng ngày các hoạt động dự án** bao gồm (a) consolidating the investment plan of the province; (b) preparation of detailed technical engineering design, safeguards mitigation documents, implementation, and Procurement Plan; (c) implementation of fiduciary (procurement and FM) and safeguards activities at the subproject level; (d) operation and maintenance of the project account; and, (e) M&E of subproject implementation. Each of the PPMUs will be fully staffed with qualified and experienced staff in all areas particularly on fiduciary and safeguards aspects Tổng hợp các kế hoạch đầu tư của tỉnh; (B) chuẩn bị thiết kế chi tiết kỹ thuật cơ khí, tài liệu giảm thiểu các vấn đề về an toàn, thực hiện, và Kế hoạch đấu thầu; (C) thực hiện ủy thác (mua sắm và quản lý tài chính) và các hoạt động an toàn ở cấp tiểu dự án; (D) vận hành và bảo trì tài khoản dự án; và, (e) M&E của thực hiện tiểu dự án. Mỗi PPMU sẽ được tuyển đầy đủ nhân viên có trình độ và kinh nghiệm trong tất cả các lĩnh vực đặc biệt là về khía cạnh tín dụng và biện pháp an toàn.
- **Với cấp độ phân quyền cao, hầu hết các hoạt động mua sắm, quản lý tài chính và giải ngân sẽ được thực hiện bởi PPMU** với các hoạt động được thực hiện ở cấp huyện và xã. Tổ hỗ trợ của huyện (TBC) sẽ được thành lập với các thành viên từ các phòng ban chuyên môn của huyện làm việc bán thời gian để hỗ trợ việc thực hiện dự án tại cấp huyện.
- **Ở cấp xã, với mục tiêu của dự án là thiết lập các khu rừng phòng hộ ven biển tại xã và cải thiện đời sống người dân địa phương của dự án, vai trò của người dân địa phương và chính quyền xã là rất quan trọng trong việc thực hiện dự án cũng như duy trì kết quả.** Ban lâm nghiệp xã (CFB) sẽ được thành lập tại mỗi xã dự án và sẽ được giao nhiệm vụ ký kết hợp đồng trồng rừng và bảo vệ với các nhóm hộ gia đình/cộng đồng (*cần phải kiểm tra cơ sở*

pháp lý cho CFB ký hợp đồng ...) và hỗ trợ lập kế hoạch và triển khai thực hiện các hoạt động sinh kế tại xã. Thành viên CFB bao gồm cán bộ xã được lựa chọn (TBC) và làm việc trên cơ sở bán thời gian.

- **VNForest under MARD is the executing agency for Component 1 of the project.** With the state management role being to provide advice to the GOV and MARD on the policy issues in the Forest Sector, VNForest is best placed to implement the coastal forest related policies and those relevant to the sector restructuring. VNForest has appointed staff to be member of the project preparation team and will maintain adequate human resources for project implementation. VNForest will coordinate with CPMU and other technical departments and research institutes of MARD according to their mandates to implement the planned activities under Component 1. Tổng cục Lâm nghiệp (VNForest) thuộc Bộ NN&PTNT là cơ quan thực hiện Hợp phần 1 của dự án. Với vai trò quản lý nhà nước là để tư vấn cho Chính phủ và Bộ NN&PTNT về các vấn đề chính sách trong ngành Lâm nghiệp, VNForest là đơn vị tốt nhất để thực hiện các chính sách liên quan tới rừng ven biển và các vấn đề có liên quan đến việc tái cơ cấu ngành. VNForest đã cử cán bộ là thành viên của nhóm chuẩn bị dự án và sẽ duy trì nguồn nhân lực đầy đủ để thực hiện dự án. VNForest sẽ phối hợp với CPMU và Cục/Vụ chuyên môn khác nhau và các Viện nghiên cứu của Bộ NN&PTNT theo nhiệm vụ của họ để thực hiện các kế hoạch hoạt động của Hợp phần 1.
- **Giám sát dự án.** Một Ban chỉ đạo dự án trung ương sẽ được thành lập và bao gồm đại diện của Bộ TN&MT, Bộ NN&PTNT, Bộ KH&ĐT, UBND các tỉnh, Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ban chỉ đạo sẽ tổ chức các cuộc họp để xem xét việc thực hiện dự án, cung cấp hướng dẫn chính sách, hỗ trợ và phối hợp khi cần. Ban chỉ đạo cấp tỉnh sẽ giám sát thực hiện dự án ở cấp tỉnh.
- **Giám sát kỹ thuật.** CPMU của MARD sẽ (a) cung cấp các kế hoạch/đề xuất đầu tư của tỉnh, tổng hợp và giám sát các kế hoạch này và (b) hỗ trợ kỹ thuật cho Sở NN&PTNT, khi cần thiết, để hỗ trợ thực hiện tại các tỉnh. CPMU sẽ bao gồm các chuyên gia kỹ thuật từ các Cục/vụ chuyên ngành khác nhau bao gồm cả lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, nước, biến đổi khí hậu và môi trường, khi cần thiết.

**Hợp phần 4 sẽ cung cấp hỗ trợ cần thiết để thực hiện dự án.** CPMU của MARD có trách nhiệm thực hiện và điều phối chung. Ngoài việc đảm bảo rằng dự án được thực hiện phù hợp với các khung kỹ thuật và an toàn, CPMU sẽ chịu trách nhiệm cho quản lý tổng thể dự án, bao gồm cả mua sắm, quản lý tài chính, M&E, và truyền thông. CPMU sẽ bao gồm một giám đốc và sẽ được hỗ trợ bởi, ở mức tối thiểu, các chuyên gia sau: (a), lâm nghiệp; (b) nuôi trồng thủy sản; (c) môi trường; (d) xã hội; (e) mua sắm; (f) Quản lý tài chính; (g) M&E; và (h) Giao thông.

1. Trong quá trình tham vấn cộng đồng, các đại biểu đã bày tỏ sự ủng hộ cho các hoạt động đầu tư được đề xuất, các dự án đầu tư sẽ giải quyết những mối quan tâm lâu dài của cộng đồng địa phương để đảm bảo nâng cao khả năng phục hồi của khu vực ven biển, tăng tuổi thọ và giảm chi phí xây dựng, duy trì và bảo dưỡng đê biển. Tăng thu nhập và cải thiện sinh kế của các cộng đồng ven biển trong phạm vi các tỉnh dự án do đó làm giảm áp lực lên rừng. Bên cạnh đó, họ cũng bày tỏ quan ngại của họ về các phương pháp quản lý dự án, cách để quản lý và bảo vệ rừng sau khi dự án kết thúc, và các biện pháp để giảm thiểu các tác động của giai đoạn thực hiện dự án như trồng rừng, cơ sở lâm sinh, ... Ngoài ra, các chuyên gia tư vấn môi trường có tiến hành tư vấn với các tiểu dự án dễ bị tổn thương như các hộ nghèo, hộ gia đình đơn thân, hộ gia đình có lao động chính là phụ nữ, các dân tộc thiểu số, ... cũng như tham gia chuẩn bị kế hoạch quản lý môi trường (KHQLMT).

2. Trong khi thực hiện khung kế hoạch quản lý môi trường và xã hội, Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp và chuyên gia tư vấn đã thực hiện các cuộc tham vấn tại các cấp tỉnh và cấp huyện tiềm năng, cấp cộng đồng tiềm năng và với cộng đồng tại xã tiềm năng.

*Cấp tỉnh:*

1. **Địa điểm:** Phòng họp của Ủy Ban Nhân Dân (UBND) Thành phố Hải Phòng, tỉnh Quảng Ninh, tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Nghệ An, tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh Quảng Bình, tỉnh Quảng Trị và tỉnh Thừa Thiên Huế.
2. Thời gian: Tỉnh Quảng Ninh: (Ngày 19/8/2016), TP. Hải Phòng (Ngày 20/9/2016), tỉnh Thanh Hóa (Ngày 8/9/2016), tỉnh Nghệ An (Ngày 12/9/2016), tỉnh Hà Tĩnh (Ngày 10/9/2016), tỉnh Quảng Bình (Ngày 12/9/2016), tỉnh Quảng Trị (Ngày 10/9/2016) và tỉnh Thừa Thiên Huế (Ngày 7/9/2016).
3. Đại biểu tham dự:
  - Đại diện của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp, Sở Tài Nguyên Môi trường, Chi cục kiểm lâm tỉnh hoặc Chi cục lâm nghiệp tỉnh, Ban Quản lý Rừng phòng hộ.
  - Đại diện của các Tổ chức Xã hội Dân sự (hội phụ nữ, hội nông dân, Mặt trận Tổ quốc...)
  - Đại diện Sở dân tộc
  - Đại diện của Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
  - Bên tư vấn: Trung tâm Hợp tác Khoa học Kỹ thuật Việt Đức, Hội Hữu nghị Việt – Đức.
4. Khuyến nghị chung: *nhìn chung, các nội dung sau đây đã được thống nhất tại các tỉnh:*
  - Lãnh đạo các tỉnh, lãnh đạo Sở NN & PTNT cũng như lãnh đạo các đơn vị cấp huyện, lãnh đạo các tổ chức khác đã nhất trí với nội dung dự án.
  - Quy mô và phạm vi của dự án ở cấp nhỏ, các tác động tiêu cực đến tài nguyên môi trường hoặc các vấn đề xã hội có kết quả từ các tiểu dự án thuộc hợp phần 2 và 3 chỉ là một phần, ngay lập tức và không đáng kể, hoàn toàn có thể được giảm thiểu nếu được thực hiện đúng cách trên cơ sở kế hoạch bảo vệ môi trường và xã hội.
  - Xác nhận rằng tại tất cả các tiểu dự án thuộc hợp phần 2 và 3 không cần phải tiến hành cải tạo đất, bồi thường và tái định cư
  - Trong thời gian thực hiện các tiểu dự án thuộc Hợp phần 3, có một khuyến nghị được đưa ra rằng các nhà đầu tư cần tổ chức các khóa đào tạo về nông nghiệp, lâm nghiệp và các mô hình đánh bắt tích hợp không chỉ cho người dân tộc thiểu số ở tỉnh Quảng Ninh mà còn cho tất cả người dân sống trong khu vực dự án.
  - Đồng ý với các biện pháp giảm tác động được đưa ra để giảm thiểu các tác động môi trường của



dự án

**Cấp huyện:**

1. **Địa điểm:** Phòng họp của UBND các huyện tiềm năng như: Tiên Yên, Móng Cái (Quảng Ninh), Đồ Sơn (Hải Phòng), Tĩnh Gia (Thanh Hóa), Diễn Châu (Nghệ An), Thạch Hà (Hà Tĩnh), Quảng Ninh (Quảng Bình), Quảng Ninh (Quảng Trị), Quảng Điền, Phú Lộc (Thừa Thiên Huế).
2. **Đại biểu tham dự:**
  - Đại diện các cơ quan có thẩm quyền cấp huyện, các cơ quan có liên quan đến dự án.
  - Đại diện các đơn vị cấp huyện như phòng dân tộc, phòng nông lâm và ngư nghiệp, phòng quản lý tài nguyên và môi trường.
  - Đại diện của các Tổ chức Xã hội Dân sự (hội phụ nữ, hội nông dân, Mặt trận Tổ quốc...)
  - Đại diện các cộng đồng bị tổn thương
  - Đại diện của Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
  - Bên tư vấn: Trung tâm Hợp tác Khoa học Kỹ thuật Việt Đức, Hội Hữu nghị Việt – Đức
3. **Kết quả tư vấn:**
  - Lãnh đạo huyện và cán bộ của các đơn vị cấp huyện như phòng nông - lâm và ngư nghiệp, phòng lao động thương binh và xã hội, phòng quản lý tài nguyên và môi trường, và các Tổ chức Xã hội Dân sự (hội phụ nữ, hội nông dân, Mặt trận Tổ quốc ...) đã đồng thuận với đề xuất dự án.
  - Quy mô và phạm vi của dự án ở cấp nhỏ so với các dự án tương tự khác được thực hiện tại huyện và được tài trợ bởi Chính phủ Trung ương Việt Nam. Những tác động tiêu cực đến tài nguyên môi trường hoặc các vấn đề xã hội có nguyên nhân từ các tiểu dự án thuộc Hợp phần 2 và 3 chỉ là một phần, ngay lập tức và không đáng kể, hoàn toàn có thể được giảm thiểu nếu được thực hiện đúng cách trên cơ sở kế hoạch bảo vệ môi trường và xã hội
  - Huyện đóng vai trò giám sát và thúc đẩy các nhà đầu tư tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp giảm tác động. Tất cả các địa phương đã đề xuất rằng cần phải có một quy tắc xử phạt hoặc thậm chí là kết thúc hợp đồng với nhà thầu nếu họ không tuân thủ các cam kết
  - Chính quyền địa phương đã đồng ý tạo điều kiện thuận lợi để hỗ trợ tối đa cho dự án như công tác chuẩn bị mặt bằng cho mỗi tiểu dự án, đảm bảo tuân thủ các chính sách của Trung ương và của các nhà tài trợ.
  - Đồng ý thành lập Ban quản lý liên ngành với sự tham gia của cộng đồng địa phương trong việc giám sát tình hình thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường sẽ được tiến hành bởi các nhà thầu.

**Cấp xã:**

1. Thời gian: Tháng 9/2016
2. Địa điểm: Phòng họp của UBND các xã tiềm năng: Đồng Rui, Vạn Ninh (Quảng Ninh), Đại Hợp, Bàn La (Hải Phòng), Xuân Lâm, Hải Ninh (Thanh Hóa), Diễn Ngọc, Diễn Thành (Nghệ An), Thạch Hải, Thạch Khê (Hà Tĩnh), Gia Ninh, Hiền Ninh (Quảng Bình), Gio Mỹ, Trung Giang (Quảng Trị), Quảng Công và Lăng Cô (Thừa Thiên Huế).
3. Đại biểu tham dự:
  - Đại diện của Ban quản lý các Dự án Lâm nghiệp, Đại diện của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Tài Nguyên Môi trường, Chi cục kiểm lâm tỉnh, Phòng Kiểm lâm, Ban Quản lý Rừng phòng hộ.

- Đại diện huyện, xã và các cơ quan chức năng của địa phương liên quan đến dự án
- Đại diện của các tổ chức Xã hội Dân sự (hội phụ nữ, hội nông dân, Mặt trận Tổ quốc, ....)
- Đại diện của các cộng đồng dễ bị tổn thương
- Bên tư vấn: Trung tâm Hợp tác Khoa học Kỹ thuật Việt Đức, Hội Hữu nghị Việt – Đức

Tổng số đại biểu tham dự được tư vấn là 448 người, bao gồm 65 đại biểu tại Quảng Ninh, 46 đại biểu tại Hải Phòng, 45 đại biểu tại Thanh Hóa, 50 đại biểu tại Nghệ An, 60 đại biểu tại Hà Tĩnh, 63 đại biểu tại Quảng Bình, 63 đại biểu tại Quảng Trị và 56 đại biểu tại Thừa Thiên – Huế.

#### 4. Nội dung họp:

Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp và chuyên gia tư vấn môi trường đã giới thiệu: (a) Mục tiêu của dự án, (b) Các hoạt động chính và danh mục các công trình dự án, (c) các tác động môi trường tiềm năng và các biện pháp giảm thiểu, và (d) giới thiệu nghiên cứu bổ sung nếu có.

Các hoạt động dự án liên quan đến tham vấn cộng đồng bao gồm:

- Các hoạt động hỗ trợ, thực hiện để tổ chức lại lâm nghiệp.
- Các hoạt động hỗ trợ, thực hiện, phục hồi và phát triển rừng ven biển như: trồng rừng mới, trồng bổ sung, làm giàu rừng, trồng cây phân tán, vườn ươm, bảo vệ và quản lý rừng ven biển.
- Các hoạt động cải tạo, chuẩn bị cho các công trình ven biển.
- Các hoạt động hỗ trợ và phát triển giúp làm giảm áp lực sinh kế cho rừng và góp phần phát triển nông thôn mới.
- Các biện pháp quản lý, giám sát, vận hành và đánh giá dự án.

#### 5. Tóm tắt các ý kiến tư vấn

##### 5.1. Ý kiến đồng thuận của các đại biểu tham dự

100% số người tham dự được hỗ trợ thực hiện dự án và hiểu về lợi ích đến từ dự án, như:

- Tăng cường khả năng chống chịu và thiệt hại của thời tiết khắc nghiệt, nước biển dâng;
- Khả năng tăng thu nhập và cải thiện sinh kế phụ thuộc vào rừng ven biển.
- Tăng cường an toàn đề biển, đề sóng
- Có thể tăng về nguồn thủy sản.

##### 5.2 Về tác động của tiểu dự án lên môi trường địa phương

###### • Tỉnh Quảng Ninh:

- Các hoạt động của tiểu dự án sẽ không tác động tiêu cực đến người dân tộc Dao sống ở đây; cộng đồng người Dao sinh sống tại các điểm thực hiện tiểu dự án tiềm năng sẽ không phải tái định cư do các hoạt động của dự án.
- Các công trình xây dựng có quy mô nhỏ và không nằm trong hoặc gần các khu vực nhạy cảm vì thế không gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường địa phương.
- Tiểu dự án không yêu cầu thu hồi đất đai The.

###### • Thành phố Hải Phòng:

- Các hoạt động của tiểu dự án không gây tác động tiêu cực đến quy hoạch sử dụng đất ở cấp địa phương.
- Không có nhóm DTTS nào sinh sống tại khu vực tiểu dự án.
- Các hoạt động xây dựng như xây dựng tháp canh và đường lâm sinh cũng như việc vận hành tàu thuyền không ảnh hưởng đến môi trường địa phương.

###### • Tỉnh Thanh Hóa:

- Các hoạt động của tiểu dự án sẽ không gây ra tác động tiêu cực đến môi trường địa phương.

- Không có tái định cư, không có nhóm DTTS sinh sống trong và quanh điểm thực hiện dự án.
  - Các công trình xây dựng của tiểu dự án có quy mô nhỏ và không gây ra tác động tiêu cực đến môi trường và cộng đồng địa phương.
  - Tỉnh Nghệ An:
    - Các hoạt động của tiểu dự án sẽ không gây ra tác động tiêu cực cho môi trường địa phương hay các cộng đồng địa phương.
    - Rừng ngập mặn ngay sau khi trồng có thể bị ảnh hưởng do tàu thuyền di chuyển. Tuy nhiên, vấn đề này có thể được giải quyết bằng cách trồng cây 2-3 năm tuổi với chiều cao từ 1,5 đến 2m.
    - Có thu hồi đất cho tiểu dự án và không có người DTTS sống tại vùng tiểu dự án.
    - Rủi ro UXO cao do hậu quả chiến tranh trước đây.
  - Tỉnh Hà Tĩnh:
    - Các hoạt động của tiểu dự án không tác động tiêu cực tới đất canh tác, không có thu hồi đất đai, không tái định cư các hộ gia đình.
  - Tỉnh Quảng Bình:
    - Không có thu hồi đất đai, không có người DTTS sống trong hoặc quanh các điểm tiểu dự án.
    - Diện tích quy hoạch ven biển cho trồng rừng không trùng với các dự án khác.
    - Có rủi ro UXO cao do hậu quả của chiến tranh trước đây.
  - Tỉnh Quảng Trị:
    - There is no land acquisition, no ethnic minority group living in or surround the subproject sites.
    - Không có thu hồi đất đai, không có nhóm DTTS sinh sống trong và quanh các điểm tiểu dự án.
    - Có rủi ro UXO cao do hậu quả của chiến tranh trong quá khứ.
  - Tỉnh Thừa Thiên Huế:
    - Không có thu hồi đất đai, không có nhóm DTTS sống trong hoặc quanh các điểm tiểu dự án.
    - Diện tích quy hoạch ven biển cho trồng rừng không bị chồng chéo với các dự án khác.
    - Có rủi ro OXO cao do hậu quả của chiến tranh trong quá khứ.
6. Khuyến nghị các cộng đồng từ các điểm thực hiện tiểu dự án:
- Yêu cầu các quản lý tiểu dự án thực hiện nghiêm túc tất cả các biện pháp giảm thiểu khi thực hiện các tiểu dự án thực hiện.
  - Yêu cầu quản lý tiểu dự án để thúc đẩy thực hiện tiểu dự án sớm hơn để tiểu dự án có thể góp phần cải thiện cảnh quan địa phương toàn cảnh cũng như tính chống chịu của rừng ven biển.
  - Quản lý tiểu dự án cần phải tuân thủ các biện pháp giảm tác động tiêu cực do các hoạt động trong tiểu dự án
  - Giao cho cộng đồng địa phương quản lý và bảo vệ rừng (nhóm hộ, với sự tham gia của các cộng đồng địa phương).
  - Các đại diện của lãnh đạo các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa

Thiên Huế khuyến nghị dỡ UXO do chiến tranh tại các khu vực trồng rừng mới và trồng bổ sung. Đại diện lãnh đạo của tỉnh Quảng Ninh và Hải Phòng đề nghị không cần phải thực hiện dỡ UXO tại tỉnh mình nhưng nếu có ngân sách có thể thực hiện để đảm bảo an toàn.

7. Kết luận:

- Tất cả những người tham gia hoàn toàn nhất trí với đề xuất đầu tư và các hoạt động của dự án.
- Các tác động tiêu cực tiềm ẩn của tiểu dự án sẽ được đánh giá một cách chi tiết khi các điểm tiểu dự án được xác nhận và các biện pháp giảm thiểu sẽ được thiết lập và thực hiện nếu phù hợp. Dự án đem lại những lợi ích to lớn cho cộng đồng địa phương như cải thiện nguồn tài nguyên biển, hỗ trợ phát triển kinh tế, và tăng cường tính chống chịu của đê biển, v.v
- Quản lý dự án cần thúc đẩy việc thực hiện dự án và cần thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực khi thực hiện tiểu dự án.